

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT
QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ
ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG –
KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM.

Địa điểm triển khai dự án: xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, tháng 9 năm 2024

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT
QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ
ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỮNG PHÒNG KHÔNG –
KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM.

Địa điểm triển khai dự án: xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng

CHỦ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Trung

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
Phạm Duy Hùng

Hải Phòng, tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	6
MỞ ĐẦU.....	7
1.Xuất xứ của dự án.....	7
1.1. Thông tin chung về dự án.....	7
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.....	8
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.....	8
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	10
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.....	10
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.....	12
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.....	14
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	14
3.1. Đơn vị chủ trì lập báo cáo ĐTM.....	15
3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo.....	15
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường.....	16
4.1. Phương pháp ĐTM.....	17
4.2. Phương pháp khác.....	17
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM.....	17
5.1. Thông tin về dự án:.....	18
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:.....	19
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án:.....	20

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:	22
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án.....	25
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	26
1.1. Thông tin về dự án.....	26
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.....	39
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước các sản phẩm của dự án.	45
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	49
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	49
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	51
CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	54
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	54
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.	61
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	63
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	63
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	65
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án.....	65
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án	68
3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	96
3.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	96
3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo	97
Chương 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	98
CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	99

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	99
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án	104
CHƯƠNG 6. KẾT QUẢ THAM VẤN	105
1. KẾT LUẬN	113
2. KIẾN NGHỊ.....	113
3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	113
PHỤ LỤC	115

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh sách thành viên thực hiện báo cáo ĐTM.....	16
Bảng 2. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất tại Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240	40
Bảng 3: Cân bằng khối lượng đào đắp của Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240	42
Bảng 4: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất tại Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240	42
Bảng 5: Cân bằng khối lượng đào đắp của Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240	45
Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công tại Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240.....	50
Bảng 7: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công tại Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240.....	51
Bảng 8: Nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm Hòn Dấu	56
Bảng 9. Tổng lượng mưa tháng tại hòn Dấu (mm)	57
Bảng 10: Tốc độ gió thịnh hành theo các hướng (m/s)	58
Bảng 11: Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực triển khai dự án	61
Bảng 12: Kết quả phân tích mẫu đất khu vực dự án	62
Bảng 13: Nguồn nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng	68
Bảng 14: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công	69
Bảng 15: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công	70
Bảng 16: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng	75
Bảng 17: Hệ số phát thải của các chất ô nhiễm đối với xe tải <16 tấn.....	76
Bảng 18. Tải lượng các chất ô nhiễm từ phương tiện vận chuyển	77
Bảng 19: Nồng độ các chất ô nhiễm do các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu	78
Bảng 20. Nồng độ các chất thải trong không khí khi có thêm xe vận chuyển nguyên vật liệu.....	79
Bảng 21: Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy móc thi công dự án	80
Bảng 22: Chương trình quản lý môi trường của dự án.....	99

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí địa lý khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240	28
Hình 2: Vị trí địa lý khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240.....	30
Hình 3. Mô hình các yếu tố tính toán phát thải do giao thông (nguồn đường).....	77

DANH MỤC VIẾT TẮT

UBND	Ủy ban nhân dân
QĐ	Quyết định
HĐND	Hội đồng nhân dân
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KTXH	Kinh tế xã hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
ĐT XD	Đầu tư xây dựng
BXD	Bộ xây dựng
ĐCCT	Địa chất công trình
KTTV	Khí tượng thủy văn
TT	Thông tư
BTNMT	Bộ Tài Nguyên Môi Trường
GPMB	Giải phóng mặt bằng
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
BOD	Nhu cầu oxi
COD	Lượng oxi cần để oxy hóa toàn bộ các chất trong nước
VOC	Là các hợp chất hóa học hữu cơ có tính chất bay hơi tự nhiên trong điều kiện nhiệt độ và áp suất thông thường của môi trường trong nhà
CTNH	Chất thải nguy hại
SS	Chất rắn lơ lửng
ATGT	An toàn giao thông

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc tại Khu đô thị mới Bắc sông Cấm là một trong những Dự án trọng điểm của thành phố nhằm phát triển mở rộng thành phố về phía Bắc và từng bước hoàn thiện hệ thống trung tâm thành phố mới theo định hướng phát triển không gian đô thị trong điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 và đã được đưa vào Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu cụ thể đến năm 2025 “Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía bắc sông Cấm”.

Bên cạnh đó, Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tương lai hình thành nên một khu Trung tâm Hành chính – Chính trị năng động, hiện đại kết nối với đô thị phía Nam qua cầu Hoàng Văn Thụ. Các công trình thuộc dự án đang tập trung triển khai thi công nhưng thuộc phạm vi đất quân đội chưa được bàn giao.

Vì vậy, việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm để sớm di chuyển và bàn giao mặt bằng hiện tại phục vụ thi công Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm là rất cần thiết, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020.

Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024.

Căn cứ theo Mục số 6, Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường (Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Khoa học và Môi trường Hải Phòng Xanh lập Báo cáo ĐTM Dự án

đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm trình Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định, phê duyệt.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân thành phố tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án: Sở Xây dựng.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

a. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường.

- Ngày 8/7/2024 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 611/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 20250, theo đó:

+ Quan điểm: Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia, ký kết; đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Kịch bản biến đổi khí hậu. Quy hoạch bảo vệ môi trường gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn cả nước.

+ Mục tiêu tổng quát: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Do đó, việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT là phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển mở rộng thành phố về phía Bắc, hoàn thiện hệ thống trung tâm thành phố mới theo định hướng phát triển không gian đô thị trong điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 và đã được đưa vào Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu cụ thể đến năm 2025 “Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía bắc sông Cấm”.

- Căn cứ theo phân vùng môi trường tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đó khu vực thực hiện dự án thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt (khu dân cư chuyên cấp, thành lập mới - Thành phố Thủy Nguyên)

- Căn cứ quy định khoản 4 Điều 23 Nghị định 08/2022/NĐ-CP yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường được quy định như sau:

a) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ của phân vùng môi trường đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật;

b) Dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải phải thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản này phải thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường.

Trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án các nguồn thải phát sinh đều có biện pháp thu gom, xử lý đáp ứng các quy định, quy chuẩn về môi trường hiện hành do đó phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường.

b. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh

- Theo quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023; quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 2/12/2023; Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045 được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2023, các khu đất thực hiện dự án thuộc quy hoạch đất quốc phòng an ninh.

- Theo quy hoạch sử dụng đất huyện Thủy Nguyên thời kỳ 2021-2030 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 08/7/2022, các vị trí khu đất thực hiện dự án phù hợp quy hoạch đất quốc phòng.

- Về chủ trương đầu tư:

+ Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020.

+ Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

** Các Luật là căn cứ cho việc thực hiện ĐTM của dự án:*

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

- Luật đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số 31/2024/QH15, luật nhà ở số 27/2023/QH15, luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2024.

- Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 do Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 9 ban hành ngày 29/06/2001;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy số 40/2013/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 22/11/2013;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2017;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;

- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 13/6/2019.

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017.

*** Các Nghị định, Thông tư là căn cứ cho việc thực hiện ĐTM của dự án:**

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/04/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/07/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

- Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 12/2021/TT- BXD của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng ngày 31/8/2021.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

*** Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong quá trình thực hiện và lập báo cáo ĐTM của dự án:**

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 05 thông số vệ sinh lao động;

- QCVN 03:2019/BYT của Bộ Y tế - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- QCVN 02:2019/BYT của Bộ Y tế - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh;
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27: 2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.
- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 07-1:2016/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng - Công trình cấp nước;
- QCVN 07-2:2016/BXD -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng - Công trình thoát nước;
- QCVN 07-3:2016/BXD -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng - Công trình hào và tuy nen kỹ thuật;
- QCVN 07-4:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng - Công trình giao thông;
- QCVN 07-7:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng - kỹ thuật công trình chiếu sáng;
- QCVN 03-2012/BXD. Quy chuẩn quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- TCXDVN 333-2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế ;
- TCVN 7957 - 2008 Thoát nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Quy phạm trang bị điện ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-CN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ Công nghiệp;
- TCVN 4086:1986: Quy phạm an toàn lưới điện trong xây dựng.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

- Quyết định số 323/QĐ-TT ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2020, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045.

- Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Thủy Nguyên thời kỳ 2021-2030.

- Quyết định số 9167/QĐ-UBND ngày 6/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

- Quyết định số 9168/QĐ-UBND ngày 6/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

- Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ lô đất CC9, CX11, CX13, CX14, CX15, CX16, lô đất cây xanh TĐTT, mặt nước (phía Đông Nam lô đất CX11) và đất giao thông trong Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện Thủy Nguyên đến năm 2025.

- Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ lô đất CN9, một phần lô đất cây xanh (phía Đông Nam lô CN9) và đất giao thông trong Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện Thủy Nguyên đến năm 2025.

- Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 phân khu số 1 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên).

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu

đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

- Văn bản số 67/UBND ngày 21/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ về việc cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

- Văn bản số 68/BQLDD-QLCL ngày 20/8/2024 của UBND xã Phục Lễ về việc cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

- Công văn số 4374/SXD-QHKT ngày 23/8/2024 của Sở Xây dựng Hải Phòng về việc cho ý kiến thống nhất đối với Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (thực hiện theo quy trình rút gọn) khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

- Công văn số 4376/SXD-QHKT ngày 23/8/2024 của Sở Xây dựng Hải Phòng về việc cho ý kiến thống nhất đối với Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (thực hiện theo quy trình rút gọn) khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

- Văn bản số 3905/BQL-QHXD ngày 30/8/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 các dự án đất quân đội của Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi
- Bản vẽ thiết kế cơ sở của dự án;
- Kết quả quan trắc môi trường nền khu vực thực hiện dự án;
- Hồ sơ khảo sát địa chất.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Công tác lập Báo cáo ĐTM cho Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm do Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng chủ trì thực hiện. Ban quản lý dự án đầu tư

xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng đã phối hợp cùng Công ty Cổ phần Khoa học và Môi trường Hải Phòng Xanh là đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM cho dự án.

Quy trình thực hiện và lập báo cáo ĐTM cho dự án như sau:

- Nghiên cứu hồ sơ, dữ liệu liên quan đến dự án và các bản vẽ liên quan;
- Thu thập các tài liệu về điều kiện tự nhiên và KTXH khu vực dự án;
- Tổ chức khảo sát thực địa, đo đạc, phân tích các thành phần môi trường để đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên khu vực thực hiện dự án;
- Tổng hợp và lập báo cáo ĐTM theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Trình báo cáo ĐTM của dự án lên Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định và phê duyệt.

3.1. Đơn vị chủ trì lập báo cáo ĐTM

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

+ Đại diện: Ông Trần Ngọc Trung

Chức vụ: Phó Giám đốc

+ Địa chỉ liên hệ: Số 03 Hồ Xuân Hương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo

Công ty Cổ phần Khoa học và Môi trường Hải Phòng Xanh

+ Đại diện: Ông Phạm Duy Hùng

+ Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: Số 141 Hạ Lý, Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

+ Điện thoại: 0225.8830591

Danh sách những thành viên tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 1. Danh sách thành viên thực hiện báo cáo ĐTM

TT	Họ và tên	Chuyên ngành	Chức vụ	Chữ ký
I	CHỦ DỰ ÁN: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG			
1	Trần Ngọc Trung	-	Phó Giám đốc	
II	ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH			
1	Phạm Duy Hùng	Kỹ sư kinh tế	Giám đốc	
2	Trần Hữu Long	Tiến sỹ Địa lý Tài nguyên Môi trường	Chuyên gia	
3	Nguyễn Hoàng Long	Kỹ sư công nghệ sinh học	Chuyên gia	
4	Hoàng Thị Hà	Kỹ sư môi trường	Thành viên	
5	Trần Hữu Thắng	Kỹ sư môi trường	Thành viên	

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Phương pháp ĐTM

- *Phương pháp liệt kê*: Chỉ ra tác động và thống kê đầy đủ các tác động của dự án (từ giai đoạn chuẩn bị đến giai đoạn dự án đi vào hoạt động) đến môi trường cũng như các yếu tố kinh tế, xã hội cần chú ý, quan tâm trong quá trình triển khai dự án. Phương pháp này áp dụng trong xuyên suốt nội dung báo cáo ĐTM.

- *Phương pháp đánh giá nhanh (Phương pháp đánh giá theo hệ số ô nhiễm) của WHO*: dựa trên các hệ số, mô hình tính toán tải lượng ô nhiễm của Tổ chức y tế thế giới (WHO) đã và đang được áp dụng phổ biến để tính toán, dự báo phạm vi ảnh hưởng, tải lượng, nồng độ phát thải ô nhiễm bụi trong quá trình triển khai thi công xây dựng dự án. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại Chương 3.

- *Phương pháp mô hình hóa toán học*: Báo cáo đã sử dụng các mô hình toán học tại Chương 3 để tính toán, dự báo tải lượng, nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công dự án (hoạt động vận tải, hoạt động đào đắp công trình; hoạt động của máy móc thi công).

- *Phương pháp chồng chập bản đồ*: Phương pháp là công cụ cho việc xác định vị trí dự án và định hướng các tác động do vị trí dự án.

4.2. Phương pháp khác

- *Phương pháp thống kê*: Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu về khí tượng thủy văn, điều kiện địa chất khu vực dự án, tài nguyên sinh vật và các hệ sinh thái của khu vực; điều kiện kinh tế xã hội xã Hòa Bình. Phương pháp này được sử dụng tại chương 2.

- *Phương pháp điều tra khảo sát và lấy mẫu hiện trường*: Phương pháp nhằm xác định vị trí các điểm đo đạc và lấy mẫu các thông số môi trường phục vụ cho việc phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án. Phương pháp này áp dụng tại Chương 2.

- *Phương pháp phân tích và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm*: Phân tích nồng độ/hàm lượng các thông số môi trường phục vụ cho việc đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án. Phương pháp này áp dụng tại Chương 2.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp xây dựng báo cáo*: Phân tích, tổng hợp các tác động của dự án đến các thành phần môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội xã Hòa Bình, huyện Tiên Lãng. Phương pháp này áp dụng tại Chương 2, 3.

- *Phương pháp so sánh*: So sánh các kết quả đo đạc, phân tích, tính toán dự báo nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động chuẩn bị dự án và hoạt động vận hành của dự án với các TCVN, QCVN về môi trường và Tiêu chuẩn ngành của Bộ Y tế (Chương 2 và Chương 3).

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án:

* Thông tin chung:

+ Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

+ Địa điểm thực hiện:

(1) Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240: xã Phả Lễ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

(2). Trận địa dự bị Đại đội PPK 171/e240: xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

+ Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng.

+ Địa chỉ liên hệ: Số 03 Hồ Xuân Hương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

* Phạm vi, quy mô của dự án

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Mục tiêu dự án: San lấp mặt bằng (Không bao gồm các công trình trên đất) và một số hạ tầng đầu nối ngoài hàng rào để phục vụ di dời, xây dựng các hạng mục công trình quốc phòng của các đơn vị bị thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm.

- Quy mô đầu tư: Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK171/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân, bao gồm:

a, Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, diện tích sử dụng đất 42.971,53 m² (khoảng 4,3ha), gồm:

- San lấp mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa XM mác M100# xung quanh (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nối thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả mương nội đồng kết hợp đường giao thông dài khoảng 205m, diện tích khoảng 0.21ha.

b, Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240, diện tích sử dụng đất 46.082,29 m² (khoảng 4,61ha), gồm:

- San lấp tạo mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa xi măng cát M100# (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nổi thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả kênh ngăn nước mặn, chiều dài khoảng 270m, diện tích khoảng 0,7ha

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Báo cáo bao gồm san lấp mặt bằng (không bao gồm các công trình trên đất) và một số hạ tầng đầu nổi ngoài hàng rào, không bao gồm việc khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công, không bao gồm hoạt động phá dỡ các công trình nhà ở trên đất, không bao gồm hoạt động di dân tái định cư.

** Các hạng mục công trình:*

a, Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240

- San lấp mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa XM mác M100# xung quanh (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nổi thoát nước mưa, thoát nước thải.

- Xây dựng hoàn trả mương cứng thủy lợi và đường giao thông bị chiếm dụng trong phạm vi thực hiện dự án.

b, Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240:

- San lấp tạo mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa xi măng cát M100# (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nổi thoát nước mưa, thoát nước thải.

- Xây dựng hoàn trả kênh ngăn mặn bị chiếm dụng trong phạm vi thực hiện dự án.

** Các hoạt động của Dự án đầu tư:*

- Giai đoạn thi công xây dựng: giải phóng mặt bằng, phát quang thảm thực vật; xây dựng các hạng mục công trình của dự án; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải phát sinh trong quá trình thi công; hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường.

** Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:*

Theo Khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì khu vực dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là:

+ Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích <10ha thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Dự án có yếu tố di dân, tái định cư (di dân tái định cư 30 hộ).

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Dự án sẽ thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ, đất giao thông, đất thủy lợi, đất ở nông thôn phải di dân tái định cư cho 30 hộ, đất nghĩa trang, đất nuôi thủy sản, đất trồng cây lâu năm, di dời 30 ngôi mộ, làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp và ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị thu hồi đất; ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của khu vực lân cận Dự án,

+ Hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến dân cư, cảnh quan, hoạt động giao thông và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, tác động đến tưới tiêu thủy lợi...; hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án:

5.3.1. Nước thải, khí thải

1. Nước thải

**Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân phục vụ Dự án, lưu lượng khoảng 1,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước rửa xe tại công trường thi công khoảng 2,85m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240) và khoảng 1,85m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, lưu lượng khoảng 0,5m³/ngày tại mỗi công trường thi công; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn, cát, váng dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,0462 l/s tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; khoảng 0,0507 l/s tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất cát, cành lá cây.

2. Khí thải

**Giai đoạn thi công xây dựng:*

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, hoạt động đào đắp, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải rắn xây dựng; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công; thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs,...

5.3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

1. Chất thải rắn thông thường

**Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ Dự án, khối lượng khoảng 21,5kg/ngày tại mỗi công trường thi công, thành phần chủ yếu gồm: bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật, khối lượng khoảng 3 tấn đối với khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; Khoảng 15 tấn đối với khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240. Thành phần chủ yếu là chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, rễ,....

- Bùn, đất thải phát sinh từ hoạt động đào móng công trình, hệ thống thoát nước, đào bóc tách lớp đất không thích hợp, khối lượng khoảng 6.066,388m³ tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; khoảng 2.775,675m³ tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240.

- Đất hữu cơ bóc tách từ tầng đất mặt của đất trồng lúa, khối lượng khoảng 9.370,275m³ tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; khoảng 8.698,875 m³ tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khác, khối lượng khoảng 7.405,56kg tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; khoảng 1.730,89 kg tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240. Thành phần chủ yếu gồm bao xi măng, dầu mẩu sắt thép; thùng bìa carton,...

- Chất thải rắn từ bãi rác hiện trạng tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 khoảng 10m³.

2. Chất thải nguy hại

**Giai đoạn thi công xây dựng:*

Chất thải nguy hại phát sinh gồm Vật liệu hấp phụ bị nhiễm các thành phần nguy hại (gói thấm dầu thải), giẻ lau găng tay dính dầu), que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại, với khối lượng khoảng 150,06 kg tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; khoảng 150,02 kg tại khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 trong suốt quá trình thi công.

5.3.3. Tiếng ồn, độ rung

** Giai đoạn thi công xây dựng:* phát sinh từ các phương tiện vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy đầm, máy cắt, máy lu, máy mài,...).

5.3.4. Các tác động khác

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới hoạt động giao thông đường bộ, tới kinh tế - xã hội khu vực thực hiện Dự án, tác động đến tưới tiêu thủy lợi và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

5.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 03 nhà vệ sinh di động (dung tích khoảng 2 m³/bể chứa chất thải) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh, định kỳ chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công: Tại mỗi công trường thi công, bố trí 02 bể lắng có thể tích khoảng 3m³/bể, có đặt gói thấm dầu để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh. Gói thấm dầu được thay thế định kỳ và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo chất thải nguy hại; nước tại hồ lắng sẽ được lượng nước này được tuần hoàn để vệ sinh thiết bị, đập bụi, phun làm ẩm công trường khi cần thiết, lượng dư thừa sau giai đoạn thi công xây dựng thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút. Chủ dự án cam kết không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường.

- Nước mưa tràn mặt: Trên mặt bằng mỗi công trường bố trí rãnh thu (kích thước khoảng 0,3x0,3m), hố thu với khoảng cách 3m/hố thu và hố lắng (thể tích khoảng 3m³, có bổ sung gói thấm dầu) để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn. Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được che chắn bằng bạt, chống rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước. Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ hàng ngày tránh đất, đá, chất bẩn rơi vãi cuốn theo nước mưa. Bố trí máy bơm và các trang thiết bị phục vụ tiêu thoát nước khi cần, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước trong quá trình thi công.

5.4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

** Giai đoạn thi công xây dựng:* sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải, phế thải,...; phun nước, làm ẩm, giảm thiểu bụi từ hoạt động vận chuyển, bốc xếp nguyên vật liệu, chất thải, phế thải; thường xuyên quét dọn mặt bằng khu vực triển khai dự án; không chõ nguyên vật liệu, chất thải, phế thải... vượt quá trọng tải của phương tiện vận chuyển; thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, thay thế hoặc bảo dưỡng thiết bị theo quy định; kiểm tra và vệ sinh phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải, phế thải...trước khi ra khỏi công trường; lắp đặt hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công để ngăn cách với các khu vực xung quanh

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng chứa để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường thi công theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo

vệ môi trường; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Lớp đất hữu cơ (tầng đất mặt) bóc tách từ đất trồng lúa là bàn giao lại cho địa phương để tái sử dụng cho mục đích nông nghiệp

- Đối với bùn, đất thải phát sinh từ hoạt động đào móng công trình, đào hệ thống thoát nước, đào bóc tách lớp đất không thích hợp; chất thải rắn phát sinh từ hoạt thi công, xây dựng khác: được thu gom, phân loại và tái sử dụng hoặc chuyển giao cho các đơn vị có khả năng tái chế. Các loại chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hoặc đổ thải đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Bố trí thùng chứa có nắp đậy dung tích 100-240 lít để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại, bố trí kho chứa chất thải nguy hại tại mỗi công trường thi công (Sử dụng Container 20 feet làm kho chứa chất thải, kho chứa chất thải nguy hại chiếm 1/3 diện tích)

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

* Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya (từ 21h đến 6h); bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, nhằm tránh cộng hưởng từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn.

5.4.4. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

* Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: không có.

* Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có.

* Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ: Thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy trên công trường theo quy định.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tập huấn cho công nhân về thực hiện

ngghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ: phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực; lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm.

* Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét hệ thống hồ ga, rãnh thoát nước tại công trường thi công.

- Tháo bỏ các hạng mục công trường; thu gom, xử lý các loại chất thải theo đúng quy định và bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông: Hoàn trả 2 đoạn tuyến đường giao thông nằm trong phạm vi sử dụng đất của trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, thiết kế 02 tuyến đường bê tông hoàn trả rộng 3,2m (tuyến 1 dài 185.86m, tuyến 2 dài 110m) có kết cấu: Mặt đường bê tông xi măng M250# đá 1x2cm dày 18cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm; Cát đen đầm chặt K0.9 dày 30cm. Hoàn thành thi công hoàn trả 2 tuyến đường trước khi tiến hành thi công các hạng mục công trình khác của dự án và chiếm dụng vĩnh viễn phần đường giao thông hiện trạng. Kết hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án hướng dẫn giao thông theo hướng tuyến mới.

- Biện pháp giảm thiểu đến tiêu thoát nước hiện trạng, sản xuất nông nghiệp: Thực hiện san lấp theo cao độ không chế được duyệt. Thực hiện hoàn trả các kênh mương thủy lợi trong phạm vi chiếm dụng đất của dự án:

+ Đối với 2 đoạn kênh xây thủy lợi chiều rộng B=0,8 m với tổng chiều dài khoảng 295m tại khu đất xây dựng trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 (gồm kênh cứng kc1-Tb Cái Cùng do thành phố quản lý và 1 kênh cứng thuộc UBND xã Phục Lễ quản lý): Xây dựng tuyến mương thủy lợi hoàn trả tại khu vực phía Tây Bắc và Tây Nam khu đất sát mép đường hoàn trả (tuyến 1 dài 210.55m; tuyến 2 dài 285.48m). Kết cấu mương hở rộng B=0,8m, cao trình đáy bằng cao trình đáy kênh xây hiện trạng cao trung bình 1m, xây bằng gạch không nung dày 220, vữa xi măng cát M75#, đáy mương bê tông M200# đá 1x2. Phương án thi công: Xây mới và đấu nối hoàn chỉnh rồi mới tiến hành phá dỡ đoạn kênh cứng nằm trong phạm vi sử dụng đất của dự án.

+ Đối với kênh ngăn mặn Phả Lập tại khu đất xây dựng trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240: Xây dựng tuyến kênh ngăn nước mặn hoàn trả tiếp giáp với ranh giới phía Tây Nam và Tây Bắc khu đất. Kết cấu mương là loại mương đất hình thang có bề rộng đáy mương 5m cao độ đáy mương -1 (hệ cao độ lục địa); phía bờ phải mương đắp đất tiếp giáp với kè đá, phía bờ trái mương đắp đất có mặt cắt hình thang, cao độ đỉnh +1.5 (cao độ lục địa) độ dốc mái ta luy 1/1,5. Phương án thi công: Thực hiện thi công hoàn trả xong trước khi tiến hành san lấp đoạn tuyến kênh cũ trong phạm vi thu hồi đất.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, công trình trên đất theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường hỗ trợ.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án.

5.5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công Dự án:

** Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Vị trí giám sát: tại các vị trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu xây dựng, vị trí lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất giám sát: trong suốt thời gian thi công.

** Giám sát môi trường không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 điểm, 1 vị trí tại khu vực thi công hạ tầng kỹ thuật của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240; vị trí tại khu vực thi công hạ tầng kỹ thuật của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), Òn (dBA), Rung (dB).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án: không có

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

1.1.2. Chủ dự án

Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Địa chỉ liên hệ: Số 03 Hồ Xuân Hương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Người đại diện: Trần Ngọc Trung

Chức vụ: Phó Giám đốc

Tiến độ thực hiện dự án:

- + Chuẩn bị đầu tư: năm 2024.
- + Thực hiện đầu tư: 2024 ÷ 2025.
- + Kết thúc đầu tư: 2025.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm được thực hiện tại 2 địa điểm:

(1). Trận địa dự bị Đại đội PPK 172/e240

- Vị trí: Địa điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240 nằm trong địa giới hành chính xã Phục Lễ và xã Phả Lễ huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, diện tích sử dụng đất 42.971,53 m² (khoảng 4,3ha)

- Ranh giới tiếp giáp:

- + Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp đường nội đồng và đất nông nghiệp;
- + Phía Nam và Đông Nam: Giáp đường Số 2 và đất nông nghiệp;
- + Phía Đông và Đông Bắc: Giáp đường Trần Hưng Đạo và đất nông nghiệp;
- + Phía Tây và Tây Nam: Giáp đường Số 2 và đất nông nghiệp

- Tọa độ các điểm khống chế toàn bộ khu đất thu hồi để thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 như sau:

Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ	
	X	Y
1	2314918.767	601836.120
2	2314920.907	601830.197
3	2314916.103	601828.128
4	2314911.317	601833.931
5	2314847.721	601871.029
6	2314827.507	601878.926
7	2314824.991	601888.717
8	2314838.892	601905.382
9	2314867.950	601954.540
10	2314868.645	601961.753
11	2314873.456	601963.459
12	2314876.025	601956.215
13	2314933.710	602053.805
14	2314941.341	602066.715
15	2314967.267	602051.390
16	2314993.092	602036.125
17	2315079.174	601985.234
18	2315105.003	601969.975
19	2315111.951	601965.718
20	2315109.690	601965.081
21	2315061.496	601874.263
22	2315060.936	601866.068
23	2315054.959	601863.872
24	2315052.394	601870.849
25	2315006.459	601784.286

Hình 1. Vị trí địa lý khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240



(2). Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240

- Vị trí: Địa điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240 nằm trong địa giới hành chính xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, diện tích sử dụng đất 46.082,29 m² (khoảng 4,61ha)

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc: tiếp giáp đường Giá

+ Phía Nam và Đông Nam: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp;

+ Phía Đông: tiếp giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Tây: tiếp giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp.

- Tọa độ các điểm khống chế toàn bộ khu đất thu hồi để thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 như sau:

Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ	
	X	Y
1	2313002.869	604537.740
2	2313011.130	604540.956
3	2313029.367	604483.642
4	2313039.126	604455.269
5	2313057.716	604397.833
6	2313052.668	604396.248
7	2312903.680	604336.655
8	2312910.002	604318.044
9	2312792.708	604271.050
10	2312742.918	604413.495
11	2312758.219	604413.454
12	2312760.505	604412.849
13	2312763.939	604411.729
14	2312754.547	604438.415

Hình 2: Vị trí địa lý khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240



Vị trí khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240



1.1.4. Hiện trạng khu đất thực hiện dự án

1.4.1. Hiện trạng khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240:

Nguồn gốc đất

- Căn cứ:

+ Văn bản số 67/UBND ngày 21/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ về việc cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

+ Văn bản số 68/BQLDD-QLCL ngày 20/8/2024 của UBND xã Phục Lễ về việc cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

- Xác định nguồn gốc đất trong phạm vi thu hồi thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 gồm:

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 37.481,1 m².

+ Đất thủy lợi (DTL): 307,5 m²

+ Đất giao thông (DGT): 1693,33 m²

+ Đất bãi rác (DRA): 3.478,6 m²

Hiện trạng nền xây dựng

- Cao độ nền (hệ cao độ lục địa) của khu vực xây dựng: Diện tích thu hồi để thực hiện dự án có cao độ nền từ +0,1m đến +2,23m. Đường Trần Hưng Đạo (đường trục xã) tiếp giáp Đông Bắc dự án có cao độ từ +1,83 đến +1,86m.

- Trong phạm vi chiếm dụng đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 có:

+ 2 đoạn tuyến đường giao thông nội đồng có bề rộng từ 1,9-2,3m với tổng chiều dài khoảng 295m, đồng thời tại 1 bên lề của 2 đoạn tuyến này đều có kênh xây thủy lợi chiều rộng B=0,8m (gồm kênh cứng kc1-Tb Cái Cùng do thành phố quản lý và 1 kênh cứng thuộc UBND xã Phục Lễ quản lý) phục vụ tưới cho diện tích đất nông nghiệp trong phạm vi hoạt động của kênh.

+ Có 3.478,6 m² là đất bãi rác của xã Phả Lễ. Trước đây là bãi rác tạm của xã Phả Lễ hiện đã không tiếp nhận rác, hiện trên phần diện tích này còn 1 phần lượng rác còn tồn đọng.

+ Toàn bộ diện tích đất trồng lúa trong khu vực thực hiện hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 hiện không còn canh tác.

- Một số hình ảnh hiện trạng của khu đất:

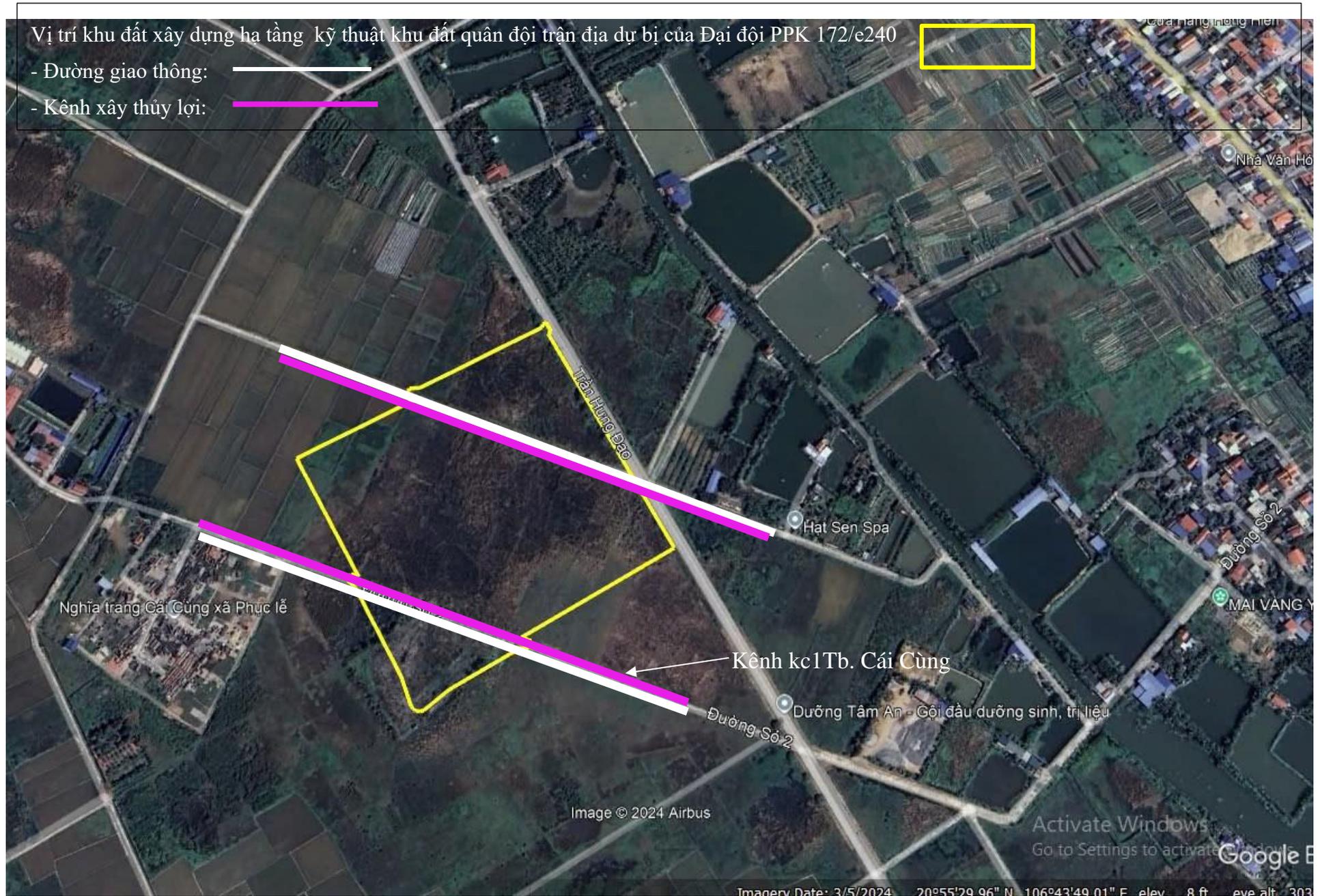


Đường nông nghiệp và kênh xây thủy lợi do UBND xã Phục Lễ quản lý và hiện trạng khu đất



Đường Số 2 và kênh cứng Kc1-TB Cái Cùn và hiện trạng khu đất

- Vị trí đường giao thông và kênh xây thủy lợi trong phạm vi chiếm dụng đất:



Hiện trạng hệ thống cấp nước, cấp điện

Khu vực nghiên cứu thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 đã có hệ thống cấp nước chạy dọc theo đường giao thông tiếp giáp phía Bắc dự án (đường Trần Hưng Đạo), chưa có hệ thống chiếu sáng công cộng.

Hiện trạng kết nối giao thông khu vực

- Phía Đông Bắc dự án tiếp giáp với đường trục xã (đường Trần Hưng Đạo) chiều rộng nền đường $B_n=14,5m$ (lòng đường 9,0m; hè đường 2,8m+2,7m=5,5m) từ đó kết nối dự án với tuyến đường tỉnh 359C. Tỉnh lộ 359C là con đường huyết mạch của huyện Thủy Nguyên.

Hiện trạng thoát nước

Khu vực nghiên cứu thực hiện dự án phần lớn hiện là diện tích đất canh tác nông nghiệp nước mưa chủ yếu tự ngấm và được thoát tự nhiên theo địa hình dốc tự nhiên của khu vực về hệ thống kênh, mương thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

1.4.2. Hiện trạng khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240:

Nguồn gốc đất

- Căn cứ văn bản số 67/UBND ngày 21/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ về việc cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK 171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân, xác định nguồn gốc đất trong phạm vi thu hồi thực hiện Khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 gồm:

- + Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 34.795,5 m²
- + Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 141m²
- + Đất ở nông thôn (ONT): 2.991,9m²
- + Đất ở nông thôn kết hợp trồng cây lâu năm: (ONT+CLN) 1.948m²
- + Đất thủy lợi (DTL): 2.562 m²
- + Đất giao thông (DGT): 3.182,7 m²
- + Đất nghĩa trang (DNT): 461,2 m²

Hiện trạng nền xây dựng

- Cao độ nền (hệ cao độ lục địa) của khu vực thực hiện dự án: Diện tích thu hồi để thực hiện dự án có cao độ nền từ -0,22m đến +4,1m. Đường trục thôn tiếp giáp Bắc dự án có cao độ từ +1,93 đến +2,03m.

- Trong phạm vi chiếm dụng đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 có:

+ Khoảng 155m kênh ngăn mặn Phả Lập (đoạn kênh trong phạm vi sử dụng đất có bề rộng từ 8m đến 10m). Kênh ngăn mặn Phả Lập thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên là kênh liên xã, có chiều dài khoảng 3.200m, điểm đầu tại cống Đông Xuân, điểm cuối tại Cảng Mát Ròng.

+ Khoảng 15 m (cuối tuyến) kênh Lò Ngói thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên (kênh đất do Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ quản lý).

+ Khoảng 210 m tuyến đường đê cũ (đường bê tông rộng 3m) có cao độ từ +3,22m đến +4,10m. Tuyến đê này không thuộc hệ thống đê điều của thành phố, đang được địa phương sử dụng làm đường giao thông và không thuộc danh mục phân cấp đê tại Quyết định số 501/QĐ-BNN-TCTL ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

+ Có 461,2 m² đất nghĩa trang với 30 ngôi mộ cát táng.

+ Có 141m² hiện là 1 phần diện tích ao nuôi cá của 1 hộ dân

+ Có diện tích đất ở hiện trạng của các hộ dân với các công trình kiến trúc trên đất: 400m² nhà 3 tầng; 1900m² nhà 2 tầng; 1.100m² nhà 1 tầng với 30 hộ dân thuộc diện di dân, tái định cư.

- Một phần nhỏ diện tích đất lúa vẫn đang được người dân canh tác, phần lớn hiện đã bỏ hoang.

Một số hình ảnh hiện trạng của khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trện địa dự bị của Đại đội PPK171/e240:



Đường đê cũ trong phạm vi sử dụng đất và các công trình 2 bên đường



Hiện trạng khu đất thực hiện dự án



Hiện trạng khu đất thực hiện dự án

- Vị trí đường đê cũ và kênh ngăn mặn Phả Lập, kênh Lò Ngói trong phạm vi chiếm dụng đất:



Hiện trạng hệ thống cấp nước, cấp điện

Khu vực nghiên cứu thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 có một phần là đất ở của khu dân xã Phả Lễ do vậy đã có hệ thống cấp điện, cấp nước.

Hiện trạng kết nối giao thông khu vực

- Phía Bắc dự án tiếp giáp với đường trục thôn chiều rộng nền đường $B_n=7,5m$ (lòng đường 3,5m; hè đường $2 \times 2,0m=4,0m$) từ đó kết nối dự án với các tuyến đường khác của xã Phả Lễ.

- Tuyến đê hữu Bạch Đằng (tìm đê cách ranh giới khu vực nghiên cứu khoảng 25,5m về phía Đông). Theo định hướng phát triển, huyện Thủy Nguyên sẽ nâng cấp mở rộng toàn bộ tuyến đê hiện trạng bao quanh huyện thành đường giao thông đô thị với tính chất là đường bao toàn thành phố để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. dự kiến tuyến đê hữu Bạch Đằng được quy hoạch thành đường đô thị với lộ giới 25m, mái đê khoảng 8m. Theo quy định của Luật Đê điều và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn thành phố, hành lang bảo vệ đê Bạch Đằng được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía trong (khu vực được bảo vệ). Do vậy vị trí thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 là phù hợp với quy hoạch của huyện Thủy Nguyên đồng thời nằm ngoài hành lang bảo vệ của đê đê hữu Bạch Đằng.

Hiện trạng thoát nước

- Khu vực nghiên cứu thực hiện dự án phần lớn hiện là diện tích đất canh tác nông nghiệp nước mưa chủ yếu tự ngấm và được thoát tự nhiên theo địa hình dốc tự nhiên của khu vực về hệ thống kênh, mương thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường

- Nhà dân gần nhất cách ranh giới khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 khoảng 50m.

- Khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 tiếp giáp với nhà dân.

Theo Khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì khu vực dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là:

+ Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích <10ha thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Dự án có yếu tố di dân, tái định cư (di dân tái định cư 30 hộ).

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

*** Mục tiêu:**

- San lấp mặt bằng (Không bao gồm các công trình trên đất) và một số hạ tầng đầu nối ngoài hàng rào để phục vụ di dời, xây dựng các hạng mục công trình quốc phòng của các đơn vị bị thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm.

* Loại hình dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

*** Quy mô dự án:**

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô đầu tư: Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK171/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân, bao gồm:

a, Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, diện tích sử dụng đất 42.971,53 m² (khoảng 4,3ha) gồm:

- San lấp mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa XM mác M100# xung quanh (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nối thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả mương nội đồng kết hợp đường giao thông dài khoảng 205m, diện tích khoảng 0.21ha.

b, Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240, diện tích sử dụng đất 46.082,29 m² (khoảng 4,61ha) gồm:

- San lấp tạo mặt bằng đến cao độ +2.4 (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K0.9. Xây tường đá học vữa xi măng cát M100# (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nối thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả kênh ngăn nước mặn, chiều dài khoảng 270m, diện tích khoảng 0,7ha .

*** Công nghệ sản xuất**

- Dự án không có yêu cầu về công nghệ sản xuất.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình

Khu vực đất quốc phòng được thiết kế dựa trên thoả thuận giữa Quân chủng PK-KQ và UBND thành phố, tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

1.2.1.1. Hạ tầng Khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240

Bảng 2. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất tại Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240

STT	Mục đích sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Quốc phòng	QP	40,915.28	95.21
2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (mương và giao thông hoàn trả)		2,056.25	4.79
		HTKT-01	759.45	1.77
		HTKT-02	1,296.80	3.02
Tổng			42,971.53	100.00
<p><i>* Ghi chú: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là đất quốc phòng do đó các công trình được thực hiện theo dự án riêng do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về quốc phòng an ninh.</i></p>				

a. San nền

- Lựa chọn cao độ không chế xây dựng: Cao độ không chế xây dựng được chọn căn cứ theo cao độ nền thiết kế quy hoạch, và cao độ quy hoạch chung.

- Tính toán thiết kế san nền theo phương pháp chia lưới ô vuông và theo phương pháp đường đồng mức.

- Cao độ san nền thiết kế tuân thủ cao độ tại hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt (+2.4 cao độ lục địa).

- Tính toán thiết kế san nền theo phương pháp chia lưới ô vuông 10x10m.

- Không chế cao độ nền tại các điểm giao nhau của các tuyến đường, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và xây dựng trong từng ô đất.

- Khối lượng đào đắp nền được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông căn cứ đường đồng mức cao độ thiết kế:

+ Cao độ san nền mặt lưới được nội suy từ bản vẽ thiết kế san nền.

+ Cao độ tự nhiên được nội suy từ bản đồ đo đạc địa hình.

- Nền cát đắp phải đạt độ chặt sao cho đảm bảo yêu cầu của công tác thi công.

- Trong quá trình thi công san đắp nền cần kết hợp với nền của các công trình xây dựng có liên quan ở xung quanh để tránh gây úng ngập và ảnh hưởng đến nền và thoát nước của khu vực.

- Xây tường kê bằng đá hộc bao quanh khu đất để san lấp mặt bằng có tổng chiều dài L=619.98m; Lót móng bằng lớp đá dẽm dẽm dày 10cm; Kê được xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 đắp hoàn trả bằng đất tận dụng độ chặt K95, cao độ đỉnh kê +2.4

- San lấp mặt bằng đến cao độ +2.4m với độ chặt K90, diện tích san lấp 42,971.53 m². Trước khi san lấp dọn dẹp toàn bộ mặt bằng đào bùn và đào hữu cơ dày trung bình 30cm (trong đó bóc tách riêng 25cm lớp đất mặt diện tích đất trồng lúa để sử dụng lại vào

mục đích nông nghiệp); Cát san lấp sử dụng là cát hạt mịn (cát đen) đắp cát thành từng lớp dày trung bình 30cm đầm chặt.

b. Thiết kế hệ thống thoát nước mưa:

Qua khảo sát thực tế và đánh giá hiện trạng đối với từng vị trí bố trí đầu nối từ điểm chờ của Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 vào hệ thống cống thoát nước chính của khu vực quy mô thiết kế cho các công cụ thể như sau:

Thiết kế ga, công dọc đường;

* Cống có tác dụng phục vụ thoát nước dọc 2 bên tuyến đường; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

- Thiết kế cống tròn BTCT D500 dọc bên phải tuyến 1;

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT 500 đúc ly tâm mác 300, tải trọng thiết kế HL93, chiều dài 2m/đốt cống.

+ Móng cống bằng các khối BTCT mác 250 đá 1x2.

+ Đáy móng đổ bê tông M100, đá 4x6 dày 10cm.

+ Đắp cát đường cống bằng cát tận dụng K95.

- Thiết kế cống tròn BTCT D300 ngang đường;

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT 300 đúc ly tâm mác 300, tải trọng thiết kế HL93, chiều dài 2m/đốt cống.

+ Móng cống bằng các khối BTCT mác 250 đá 1x2.

+ Đáy móng đổ bê tông M100, đá 4x6 dày 10cm.

+ Đắp cát đường cống bằng cát tận dụng K95.

* Ga có tác dụng thu nước; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

+ Ga thu xây bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.

+ Bê tông lót đáy ga là bê tông đá 4x6, M100.

+ Bê tông đáy ga là bê tông đá 1x2, M150, lán vữa XM M75.

+ Bê tông cổ ga là bê tông đá 1x2, M20.

c. Thiết kế hệ thống thoát nước thải

- Điểm chờ đầu nối hệ thống thoát nước thải: Được bố trí độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Bố trí điểm chờ trong phạm vi dự án đầu nối với hệ thống thoát nước thải khu vực quy mô thiết kế cho các công cụ thể như sau:

+ Ống cống sử dụng ống cống UPVC 315 CLASS 3.

+ Đắp cát đường cống bằng cát tận dụng K95.

* Ga có tác dụng thu nước; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

+ Ga thu xây bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.

+ Bê tông lót đáy ga là bê tông đá 4x6, M100.

+ Bê tông đáy ga là bê tông đá 1x2, M200, lán vữa XM M75.

- + Bê tông cốt ga là bê tông đá 1x2, M250 dày 20cm.
- + Bê tông tấm đan sử dụng bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 mác 250.

d) Đường giao thông hoàn trả.

- Thiết kế 02 tuyến đường bê tông hoàn trả rộng 3,2m (tuyến 1 dài 185.86m, tuyến 2 dài 110m) có kế cấu như sau:

- + Mặt đường bê tông xi măng M250# đá 1x2cm dày 18cm;
- + Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm;
- + Cát đen đầm chặt k0.9 dày 30cm.

e) Mương xây thủy lợi hoàn trả

Xây dựng tuyến mương thủy lợi hoàn trả tại khu vực phía Tây Bắc và Tây Nam khu đất sát mép đường hoàn trả (tuyến 1 dài 210.55m; tuyến 2 dài 285.48m). Kết cấu mương hở rộng B=0,8m, cao trung bình 1m, xây bằng gạch không nung dày 220, vữa xi măng cát M75#, đáy mương bê tông M200# đá 1x2.

Bảng 3: Cân bằng khối lượng đào đắp của Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240

Khối lượng đào (1): 15.516,363 m ³		Khối lượng đắp: 100.507,7 m ³			Đất hữu cơ mặt diện tích đất lúa được bóc tách riêng để tái sử dụng vào mục đích nông nghiệp (m ³) (3)	Khối lượng CTR (bùn đất) đổ thải (m ³) (1)-(2)-(3)
Đào móng công trình, đào hệ thống thoát nước, đào nền đường, đào bóc lớp đất không thích hợp.	Đào lớp đất mặt diện tích đất chuyên trồng lúa (37.481,1 m ² ; 25cm)	Đất núi mua bổ sung	Cát mua bổ sung	Đất đào tận dụng (2)		
6.146,088	9.370,275	1.381,99	99.046	79,7	9.370,275	6.066,388

1.2.1.2. Hạ tầng Khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240

Bảng 4. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất tại Khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240

STT	Mục đích sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Quốc phòng	QP	40,222.24	87.28
2	Đất giao thông	GT	908.96	1.98
3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (mương hoàn trả)	HTKT	4,951.09	10.74
Tổng			46,082.29	100.00

* Ghi chú: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là đất quốc phòng do đó các công trình được thực hiện theo dự án riêng do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về quốc phòng an ninh.

a. San nền

- Lựa chọn cao độ không chế xây dựng: Cao độ không chế xây dựng được chọn căn cứ theo cao độ nền thiết kế quy hoạch, và cao độ quy hoạch chung.

- Tính toán thiết kế san nền theo phương pháp chia lưới ô vuông và theo phương pháp đường đồng mức.

- Cao độ san nền thiết kế tuân thủ cao độ tại hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt (+2.4 cao độ lục địa).

- Tính toán thiết kế san nền theo phương pháp chia lưới ô vuông 10x10m.

- Không ché cao độ nền tại các điểm giao nhau của các tuyến đường, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và xây dựng trong từng ô đất.

- Khối lượng đào đắp nền được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông căn cứ đường đồng mức cao độ thiết kế:

+ Cao độ san nền mặt lưới được nội suy từ bản vẽ thiết kế san nền.

+ Cao độ tự nhiên được nội suy từ bản đồ đo đạc địa hình.

- Nền cát đắp phải đạt độ chặt sao cho đảm bảo yêu cầu của công tác thi công.

- Trong quá trình thi công san đắp nền cần kết hợp với nền của các công trình xây dựng có liên quan ở xung quanh để tránh gây úng ngập và ảnh hưởng đến nền và thoát nước của khu vực.

- Xây tường kè bằng đá hộc bao quanh khu đất để san lấp mặt bằng có tổng chiều dài L=684.9m; Lót móng bằng lớp đá đệm dăm dày 10cm; Kè được xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100 đắp hoàn trả bằng đất tận dụng độ chặt K95, cao độ đỉnh kè +2.4.

- San lấp mặt bằng đến cao độ +2.4m với độ chặt K90, diện tích san lấp 46,082.29 m²; Trước khi san lấp dọn dẹp toàn bộ mặt bằng đào bùn và đào hữu cơ dày trung bình 30cm (trong đó bóc tách riêng 25cm lớp đất mặt diện tích đất trồng lúa để sử dụng lại vào mục đích nông nghiệp); Cát san lấp sử dụng là cát hạt mịn (cát đen) đắp cát thành từng lớp dày trung bình 30cm đầm chặt.

b. Thiết kế hệ thống thoát nước mưa:

Qua khảo sát thực tế và đánh giá hiện trạng đối với từng vị trí bố trí đầu nối từ điểm chờ của Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 vào hệ thống cống thoát nước chính của khu vực quy mô thiết kế cho các công cụ thể như sau:

Thiết kế ga, công dọc đường;

* Cống có tác dụng phục vụ thoát nước dọc 2 bên tuyến đường; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

- Thiết kế cống tròn BTCT D500 dọc bên phải tuyến 1;

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT 500 đúc ly tâm mác 300, tải trọng thiết kế HL93, chiều dài 2m/ đốt cống.

+ Móng cống bằng các khối BTCT mác 250 đá 1x2.

+ Đáy móng đổ bê tông M100, đá 4x6 dày 10cm.

+ Đắp cát đường cống bằng cát tận dụng K95.

- Thiết kế cống tròn BTCT D300 ngang đường;

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT 300 đúc ly tâm mác 300, tải trọng thiết kế HL93, chiều dài 2m/ đốt cống.

+ Móng công bằng các khối BTCT mác 250 đá 1x2.

+ Đáy móng đổ bê tông M100, đá 4x6 dày 10cm.

+ Đắp cát đường công bằng cát tận dụng K95.

* Ga có tác dụng thu nước; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

+ Ga thu xây bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.

+ Bê tông lót đáy ga là bê tông đá 4x6, M100.

+ Bê tông đáy ga là bê tông đá 1x2, M150, lán vữa XM M75.

+ Bê tông cổ ga là bê tông đá 1x2, M200 dày 20cm.

+ Bê tông tấm đan đá 1x2 mác 200.

c. Thiết kế hệ thống thoát nước thải

- Điểm chờ đầu nối hệ thống thoát nước thải: Được bố trí độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Bố trí điểm chờ trong phạm vi dự án đầu nối với hệ thống thoát nước thải khu vực quy mô thiết kế cho các công cụ thể như sau:

+ Ống công sử dụng ống công UPVC 315 CLASS 3.

+ Đắp cát đường công bằng cát tận dụng K95.

* Ga có tác dụng thu nước; Đề xuất phương án thiết kế như sau:

+ Ga thu xây bằng gạch chỉ đặc, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.

+ Bê tông lót đáy ga là bê tông đá 4x6, M100.

+ Bê tông đáy ga là bê tông đá 1x2, M200, lán vữa XM M75.

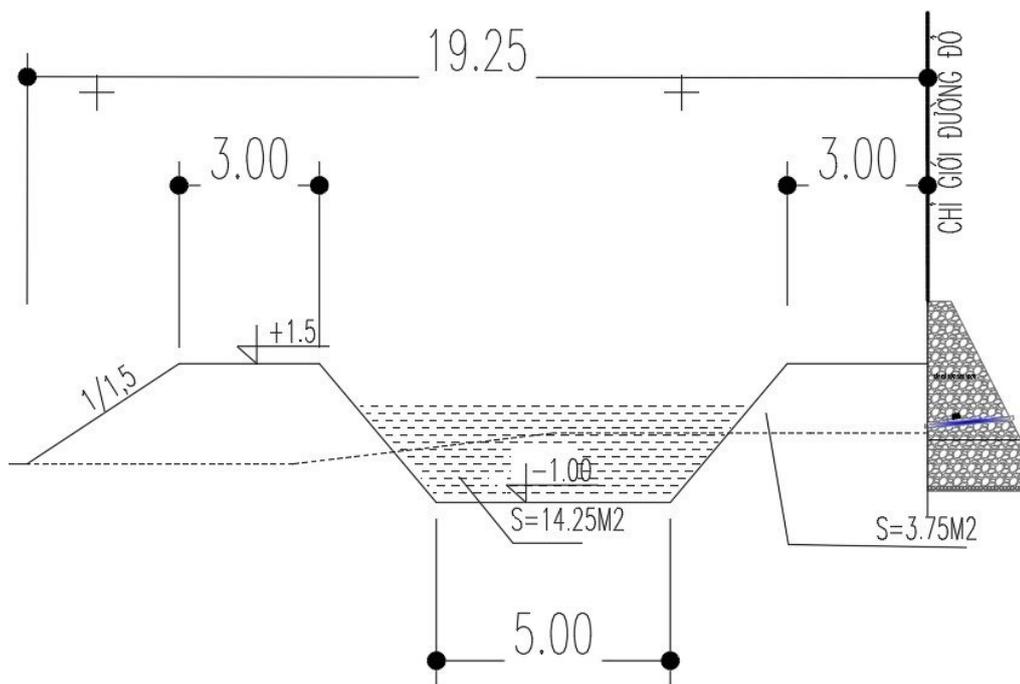
+ Bê tông cổ ga là bê tông đá 1x2, M250 dày 20cm.

+ Bê tông tấm đan sử dụng bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 mác 250.

d. Kênh ngăn nước mặt hoàn trả

Xây dựng tuyến kênh ngăn nước mặt hoàn trả tiếp giáp với ranh giới phía Tây Nam và Tây Bắc khu đất.

Kết cấu mương là loại mương đất hình thang có bề rộng đáy mương 5m cao độ đáy mương -1 (hệ cao độ lục địa); phía bờ phải mương đắp đất tiếp giáp với kè đá, phía bờ trái mương đắp đất có mặt cắt hình thang, cao độ đỉnh +1.5 (cao độ lục địa) độ dốc mái ta luy 1/1,5.



Bảng 5: Cân bằng khối lượng đào đắp của Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240

Khối lượng đào (1): 16.544,854 m³		Khối lượng đắp: 56.068,621 m³			Đất hữu cơ mặt diện tích đất lúa được bóc tách riêng để tái sử dụng vào mục đích nông nghiệp (m³) (3)	Khối lượng CTR (bùn đất) đổ thải (m³) (1)-(2)-(3)
Đào móng công trình, đào hệ thống thoát nước, đào nền đường (đường kết nối), đào bóc lớp đất không thích hợp.	Đào lớp đất mặt diện tích đất chuyên trồng lúa (34795,5m ² ; 25cm)	Đất núi mua bổ sung	Cát mua bổ sung	Đất đào tận dụng (2)		
7.845,979	8.698,875	2.096,017	48.902,3	5.070,304	8698,875	2.775,675

1.2.2. Hoạt động của dự án

- Dự án sẽ thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ, đất giao thông, đất thủy lợi, đất ở nông thôn, (di dân tái định cư 30 hộ), đất nghĩa trang, đất nuôi thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất bãi rác, di dời 30 ngôi mộ, làm suy giảm diện tích đất nông nghiệp và ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị thu hồi đất; ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của khu vực lân cận Dự án.

- Hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến dân cư, cảnh quan, hoạt động giao thông và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, tác động đến tưới tiêu thủy lợi...; hoạt động

của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước các sản phẩm của dự án.

1.3.1. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất

Để xây dựng dự án nhu cầu sử dụng điện, nước, nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án như sau:

a, Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu

❖ **Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trộn địa dự bị Đại đội PPK172/e240**

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng nguyên vật liệu	Khối lượng quy đổi ra tấn
1	Xi măng	tấn	476,024	476,024
2	Que hàn	tấn	0,003	0,003
3	Sắt, thép các loại	tấn	4,678	4,678
4	Đá (1x2,2x4,4x6)	m ³	656,2	1.115,54
5	Đá dăm	m ³	95,1	152,16
6	Đá hộc	m ³	1.992	2.988
7	Đá cấp phối D≤4cm	m ³	101,2	161,92
8	Đinh	tấn	0,096	0,096
9	Cát vàng	m ³	1.208,3	1.691,62
10	Cát mịn	m ³	140,6	196,84
11	Cát (đắp nền)	m ³	99.046	118.855,2
12	Gỗ ván các loại	m ³	16,1	12,88
13	Gạch chỉ không nung	viên	165.842,3	215,595
14	Gạch chỉ nung	viên	446,6	0,938
15	Cấp phối đá dăm	m ³	559	866,45
16	Gạch Terrazo 40x40x3cm	m ²	181	11,31
17	Đất núi	m ³	1.381,99	2.211,184
18	Vật liệu khác	tấn	75	75

Căn cứ theo trọng lượng riêng của các loại nguyên vật liệu, tổng khối lượng quy đổi:	129.035,44
--	-------------------

Nguồn: Dự toán của Dự án

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội Trện địa dự bị của Đại đội PPK171/e240

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng nguyên vật liệu	Khối lượng quy đổi ra tấn
1	Xi măng	tấn	167,981	167,981
2	Que hàn	tấn	0,001	0,001
3	Sắt, thép các loại	tấn	0,113	0,113
4	Đá (1x2,2x4,4x6)	m ³	99,2	168,64
5	Đá dăm	m ³	57,3	91,68
6	Đá hộc	m ³	1195,14	1792,71
7	Đá cấp phối D≤4cm	m ³	64,15	102,64
8	Đinh	tấn	0,002	0,002
9	Cát vàng	m ³	543,18	760,452
10	Cát mịn	m ³	2,2	3,08
11	Cát (đắp nền)	m ³	48.902,3	58.682,76
12	Gỗ ván các loại	m ³	1,3	1,040
13	Gạch chỉ không nung	viên	633,6	0,824
14	Gạch chỉ nung	viên	446,2	0,937
15	Cấp phối đá dăm	m ³	110,23	170,857
15	Gạch Terrazo 40x40x3cm	m ²	43,2	2,7
16	Đất núi	m ³	2,096,017	3.353,63
17	Vật liệu khác	tấn	75	75
Căn cứ theo trọng lượng riêng của các loại nguyên vật liệu, tổng khối lượng quy đổi:			65.374,95	

- Nguồn cung cấp: Mua của các nhà phân phối nguyên vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, theo thông báo giá của quy định hiện hành, cộng với chi phí vận chuyển. Sau khi nghiệm thu chất lượng nguyên vật liệu đảm bảo, chủ dự án đưa

nguyên liệu vào sử dụng, sử dụng nguyên vật liệu theo nguyên tắc dùng đến đâu lấy đến đó, chỉ sử dụng nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng, không có hoạt động rửa nguyên vật liệu trong quá trình thi công.

- Ngoài ra để vận hành máy móc thiết bị phục vụ thi công ước tính xây dựng toàn bộ công trình tiêu thụ hết khoảng 73.985 lít dầu DO.

b, Nhu cầu sử dụng lao động

Theo hồ sơ dự toán của dự án, số lượng nhân công làm việc giai đoạn thi công dự án là 50 người tại mỗi địa điểm xây dựng, trong đó bố trí 01 nhân viên giám sát môi trường tại công trường xây dựng. Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, tự túc về chỗ ăn ở.

c. Nhu cầu sử dụng điện

- Lượng tiêu thụ điện ước tính khoảng 2.800kWh toàn công trình
- Nguồn cung cấp điện: Điện năng cung cấp cho hoạt động xây dựng của dự án được lấy từ hệ thống điện lưới tại khu vực thực hiện dự án.

d, Nhu cầu sử dụng nước

Dự án được triển khai thi công xây dựng trên 2 công trường thi công riêng biệt, nhu cầu sử dụng nước như sau:

- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt:
 - + Lượng nước thải sinh hoạt được tính toán dựa trên nhu cầu cấp nước. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm, dự báo nhu cầu sử dụng nước trung bình là 30 lít/người/ngày đêm (tính cho 8 giờ làm việc/ngày).
 - + Lượng nước cấp sử dụng cho mục đích sinh hoạt của người lao động trong giai đoạn thi công tại mỗi công trường thi công là: 50 người x 0,03 m³/người/ngày = 1,5m³/ngày đêm.
- Nước cấp cho hoạt động xây dựng:
 - + Nước cấp cho hoạt động trộn bê tông, vữa: căn cứ theo kinh nghiệm thi công lượng nước này vào khoảng 1,5m³/ngày đêm tại mỗi công trường thi công.
 - + Nước cấp cho hoạt động vệ sinh thiết bị, máy móc trong quá trình thi công: Sử dụng khoảng 0,5 m³/ngày đêm tại mỗi công trường thi công để vệ sinh trang thiết bị, máy móc (*việc vệ sinh trang thiết bị, máy móc không thường xuyên, liên tục, nhu cầu sử dụng dự báo căn cứ theo kinh nghiệm thực tế của các đơn vị thi công*).
 - + Nước rửa xe trên công trường thi công: Theo TCVN 4513:1988, tiêu chuẩn nước dùng để rửa 1 xe con là từ 200 đến 300 lít, rửa xe lớn là từ 300 đến 500 lít. Tuy nhiên tại dự án việc vệ sinh phương tiện chủ yếu là vệ sinh bánh xe nên định mức sử dụng chỉ khoảng 50 lít/lượt xe ra khỏi công trường. Theo tính toán về lượt xe ra vào công trình, số lượt xe ra khỏi công trường lớn nhất trong ngày là 57 lượt xe/ngày đối với công

trường thi công trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240; 37 lượt xe/ngày đối với công trường thi công trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 → nhu cầu sử dụng nước cho việc rửa bánh xe phương tiện vận tải tại công trường thi công trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 là $57 * 50 \text{ lít} = 2,85 \text{ m}^3/\text{ngày}$; tại công trường thi công trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 là $37 * 50 \text{ lít} = 1,85 \text{ m}^3/\text{ngày}$

+ Ngoài ra, trong giai đoạn này dự án còn sử dụng khoảng 1-2 m^3 / ngày đê tưới ẩm đoạn đường giao thông kết nối trực tiếp với mỗi công trường thi công trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải vào những ngày có gió lớn để giảm thiểu lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển.

1.3.2. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án là hạ tầng kỹ thuật để bàn giao cho các đơn vị quân đội (Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không Quân) bị thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Tính chất của dự án là đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, do đó không có công nghệ sản xuất, vận hành.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

* *Giải phóng mặt bằng:*

- Trước khi xây dựng phải tiến hành công tác giải phóng mặt bằng. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy Nguyên tổ chức kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Phương án GPMB: Chi trả tiền cho nhân dân trên phần đất thực hiện dự án.

- Việc kiểm kê, đánh giá, khối lượng công tác GPMB phải tiến hành với từng hộ dân trên nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, hợp lý. Giá hỗ trợ bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo các quy định hiện hành: Quyết định 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024), theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng và theo các quy định của Luật đất đai năm 2024 cũng như các quy định về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

- Dự án hỗ trợ bồi thường về diện tích đất thu hồi, cây cối hoa màu, hỗ trợ chuyển đổi việc làm, hỗ trợ lương thực tạm thời, hỗ trợ ổn định đời sống cho các hộ di chuyển và các khoản phụ trợ bằng tiền mặt cho tất cả các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án.

- UBND huyện Thủy Nguyên phê duyệt kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng và các khoản trợ cấp theo quy định.

- Chi phí giải phóng mặt bằng được tính toán là 73.923.940.224 đồng.

- Phạm vi dự án không bao gồm phá dỡ công trình kiến trúc nhà ở của người dân. Tại thời điểm triển khai thi công xây dựng dự án, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng nhận bàn giao mặt bằng sạch từ trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy Nguyên.

* Vận chuyển nguyên liệu:

- Phương tiện vận tải: xe ô tô có trọng tải 7 tấn

* Tổ chức công trường

- Bố trí 01 Container 20 feet đặt trên mỗi công trường làm nhà điều hành chung cho dự án và để công nhân nghỉ giữa ca, ăn trưa.

- Bố trí 3 nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Tùy thuộc vào điều kiện thực tế khi thi công từng hạng mục công trình vị trí tập kết nguyên vật liệu có thể thay đổi nhưng vẫn nằm trong diện tích của dự án và đặt cách xa nguồn nước, tránh đặt chỗ trũng có nguy cơ về úng ngập, thực hiện che phủ bạt kín nguyên vật liệu (cát, đá dăm,...) khi không sử dụng.

- Bố trí khu vực tập kết chất thải xây dựng tại cuối hướng gió (vị trí tập kết linh động để giảm thiểu chi phí vận chuyển);

- Dự án không chiếm dụng đất tạm thời để bố trí lán trại, công trường thi công, không tổ chức nấu ăn tại công trường, không thu hồi đất để làm đường công vụ. Lán trại, nhà điều hành được đặt trong phần diện tích thu hồi để thực hiện dự án.

Bảng 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công tại khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240

STT	Máy thi công	Đơn vị	Khối lượng
1.	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 1,25 m ³	ca	24,37
2.	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh: 8,5 T - 9 T	ca	227,86
3.	Máy ủi - công suất: 110,0 CV	ca	117,70
4.	Ô tô tự đổ - trọng tải: 7,0 T	ca	499,85
5.	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,50 m ³	ca	78,36
6.	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,80 m ³	ca	10,44
7.	Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,34
8.	Máy trộn vữa 150 lít	ca	110,74
9.	Cần cẩu bánh hơi 6 T	ca	5,67

10.	Máy cắt uốn cốt thép - công suất: 5,0 kW	ca	1,77
11.	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5 kW	ca	56,52
12.	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1,0 kW	ca	45,76
13.	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng: 70 kg	ca	25,86
14.	Máy hàn xoay chiều - công suất: 23,0 kW	ca	0,72
15.	Máy khoan đứng - công suất: 2,5 kW	ca	0,13
16.	Máy mài - công suất: 2,7 kW	ca	0,13
17.	Máy trộn bê tông - dung tích: 250,0 lít	ca	70,17
18.	Ô tô tự đổ - trọng tải: 5,0 T	ca	8,13
19.	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh: 16,0 T	ca	0,63
20.	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh: 10,0 T	ca	1,08
21.	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh: 25T	ca	1,33
22.	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất: 50 m ³ /h - 60 m ³ /h	ca	0,88
23.	Ô tô tưới nước - dung tích: 5,0 m ³	ca	0,88

Nguồn: Hồ sơ dự toán

**Bảng 7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ thi công tại khu đất quân đội
Trên địa dự bị của Đại đội PPK171/e240**

STT	Máy thi công	Đơn vị	Khối lượng
1	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 1,25 m ³	ca	30,96
2	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh: 8,5 T - 9 T	ca	121,93
3	Máy ủi - công suất: 110,0 CV	ca	64,52
4	Ô tô tự đổ - trọng tải: 7,0 T	ca	471,12
5	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,50 m ³	ca	22,73
6	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,80 m ³	ca	5,22

STT	Máy thi công	Đơn vị	Khối lượng
7	Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	20,77
8	Máy trộn vữa 150 lít	ca	52,88
9	Cần cẩu bánh hơi 6 T	ca	0,788
10	Máy cắt uốn cốt thép - công suất : 5,0 kW	ca	0,012
11	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5 kW	ca	9,30
12	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1,0 kW	ca	9,79
13	Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng: 70 kg	ca	1,20
14	Máy hàn xoay chiều - công suất: 23,0 kW	ca	0,38
15	Máy khoan đứng - công suất: 2,5 kW	ca	0,09
16	Máy mài - công suất: 2,7 kW	ca	0,09
17	Máy trộn bê tông - dung tích: 250,0 lít	ca	10,78
18	Ô tô tự đổ - trọng tải : 5,0 T	ca	0,567
19	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh: 16,0T	ca	0,123
20	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh: 10T	ca	0,21
21	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh : 25T	ca	0,26
22	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất: 50 m ³ /h - 60 m ³ /h	ca	0,172
23	Ô tô tưới nước - dung tích: 5,0 m ³	ca	0,172

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ dự án

- Thời gian thi công xây dựng dự án: 15 tháng

1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án

Tổng mức đầu tư dự kiến: 146.023.000.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu tỷ không trăm hai mươi ba triệu đồng./.)

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Giai đoạn xây dựng

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý công trình về mọi mặt chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Trách nhiệm của nhà thầu thi công đối với chủ đầu tư trong công tác bảo vệ môi trường như: thực hiện kế hoạch quản lý bảo vệ môi trường trong quá trình thi công; bố trí nhân sự phụ trách về môi trường để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo ĐTM; xây dựng và thực hiện nội quy, quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

- Giai đoạn xây dựng, tổng số lao động là 50 người tại mỗi công trường thi công trong đó có 01 cán bộ phụ trách an toàn lao động và vệ sinh môi trường công trường.

b. Giai đoạn hoạt động

Sau khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng giao lại cho Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Các hạng mục công trình hoàn trả công trình thủy lợi sẽ được bàn giao lại cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV thủy lợi Thủy Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ để các đơn vị vận hành, điều tiết.

Đường giao thông hoàn trả Chủ đầu tư sẽ bàn giao lại cho đơn vị vận hành tuyến đường.

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất

a, Điều kiện địa lý

Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm được thực hiện tại 2 địa điểm:

(1). *Trận địa dự bị Đại đội PPK 172/e240*: Địa điểm thực hiện dự án nằm trong địa giới hành chính xã Phục Lễ và xã Phả Lễ huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

(2). *Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240*: Địa điểm thực hiện dự án nằm trong địa giới hành chính xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

b, Điều kiện địa chất

Căn cứ vào kết quả khoan khảo sát địa chất và kết quả thí nghiệm mẫu đất trong phòng tại các lỗ khoan; địa tầng tại các hố khoan khảo sát tại vị trí các hố khoan được phân chia thành các lớp đất mô tả theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

(1). *Tại khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240*:

Lớp KQ (Lớp phủ): Sét pha xám nâu, xám đen,...

Lớp này trên các bản vẽ ký hiệu là (KQ).

Lớp KQ là lớp đất có nguồn gốc nhân tạo hoặc đã bị xáo trộn do hoạt động sản xuất, lớp này phủ lên toàn bộ khu vực khảo sát.

Bề dày lớp được xác định là 0.2m.

Lớp 1b: Sét pha màu xám nâu, xám đen, đôi chỗ lẫn hữu cơ, kẹp ổ cát mịn, lẫn vỏ don, trạng thái dẻo chảy.

Lớp này trên các bản vẽ ký hiệu là (1b).

Lớp 1b nằm dưới lớp KQ gặp tại hố khoan khảo sát HK2.

Thành phần của lớp sét pha màu xám nâu, xám đen, đôi chỗ lẫn hữu cơ, kẹp ổ cát mịn, lẫn vỏ don, trạng thái dẻo chảy. Đây là lớp đất yếu có nguồn gốc trầm tích sông biển, thành phần không đồng nhất, diện phân bố rộng khắp.

Trong phạm vi khảo sát, đã khoan vào lớp này là 1.6m.

Trong quá trình khoan tiến hành lấy 1 mẫu đất, tiến hành thí nghiệm trong phòng 1 mẫu đất.

Lớp 2b: Sét màu nâu đỏ, loang lỗ xám xanh, xám trắng, trạng thái dẻo cứng đôi chỗ dẻo mềm.

Lớp này trên các bản vẽ ký hiệu là (2b).

Lớp 2b nằm dưới lớp 1b gặp tại hố khoan khảo sát, công tác khoan khảo sát kết thúc khi chưa khoan qua lớp này.

Thành phần của lớp sét màu nâu đỏ, loang lổ xám xanh, xám trắng, trạng thái dẻo cứng đôi chỗ dẻo mềm. Đây là lớp đất yếu có sức chịu tải trung bình, phân bố gần bề mặt tự nhiên, có thành phần và trạng thái chưa đồng nhất.

Trong phạm vi khảo sát, đã khoan vào lớp này là 5.2m.

Trong quá trình khoan tiến hành lấy 3 mẫu đất, tiến hành thí nghiệm trong phòng 3 mẫu đất.

(2). Tại khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240

Lớp KQ (Lớp phủ): Sét pha xám nâu, xám đen,...

Lớp này trên các bản vẽ ký hiệu là (KQ).

Lớp KQ là lớp đất có nguồn gốc nhân tạo hoặc đã bị xáo trộn do hoạt động sản xuất, lớp này phủ lên toàn bộ khu vực khảo sát.

Bề dày lớp được xác định là 0.3m.

Lớp 1a: Sét pha màu xám nâu, xám đen, đôi chỗ lẫn ít hữu cơ, kẹp ổ cát mịn, trạng thái dẻo chảy.

Lớp này trên các bản vẽ ký hiệu là (1a).

Lớp 1a nằm dưới lớp KQ gặp tại hố khoan khảo sát, công tác khoan khảo sát kết thúc khi chưa khoan qua lớp này.

Thành phần của lớp sét pha màu xám nâu, xám đen, đôi chỗ lẫn ít hữu cơ, kẹp ổ cát mịn, trạng thái dẻo chảy. Đây là lớp đất yếu có nguồn gốc trầm tích sông biển, thành phần không đồng nhất, phân bố gần bề mặt tự nhiên và có bề dày tương đối lớn.

Trong phạm vi khảo sát, đã khoan vào lớp này là 6.7m.

Trong quá trình khoan tiến hành lấy 4 mẫu đất, tiến hành thí nghiệm trong phòng 4 mẫu đất.

(Bảng tổng hợp tính chất cơ lý của các lớp đất và hình trụ lỗ khoan thể hiện tại trang sau của báo cáo)

2.1.2. Điều kiện khí hậu, khí tượng

Dự án triển khai tại địa phận huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên các đặc điểm về khí tượng thủy văn khu vực dự án nằm trong vùng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu Hải Phòng, mang những đặc điểm chung của khí hậu miền bắc nước ta là nhiệt đới gió mùa và khí hậu vùng duyên hải.

❖ Nhiệt độ không khí:

Khu vực Hải Phòng chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và được chia làm hai mùa. Mùa đông (từ tháng 11 năm đến tháng 3 năm sau) có đặc điểm lạnh, khô, trong khi mùa hè (từ tháng 4 đến tháng 10) có đặc điểm nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình cả năm dao động trong khoảng 23-25⁰C. Nhiệt độ cao nhất thường tập trung vào các tháng 6, tháng 7, tháng 8. Các tháng 12, tháng 1, tháng 2 có nhiệt độ thấp nhất trong năm.

Bảng 8: Nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm Hòn Dấu

Năm	Tháng											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2010	18,2	19,4	20,5	22,4	27,2	29,6	30,1	27,5	28	25,5	22,9	20,3
2011	13,9	16,8	16,5	22	26,1	29,5	29,1	28,7	27,5	24,9	24,3	17,9
2012	15,1	15,7	18,9	24,3	28,2	29,4	29,2	28,6	27,7	26,8	23,9	16,7
2013	16,2	19,2	22,2	24	27,9	28,8	28,3	28,9	27,1	25,9	22,7	16,7
2014	17,5	16,5	19	23,3	27,9	29,7	29,4	28,4	28,7	27,1	23,7	17,5
2015	17,8	18,6	20,3	25,2	29,2	30,2	29,3	29,3	28,3	27,1	25,2	19
2016	17,2	15,1	19,1	24,1	27,9	30,2	29,9	28,7	28,5	27,7	23,6	21,2
2017	19,8	18,2	20,8	23,9	27,1	29,4	28,7	28,8	28,1	25,7	22,2	18,3
2018	17,5	16,6	20,9	23,4	28,7	29,9	28,7	28,5	28,1	26,3	24,3	20,1
2019	18,2	21,2	21,6	26,3	27,5	30,5	30,6	29,4	29,1	26,8	23,9	20,3
2020	20,1	19,8	22,5	22,3	28,9	30,8	31,4	28,7	29,1	24,9	23,7	18,5
2021	16,5	20,3	21,9	25,2	29	30,3	30,3	29,9	28,5	25,0	22,6	

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Đông Bắc)

❖ Lượng mưa:

Tổng lượng mưa cả năm tính trong giai đoạn 2010-2021 dao động từ 1156mm đến 2295mm, trung bình khoảng 1700mm/năm.

Lượng mưa phân bố theo 2 mùa:

- Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm khoảng 85% tổng lượng mưa năm. Tháng mưa nhiều nhất là các tháng 7,8 và 9 do mưa bão và áp thấp nhiệt đới.

- Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau chủ yếu mưa nhỏ, mưa phùn, lượng mưa thấp nhất vào các tháng 12 và tháng 2.

Bảng 9. Tổng lượng mưa tháng tại hòn Dấu (mm)

Năm	Tháng											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2010	84	4	11	90	120	87	107	409	383	48	0	5
2011	3	14	69	31	101	196	290	303	855	57	83	33
2012	32	25	29	84	443	127	225	494	193	168	31	36
2013	18	17	63	23	284	147	525	212	414	33	127	36
2014	-	16	64	69	108	181	344	415	290	72	30	50
2015	36	30	19	54	108	184	106	410	351	13	147	56
2016	193	8	23	183	92	176	277	592	176	20	57	1
2017	32	37	50	46	223	242	168	464	430	336	19	17
2018	9	8	16	550	126	101	640	380	267	72	68	58
2019	19	28	39	103	130	153	200	246	58	154	22	4
2020	62	13	41	26	50	76	8	633	254	334	32	4
2021	1	46	59	220	34	220	152	306	434	280	16	

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Đông Bắc)

❖ **Chế độ gió:**

Gió là yếu tố khí tượng cơ bản ảnh hưởng đến sự lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí và làm xáo trộn các chất ô nhiễm trong nước. Tốc độ gió càng lớn thì chất ô nhiễm trong không khí lan toả càng xa nguồn ô nhiễm và nồng độ chất ô nhiễm càng được pha loãng bởi không khí sạch. Ngược lại, khi tốc độ gió càng nhỏ hoặc không có

gió thì nồng độ của các chất ô nhiễm trong không khí xung quanh nguồn thải lớn. Hướng gió thay đổi sẽ làm cho nồng độ của các chất ô nhiễm cũng biến đổi theo.

Hướng gió trong năm tại Hải Phòng biến đổi và thể hiện theo mùa của hoàn lưu.

- Tháng 1, 2 và 12: gió Đông và Đông Bắc chiếm ưu thế tuyệt đối.
- Tháng 3: gió Đông Bắc giảm, gió Đông chiếm ưu thế.
- Tháng 4: gió Đông Bắc giảm, gió Đông chiếm ưu thế.
- Từ tháng 5 đến tháng 8: Gió Đông Nam và gió Nam chiếm ưu thế.
- Tháng 9, 10, 11: gió chuyển dần về hướng Bắc và Đông Bắc.

Tốc độ gió thịnh hành theo các hướng trong đất liền Hải Phòng hàng năm dao động trong khoảng từ 1,8 đến 5,0m/s. Mỗi hướng gió có tốc độ gió khác nhau, nhìn chung gió có hướng Tây – Tây Nam có tốc độ nhỏ nhất, gió có thành phần Nam - Đông Nam có tốc độ lớn nhất.

Bảng 10: Tốc độ gió thịnh hành theo các hướng (m/s)

Tháng	Bắc	Đông Bắc	Đông	Đông Nam	Nam	Tây Nam	Tây	Tây Bắc
1	2,8	3,6	3,9	3,9	3,2	2,6	2,0	2,9
2	2,6	3,5	3,9	4,0	3,0	1,8	2,0	2,6
3	2,7	3,4	3,8	4,1	3,6	2,6	2,4	2,9
4	2,7	3,7	3,0	3,3	4,1	3,3	2,6	2,9
5	3,1	3,7	4,5	5,0	4,6	3,9	2,8	3,8
6	3,5	3,5	3,8	4,4	4,0	3,2	2,8	3,5
7	3,5	3,6	3,8	4,6	4,1	3,4	3,6	4,1
8	3,3	3,4	3,7	4,9	3,5	3,1	3,0	3,5
9	3,6	3,9	3,8	3,7	3,3	2,5	2,8	4,1
10	4,1	3,9	3,9	4,0	3,3	2,4	2,4	3,6
11	4,4	3,9	3,9	3,9	3,5	2,9	2,7	3,5
12	3,2	3,8	3,9	3,9	3,2	2,6	2,7	3,0

(Nguồn: Trạm quan trắc khí tượng Phù Liễn - Kiến An - Hải Phòng)

❖ *Chế độ bức xạ:*

Do chịu ảnh hưởng của cơ chế gió mùa, của các lớp mây ven biển cũng như sự gia tăng độ ẩm và lượng mưa hàng tháng đã gây nên các hiệu ứng hấp thụ, khuyếch tán hoặc

phản xạ một phần năng lượng mặt trời, vì vậy lượng bức xạ mặt trời trung bình năm của vùng ven biển Hải Phòng là 110 – 115 kcal/cm². Tỷ suất bức xạ đạt cao nhất vào tháng 10, tháng 11 (khoảng 124 kcal/cm²) và thấp nhất vào tháng 3 (khoảng 64kcal/cm²). Lượng bức xạ cao nhất vào tháng 5 và tháng 6, thấp nhất vào tháng 2.

Nguồn bức xạ mặt trời là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ nhiệt trong vùng, qua đó ảnh hưởng đến quá trình phát tán cũng như biến đổi các chất gây ô nhiễm. Tầng bức xạ trung bình hàng ngày ở Hải Phòng là 100-115 kcal/cm², chế độ bức xạ mặt trời tương đối ổn định qua các năm. Tổng số giờ nắng trong năm từ 1398 -1714 giờ.

2.1.3. Nguồn tiếp nhận nước thải và đặc điểm chế độ thủy văn, hải văn của nguồn tiếp nhận

- Giai đoạn thi công sẽ phát sinh nước thải sinh hoạt nhưng được thu gom vào hầm tự hoại của nhà vệ sinh di động bố trí trên công trường và định kỳ có đơn vị có chức năng đến thu gom. Dự án không xả thải nước thải sinh hoạt giai đoạn thi công ra ngoài môi trường.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công (việc vệ sinh máy móc, thiết bị thi công không thực hiện thường xuyên). Theo kinh nghiệm thi công và giám sát công trình của các đơn vị chuyên môn, việc vệ sinh trang thiết bị, máy móc không thường xuyên, liên tục nhu cầu sử dụng khoảng 0,5 m³/ngày đêm (*chỉ sử dụng nước sạch để vệ sinh, không sử dụng chất tẩy rửa*), nước rửa xe theo tính toán phát sinh khoảng 2 m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trện địa dự bị Đại đội PPK172/e240) và khoảng 1,65m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trện địa dự bị Đại đội PPK171/e240). Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công được thu gom về hố thu nước, sau khi lắng cát và tách dầu mỡ, lượng nước này được tuần hoàn để vệ sinh thiết bị, dập bụi, phun làm ẩm công trường khi cần thiết, lượng dư thừa sau giai đoạn thi công xây dựng thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút. Chủ dự án cam kết không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường.

- Do vậy báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án không trình bày nội dung về nguồn tiếp nhận nước thải và đặc điểm chế độ thủy văn, hải văn của nguồn tiếp nhận.

2.1.4. Điều kiện kinh tế, xã hội

2.1.4.1. Điều kiện kinh tế, xã hội xã Phả Lễ

Xã Phả Lễ nằm ở phía Đông Nam của huyện Thủy Nguyên, phía Đông giáp xã Phục Lễ và tỉnh Quảng Ninh; phía Tây và phía Nam giáp xã Lập Lễ; Phía Bắc giáp xã Phục Lễ. Xã Phả Lễ iện tích 4,51 km², dân số năm 2022 là 8.697 người, mật độ dân số đạt 1.928 người/km². Là một xã ven biển người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thủy hải sản, nuôi trồng, dịch vụ, kinh tế xã phát triển khá ổn định.

Năm 2024, trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có 10 xã được đầu tư xây dựng NTM kiểu mẫu với 4.657 hộ dân hiến đất, tổng diện tích hiến đất là 71.000m² trong đó Dự án đầu tư xây dựng NTM kiểu mẫu xã Phả Lễ được phê duyệt với tổng mức đầu tư là 116,4 tỷ đồng gồm các công trình giao thông và trường học, nhà văn hoá thôn liên quan đến

603 hộ dân phải hiến đất. Việc lựa chọn đầu tư xây dựng các tuyến đường theo Bộ tiêu chí NTM kiểu mẫu góp phần đồng bộ hóa, kết nối hệ thống giao thông liên vùng, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của xã, góp phần xây dựng Thủy Nguyên có kết cấu hạ tầng giao thông, văn hóa, giáo dục đồng bộ, hiện đại, kết nối chặt chẽ và là bước đệm quan trọng để tạo đà phát triển đô thị hóa tại huyện, từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Thủy Nguyên trở thành thành phố.

Công tác Quốc phòng- an ninh: Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã đã làm tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm. Trên địa bàn xã, về công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định ít hoặc không có vụ việc nghiêm trọng xảy ra.

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử xã Phả Lễ, Báo an ninh Hải Phòng)

2.1.4.1. Điều kiện kinh tế, xã hội xã Phục Lễ

Xã Phục Lễ nằm ở phía đông huyện Thủy Nguyên, có vị trí địa lý: phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh; phía Tây giáp xã Ngũ Lão; phía Nam giáp xã Phả Lễ; Phía Bắc giáp xã Tam Hưng. Xã Phục Lễ có diện tích 5,89 km², dân số năm 2022 là 7.954 người, mật độ dân số đạt 1.350 người/km². Một số nét chính về điều kiện kinh tế, xã hội tại địa phương như sau:

- 6 tháng đầu năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương tiếp tục ổn định và phát triển, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng được thực hiện hiệu quả, không để phát sinh vi phạm mới trên địa bàn. Công tác thu, chi ngân sách có nhiều cố gắng, tập trung tận dụng triệt để các nguồn thu phục vụ cho các mặt hoạt động của địa phương và thực hiện đúng Luật ngân sách. Các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số tồn tại: Công tác thu ngân sách một số chỉ tiêu thu vẫn đạt tỷ lệ thấp. Việc tập kết, thu gom, vận chuyển rác thải chưa đạt chỉ tiêu đề ra (90,1/98% kế hoạch). Việc phát hiện và xử lý các hộ dân vi phạm về môi trường còn chưa kịp thời. Việc thu hồi đất công chưa giải quyết xong. Công tác giải toả hành lang ATGT chưa triệt để dẫn đến vẫn còn tình trạng Nhân dân bán hàng 2 bên vỉa hè gần cổng trường học. Việc vận động Nhân dân trang bị bình PCCC tại hộ gia đình đạt tỉ lệ chưa cao.

- Tại địa phương đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện, cơ sở vật chất có các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cho năm học, Quan tâm chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; chủ động công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Năm 2024, trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có 10 xã được đầu tư xây dựng NTM kiểu mẫu với 4.657 hộ dân hiến đất, tổng diện tích hiến đất là 71.000m² trong đó các Dự án xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Phục Lễ với 20 dự án liên quan đến giao thông, 02 dự án giáo dục và 07 dự án xây dựng, cải tạo Nhà văn hóa xã, thôn với số kinh phí gần 108 tỷ, với 444 hộ dân hiến đất, bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án.

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử xã Phục Lễ)

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

STT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu
Môi trường không khí		
1	Mẫu không khí khu vực xây dựng Trện địa dự bị Đại đội PPK172/e240	K1
2	Mẫu không khí khu vực xây dựng Trện địa dự bị Đại đội PPK171/e240	K2
Môi trường đất		
1	Mẫu đất khu vực xây dựng Trện địa dự bị Đại đội PPK172/e240	Đ1
2	Mẫu đất khu vực xây dựng Trện địa dự bị Đại đội PPK171/e240	Đ2

Bảng 11: Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực triển khai dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
			K1	K2	
1	Tiếng ồn	dB(A)	40,5	43,7	70 (*)
2	Nhiệt độ	0C	37,9	32,5	-
3	Độ ẩm	%	56,5	77,8	-
4	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	-
5	SO ₂	µg/Nm ³	72	41,2	350
6	CO	µg/Nm ³	<4500	<4500	30.000
7	NO ₂	µg/Nm ³	62,6	<24	200
8	TSP	µg/Nm ³	47,8	62,8	300

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
 (*): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Nhận xét: Căn cứ theo kết quả quan trắc mẫu không khí xung quanh khu vực triển khai dự án cho thấy: Nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, môi trường không khí xung quanh khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Bảng 12: Kết quả phân tích mẫu đất khu vực dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT
			Đ1	Đ2	
1	Cd	mg/Kg	2,35	<0,09	4
2	Cu	mg/Kg	69,3	39,6	150
3	Pb	mg/Kg	12,3	11,2	200
4	Zn	mg/Kg	77	68,8	300
5	Cr	mg/Kg	30,47	37,49	150

QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích các mẫu đất lấy tại khu vực Dự án, nhận thấy tất cả các thông số phân tích đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (đất loại 1), chứng tỏ đất khu vực dự án chưa bị ô nhiễm.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

2 khu đất thực hiện dự án cách nhau khoảng 3 km với phần lớn diện tích là đất canh tác nông nghiệp, hiện trạng đa dạng sinh học tại hai khu đất khá tương đồng.

Qua khảo sát thực tế (Cơ quan thực hiện báo cáo ĐTM tự khảo sát) bằng phương pháp tổ chức khảo sát thực địa nhằm thu thập thông tin từ 3 nguồn: Phỏng vấn cán bộ và cộng đồng địa phương; Quan sát các dấu hiệu đặc trưng; Tài liệu thu thập được tại địa phương cho thấy hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực dự án có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Hiện trạng khu đất thực hiện dự án chủ yếu là diện tích đất canh tác nông nghiệp với phần lớn diện tích đã hoang hóa. Thảm thực vật ở phần diện tích canh tác bao gồm lúa nước, cây đại mộc lan chủ yếu bao gồm các loại cỏ bàng, cỏ nển, cỏ xước, cỏ nhọ nồi, bèo tây, bèo tấm và một số loại cây đại khác không có giá trị.

- Hệ động vật tại đây cũng rất đơn giản bao gồm các loại ốc bươu, côn trùng, sâu bọ, ếch nhái, chuột đồng do khu vực này từ lâu đã được cải tạo và canh tác.

- Đối với kênh thủy lợi (kênh ngăn mặn Phả Lập) nằm trong phạm vi sử dụng đất của dự án hệ sinh thái dưới nước tại kênh cũng rất đơn giản gồm: bèo tây, bèo tấm, ốc bươu, cá rô, cá diếc,...

- Đối với phần diện tích khu dân cư lân cận hệ sinh thái trên cạn bao gồm các loại cây ăn quả na, nhãn, vải, xoài, mít, chanh, bưởi, các loại rau ngắn ngày theo mùa, các loại cây, hoa tiểu cảnh; hệ động vật chủ yếu là các loài động vật nuôi trong gia đình như chó, gà các loại động vật hoang dã gặp rất ít, chủ yếu còn sót lại một số loài chim nhỏ, chuột, ếch nhái.

- Nhìn chung, hệ động thực vật tại khu vực thực hiện dự án không phong phú, không có loài có giá trị kinh tế cao hoặc các loài có giá trị bảo tồn. Việc triển khai thực hiện dự án sẽ không làm mất cân bằng hệ sinh thái của khu vực.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

* Các đối tượng bị tác động:

- Môi trường không khí khu vực thực hiện dự án

- Môi trường đất khu vực dự án

- Đối tượng khác: dân cư xã Phục Lễ, xã Phả Lễ nằm trong diện thu hồi đất của dự án, kênh cứng thủy lợi, kênh ngăn mặn Phả Lập, kênh Lò Ngói

- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<10ha) theo quy định của pháp luật về đất đai, có yếu tố di dân, tái định cư (di dân, tái định cư 30 hộ)

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

- Địa điểm thực hiện dự án phù hợp với các văn bản, quyết định:

+ Công văn số 3283/UBND-DT ngày 21/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh các quy hoạch để di chuyển các đơn vị quốc phòng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm;

+ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân;

+ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2024 Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân;

+ Quyết định số 9167/QĐ-UBND ngày 6/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân

chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

+ Quyết định số 9168/QĐ-UBND ngày 6/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK 172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

+ Theo quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023; quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 2/12/2023; Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2023, các khu đất thực hiện dự án thuộc quy hoạch đất quốc phòng an ninh.

+ Theo quy hoạch sử dụng đất huyện Thủy Nguyên thời kỳ 2021-2030 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 08/7/2022, các vị trí khu đất thực hiện dự án phù hợp quy hoạch đất quốc phòng.

- Theo kết quả khảo sát chất lượng môi trường nền (đất, không khí) tại khu vực dự án hiện nay chưa có dấu hiệu ô nhiễm, khu đất thực hiện dự án không có các công trình văn hóa, di tích lịch sử, không có hệ sinh thái cần bảo vệ. Trong tương lai, khi dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo an ninh trật tự xã hội khu vực, phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1.1. Tác động do thu hồi đất

- Để thực hiện dự án sẽ phải tiến hành thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất như sau:

+ Tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 37481,1 m²; Đất thủy lợi (DTL): 307,5 m²; Đất giao thông (DGT): 1693,33 m²; Đất bãi rác (DRA): 3.478,6 m²

+ Tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 34.795,5 m²; Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 141m²; Đất ở nông thôn (ONT): 2.991,9m²; Đất ở nông thôn kết hợp trồng cây lâu năm: (ONT+CLN) 1.948m²; Đất thủy lợi (DTL): 2.562 m²; Đất giao thông (DGT): 3.182,7 m²

- Qua số liệu điều tra thực tế và tình hình kinh tế xã hội của địa phương cho thấy, một phần rất nhỏ đất lúa nằm trong phạm vi thu hồi của dự án hiện đang canh tác 2 vụ lúa/năm, phần lớn đã để hoang hóa; diện tích trồng cây lâu năm gồm các loại cây như: dừa, cau, mít, nhãn. Người dân bị mất đất nông nghiệp, mất diện tích đất trồng cây lâu năm sẽ bị mất nguồn cung cấp lương thực hàng ngày và mất nguồn thu từ việc bán sản phẩm nông nghiệp, bán sản phẩm từ cây trồng. Tuy nhiên các hộ dân nằm trong phạm vi thu hồi đất lúa hiện không phải là các hộ thuần nông, kinh tế trong gia đình hiện không phụ thuộc hoàn toàn vào sản xuất nông nghiệp, hộ có đất ở kết hợp trồng cây lâu năm cũng có các nguồn thu khác cho cuộc sống.

- Phần diện tích đất nuôi thủy sản bị thu hồi (141m²) là của 1 hộ dân hiện đang nuôi cá, dự án chỉ thu hồi 1 phần diện tích ao nuôi của hộ dân này.

- Việc thu hồi đất ở sẽ làm xáo trộn đến đời sống sinh hoạt của người dân do phải sắp xếp lại chỗ ở, phải di chuyển đến nơi ở mới theo chính sách di dân, tái định cư của nhà nước (có 30 hộ dân phải bố trí tái định cư) và hộ dân sẽ cần thời gian để thích nghi với môi trường sống mới, có thể làm xáo trộn công việc do địa điểm làm việc có thể bị cách quá xa so với vị trí được bố trí tái định cư. Tuy nhiên, địa điểm tái định cư hiện dự kiến bố trí tại khu tái định cư Bắc sông Cẩm khu B, nằm trên địa bàn huyện Thủy Nguyên và cách nhà dân hiện trạng thuộc diện tái định cư trong phạm vi <10km nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến đời sống sinh hoạt của các hộ dân.

- Trong quá trình đo đạc, kiểm đếm đất, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của các hộ dân có đất thu hồi phục vụ dự án thì các hộ dân đều đồng ý chấp thuận với yêu cầu mức giá hỗ trợ bồi thường đất đai hợp lý.

3.1.1.2 Tác động do hoạt động di dời các ngôi mộ

- Diện tích sử dụng đất của dự án có 461,2 m² đất nghĩa trang, phải di dời tổng cộng 30 mộ. Các ngôi mộ này đều là mộ cát táng.

- Đối với gia đình người Việt Nam, do các yếu tố tâm linh và tập quán, việc di chuyển mộ thường phức tạp và tốn kém. Chi phí cho việc di dời không chỉ đơn thuần là chi phí cho việc phá dỡ, đào bới xây mộ mới, mà còn phải chi phí cho việc cúng lễ, chờ đợi “ngày lành tháng tốt”. Di dời các ngôi mộ này mà không quan tâm đến vấn đề này và việc đền bù không sát thực tế thì ngoài những ảnh hưởng xã hội còn gây ra những mâu thuẫn giữa người bị ảnh hưởng với những người thi công, thậm chí kéo dài thời gian giải phóng mặt bằng.

3.1.1.2. Tác động đến môi trường xã hội do thu hồi đất

Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng của dự án, các tác động tới môi trường xã hội gồm có:

+ Công tác đền bù nếu không diễn ra thuận lợi và không được sự chấp thuận của người dân sẽ gây ra áp lực về an ninh xã hội tại khu vực;

+ Người dân bị tác động mạnh bởi mức đền bù, nếu đền bù thỏa đáng người dân sẽ chấp nhận, ngược lại khi đền bù không hợp lý sẽ không chấp nhận, gây cản trở quá trình giải phóng mặt bằng, làm chậm tiến độ thi công dự án. Điều này cũng gây xáo trộn đến vấn đề an ninh trật tự như biểu tình, chống đối, phá hoại trên địa bàn các xã.

+ Các hành vi sử dụng tiền đền bù đúng mục đích bao gồm đầu tư cho học nghề, đầu tư cho mở mang ngành nghề và dịch vụ, mua sắm phương tiện, tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh gửi tiết kiệm là các hoạt động có thể giúp tăng thu nhập hoặc góp phần nâng cao năng suất lao động, từ đó có thể cải thiện thu nhập của hộ gia đình ở hiện tại và trong tương lai. Ngược lại nếu người nhận đền bù có các hành vi dụng tiền đền bù không đúng mục đích bao gồm mua và xây dựng nhà ở, lô đề, cờ bạc,.. không sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất, học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp nên dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm thì số tiền nhận bồi thường nhanh chóng cạn kiệt, các hộ dân sẽ rơi vào hoàn cảnh khó khăn, thậm chí trở thành nghèo đói sau thời gian mất đất, khi tiêu hết tiền đền bù. Cuộc sống gia đình trở nên xáo trộn, ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống, an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương cần tư vấn các hộ dân mất đất lập kế hoạch sử dụng tiền đền bù phục vụ mục đích ổn định cuộc sống và chuyển đổi nghề nghiệp.

3.1.2. Đề xuất biện pháp giảm thiểu

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại: Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định 35/2015/NĐ-CP; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; Luật Trồng trọt; Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức thực hiện đền bù: Việc bồi thường đất và hỗ trợ cho người dân thuộc diện thu hồi sẽ được chủ dự án phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật và địa phương:

+ Trung tâm phát triển quỹ đất sẽ tiến hành khảo sát hiện trạng sử dụng đất, thảo luận với dân cư để đề xuất chính sách, giá đền bù hợp lý dựa trên quy định của nhà nước và thành phố Hải Phòng, lập phương án đền bù xin UBND huyện Thủy Nguyên phê duyệt.

+ Phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi;

+ Gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, trong đó, nêu rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường;

+ Trong quá trình đền bù, di dân, các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức, sắp xếp đền bù. Cần có chính sách đền bù thỏa đáng để người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống, cũng như các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện theo đúng tiến độ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dự án.

+ Đối với việc di chuyển các phần mộ: Phương án di dời được đề xuất là các thân nhân tự di dời mộ về các khu nghĩa trang đã được quy hoạch trên địa bàn xã Phụ Lễ, Phả Lễ. Kinh phí di dời và các chi phí cải táng, chi phí hợp lý khác sẽ do chủ đầu tư dự án cung cấp. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng các hộ dân. Thời gian GPMB sẽ được thông báo sớm cho thân nhân các ngôi mộ để họ tiến hành các lễ nghi cần thiết trong việc thực hiện di dời các mộ. Đền bù, hỗ trợ cho các chủ hộ để di dời các ngôi mộ sẽ được thực hiện theo Kế hoạch đền bù của chủ đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

- Nhằm mục đích hạn chế các tác động xã hội tiêu cực do thu hồi chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương kiểm kê, đánh giá, khối lượng công tác GPMB phải tiến hành với từng hộ dân trên nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, hợp lý; tuyên truyền giáo dục để người dân nâng cao nhận thức cũng như kế hoạch tiêu tiền đền bù hợp lý.

- Việc giải phóng mặt bằng và thay đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch chung của địa phương, đảm bảo hạ tầng cơ sở bàn giao cho các đơn vị quân đội: Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 nhằm ổn định cuộc sống, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, củng cố thế trận phòng thủ của thành phố từ đó sớm bàn giao mặt bằng của đơn vị tại địa điểm hiện tại nhằm phục vụ thi công Dự án

đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Chi phí giải phóng mặt bằng được tính toán dự kiến khoảng 73.923.940.224 đồng.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án

- Hạng mục dò tìm xử lý bom mìn vật liệu nổ của dự án được chủ đầu tư dự án thuê nhà thầu phụ thực hiện, công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Các tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án như sau:

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Tác động do nước thải

Nước thải và thành phần chất ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng được mô tả trong bảng tổng hợp sau:

Bảng 13: Nguồn nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Nguồn gây ô nhiễm	Chất ô nhiễm chỉ thị	Nguồn phát sinh
1	Nước thải sinh hoạt	TSS, BOD, COD, Nitơ, Photpho, vi khuẩn...	Sinh hoạt của người lao động
2	Nước thải thi công	pH, TSS, COD, BOD, ...	Khu vực xây dựng
3	Nước mưa chảy tràn	TSS, kim loại nặng, dầu mỡ, độ đục, ...	Trên toàn bộ mặt bằng dự án

a. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh và thành phần: loại nước thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 25 công nhân làm việc với thành phần ô nhiễm đặc trưng bao gồm hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, Coliform,...

- Theo dự báo tại Chương I, lượng nước cấp sinh hoạt cho 50 người là 1,5 m³/ngày đêm, nhu cầu xả thải tính bằng 100% lượng nước cấp đầu vào và bằng 1,5 m³/ngày đêm.

Bảng 14. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Hệ số phát thải (g/người.ngày)	Hệ số phát thải TB (tính cho 1 ca làm việc)	Số lượng (người)	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/ BTNMT (B)
				y	z=x*y	z/1,5	
BOD ₅	mg/l	45 - 54	16,5	50	825	550	50
TSS	mg/l	70 - 145	35,8	50	1790	1.193	100
Dầu mỡ ĐTV	mg/l	10 - 30	6,67	50	333,5	222	20
Tổng N	mg/l	6 - 12	3	50	150	100	-
Tổng P	mg/l	6 - 12	3	50	150	100	-
NH ₄ -N	mg/l	0,8 - 4	0,8	50	40	26,67	10

- Số liệu trong bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi chưa qua xử lý cao hơn tiêu chuẩn cho phép. Với đặc thù chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ, nước thải sinh hoạt có khả năng gây ô nhiễm không nhỏ đối với nguồn tiếp nhận.

- Bên cạnh đó sự có mặt của vi khuẩn Coli và một số loại vi khuẩn đường bệnh gây bệnh khác trong nước có thể xâm nhập vào các nguồn thức ăn như rau, củ, quả khi được tưới hoặc rửa bằng các loại nước bị ô nhiễm bởi các loại vi khuẩn này, từ đó xâm nhập vào cơ thể người gây ra những dịch bệnh như tiêu chảy cấp, dịch tả,...Nước thải sinh hoạt nhất thiết phải được xử lý trước khi đưa ra môi trường.

b. Nước thải xây dựng

Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công (việc vệ sinh máy móc, thiết bị thi công không thực hiện thường xuyên) và rửa xe trên công trường.

Theo kinh nghiệm thi công và giám sát công trình của các đơn vị chuyên môn, việc vệ sinh trang thiết bị, máy móc không thường xuyên, liên tục nhu cầu sử dụng khoảng 0,5 m³/ngày đêm (*chỉ sử dụng nước sạch để vệ sinh, không sử dụng chất tẩy rửa*). Lượng nước cấp cho hoạt động rửa xe khoảng 2,85 m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240) và khoảng 1,85m³/ngày (tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240), nước thải phát sinh bằng 100% nước cấp đầu vào.

Nước cấp cho công đoạn trộn bê tông được sử dụng vừa đủ theo từng mẻ trộn, ngấm trực tiếp vào vật liệu xây dựng nên không phát sinh nước thải thi công từ công đoạn này.

Thành phần ô nhiễm của nước thải xây dựng gồm chất rắn lơ lửng, một lượng nhỏ dầu mỡ khoáng bám vào xe. Mặt khác, trong quá trình vận hành các phương tiện, thiết bị sử dụng dầu DO có thể vương vãi trên mặt bằng và bị cuốn theo dòng nước thải vào nguồn tiếp nhận, nhưng với lượng không nhiều.

Thành phần ô nhiễm trong nước thải thi công chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng với nồng độ như sau:

Bảng 15. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Nước thải thi công	QCVN 40:2011 (cột B)
1	Chất lơ lửng SS	mg/l	663,0	100
2	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3	10

[Nguồn: Trung tâm Môi trường Đô thị và Công nghiệp - CETIA]

QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B: xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)

Nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao hơn tiêu chuẩn cho phép và có thể lẫn dầu mỡ. Nếu không được thu gom vào các bể lắng tạm thời để xử lý mà xả trực tiếp vào nguồn nước mặt sẽ làm gia tăng độ đục và gây ô nhiễm. Tuy nhiên tại mỗi công trường thi công nước thải xây dựng được thu gom theo rãnh thoát nước có kích thước 0,5x0,5 (m) độ dốc 0,5- 1% hướng về 2 bể lắng có đặt gôïi thấm dầu để hấp thụ văng dầu. Mỗi bể lắng có dung tích khoảng 3 m³, sau khi lắng cát và tách dầu mỡ, lượng nước này được tuần hoàn nước tái sử dụng cho mục đích rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công; tưới đập bụi công trường, tưới ẩm vật liệu xây dựng khi cần thiết. Lượng dư thừa sau quá trình thi công, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý, dự án cam kết không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường.

c. Nước mưa chảy tràn

Khi chảy tràn bề mặt công trường, nước mưa có khả năng cuốn trôi các chất bẩn như nguyên vật liệu rơi vãi, đất đá, bao bì nilon, ... xuống các vùng thấp hơn ngoài công trường, nguồn nước mặt tại khu vực gần công trường có nguy cơ bị ô nhiễm chất hữu cơ, chất rắn, kim loại nặng và vật trôi nổi.

Thành phần ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn gồm: theo số liệu theo Tổ chức Y tế Thế Giới - WHO cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa khoảng 0,5 - 1,5 mg N/l; 0,004 - 0,03 mgP/l; 10 - 20 mg COD/l và 10 - 20 mg TSS/l.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được tính theo công thức

$$Q = C \times q \times F \text{ (l/s)}$$

(Nguồn: “Giáo trình quản lý môi trường nước”; PGS.TS. Trần Đức Hạ; NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2006)

Trong đó :

Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn vào tháng có lượng mưa lớn nhất (l/s).

C: Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào đặc điểm đặc điểm bề mặt địa hình, dựa theo điều kiện địa hình chọn hệ số $C = 0,2$.

F: diện tích công trường thi công (ha);

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha); $q = 166,7 \times I$, trong đó I là cường độ trung bình ngày trong tháng có lượng mưa lớn nhất ghi nhận tại Trạm khí tượng gần Dự án nhất.

Theo số liệu của Đài khí tượng thủy văn khu vực Đông Bắc cường độ mưa lớn nhất trong 10 năm gần nhất là 855mm (tháng 9), tương đương 0,00033 mm/s. Khi đó, $q = 166,7 \times 0,00033 \text{ mm/s} = 0,055 \text{ l/s.ha}$

Tính toán lưu lượng nước chảy qua các khu vực tiến hành xây dựng ứng với ngày trong tháng có lượng mưa lớn nhất (855 mm) như sau:

+ Tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240: $Q_1 = 0,2 \times 4,3 \times 0,055 = 0,0462 \text{ (l/s)}$.

+ Tại khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240: $Q_2 = 0,2 \times 4,61 \times 0,055 = 0,05071 \text{ (l/s)}$.

Nếu lượng nước mưa này không được thu gom và có biện pháp xử lý phù hợp có thể gây ra ngập úng và gây tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt và đời sống thủy sinh trong môi trường nước khu vực tiếp nhận.

3.2.1.2. Tác động do chất thải rắn thông thường

a. Chất thải sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng với thành phần hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả thừa...) và vô cơ (túi nilon, hộp đựng cơm, lon nước ngọt...). Trong đó thành phần hữu cơ chiếm khoảng 65-95%, phần còn lại là thành phần vô cơ chiếm khoảng 5-35%.

Trong giai đoạn xây dựng, số lượng công nhân dự kiến là 30 người tại mỗi công trường thi công.

Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức rác thải sinh hoạt của 1 người là 1,3 kg/người/ngày đêm (24 h làm việc) ~ 0,43 kg/người/ngày đêm (8h làm việc). Lượng rác sinh hoạt phát sinh tại mỗi công trường thi công là khoảng 21,5 kg/ngày đêm.

Thành phần hữu cơ trong rác sinh hoạt dễ phân hủy dưới điều kiện nhiệt độ cao gây mùi hôi thối, phát sinh nước rỉ rác gây ô nhiễm môi trường đất, nước nguồn tiếp

nhận, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh vật gây bệnh phát triển (*ruồi, nhặng,...*). Tuy nhiên chất thải rắn sinh hoạt của các công nhân xây dựng sẽ được thu gom vào thùng rác, cuối ngày thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý nên hoạt động này tác động đến môi trường là không đáng kể.

b. Sinh khối thực vật từ quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng

Trước khi giao đất cho chủ đầu tư, các công trình trên đất ở đã được phá dỡ, mặt bằng sạch được bàn giao lại cho chủ đầu tư. Toàn bộ diện tích cây trồng trên đất khu vực dự án đã được người dân thu hoạch, cây cối còn lại trên mặt bằng diện tích dự án chủ yếu là thảm cỏ, cây bụi, rom khô và một số cây bóng mát, cây ăn quả.

Dựa trên các số liệu điều tra khảo sát của chủ đầu tư, dự kiến khối lượng cành, rễ lá cây, cỏ dại, rom khô phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng dự kiến:

+ Khoảng 3 tấn đối với khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240.

+ Khoảng 15 tấn đối với khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240.

c. Chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công dự án phát sinh từ các nguồn sau:

+ Đất đào không thích hợp cần đổ thải từ quá trình đào lớp đất mặt diện tích đất trồng lúa, đào khuôn đường, đào hệ thống thoát nước, đào nền đường,..

+ Chất thải rắn từ nguyên vật liệu xây dựng: vỏ bao bì, đầu mẩu sắt thép, gỗ ván hỏng,...

(1) Lượng đào không thích hợp cần đổ thải

- Theo bảng 3, tổng khối lượng đào của Khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 là 15.516,363 m³ trong đó:

+ Khối lượng đào lớp đất hữu cơ bề mặt diện tích đất trồng lúa là 9.370,275m³ sẽ được bóc tách riêng và bàn giao lại cho địa phương để sử dụng cho mục đích nông nghiệp.

+ Khối lượng đào móng công trình, đào hệ thống thoát nước, đào nền đường, đào bóc lớp đất không thích hợp là 6.146,088 m³ trong đó khối lượng đào được tận dụng lại là 79,7 m³, khối lượng bùn đất đào cần đổ thải của dự án là 6.066,388m³

- Theo bảng 5, tổng khối lượng đào của Khu đất xây dựng Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 là 16.544,854 m³ trong đó:

+ Khối lượng đào lớp đất hữu cơ bề mặt diện tích đất trồng lúa là 8.698,875 m³ sẽ được bóc tách riêng và bàn giao lại cho địa phương để sử dụng cho mục đích nông nghiệp.

+ Khối lượng đào móng công trình, đào hệ thống thoát nước, đào nền đường (đường kết nối), đào bóc lớp đất không thích hợp là 7.845,979 m³ trong đó khối lượng đào được tận dụng lại là 5.070,304 m³, khối lượng bùn đất đào cần đổ thải của dự án là 2.775,675m³

(2) Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khác

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khác được tính toán dự báo dựa trên các căn cứ sau:

+ Khối lượng các loại nguyên vật liệu của dự án

+ Định mức hao hụt vật liệu xây dựng trong thi công Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng cụ thể như sau:

TT	Loại vật liệu	Nhu cầu sử dụng (tấn)	Định mức hao hụt (%)	Lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh (kg)
I. Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240				
1	Xi măng	476,024	1	4760,24
2	Sắt, thép các loại	4,678	2	93,56
3	Đinh	0,003	1	0,03
4	Gạch chỉ không nung, gạch chỉ nung	216,533	1	2165,33
5	Gỗ ván các loại	12,88	3	386,4
Tổng I				7.405,56
II. Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240				
1	Xi măng	167,981	1	1679,81
2	Sắt, thép các loại	0,113	2	2,26
3	Đinh	0,001	1	0,01
4	Gạch chỉ không nung, gạch chỉ nung	1,761	1	17,61
5	Gỗ ván các loại	1,04	3	31,2
Tổng II				1.730,89

Chất thải rắn từ nguyên vật liệu xây dựng sẽ được thu gom, phân loại:

+ Một số loại như vỏ bao xi măng, bìa carton, đầu mẫu sắt thép, đinh hỏng, có giá trị tận thu, nên chủ dự án sẽ thực hiện thu gom, tập kết vào khu chứa tạm trên công trường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, tái chế.

+ Các chất thải không thể tái sử dụng hoặc tái chế chủ yếu là gạch vỡ, gỗ ván các loại cần thải thải bỏ.

d. Chất thải rắn từ bãi rác

Trong phạm vi thu hồi thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 có 3.487,6 m² là đất bãi rác. Khu đất này trước đây là bãi rác tạm của xã Phả Lễ để tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương, tuy nhiên để đảm bảo vệ sinh môi trường đã ngừng tiếp nhận rác nhiều năm. Qua điều tra khảo sát, trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng tiến hành thu gom toàn bộ lượng chất thải đang tồn tại trên phần diện tích bãi rác này, khối lượng dự báo khoảng 10m³.

- **Nhận xét:** Chất thải xây dựng, chất thải từ phát quang dọn dẹp mặt bằng, đất bóc tách, chất thải rắn từ bãi rác hiện trạng không được xử lý hợp lý sẽ là nguyên nhân gây mất cảnh quan khu vực dự án. Khi tồn tại trên mặt bằng thi công, các chất thải loại này có thể bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ra sự gia tăng độ đục đối với nguồn tiếp nhận. Việc đổ thải bừa bãi, không đúng vị trí quy hoạch sẽ gây mất mỹ quan đô thị, thay đổi điều kiện môi trường tự nhiên, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tác động xấu đến hệ sinh thái tại vị trí đổ thải vì vậy việc thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải sẽ được chủ dự án thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật.

3.2.1.3. Tác động do chất thải nguy hại

- **Nguồn phát sinh:**

Trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động bảo dưỡng định kỳ máy móc sẽ không thực hiện ngay tại công trường, toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được đưa đến xưởng bảo dưỡng nên hoạt động bảo trì, sửa chữa máy móc không phát sinh chất thải nguy hại tại công trường. Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án từ các hoạt động sau:

+ Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị xây dựng.

+ Tắm thấm dầu từ ga thu nước tạm trên công trường;

+ Que hàn, đầu mẫu que hàn từ quá trình hàn cấu kiện;

* **Lượng phát sinh:**

1. **Vật liệu hấp phụ (tắm thấm dầu thải), giẻ lau găng tay thấm dầu:** dự báo 150 kg/mỗi công trường

2. **Que hàn, đầu mẫu que hàn:** Theo định mức hao hụt vật liệu trong quá trình thi công tại Định mức sử dụng vật liệu áp dụng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, lượng que hàn, đầu mẫu que hàn thải ước tính bằng khoảng 2% lượng que hàn sử dụng.

+ Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240: sử dụng 3 kg que hàn, khối lượng que hàn, đầu mẫu que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại là 0,06 kg.

+ Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240: sử dụng 1 kg que hàn, khối lượng que hàn, đầu mẫu que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại là 0,02 kg.

Bảng 16. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg)	Mã CTNH
I. Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240				
1	Vật liệu hấp phụ bị nhiễm các thành phần nguy hại (gối thấm dầu thải), giẻ lau găng tay dính dầu)	Rắn	150	18 02 01
2	Que hàn, đầu mẫu que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	0,06	07 04 01
Tổng I			150,06	
II. Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240				
1	Vật liệu hấp phụ bị nhiễm các thành phần nguy hại (gối thấm dầu thải), giẻ lau găng tay dính dầu)	Rắn	150	18 02 01
2	Que hàn, đầu mẫu que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	0,02	07 04 01
Tổng II			150,02	

- *Tác động:* Các loại chất thải nguy hại thể hiện độc tính khi tiếp xúc với da, có tác hại với sức khỏe công nhân trực tiếp tiếp xúc, dễ bắt cháy và gây ra các sự cố cháy nổ. Đồng thời đây là các chất tiềm ẩn gây ra các tác động nhanh chóng đối với môi trường thông qua tích lũy sinh học và gây tác hại đến hệ sinh vật. Lượng chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn thi công dự án rất nhỏ tuy nhiên nếu không có các biện pháp thu gom và xử lý theo đúng quy định, các chất thải này có thể phát tán ra môi trường, gây tác động nghiêm trọng đến các thành phần môi trường xung quanh, đặc biệt là đối với môi trường đất và nước. Dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu đối với các chất thải nguy hại này.

3.2.1.4. Tác động do bụi, khí thải

❖ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, khối lượng bùn đất đào cần đổ thải ra khỏi dự án.

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển gồm: SO₂, NO₂, CO, CO₂... Tùy theo loại động cơ và loại nhiên liệu mà khối lượng các chất thải độc hại chiếm tỷ lệ khác nhau trong khí thải ra.

Tài lượng ô nhiễm

- Nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các hạng mục công trình của dự án bao gồm gạch, cát vàng, xi măng, đá dăm,... Nhà phân phối nguyên vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, khoảng cách đến chân công trình khoảng 20-30km.

+ Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240: nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu là: 129.035,44 tấn, lượng đào cần đổ thải khoảng 6.066,388 m³~8.492,94 tấn

+ Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240: nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu là: 65374,95 tấn, lượng đào cần đổ thải khoảng 2.775,675 m³~3.885,945 tấn

- Cách thức vận chuyển: Sử dụng ô tô tự đổ tải trọng 7 tấn.

- Theo thực tế thi công, không phải trong suốt quá trình thi công, ngày nào cũng phải vận chuyển nguyên vật liệu thi công về công trường mà sẽ chia thành nhiều đợt theo đúng tiêu chí “dùng đến đâu lấy đến đó”. Số lượt xe ra vào công trường thi công tại mỗi công trường như sau:

TT	Tổng khối lượng cần vận chuyển (tấn)	Trọng tải xe (tấn)	Số ngày vận chuyển	Lượt xe/ngày (ra và vào công trường, ngày làm việc trung bình 8 giờ)	Số lượt xe/giờ (ra vào công trường)
1	Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240				
	137.528,38	7	350	114	14,25
2	Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240				
	68.983,33	7	270	74	9,25

Theo thống kê của Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (USEPA) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì đối với loại xe tải <16 tấn chạy bằng dầu Diesel, hệ số phát thải các chất ô nhiễm là:

Bảng 17. Hệ số phát thải của các chất ô nhiễm đối với xe tải <16 tấn

STT	Các chất phát thải	Hệ số phát thải (kg/1000km/lượt xe)
1	Bụi	0,9
2	NO _x	14,4
3	SO ₂	4,15S
4	CO	2,9
5	VOC	0,8

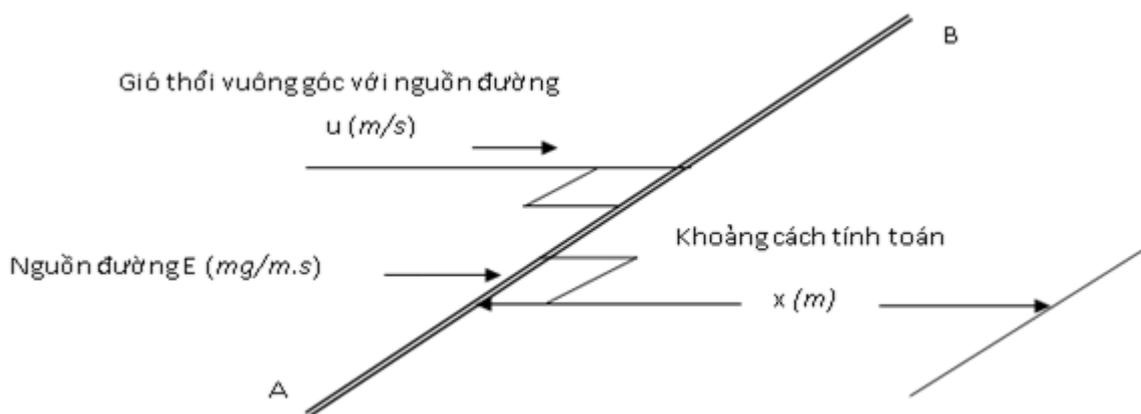
Nguồn: Rapid inventory technique in environmental control, WHO, 1993.

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu Diesel (S=0,05%)

Bảng 18. Tải lượng các chất ô nhiễm từ phương tiện vận chuyển

STT	Các chất phát thải	Lượt xe/h	Quãng đường (km)	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km/lượt xe)	Tải lượng (kg/h)	Tải lượng (mg/m/s)
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240						
1	Bụi	14,25	30	0,9	0,384	0,003563
2	NO _x			14,4	6,156	0,057
3	SO ₂			4,15S	0,0009	0,000008
4	CO			2,9	1,240	0,011479
5	VOC			0,8	0,342	0,003167
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240						
1	Bụi	9,25	30	0,9	0,250	0,002313
2	NO _x			14,4	3,996	0,037
3	SO ₂			4,15S	0,000576	0,000005
4	CO			2,9	0,8047	0,007451
5	VOC			0,8	0,222	0,002056

Để tính toán phát thải và mức độ ảnh hưởng của bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển, ta sử dụng mô hình nguồn đường.



Hình 3. Mô hình các yếu tố tính toán phát thải do giao thông (nguồn đường)

Giả định, nguồn đường trên là nguồn thải liên tục, gió thổi vuông góc với nguồn đường.

Nồng độ trung bình chất ô nhiễm ở khoảng cách x, cách nguồn đường phía cuối gió ứng với các điều kiện trên được xác định theo công thức tính toán như sau:

$$C_{(x)} = 2E / (2\delta)^{1/2} \delta_z \cdot U$$

Hoặc có thể xác định theo công thức mô hình cải biên của Sutton như sau:

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right] \right\}}{\sigma_z u}$$

Trong đó:

- C là nồng độ chất ô nhiễm trong môi trường không khí (mg/m³).
- E là tải lượng của chất gây ô nhiễm từ nguồn thải tính trên đơn vị dài của nguồn đường trong đơn vị thời gian (mg/m.s).
- z là độ cao của điểm tính toán (m); Xét mức độ phát thải ở độ cao z = 2 m.
- h là độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m); h = 0,2 m.
- u là tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s); Tốc độ gió trung bình trong đất liền Hải Phòng hàng năm dao động trong khoảng từ 1,8 đến 4,1 m/s, chọn u = 2,7 m/s
- $\sigma_z = 0,53x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng (m).
- x là khoảng cách tính từ tâm đường sang 2 bên (m)

Bảng 19. Nồng độ các chất ô nhiễm do các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu

Đại lượng	Chất ô nhiễm				
	Bụi	NO ₂	SO ₂	CO	VOC
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240					
Tải lượng E (mg/m.s)	0,003563	0,057	0,000008	0,011479	0,003167
Nồng độ gia tăng tại điểm cách tâm đường 5m (mg/m ³)	0,000625	0,010004	0,000001	0,002015	0,000556
Nồng độ gia tăng tại điểm cách tâm đường 10m (mg/m ³)	0,000579	0,00926	0,000001	0,001865	0,000514
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240					
Tải lượng E (mg/m.s)	0,002313	0,037	5x10 ⁻⁶	0,007451	0,002056

Nồng độ gia tăng tại điểm cách tâm đường 5m (mg/m ³)	0,000406	0,006494	0,000001	0,001308	0,000361
Nồng độ gia tăng tại điểm cách tâm đường 10m (mg/m ³)	0,000376	0,00611	0,000001	0,001210	0,000334
QCVN 05:2023/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30	-

Nồng độ các chất thải trong không khí tại một vị trí bất kỳ khi chịu tác động thêm từ hoạt động của xe chở nguyên vật liệu được tạm tính như sau:

$$C_t = C_o + C(mg/m^3)(^{**})$$

Trong đó:

- + C_t: Nồng độ chất thải trong không khí khi có xe vận chuyển nguyên vật liệu.
- + C_o: Nồng độ chất thải trong không khí hiện trạng khi không có xe vận chuyển nguyên vật liệu.
- + C: Nồng độ chất thải phát thải vào trong không khí khi có hoạt động của xe vận chuyển vật liệu (được tính toán tại bảng 19).
- Nồng độ chất thải trong không khí hiện trạng khi chưa có xe vận chuyển nguyên vật liệu (C_o) được lấy từ kết quả phân tích môi trường không khí hiện trạng.

Bảng 20. Nồng độ các chất thải trong không khí khi có thêm xe vận chuyển nguyên vật liệu

Đại lượng	Chất ô nhiễm (mg/m ³)			
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240				
Nồng độ chất thải có trong môi trường không khí hiện trạng(mg/m ³)	0,0478	0,072	0,0626	<4,5
Nồng độ tại điểm cách tâm đường 5m (mg/m ³)	0,048425	0,082004	0,062601	<4,502015
Nồng độ tại điểm cách tâm đường 10m (mg/m ³)	0,048379	0,08126	0,062601	<4,501865
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240				
Nồng độ chất thải có trong môi trường không khí hiện trạng(mg/m ³)	0,0628	0,0412	<0,024	<4,5

Nồng độ tại điểm cách tâm đường 5m (mg/m ³)	0,063206	0,047694	<0,024001	<4,501308
Nồng độ tại điểm cách tâm đường 10m (mg/m ³)	0,063176	0,04731	<0,024001	<4,501210
QCVN 05:2023/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30

- *Nhận xét:* Theo kết quả bảng dữ liệu tính toán trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải ra từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu trong giai đoạn xây dựng đều nằm dưới ngưỡng cho phép (QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí).

❖ Hoạt động của máy móc hỗ trợ thi công xây dựng

Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường xây dựng được tính toán dựa trên sự tiêu hao nhiên liệu (dầu diesel). Thực tế lượng tiêu hao nhiên liệu dầu trong mỗi ngày, mỗi giai đoạn thi công là khác nhau. Căn cứ nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị trong giai đoạn thi công, định mức tiêu hao nhiên liệu của các loại máy móc thiết bị, dự kiến nhu cầu sử dụng dầu DO lớn nhất theo giờ là khoảng 80 lít/giờ tại mỗi công trường.

Việc vận hành thiết bị đồng nghĩa nhiên liệu dầu DO bị đốt cháy và sinh ra bụi, khí thải chứa CO, SO₂, NO_x...

- Hệ số phát thải được lấy theo tài liệu US-EPA, Locomotive Emissions Standard, Regulatory Support Document, April, 1998, cụ thể:

+ Thể tích khí thải tiêu chuẩn khi đốt cháy 1 lít dầu là $V = 18 \text{ Nm}^3/1 \text{ lít DO}$.

+ Tải lượng ô nhiễm trong khối thải tương ứng khi đốt 1 lít dầu DO: $E(\text{TSP}) = 1,80 \text{ g/l}$; $E(\text{SO}_2) = 2,80 \text{ g/l}$; $E(\text{CO}) = 7,25 \text{ g/l}$; $E(\text{NO}_x) = 3,40 \text{ g/l}$; $E(\text{VOCs}) = 2,83 \text{ g/l}$.

Nồng độ nguồn thải phát sinh từ hoạt động máy móc thi công được tính toán theo $C = (E_s * L) / (u * H)$ (**công thức 1**), được dự báo như sau:

Bảng 21. Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy móc thi công dự án

TT	Hạng mục tính	Đơn vị	Giá trị tính				
			TSP	SO ₂	NO ₂	CO	VOCs
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240							
1	Phạm vi hoạt động (S)	m ²	42.971,53				
2	Lượng dầu DO tiêu thụ (V _D)	lít/h	80				
3	Hệ số phát thải (α)	g/lít DO	1,8	2,8	3,4	7,25	2,83
4	Khối lượng ô nhiễm (E) = V _D X α	g/h	144	244	272	580	226,4
5	Tải lượng TB (E _s) =	mg/m ² /s	0,00093	0,00145	0,00176	0,00375	0,00146

	$10^3E/3.600/S$						
6	Chọn điều kiện tính toán		L= 210,2 m, u = 2,7 m/s; H = 2,5 m				
7	$C = (E_s * L) / (u * H)$	mg /m ³	0,0144	0,0225	0,0273	0,0584	0,0228
Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240							
1	Phạm vi hoạt động (S)	m ²	46.082,29				
2	Lượng dầu DO tiêu thụ (V _D)	lít/h	80				
3	Hệ số phát thải (α)	g/lít DO	1,8	2,8	3,4	7,25	2,83
5	Khối lượng ô nhiễm (E) = V _D X α	g/h	144	244	272	580	226,4
6	Tải lượng TB (E _s) = $10^3E/3.600/S$	mg/m ² /s	0,00087	0,00135	0,00164	0,00350	0,00137
7	Chọn điều kiện tính toán		L= 267 m, u = 2,7 m/s; H = 2,5 m				
8	$C = (E_s * L) / (u * H)$	mg /m ³	0,0172	0,0267	0,0324	0,0691	0,0270
QCVN 05:2023/BTNMT		mg /m ³	0,3	0,35	0,2	30	-

- *Tác động:* Theo số liệu dự báo, nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành máy móc thiết bị hỗ trợ thi công đều thấp hơn QCVN 05:2023/BTNMT. Đồng thời, trong giai đoạn thi công, chủ dự án áp dụng biện pháp giảm thiểu nguồn thải tại nguồn như trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc, sử dụng nhiên liệu dầu DO, xăng có chất lượng đảm bảo hàm lượng S theo tiêu chuẩn, có kế hoạch sử dụng máy móc phù hợp, đảm bảo thi công và bảo vệ môi trường, không chông chéo. Do đó, mức độ tác động của nguồn thải này là không lớn, có thể chấp nhận.

❖ Ô nhiễm bụi từ hoạt động đào, đắp công trình

Mức độ phát tán bụi trong hoạt động đào, đắp công trình phụ thuộc vào khối lượng đào, đắp đất, được tính toán căn cứ trên hệ số phát thải ô nhiễm (E). Xác định hệ số phát thải ô nhiễm bụi theo tài liệu hướng dẫn Đánh giá tác động môi trường của Ngân hàng thế giới (World Bank, 1991 và US EPA, 1995) như sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} / (M/2)^{1,3} \text{ (kg/tấn)}$$

Trong đó: E: Hệ số ô nhiễm (kg/tấn);

k: Hệ số không thứ nguyên cho kích thước bụi (k = 0,8 với bụi có kích thước <30μm)

U (m/s): tốc độ gió tại thời điểm thi công, u = 2,7 m/s

M: Độ ẩm trung bình của vật liệu đắp (đất núi, cát, đất đào tận dụng). Chọn độ ẩm trung bình M=15 %

$$\text{Vậy : } E = 0,8 \times 0,0016 \times (2,7/2,2)^{1,4} / (0,15/2)^{1,3} = 0,05 \text{ (kg/tấn)}$$

Nồng độ nguồn thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp được tính theo công thức: $C = (Es * L) / (u * H)$ (**công thức 1**)

Trong đó:

Es ($mg/m^2/s$): tải lượng ô nhiễm trung bình,

L (m): chiều dài khu đất dự án,

U (m/s): tốc độ gió tại thời điểm thi công, $u = 2,7$ m/s

H (m): chiều cao phân tán nguồn thải, $H=2,5$ m

• **Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240**

- Khối lượng đào: là $15.516,363$ m³ ~ $21.722,91$ tấn

- Khối lượng đắp tổng cộng là $100.507,7$ m³ tương đương khoảng $121.177,96$ tấn (99.046 m³~ $118.855,2$ tấn cát mua bổ sung; $79,7$ m³ ~ $111,58$ tấn đất đào tận dụng; $1381,99$ m³~ $2.211,184$ tấn đất núi)

- Khối lượng đào đắp tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 là $142.900,9$ tấn, bụi phát sinh tối đa tương ứng $142.900,9 \times 0,05 = 7145$ kg. Quá trình đào, đắp diễn ra trong khoảng 4 tháng (120 ngày) vì vậy lượng bụi phát sinh là $7.442.754$ mg/h, tải lượng bụi = $0,05$ mg/m²/s. Áp dụng công thức 1 với các hệ số $L= 210,2$ m, $U=2,7$ m/s; $H= 2,5$ m. Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp là $1,5$ mg/m³ (thấp hơn TCCP quy định tại QCVN 02:2009/BYT – 8 mg/m³).

• **Tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240**

- Khối lượng đào: là $16.544,854$ m³ ~ $23.162,8$ tấn

- Khối lượng đắp tổng cộng là $56.068,621$ m³ tương đương khoảng $69.134,813$ tấn ($48.902,3$ m³~ $58.682,76$ tấn cát mua bổ sung; $5.070,304$ m³ ~ $7.098,43$ tấn đất đào tận dụng; $2.096,017$ m³~ $3.353,627$ tấn đất núi)

- Khối lượng đào đắp tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 là $92.297,61$ tấn, bụi phát sinh tối đa tương ứng $92.297,61 \times 0,05 = 4.615$ kg. Quá trình đào, đắp diễn ra trong khoảng 3 tháng (90 ngày) vì vậy lượng bụi phát sinh là $640.9556,14$ mg/h, tải lượng bụi = $0,04$ mg/m²/s. Áp dụng công thức 1 với các hệ số $L= 267$ m, $U=2,7$ m/s; $H= 2,5$ m. Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp là $1,6$ mg/m³ (thấp hơn TCCP quy định tại QCVN 02:2009/BYT – 8 mg/m³).

Hầu hết loại bụi này có kích thước lớn, nên sẽ không phát tán xa vì vậy, chúng chỉ ảnh hưởng đến công nhân tham gia thi công tại công trường và các đối tượng lân cận tiếp giáp dự án.

❖ **Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn hàn**

Các loại hoá chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khí thải có chứa các chất độc hại có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động.

Theo nghiên cứu của Ban quản lý an toàn và sức khỏe lao động Hoa Kỳ (OSHA), các phân tử khí hàn được hình thành chính từ sự bay hơi của kim loại và của các chất hàn khi nóng chảy. Khi nguội đi, những hơi này sẽ ngưng tụ và phản ứng với oxy trong khí quyển hình thành nên các phân tử nhỏ mịn. Thành phần trong khí hàn bao gồm: các thành phần như (Cu, Pb, Ni, Mn, Cd, Cr, một số oxit Sắt, Kẽm...), CO, NOx. Các phân tử khí này có kích thước rất nhỏ, có thể đi vào phổi và ngưng tụ trên đó, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ hô hấp của công nhân trực tiếp tham gia công đoạn hàn. Ngoài ra, công nhân nếu tiếp xúc nhiều với khí hàn sẽ dễ mắc các bệnh viêm phế quản, viêm phổi, hen suyễn, và các bệnh về da, mắt...

Tại trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 sử dụng 3kg que hàn, tại trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 sử dụng 1kg que hàn, khối lượng que hàn sử dụng là rất nhỏ. Bụi và các khí thải từ quá trình hàn nhanh chóng phát tán trong môi trường xung quanh. Khí thải từ công đoạn hàn không cao so với ô nhiễm từ các nguồn khác phát sinh rải rác không gây ảnh hưởng đến diện rộng, chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến những người công nhân hàn. Công đoạn hàn được triển khai ngoài trời, các mối hàn lại nằm rải rác, không tập trung tại một vị trí nên rất khó cho việc thu gom, xử lý. Chủ dự án sẽ đề xuất biện pháp giảm thiểu tác hại của khí thải này đến sức khỏe của người công nhân.

3.2.1.5. Tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: nguồn thải này phát sinh từ hoạt động vận tải, hoạt động vận hành máy móc thiết bị tại công trường.

- *Đối tượng chịu tác động*: được xác định là công nhân xây dựng và người dân sinh sống lân cận.

- *Dự báo mức ồn*:

Mức ồn cộng hưởng sinh ra tại một điểm do tất cả các máy móc gây ra được tính theo công thức:

$$L_{\Sigma} = 10. \lg \sum_i^n 10^{0,1 \cdot L_i} \text{ (dBA)}$$

Mức ồn ở khoảng cách r2 sẽ giảm hơn mức ồn ở điểm có khoảng cách r1 là:

- Đối với nguồn điểm (*máy móc thiết bị*): $\Delta L = 20. \lg (r2/r1)_{1+a}$

- Đối với nguồn đường (*xe vận chuyển*): $\Delta L = 10. \lg (r2/r1)_{1+a}$

Trong đó:

ΔL : Độ giảm tiếng ồn (dBA).

r1: Khoảng cách cách nguồn ồn (*r1 thường bằng 1,5 m*).

r2: Khoảng cách cách r1.

a: Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất.

+ Đối với mặt đất trống cỏ a= 0,1;

+ Đối với mặt đất trồng trái không có cây a= 0;

+ Đối với mặt đường nhựa và bê tông a= - 0,1.

Trong giai đoạn thi công xây dựng, nên có hệ số $a = 0$:

- Đối với nguồn điểm:

+ Với khoảng cách $r_2 = 20\text{m}$: $\Delta L = 20.\lg (20/1,5)^1 = 22,5 \text{ dBA}$

+ Với khoảng cách $r_2 = 50\text{m}$: $\Delta L = 20.\lg (50/1,5)^1 = 30,46 \text{ dBA}$

+ Với khoảng cách $r_2 = 150\text{m}$: $\Delta L = 20.\lg (150/1,5)^1 = 40 \text{ dBA}$

- Đối với nguồn đường (xe ô tô, xe tưới nước, máy rải, máy lu, máy ủi):

+ Với khoảng cách $r_2 = 20\text{m}$: $\Delta L = 10.\lg (20/1,5)^1 = 11,25 \text{ dBA}$

+ Với khoảng cách $r_2 = 50\text{m}$: $\Delta L = 10.\lg (50/1,5)^1 = 15,23 \text{ dBA}$

+ Với khoảng cách $r_2 = 150\text{m}$: $\Delta L = 10.\lg (150/1,5)^1 = 20 \text{ dBA}$

TT	Máy móc, thiết bị	Mức ồn trung bình cách 1,5m (dBA) (*)	Mức ồn cách nguồn (dBA)		
			20 m	50m	150m
1.	Máy đào	85	62,5	54,54	45
2.	Máy ủi	85	73,75	69,7	65
3.	Máy lu	80	68,75	64,7	60
4.	Xe ô tô	78	66,75	62,7	58
5.	Máy đầm	82	59,5	51,54	42
6.	Máy hàn	77	54,5	46,54	37
7.	Máy trộn bê tông/trộn vữa	85	62,5	54,54	45
8.	Máy rải	85	73,75	69,7	65
9.	Máy mài	84	61,65	53,54	44
10.	Máy khoan	98	75,5	67,54	58
11.	Máy cắt	84	61,5	53,54	44
12.	Xe tưới nước	81	69,75	65,7	61
Mức ồn trung bình		83,67	64,85	59,6	52
Mức ồn cộng hưởng		99,33	80,5	75,4	70
QCVN 26:2010/BTNMT		70 dBA			

(*): *Nguồn U.S Federal Transit Administration, 2006*)

- *Nhận xét*: Theo số liệu dự báo tại bảng trên, mức ồn giảm dần theo không gian phân tán, càng gần nguồn thải, mức ồn càng lớn và vượt ngưỡng cho phép; tại khoảng cách từ 20 m thì hầu hết mức ồn thấp hơn tiêu chuẩn (trừ máy ủi, máy máy khoan, máy rải), khoảng cách từ 50m thì mức ồn đều thấp hơn tiêu chuẩn. Khi vận hành cùng lúc nhiều/tất cả máy móc hỗ trợ thi công sẽ gây ồn cộng hưởng – điều này không thể tránh khỏi, khi đó, mức ồn cộng hưởng dự báo khi hoạt động tất cả cùng lúc các máy móc thiết bị cao hơn so với tiêu chuẩn kể cả ở các khoảng cách xa dự án, đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân làm việc và dân cư sinh sống gần khu vực dự án (trong phạm vi 150m tính từ nguồn ồn). Tiếng ồn dự báo trên bảng trên là tiếng ồn có thể phát sinh lớn nhất tại dự án, tuy nhiên thực tế thi công không có sự hoạt động đồng thời có tất cả các máy móc thiết bị đồng thời quá trình thi công cần có kế hoạch thi công phù hợp, tránh sử dụng đồng thời nhiều máy móc trên công trường, nên tiếng ồn phát sinh sẽ giảm hơn so với dự báo trên. Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công dự án phát sinh đáng kể nhất trong giai đoạn san lấp tạo mặt bằng thi công do tập trung các loại máy móc, phương tiện thi công cùng lúc (máy lu, xe ô tô ra vào, máy ủi,...).

Việc tiếp xúc liên tục với mức ồn lớn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc tại công trường với những biểu hiện như giảm khả năng nghe, có thể gây bệnh điếc nghề nghiệp; gây rối loạn chức năng thần kinh, gây bệnh đau đầu, chóng mặt, cảm giác sợ hãi làm giảm năng suất lao động và gây tổn thương hệ tim mạch và tăng bệnh về đường tiêu hóa.

3.2.1.6. Rung động

Hoạt động xây dựng có thể gây ra mức rung mặt đất khác nhau, phụ thuộc vào thiết bị và phương pháp làm việc. Hoạt động của các thiết bị xây dựng gây ra rung động lan truyền trên mặt đất và giảm dần theo khoảng cách. Các công trình gần khu vực xây dựng sẽ bị ảnh hưởng của rung động với các mức độ khác nhau từ không bị ảnh hưởng (ở mức rung thấp nhất), đến có thể cảm nhận được rung (ở mức rung trung bình) và gây phá hủy nhẹ (mức rung cao nhất). Rung động sinh ra từ các hoạt động xây dựng ít khi đạt được mức gây phá hủy các cấu trúc khác, tuy nhiên nó có thể đạt đến mức có thể nghe và cảm nhận thấy tại những công trình nằm gần với vị trí dự án. Trong quá trình thi công xây dựng dự án, một số hoạt động gây rung động bao gồm:

- Hoạt động của xe vận tải chở nguyên vật liệu xây dựng và thiết bị
- Hoạt động của các máy móc tham gia xây dựng
- Độ rung cộng hưởng của các thiết bị khi vận hành cùng một lúc sẽ cao hơn mức độ rung của từng thiết bị riêng rẽ, đây sẽ là nguồn thải gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân xây dựng trên công trường và các hộ dân tiếp giáp tuyến đường.

3.2.1.7. Tác động đến giao thông khu vực

- Đối với trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, trong phạm vi thu hồi sử dụng đất sẽ chiếm dụng 2 đoạn tuyến đường giao thông nội đồng có bề rộng từ 1,9-2,3m với tổng

chiều dài khoảng 295m, nếu không có biện pháp hoàn trả phù hợp sẽ gây ngăn cách khu vực, gây khó khăn cho hoạt động canh tác của người dân.

- Đối với trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240, trong phạm vi thu hồi sử dụng đất sẽ chiếm dụng khoảng 210 m tuyến đường đê cũ (đường bê tông rộng 3m). Hiện tuyến đường đê này có chức năng phục vụ giao thông đi lại trực tiếp của các hộ dân 2 bên đường. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240 đồng thời chiếm dụng toàn bộ đất ở của các hộ dân thuộc phạm vi phục vụ giao thông đi lại của 210m tuyến đường đê cũ này do đó dự án không đề xuất hoàn trả tuyến đường đê cũ này.

Để phục vụ xây dựng các hạng mục công trình dự án sử dụng trung bình khoảng 74 lượt xe ra vào công trường/ngày (đối với Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240) và 114 lượt xe ra vào công trường/ngày (đối với Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240) trong thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, lượng đào đổ thải sẽ làm tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường dẫn đến dự án đặc biệt tuyến đường xã, trục thôn kết nối giao thông trực tiếp tới các công trường thi công. Việc gia tăng mật độ các phương tiện vận tải trên các tuyến đường vận chuyển của dự án sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra các tai nạn giao thông, có nguy cơ gây suy giảm chất lượng nền đường giao thông nếu không được kiểm soát tốt tải trọng các xe vận chuyển. Nguyên vật liệu, bùn đất cần vận chuyển đi đổ thải nếu không được che chắn sẽ rơi vãi, phát sinh bụi trên đường vận chuyển, gây ô nhiễm môi trường, gây nguy hiểm cho người đi đường.

3.2.1.8. Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội xã Phả Lễ, xã Phục Lễ

Việc triển khai xây dựng dự án sẽ góp phần thúc đẩy một số ngành kinh doanh khác phát triển như: vận tải, buôn bán vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống,... Đồng thời cũng sẽ tạo ra công ăn việc làm cho một bộ phận người trong độ tuổi lao động tuy chỉ mang tính chất tạm thời. Tuy nhiên hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực thực hiện Dự án.

Tuy nhiên việc triển khai xây dựng dự án sẽ phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi do hoạt động của các phương tiện máy móc trên công trường, hoạt động của quá trình bốc xếp vật liệu lên các phương tiện vận chuyển, thi công hay hoạt động của các phương tiện ra vào công trường,... ít nhiều gây ảnh hưởng đến nhân dân xung quanh khu vực.

Trong mùa khô hanh và khi có gió lớn, bụi cuốn theo gió phát tán ra khu dân cư gần kề dự án làm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người dân gây nguy cơ gia tăng các bệnh về đường hô hấp. Bụi bám lên các vật dụng, phương tiện, thiết bị vừa gây bất tiện trong sử dụng, sản xuất, sinh hoạt, vừa làm giảm tuổi thọ của chúng. Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp khắc phục, giảm thiểu để giảm tối đa các tác động này.

Quá trình thi công dự án này sinh một số vấn đề có tính chất xã hội đó là vấn đề an ninh trong thời gian xây dựng, nhiều loại vật tư, thiết bị được tập trung tại công trường vì vậy cần phải bảo vệ đề phòng trường hợp kẻ gian lấy cắp các thiết bị sẽ ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

Quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu, chất thải ra vào công trường sẽ làm gia tăng mật độ giao thông khu vực đặc biệt là tuyến đường trục xã, trục thôn kết nối giao thông trực tiếp tới dự án. Việc gia tăng mật độ giao thông có thể gây ra ùn tắc giao thông, tăng khả năng xảy ra rủi ro tai nạn giao thông, nhất là vào giờ cao điểm như thời điểm học sinh đi học, tan trường, thời gian người dân đi làm và về nhà,...

3.2.1.9. Tác động đến hoạt động tiêu thoát nước hiện trạng, sản xuất nông nghiệp

- Giai đoạn đào, đắp đất: làm phát sinh đất dư thừa, nếu đổ bừa bãi, không thu gom, xử lý kịp thời khi trời mưa xuống cuốn trôi đất, bùn thải xuống hệ thống tiêu thoát nước mưa khu vực (mương, rãnh thoát nước) gây bồi lắng, tắc hệ thống thoát nước tại khu vực dự án gây ngập úng cục bộ.

- Quá trình vận chuyển đất thừa: nếu bị rơi vãi trên đường, khi gặp mưa, đất bị cuốn theo dòng nước mưa gây tắc hệ thống thoát nước hiện trạng;

- Quá trình thi công đường, trộn bê tông: làm rơi vãi đá, cát,... không được thu gom xử lý sẽ chảy vào hệ thống thoát nước làm tắc nghẽn dòng chảy.

- Khi triển khai dự án sẽ chiếm dụng các công trình thủy lợi bao gồm:

+ 2 đoạn kênh xây thủy lợi chiều rộng $B=0,8m$ với tổng chiều dài khoảng 295m tại khu đất xây dựng trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240 (gồm kênh cứng kc1-Tb Cái Cùng do thành phố quản lý và 1 kênh cứng thuộc UBND xã Phục Lễ quản lý) phục vụ tưới cho diện tích đất nông nghiệp trong phạm vi hoạt động của kênh.

+ Khoảng 155m kênh ngăn mặn Phả Lập thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên (đoạn kênh trong phạm vi sử dụng đất có bề rộng từ 8m đến 10m).

+ Khoảng 15m đoạn cuối kênh Lò Ngói (kênh đất UBND xã Phả Lễ quản lý)

- Trong quá trình triển khai xây dựng tuyến dự án nếu không có phương án hoàn trả cũng như biện pháp thi công hoàn trả phù hợp sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp, gây ra ngập úng cục bộ khu vực lân cận dự án, ảnh hưởng đến hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên. Tuy nhiên các tác động do chiếm dụng các công trình thủy lợi trong phạm vi sử dụng đất của dự án là không đáng kể do:

+ Đối với tuyến kênh xây thủy lợi: Xây dựng tuyến mương thủy lợi hoàn trả tại khu vực phía Tây Bắc và Tây Nam khu đất sát mép đường hoàn trả (tuyến 1 dài 210,55m; tuyến 2 dài 285,48m). Kết cấu mương hở rộng $B=0,8m$, cao trình đáy bằng cao trình đáy kênh xây hiện trạng cao trung bình 1m, xây bằng gạch không nung dày 220, vữa xi măng cát M75#, đáy mương bê tông M200# đá 1x2. Phương án thi công: Xây mới và đấu nối hoàn chỉnh rồi mới tiến hành phá dỡ đoạn kênh cứng nằm trong phạm vi sử dụng đất của dự án.

+ Đối với kênh ngăn mặn Phả Lập: Xây dựng tuyến kênh ngăn nước mặn hoàn trả tiếp giáp với ranh giới phía Tây Nam và Tây Bắc khu đất. Kết cấu mương là loại mương đất hình thang có bề rộng đáy mương 5m cao độ đáy mương -1 (hệ cao độ lục địa); phía bờ phải mương đắp đất tiếp giáp với kè đá, phía bờ trái mương đắp đất có mặt cắt hình

thang, cao độ đỉnh +1.5 (cao độ lục địa) độ dốc mái ta luy 1/1,5. Phương án thi công: Thực hiện thi công hoàn trả xong trước khi tiến hành san lấp đoạn tuyến kênh cũ trong phạm vi thu hồi đất của dự án.

+ Đối với kênh Lò Ngói: Do phần chiếm dụng là đoạn cuối của kênh đồng thời sau khi hoàn trả kênh ngăn mặn Phả Lập thì phần diện tích kênh Lò Ngói bị chiếm dụng cũng trùng với kênh ngăn mặn Phả Lập nên dự án không bố trí hoàn trả riêng 15m cuối kênh Lò Ngói bị chiếm dụng.

- Đồng thời để đảm bảo tiêu thoát nước mưa tràn mặt trong giai đoạn thi công, quá trình thi công bố trí rãnh thu (kích thước khoảng 0,3x0,3m), hố thu với khoảng cách 3m/hố thu trên mặt bằng công trường và hố lắng (thể tích khoảng 3m³, có bổ sung gói thấm dầu) để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn. Bố trí máy bơm, nhân công trực bơm nước mưa chảy tràn để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực đồng thời hạn chế thi công vào những ngày có mưa.

3.2.1.10. Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường

a, Sự cố cháy nổ

Nguyên nhân dẫn đến sự cố gồm do điện năng quá tải; do sấm sét; do máy móc chạy bằng nhiên liệu vận hành quá lâu hoặc chập cháy ngay trong động cơ, do sự bất cẩn của công nhân khi hút thuốc, hàn điện.

Trong trường hợp sự cố xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng trước tiên là người lao động đang thi công trên công trường, gây thiệt hại đến các cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện trạng tại khu vực. Đối với đám cháy lớn còn có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình lân cận gây thiệt hại đến tài sản, con người của các cơ sở lân cận,... Vì vậy, việc giảm thiểu/hạn chế đến mức tối đa các tác động do sự cố cháy nổ này là rất cần thiết.

b, Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Nguyên nhân dẫn đến sự cố được xác định như sau:

- Do sự bất cẩn của công nhân làm việc trong vận hành thiết bị hoặc công nhân vận hành máy móc không có trình độ chuyên môn;
- Do máy móc thiết bị hỗ trợ gặp trục trặc;
- Ô nhiễm môi trường khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất cho công nhân trong quá trình làm việc.

Hậu quả của nó để lại là khôn lường, nhẹ thì xước xác, gãy tay chân; nặng thì tàn tật suốt đời thậm chí là có thể dẫn đến thiệt mạng. Từ đó, kéo theo nhiều hệ lụy đối với gia đình công nhân gặp nạn. Vì vậy, việc hạn chế tối đa sự cố này trong suốt quá trình thi công được đặt lên hàng đầu.

c. Sự cố đối với máy móc thiết bị hỗ trợ thi công

Máy móc là cánh tay hỗ trợ đắc lực tại mỗi dự án, trường hợp máy móc gặp sự cố sẽ tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, chậm tiến độ thi công, thiệt hại chi phí đầu tư. Máy

móc gặp sự cố chủ yếu do lâu ngày không được bảo dưỡng nên động cơ hoạt động quá tải. Vì vậy, việc lựa chọn, kiểm tra máy móc hàng ngày là cần thiết.

3.2.2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

3.2.2.1. Nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân trong quá trình thi công xây dựng công trình (phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày/mỗi công trường) bố trí 3 nhà vệ sinh di động/một công trường đặt tại vị trí phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt của công nhân, đảm bảo không gây tác động xấu tới môi trường xung quanh. Nhà vệ sinh di động có hầm tự hoại dung tích 2 m³, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý lượng nước này (khoảng 4 ngày/lần). Đồng thời chủ dự án quán triệt công nhân tuyệt đối không được phóng uế bừa bãi, đi vệ sinh đúng nơi quy định và cam kết không được xả nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường. Giảm thiểu lượng nước thải bằng việc tuyển dụng nhân công địa phương có điều kiện tự túc ăn ở. Tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công.

b. Nước thải xây dựng

- Tại mỗi công trường thi công, nước thải xây dựng (phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công) được thu gom theo rãnh thoát nước có kích thước 0,5x0,5(m) độ dốc 0,5-1% hướng về 2 bể lắng có đặt gói thấm dầu để hấp thụ váng dầu. Mỗi bể lắng có dung tích khoảng 3 m³, sau khi lắng cát và tách dầu mỡ, lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng cho mục đích rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công; Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công được thu gom về hồ thu nước, sau khi lắng cát và tách dầu mỡ, lượng nước này được tuần hoàn để vệ sinh thiết bị, dập bụi, phun làm ẩm công trường khi cần thiết, lượng dư thừa sau giai đoạn thi công xây dựng thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút. Chủ dự án cam kết không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường. Gói thấm dầu được thay thế định kỳ và được quản lý như chất thải nguy hại.

- Bố trí vệ sinh máy móc, thiết bị tại vị trí gần các hồ thu để thuận tiện cho việc thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động này.

c. Nước mưa chảy tràn

- Bố trí rãnh thu (kích thước khoảng 0,3x0,3m), hồ thu với khoảng cách 3m/hồ thu trên mặt bằng công trường và hồ lắng (thể tích khoảng 3m³, có bổ sung gói thấm dầu) để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.

- Bố trí máy bơm, nhân công trực bơm nước mưa chảy tràn, để đảm bảo thoát nước cho khu vực đồng thời hạn chế thi công vào những ngày có mưa. Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn của dự án giai đoạn xây dựng

+ Tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 nước mưa được thu thoát về hệ thống thoát nước về hệ thống kênh

thủy lợi xung quanh dự án vào kênh Đầm Ba Xã thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

+ Tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 nước mưa được thu thoát về hệ kênh ngăn mặn Phả Lập thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

- Chủ dự án yêu cầu công nhân thi công trên công trường phải thực hiện việc dọn dẹp vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ hàng ngày tránh đất, đá, chất bẩn rơi vãi cuốn theo nước mưa. Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được che chắn bằng bạt, chống rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước.

3.2.2.2. Chất thải rắn thông thường

Thực hiện quản lý, thu gom chất thải rắn thông thường phát sinh theo các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế như nilon, thùng bìa Carton, đầu mẩu sắt thép... được thu gom, tập kết vào Container 20 feet và bán phế liệu cho đơn vị có chức năng tái sử dụng, tái chế;

- Đối với lớp đất hữu cơ (tầng đất mặt) bóc tách từ đất trồng lúa được bóc tách riêng và bàn giao lại cho địa phương để tái sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

- Chất thải rắn xây dựng không thể tái chế, tái sử dụng cần đổ thải, Nhà thầu thi công có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, tiếp nhận. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện hoạt động này. Chủ dự án có trách nhiệm giám sát các hoạt động này.

- Đồng thời áp dụng một số biện pháp sau để giảm thiểu tối đa tác động do chất thải rắn xây dựng:

+ Bố trí 01 container 20 feet được chia làm 2 ngăn để lưu chứa (một ngăn lưu chứa chất thải thông thường, một ngăn lưu chứa chất thải nguy hại) phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

+ Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và xây dựng.

+ Che chắn các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu để giảm phát sinh chất thải rắn trên đường vận chuyển.

+ Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ thi công xây dựng công trình nhằm tránh lãng phí, giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

+ Thanh thải, thu dọn mặt bằng công trường gọn gàng, sạch sẽ, chuyển hết các nguyên nhiên, vật liệu, phế liệu thừa về nơi quy định. Nghiêm cấm việc đổ các chất thải trong quá trình thu dọn ra các khu vực xung quanh.

b. Đối với CTR từ hoạt động phát quang mặt bằng:

- Quá trình phát quang đến đâu sẽ thực hiện dọn dẹp mặt bằng không để ứ đọng trên công trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý toàn bộ sinh khối, chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây cối, thảm thực vật.

c. Đối với CTR từ bãi rác hiện trạng

Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, tiếp nhận toàn bộ lượng rác hiện có tại bãi rác.

d. Đối với rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia xây dựng dự án:

- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 100-220 lít/thùng đặt ở những vị trí thuận tiện cho việc thu gom, phân loại và vận chuyển rác thải. Toàn bộ chất thải sinh hoạt được thu gom, phân loại theo khoản 1, Điều 75, Luật BVMT, tập kết vào thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vào cuối ngày làm việc.

- Toàn bộ chất thải sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết vào thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vào cuối ngày làm việc.

- Chủ đầu tư đề ra nội quy quy định về việc thải bỏ rác đúng nơi quy định đối với đơn vị thi công và người lao động. Đơn vị thi công có trách nhiệm hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.2.2.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện quản lý các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng theo thông tư 02/2021/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

- Phân công cán bộ chuyên trách để đảm nhiệm vụ việc phân loại và quản lý CTNH.

- Tiến hành đào tạo cho cán bộ công nhân viên có thể phân loại chất thải ngay tại nguồn. Mỗi loại chất thải sẽ được lưu giữ trong một thùng riêng biệt. Bên ngoài mỗi thùng chứa có dán dấu hiệu cảnh báo CTNH.

- Các mã CTNH phát sinh được lưu chứa tạm thời trong thùng chứa có nắp đậy dung tích 100-240 lít đặt tại ngăn chứa chất thải nguy hại của Container 20 feet. Kho chứa phải đảm bảo thiết kế khép kín, có biển báo, gờ chống tràn. Trang bị bình bột chữa cháy cầm tay và vật liệu thấm hút bằng cát.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (*Công ty TNHH Tân Thuận Phong, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng...*) để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

3.2.2.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

❖ **Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, thi công xây dựng**

Nguồn ô nhiễm không khí chủ yếu trong giai đoạn này là bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng; khí thải, tiếng ồn sinh ra từ các phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng. Để giảm thiểu các nguồn tác động này, chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Đối với phương tiện vận chuyển vật liệu rời, chất thải xây dựng cần tuân thủ các quy định sau đây:

+ Thùng xe đảm bảo kín khít (cửa sau thùng xe với thân thùng phải kín, đảm bảo không chảy vật liệu khô và ướt, phải có nắp đậy hoặc bạt che phủ thùng kín khít).

+ Vật liệu rời, chất thải xây dựng không được xếp, đổ cao quá thành thùng xe, đảm bảo vật liệu rời, chất thải chuyên chở không rơi vãi ra đường.

- Phân luồng xe ra vào khu vực dự án, tập kết nguyên vật liệu hợp lý để hạn chế sự tập trung quá đông các phương tiện vận chuyển tại công trường, các phương tiện vận chuyển qua khu dân cư phải giảm tốc độ tránh khả năng gây tai nạn giao thông.

- Đất dư và phế thải xây dựng sau khi thi công phải vận chuyển đến ngay nơi quy định, nếu gây rơi vãi ra đường, làm ảnh hưởng đến vệ sinh chung sẽ phải tổ chức người thu gom và rửa đường ngay.

- Nguyên vật liệu sử dụng theo tiêu chí dùng đến đâu mua đến đó, không tập kết nhiều trên công trường, thi công hết trong ngày; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn mặt bằng triển khai dự án và đường tiếp cận.

- Đối với cát có thể tập kết ngoài trời nhưng được che bạt để giảm thiểu phát tán bụi và hao hụt do cuốn trôi theo nước mưa. Các loại vật liệu như gạch, đá ít phát sinh ô nhiễm và ít bị tác động của môi trường tự nhiên có thể để ngoài trời không cần chế độ bảo quản.

- Sử dụng phương tiện thi công có nguồn gốc, đảm bảo vận hành ổn định trên công trường, bố trí tổ kỹ thuật kiểm tra máy móc hàng ngày trước khi sử dụng, vận hành nhằm phát hiện sớm sự cố và có giải pháp khắc phục kịp thời. Chủ dự án tắt máy móc vận hành hoạt động kém hiệu quả hoặc có dấu hiệu vận hành trục trặc đồng thời bố trí thời gian vận hành máy móc hợp lý, tránh chông chéo gây ô nhiễm nguồn thải cục bộ. Chủ dự án sẽ trang bị đầy đủ bảo hộ lao động của công nhân (khẩu trang, quần áo bảo hộ,..), thiết lập nội quy công trường và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm chỉnh.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm phát sinh khí thải ra môi trường.

- Chủ dự án lựa chọn đơn vị vận chuyển uy tín, có đầy đủ phương tiện đảm bảo chất lượng, yêu cầu đơn vị vận chuyển đất thải thừa đảm bảo che phủ bạt kín thùng xe, không để đất, đá rơi vãi, tuân thủ giao thông khi di chuyển, đổ thải đúng vị trí quy định

của nhà nước, có sự ràng buộc các điều khoản trong hợp đồng về các nội dung này để nâng cao trách nhiệm thực hiện của đơn vị thầu.

- Thực hiện đào đắp theo đúng thiết kế hạn chế tối đa việc đào, đắp công trình vào ngày gió lớn.

- Tiến hành quây tôn công trường thi công để đảm bảo ngăn cách với các khu vực xung quanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động của công nhân (khẩu trang, quần áo bảo hộ,...), thiết lập nội quy công trường và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm chỉnh.

❖ Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh hơi dung môi từ hoạt động hàn, sơn hoàn thiện các hạng mục công trình.

- Sử dụng các loại que hàn và dây hàn có hàm lượng cacbon, lưu huỳnh và photpho thấp, đạt QCVN 3223:2000, giảm lượng chất ô nhiễm vào môi trường. Chủ dự án cam kết sẽ lựa chọn công nhân hàn có chuyên môn, năng lực; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc (mặt nạ phòng độc, giày, găng tay); thường xuyên kiểm tra giám sát các thiết bị, ổ cắm điện, các nguồn nhiên liệu có khả năng bắt cháy gần khu vực hàn để phòng ngừa nguy cơ cháy nổ; bố trí thời gian làm việc cũng như thời gian nghỉ giữa giờ cho công nhân trực tiếp hàn đảm bảo công nhân không tiếp xúc liên tục với hơi, khói hàn.

Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân sơn (khẩu trang, quần áo bảo hộ,...); bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

3.2.2.5. Tiếng ồn, rung động

- Sử dụng các phương tiện vận tải, máy móc hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo các thông số kỹ thuật. Ưu tiên sử dụng thiết bị ít tạo tiếng ồn, lắp đặt thêm các vật liệu giảm xóc, giảm âm, sử dụng máy móc, thiết bị phù hợp với công việc, tránh sử dụng các thiết bị hoạt động quá mức. Hướng dẫn công nhân nâng cao ý thức trong quá trình thi công để hạn chế các thao tác gây tiếng ồn, rung động lớn.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Bố trí tổ kỹ thuật kiểm tra động cơ hàng ngày trước khi vận hành, khi phát hiện sự cố tuyệt đối không sử dụng.

- Có kế hoạch vận hành máy móc hợp lý, tránh vận hành chông chéo, gia tăng mức ồn, rung; tắt các thiết bị hoạt động kém hiệu quả; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

- Các biện pháp nêu trên được đưa ra như là một điều kiện bắt buộc đối với các nhà thầu nhằm đảm bảo chất lượng môi trường đạt tiêu chuẩn theo đúng quy định trong quá trình thi công xây dựng dự án.

3.2.2.6. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động tới giao thông khu vực, tác động đến kinh tế - xã hội

- Bố trí hệ thống cọc tiêu, biển cảnh báo; cọc tiêu, biển báo được sơn phản quang để người đi đường có thể nhận biết, phòng tránh. Các điểm đào đắp, hố sâu đều có biển chỉ dẫn, cảnh báo.

- Tuyển dụng lái xe có kinh nghiệm, tuân thủ luật giao thông, chú ý quan sát tại các điểm giao cắt trên tuyến đường vận chuyển. Lựa chọn đơn vị vận chuyển uy tín, có đầy đủ phương tiện đảm bảo chất lượng, yêu cầu đơn vị trong quá trình vận chuyển đảm bảo che phủ bạt kín thùng xe, không để đất, đá rơi vãi, tuân thủ giao thông khi di chuyển. Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm và thực hiện các biện pháp để sửa chữa hoàn trả các tuyến đường bị ảnh hưởng trong quá trình thi công

- Chủ dự án sẽ bố trí thời gian vận chuyển vật liệu hợp lý, tránh các khung giờ từ 7h-8h sáng và chiều từ 17h – 18h; Kết hợp với chính quyền địa phương, phụ trách quản lý giao thông khu vực để phân luồng giao thông, đặc biệt vào các giờ cao điểm tránh gây ùn tắc giao thông, tai nạn.

- Chủ dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, công an địa phương, nhà thầu thi công trong việc điều tiết giao thông, giữ gìn trật tự an ninh khu vực thực hiện dự án.

- Có kế hoạch thi công hợp lý tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị. Sử dụng phương tiện thi công có nguồn gốc, đảm bảo vận hành ổn định trên công trường, bố trí tổ kỹ thuật kiểm tra máy móc hàng ngày trước khi sử dụng.

- Đối với trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, trong phạm vi thu hồi sử dụng đất sẽ chiếm dụng 2 đoạn tuyến đường giao thông nội đồng có bề rộng từ 1,9-2,3m với tổng chiều dài khoảng 295m, nếu không có biện pháp hoàn trả phù hợp sẽ gây ngăn cách khu vực, gây khó khăn cho hoạt động canh tác của người dân: Phương án hoàn trả 2 đoạn tuyến đường như sau:

+ Thiết kế 02 tuyến đường bê tông hoàn trả rộng 3,2m (tuyến 1 dài 185.86m, tuyến 2 dài 110m) có kỹ cấu: Mặt đường bê tông xi măng M250# đá 1x2cm dày 18cm; Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm; Cát đen đầm chặt k0.9 dày 30cm

+ Hoàn thành thi công hoàn trả 2 tuyến đường trước khi tiến hành thi công các hạng mục công trình khác của dự án và chiếm dụng vĩnh viễn phần đường giao thông hiện trạng. Kết hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án hướng dẫn giao thông theo hướng tuyến mới.

- Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp đã đưa ra để giảm thiểu tác động liên quan đến chất thải gây ra trong quá trình thi công.

3.2.2.7. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến tiêu thoát nước hiện trạng, sản xuất nông nghiệp

- Tuân thủ đúng phương án thi công đã đề ra, san lấp khu vực dự án theo cao độ thiết kế đã được phê duyệt. Chủ dự án thực hiện thủ tục đề nghị thanh lý tài sản kết cấu

hạ tầng thủy lợi trước khi phá dỡ theo đúng quy định tại Điều 29 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Bố trí hoàn trả:

+ Đối với tuyến kênh xây thủy lợi: Xây dựng tuyến mương thủy lợi hoàn trả tại khu vực phía Tây Bắc và Tây Nam khu đất sát mép đường hoàn trả (tuyến 1 dài 210,55m; tuyến 2 dài 285,48m). Kết cấu mương hở rộng $B=0,8m$, cao trình đáy bằng cao trình đáy kênh xây hiện trạng cao trung bình 1m, xây bằng gạch không nung dày 220, vữa xi măng cát M75#, đáy mương bê tông M200# đá 1x2. Phương án thi công: Xây mới và đấu nối hoàn chỉnh rồi mới tiến hành phá dỡ đoạn kênh cứng nằm trong phạm vi sử dụng đất của dự án.

+ Đối với kênh ngăn mặn Phả Lập: Xây dựng tuyến kênh ngăn nước mặn hoàn trả tiếp giáp với ranh giới phía Tây Nam và Tây Bắc khu đất. Kết cấu mương là loại mương đất hình thang có bề rộng đáy mương 5m cao độ đáy mương -1 (hệ cao độ lục địa); phía bờ phải mương đắp đất tiếp giáp với kè đá, phía bờ trái mương đắp đất có mặt cắt hình thang, cao độ đỉnh +1.5 (cao độ lục địa) độ dốc mái ta luy 1/1,5. Phương án thi công: Thực hiện thi công hoàn trả xong trước khi tiến hành san lấp đoạn tuyến kênh cũ trong phạm vi thu hồi đất của dự án.

- Trong quá trình thi công không để các phương tiện, máy móc, vật liệu và các trang thiết bị ảnh hưởng đến dòng chảy trong kênh; không xả nước thải thi công ra công trình thủy lợi.

- Các hạng mục công trình hoàn trả công trình thủy lợi sẽ được bàn giao lại cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV thủy lợi Thủy Nguyên, Ủy ban nhân dân các xã Phục Lễ để các đơn vị vận hành, điều tiết.

3.2.2.8. Phòng ngừa sự cố, rủi ro

a. Sự cố cháy nổ

- Áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, trang bị phương tiện chữa cháy trên công trường.

- Xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng, tổ chức quản lý công nhân tốt nhất.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên để đảm bảo thiết bị luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

- Tuyệt đối không thi công vào những ngày sấm sét.

- Quy định các vị trí hút thuốc trên công trường, tránh xa các khu vực chứa dầu DO, kho chứa chất thải và nguyên, nhiên liệu dễ cháy.

- Yêu cầu công nhân hàn kiểm tra đường điện, ổ cắm và đường dây dẫn điện trước khi thực hiện thao tác.

- Khi hàn, cắt, gia công kim loại phải được che chắn hoặc di dời đến nơi an toàn, sau đó mới tiến hành hàn, cắt.

b. Sự cố an toàn lao động, tai nạn giao thông

- Chủ dự án phối hợp với nhà thầu sử dụng máy móc có nguồn gốc, đảm bảo ổn định khi vận hành, thực hiện tất các thiết bị hoạt động kém hiệu quả hoặc có dấu hiệu trục trặc

- Chủ dự án tuyển dụng công nhân có kỹ năng và chuyên môn vận hành máy móc hỗ trợ. Kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng máy móc thi công công trình nhằm tránh những trường hợp gây tai nạn lao động đối với công nhân xây dựng và công nhân vận hành có thể xảy ra do máy móc cũ, hỏng...

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như quần áo bảo vệ, găng tay, khẩu trang và yêu cầu công nhân mặc đầy đủ.

- Đơn vị nhà thầu bố trí kế hoạch thi công cụ thể, yêu cầu công nhân vận hành máy móc hỗ trợ thực hiện đúng kế hoạch để tránh chòng chẹo và gây va chạm trên công trường. Bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý và cung cấp đầy đủ nước uống cho công nhân.

- Phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực; lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công, lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm.

c. Sự cố đối với máy móc thiết bị hỗ trợ thi công

- Chủ dự án phối hợp với nhà thầu sử dụng máy móc có nguồn gốc, đảm bảo ổn định khi vận hành, thực hiện tất các thiết bị hoạt động kém hiệu quả hoặc có dấu hiệu trục trặc; bố trí tổ kỹ thuật kiểm tra máy móc hàng ngày trước khi vận hành.

3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm với mục tiêu san lấp mặt bằng (Không bao gồm các công trình trên đất) và một số hạ tầng đầu nối ngoài hàng rào để phục vụ di dời, xây dựng các hạng mục công trình quốc phòng của các đơn vị bị thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm.

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là đất quốc phòng do đó các công trình được thực hiện theo dự án riêng do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về quốc phòng an ninh.

Do đó trong phạm vi báo cáo đánh giá tác động của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm không có giai đoạn vận hành.

3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.4.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Dự án không có công trình bảo vệ môi trường.

3.4.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

- Dự án không có công trình bảo vệ môi trường nên không trình bày nội dung này.

3.4.3 Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Sau khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền, Ban quản lý dự đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng giao lại cho Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Các hạng mục công trình hoàn trả công trình thủy lợi sẽ được bàn giao lại cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV thủy lợi Thủy Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ để các đơn vị vận hành, điều tiết.

Đường giao thông hoàn trả Chủ đầu tư sẽ bàn giao lại cho đơn vị vận hành tuyến đường.

3.5. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Báo cáo đã sử dụng một số phương pháp đánh giá phổ biến đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

Mục tiêu của báo cáo đánh giá tác động môi trường là xác định các ảnh hưởng tiềm tàng về môi trường, xã hội, sức khỏe của người lao động trực tiếp và người dân tại khu vực lân cận dự án bởi sự hoạt động của dự án gây ra, nhằm đưa ra những quyết định khoa học và hợp lý để có biện pháp giảm thiểu tác động bất lợi tới môi trường.

Các đánh giá đối với tác động môi trường của dự án, đã cho thấy:

- Về mức độ chi tiết: Các đánh giá về tác động môi trường do hoạt động triển khai dự án được thực hiện một cách tương đối chi tiết, báo cáo đã nêu được các tác động đến môi trường và các nguồn ô nhiễm chính trong từng giai đoạn hoạt động của dự án. Đã xác định được không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động. Định lượng được nguồn tác động và mức độ tác động.

- Về độ tin cậy của các đánh giá: Độ tin cậy của phương pháp đánh giá cao. Các công thức, hệ số thực nghiệm ứng dụng có độ tin cậy lớn hơn cả, cho kết quả gần với nghiên cứu thực tế.

**Chương 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng nên không trình bày nội dung này.

CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Bảng 22: Chương trình quản lý môi trường của dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Giai đoạn chuẩn bị dự án: Chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện trưng chính quản lý môi trường				
Thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đất	Mất đất canh tác của các hộ dân Tác động đến môi trường xã hội do thu hồi đất	<ul style="list-style-type: none"> - Việc bồi thường đất và hỗ trợ cho người dân thuộc diện thu hồi sẽ được chủ dự án phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật và địa phương: - Để hạn chế các tác động xã hội tiêu cực do thu hồi đất, chủ dự án kết hợp với chính quyền địa phương kiểm kê, đánh giá, khối lượng công tác GPMB phải tiến hành với từng hộ dân trên nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, hợp lý; tuyên truyền giáo dục để người dân nâng cao nhận thức cũng như kế hoạch tiêu tiền đền bù hợp lý. 	Trong suốt giai đoạn chuẩn bị dự án	
Giai đoạn xây dựng: Chủ dự án và nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện chương trình quản lý môi trường của dự án				

<p>Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án</p>	<p>Tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện, máy móc thi công</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố. - Đối với phương tiện vận chuyển vật liệu rời, chất thải xây dựng cần tuân thủ các quy định sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Thùng xe đảm bảo kín khít (cửa sau thùng xe với thân thùng phải kín, đảm bảo không chảy vật liệu khô và ướt, phải có nắp đậy hoặc bạt che phủ thùng kín khít). + Vật liệu rời, chất thải xây dựng không được xếp, đổ cao quá thành thùng xe, đảm bảo vật liệu rời, chất thải chuyên chở không rơi vãi ra đường. - Sử dụng phương tiện thi công có nguồn gốc, đảm bảo vận hành ổn định trên công trường, bố trí tổ kỹ thuật kiểm tra máy móc hàng ngày trước khi sử dụng, vận hành - Tiến hành quây tôn công trường thi công để đảm bảo ngăn cách với các khu vực xung quanh. - Sử dụng các loại que hàn và dây hàn có hàm lượng cacbon, lưu huỳnh và phốt pho thấp, đạt QCVN 3223:2000, giảm lượng chất ô nhiễm vào môi trường. - Có kế hoạch vận hành máy móc hợp lý, tránh vận hành chông chéo, gia tăng mức ồn, rung; tắt các thiết bị hoạt động kém hiệu quả; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc. 	<p>Trong suốt thời gian thi công</p>
---	---	---	--------------------------------------

Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án	Tác động do chất thải rắn xây dựng, phát quang mặt bằng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế như nilon, thùng bìa Carton, đầu mẫu sắt thép... được thu gom, tập kết vào Container 20 feet và bán phế liệu cho đơn vị có chức năng tái sử dụng, tái chế; - Đối với lớp đất hữu cơ (tầng đất mặt) bóc tách từ đất trồng lúa là bàn giao lại cho đại phương để sử dụng cho mục đích nông nghiệp. - Chất thải rắn xây dựng không thể tái chế, tái sử dụng cần đổ thải, Nhà thầu thi công có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, tiếp nhận. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện hoạt động này. Chủ dự án có trách nhiệm giám sát các hoạt động này. - Quá trình phát quang đến đâu sẽ thực hiện dọn dẹp mặt bằng không để ứ đọng trên công trường. 	Trong suốt thời gian thi công
	Tác động do chất thải nguy hại	<p>Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện quản lý các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng theo thông tư 02/2021/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại: CTNH phát sinh được lưu chứa tạm thời trong thùng chứa có nắp đậy dung tích 100-240 lít đặt tại ngăn chứa chất thải nguy hại của Container 20 feet. Kho chứa phải đảm bảo thiết kế khép kín, có biển báo, gờ chống tràn. Trang bị bình bột chữa cháy cầm tay và vật liệu thấm hút bằng cát.</p>	
	Nước mưa chảy tràn	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí rãnh thu (kích thước khoảng 0,3x0,3m), hồ thu với khoảng cách 3m/hồ thu trên mặt bằng công trường và hồ lắng 	

		<p>(thể tích khoảng 3m³, có bể sung gói thấm dầu) để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố trí máy bơm, nhân công trực bơm nước mưa chảy tràn, để đảm tiêu thoát nước cho khu vực đồng thời hạn chế thi công vào những ngày có mưa. - Chủ dự án yêu cầu công nhân thi công trên công trường phải thực hiện việc dọn dẹp vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ hàng ngày tránh đất, đá, chất bẩn rơi vãi cuốn theo nước mưa. Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được che chắn bằng bạt, chống rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước 	<p>Trong suốt thời gian thi công</p>
	<p>Nước thải xây dựng</p>	<p>Nước thải xây dựng về 2 bể lắng có đặt gói thấm dầu để hấp thụ váng dầu. Mỗi bể lắng có dung tích khoảng 3 m³, sau khi lắng cát và tách dầu mỡ, lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng cho mục đích rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công; tưới dập bụi công trường, tưới ẩm vật liệu xây dựng khi cần thiết, lượng dư thừa sau giai đoạn thi công xây dựng thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút. Chủ dự án cam kết không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường.</p>	
	<p>Tác động do các sự cố, rủi ro (sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố với máy móc thiết bị thi công)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, trang bị phương tiện chữa cháy trên công trường. - Xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng, tổ chức quản lý công nhân tốt nhất. - Sử dụng máy móc có nguồn gốc, đảm bảo ổn định khi vận hành, thực hiện tất các thiết bị hoạt động kém hiệu quả hoặc có dấu hiệu trục trặc 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc. - Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công, lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo 	
Sinh hoạt của công nhân trên công trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt. - Rác thải sinh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt - Bố trí các thùng đựng rác sinh hoạt trên công trường, có nắp đậy hợp vệ sinh. - Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý và không xả nước thải sinh hoạt ra môi trường. 	Trong suốt thời gian thi công

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

5.2.1. Giai đoạn thi công dự án

** Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Vị trí giám sát: tại các vị trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu xây dựng, vị trí lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất giám sát: trong suốt thời gian thi công.

** Giám sát môi trường không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 điểm, 1 vị trí tại khu vực thi công hạ tầng kỹ thuật của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240; vị trí tại khu vực thi công hạ tầng kỹ thuật của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP),Ồn (dBA), Rung (dB).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

** Giám sát nước thải thi công:*

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

Không có.

CHƯƠNG 6. KẾT QUẢ THAM VẤN

6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 về tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử, hồ sơ của dự án đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Thực hiện quy định về tham vấn ý kiến cộng đồng của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng đã gửi Công văn về việc xin ý kiến tham vấn về nội dung báo cáo ĐTM của dự án cùng hồ sơ kèm theo tới UBND xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Những nội dung tham vấn của dự án gồm:

1. Vị trí, địa điểm thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, quy mô dự án;
2. Những tác động môi trường của dự án;
3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án.
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, các nội dung khác có liên quan đến dự án.

Sau khi nhận được các Văn bản xin ý kiến của chủ đầu tư, UBND xã Phục Lễ, xã Phả Lễ đã tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư, có Văn bản phản hồi, tham gia ý kiến đối với Báo cáo ĐTM của dự án (Văn bản trả lời của UBND xã Phục Lễ, xã Phả Lễ và các Biên bản tham vấn cộng đồng được đính kèm Phụ lục).

Thông tin tham vấn cộng đồng:

- Thời gian họp tại xã Phả Lễ: ngày 16/9/2024, địa điểm họp: Hội trường UBND xã Phả Lễ

- Thời gian họp tại xã Phục Lễ: ngày 16/9/2024, địa điểm họp: Hội trường UBND xã Phục Lễ.

- Thành phần tham gia cuộc họp:

+ Đại diện UBND xã: Chủ tịch UBND, Phó chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ xã, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên.

+ Đại diện chủ dự án:

Ông: Trần Ngọc Trung – Phó Giám đốc

6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

Thực hiện quy định về tham vấn ý kiến cộng đồng của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng đã gửi văn bản tham vấn tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND, UBMTTQ xã Phục Lễ, xã Phả Lễ. Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng đã nhận được Văn bản trả lời về việc tham vấn ý kiến Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trện địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND, UBMTTQ 2 xã: Phục Lễ, Phả Lễ

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Bảng 23. Kết quả tham vấn cộng đồng của dự án

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến		
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chủ dự án quan tâm về vấn đề thu gom các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, đặc biệt là chất thải xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh. - Đề nghị chủ dự án quan tâm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng. - Nguyên vật liệu xây dựng phải được che phủ bạt kín, hạn chế tối đa rơi vãi trên đường gây bụi ảnh hưởng đến người dân; - Đề nghị chủ dự án lựa chọn thời gian thi công phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt hàng ngày của người dân; - Có biện pháp giảm tiếng ồn từ máy móc thi công, nhất là các đoạn gần dân cư sinh sống. - Đề nghị thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, rác thải sinh hoạt hợp lý không làm 	<p>Chủ dự án tiếp thu ý kiến của cộng đồng dân cư. Chủ dự án cam kết với cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương sẽ nghiêm túc nhận diện nguồn thải và thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp, có tính khả thi nhằm hạn chế tối đa đến hoạt động sinh hoạt của người dân và công trình dân sinh.</p>	<p>Cộng đồng dân cư xã Phả Lễ, xã Phục Lễ.</p>

	<p>ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh chung của khu vực;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chủ dự án lựa chọn thời gian, biện pháp thi công phù hợp đặc biệt đoạn qua kênh mương thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. - Đề nghị chủ dự án thông báo kịp thời, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho địa phương về những hậu quả do rủi ro, sự cố từ hoạt động của Dự án gây ra. - Quan tâm, hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng do chiếm dụng đất. 		
II	Tham vấn bằng hình thức văn bản		
	<p>Đề nghị chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu đã đề xuất để hoạt động thi công không ảnh hưởng đến dân cư, môi trường tiếp nhận nguồn thải.</p>	<p>Chủ dự án tiếp thu các ý kiến và cam kết thực hiện</p>	<p>UBND, Ủy ban MTTQ xã Phục Lễ, xã Phả Lễ</p>
	<p>Đề nghị chủ dự án nghiêm túc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất khi xây dựng dự án để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của người dân địa phương, đặc biệt lưu ý lựa chọn biện pháp thi công phù hợp khi thực hiện thi công qua các tuyến kênh mương thủy lợi để giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp tại địa phương.</p>		

	<p>Chủ dự án lựa chọn thời gian thi công phù hợp, có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu thi công hợp lý, có phương án thi công phù hợp khi thi công cắt ngang qua kênh mương thủy lợi để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến môi trường sống và sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương.</p>		
	<p>- Vị trí dự án nằm giáp ranh, liền kề với tuyến đê Hữu Bạch Đằng chính. Đề nghị Chủ đầu tư bổ sung nội dung về sự ảnh hưởng có thể có trong quá trình thực hiện dự án đến tuyến đê; có các giải pháp cụ thể để đảm bảo quá trình thi công, triển khai, vận hành dự án không làm ảnh hưởng đến an toàn đê điều.</p>	<p>- Tuyến đê hữu Bạch Đằng (tìm đê cách ranh giới khu vực nghiên cứu khoảng 25,5m về phía Đông). - Vị trí thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội Trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 nằm ngoài hành lang bảo vệ của đê đê hữu Bạch Đằng.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
	<p>- Tuyến đê Hữu Bạch Đằng cũ là đê đất không thuộc hệ thống đê điều của thành phố, đang được địa phương sử dụng làm đường giao thông. Đề nghị Chủ đầu tư căn cứ quy định phát luật về đất đai và tổng hợp ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1798/STC-GCS ngày 08/5/2024 (gửi kèm theo) để thực hiện thủ tục liên quan đến đất đai theo quy định.</p>	<p>Chủ dự án tiếp thu ý kiến, cam kết thực hiện các quy định liên quan đến đất đai theo pháp luật quy định hiện hành</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
	<p>b. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn: Tại trang 88 Báo cáo: “<i>Bố trí máy bơm, nhân công trực bơm nước mưa chảy tràn, để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực đồng thời hạn chế thi công</i></p>	<p>Báo cáo đã làm rõ biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn trên mặt bằng công trường: Trên mặt bằng mỗi công trường bố trí rãnh thu (kích thước khoảng</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

	<p>vào những ngày có mưa”; đề nghị Chủ đầu tư bổ sung biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn và làm rõ nguồn tiếp nhận nước mưa của Dự án.</p>	<p>0,3x0,3m), hố thu với khoảng cách 3m/hố thu và hố lắng (thể tích khoảng 3m³, có bổ sung gói thấm dầu) để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.</p> <p>- Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn của dự án giai đoạn xây dựng</p> <p>+ Tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 nước mưa được thu thoát về hệ thống thoát nước về hệ thống kênh thủy lợi xung quanh dự án vào kênh Đầm Ba Xã thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.</p> <p>+ Tại khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 nước mưa được thu thoát về hệ kênh ngăn mặn Phả Lập thuộc hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.</p>	
	<p>- Đối với khối lượng đất nông nghiệp đào tại mặt ruộng (tính từ mặt đất xuống trung bình 25cm) phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây</p>	<p>Khối lượng đào lớp đất hữu cơ bề mặt diện tích đất trồng lúa (25cm) sẽ được bóc tách riêng và bàn giao lại cho địa phương để sử dụng cho mục đích nông nghiệp.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

	trồng và canh tác (<i>chỉ được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và không được đổ thải</i>)		
	- Trong giai đoạn san nền, dự án có sử dụng khối lượng lớn vật liệu san nền bằng cát để lấp, nâng cao độ nền, do vậy, cần bổ sung nhận dạng tác động ảnh hưởng của vật liệu san lấp đến môi trường đất và nước trong khu vực; nghiên cứu đầy đủ và đề xuất phương án thoát nước rò rỉ từ cát (<i>chủ yếu là nước mặn</i>) gây tác động xấu đến môi trường nước và đất canh tác trong khu vực lân cận.	Vật liệu san lấp được sử dụng tại dự án là cát không nhiễm mặn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	- Dự án thực hiện phải thu hồi 37.481,1 m ² đất trồng lúa 02 vụ (đối với Đại đội PPK172/e240) và 34.795,5 m ² đất trồng lúa 02 vụ; 141 m ² đất nuôi trồng thủy sản (đối với Đại đội PPK171/e240). Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa và đền bù đất nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định của pháp luật.	Chủ dự án tiếp thu ý kiến. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại: Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 35/2015/NĐ-CP; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; Luật Trồng trọt; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; Quyết	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	
	- Thực hiện các thủ tục đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình đi qua khu đất của Dự án trước khi phá dỡ, san lấp mặt bằng theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (nếu có)	Chủ dự án tiếp thu ý kiến, cam kết tuân thủ các quy định có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	- Đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (nếu có) được quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện thủ tục hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cho hoạt động trước khi triển khai thi công xây dựng công trình.		

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thực hiện theo các nội dung hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Về cơ bản, Báo cáo đã liệt kê, định lượng được hầu hết các nguồn thải và đề ra được biện pháp giảm thiểu xử lý khả thi, đảm bảo xử lý các nguồn thải đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Báo cáo đã xây dựng được chương trình quản lý và giám sát môi trường chi tiết, nhằm phát hiện và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Trong đó, các đối tượng cần được kiểm soát đặc biệt là khí thải, nước thải, chất thải nguy hại và các sự cố cháy nổ,... có thể tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh dự án.

2. KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị UBND thành phố, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tạo điều kiện thuận lợi để dự án được triển khai đúng tiến độ nhằm mục tiêu đưa công trình sớm được hoàn thành và đưa vào sử dụng; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn cụ thể để dự án thực hiện tốt việc công tác giám sát, quản lý liên quan đến môi trường đảm bảo dự án hoạt động một cách an toàn đối với môi trường.

- Đề nghị chính quyền địa phương và các đơn vị bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông phối hợp với chủ đầu tư đảm bảo trật tự an ninh và an toàn giao thông khu vực.

3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống công trình thủy lợi, ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực thực hiện Dự án.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác điều tiết giao thông, kịp thời xử lý các sự cố và đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình trong khu vực Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm ô nhiễm trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sụt lún, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra./.

PHỤ LỤC

Số: 34 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240



và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-BĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

2. Mục tiêu đầu tư: San lấp tạo mặt bằng (không bao gồm các công trình trên đất) và một số hạ tầng đầu nối ngoài hàng rào để phục vụ di dời, xây dựng các hạng mục công trình quốc phòng của các đơn vị bị thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

3. Quy mô đầu tư: Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, bao gồm:

a) Trận địa dự bị Đại đội PPK172/e240, diện tích sử dụng đất khoảng 4,35ha, gồm:

- San lấp tạo mặt bằng đến cao độ +2.40m (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K90. Xây tường đá hộc vữa XM mác 100 xung quanh (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nối thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả mương nội đồng kết hợp đường giao thông dài khoảng 205m, diện tích khoảng 0,21 ha.

b) Trận địa dự bị Đại đội PPK171/e240, diện tích sử dụng đất khoảng 4,61ha, gồm:

- San lấp tạo mặt bằng đến cao độ +2.40m (cao độ lục địa) bằng cát đen đầm chặt K90. Xây tường đá hộc vữa XM mác 100 xung quanh (trừ các vị trí tiếp giáp với đường giao thông).

- Xây dựng đầu nối thoát nước ngoài tường rào khu đất.

- Hoàn trả kênh ngăn nước mặn, chiều dài khoảng 270m, diện tích khoảng 0,5ha.

4. Nhóm dự án: Nhóm B.



5. Tổng mức đầu tư dự án: **146,023 tỷ đồng** (Một trăm bốn mươi sáu tỷ, không trăm hai mươi ba triệu đồng).

6. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phả Lễ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

8. Thời gian thực hiện dự án: 2020 - 2026.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án: Năm 2020 - 2026.

- Giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác sử dụng: Năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh và tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng đảm bảo nội dung quy hoạch tại các Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023, Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh chủ trương đầu tư khi thay đổi về mục tiêu, quy mô, vượt tổng mức đầu tư nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: QP, XD, KHĐT, TC, TNMT;
- Quân chủng PK-KQ;
- TTTU, TT HỖND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UB MTTQVN TP;
- Đại biểu HỖND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH&HỖND, UBND TP;
- Các sở, ngành: QS, KHĐT, TC, XD, TNMT;
- HU, HỖND, UBND huyện Thủy Nguyên;
- Báo HP, Đài PTTH HP, Cổng TTĐT TP;
- CV VP ĐĐBQH&HỖND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập



Số: 44 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân với những nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 theo quy hoạch vị trí đóng quân đã phê



duyệt để đảm bảo hạ tầng cơ sở bàn giao cho các đơn vị quân đội thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân nhằm ổn định cuộc sống, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, củng cố thế trận phòng thủ của thành phố.

2. Quy mô đầu tư:

Khu đất xây dựng trận địa dự bị gồm 02 vị trí với tổng diện tích khoảng 8,12ha, bao gồm:

- San nền đến cao độ +2.85m (cao độ lục địa); xây tường kê bằng đá hộc bao quanh 02 khu đất; đường giao thông kết nối khu đất với đường khu vực.

- Xây dựng đấu nối đến điểm chờ cho khu đất các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bao gồm: cấp điện, cấp nước, thoát nước, trạm biến áp công suất 50kVA-22/0,4kV.

- Hoàn trả kênh nội đồng.

3. Nhóm dự án: nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 142.614,993 triệu đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ sáu trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Phục Lễ và xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án: Năm 2020-2023.

- Giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng: Quý IV năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành dự án theo đúng chủ trương đầu tư được duyệt.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại huyện Thủy Nguyên, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 22/12/2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các đại biểu HĐND TP khoá XV;
- Các văn VP: TU, ĐBQH, UBND TP;
- Các quận uỷ, huyện uỷ;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- Công báo HP, Công TTĐT TP (để đăng);
- Các CV HĐND TP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trện địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trện địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cầm

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ lô đất CN9, một phần lô đất cây xanh (phía Đông Nam lô CN9) và đất giao thông trong Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện Thủy Nguyên đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 1 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân;

Căn cứ Công văn số 4376/SXD-QHKT ngày 23/8/2024 của Sở Xây dựng Hải Phòng về việc cho ý kiến thống nhất đối với Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (thực hiện theo quy trình rút gọn) khu đất trên địa dự bị của Đại đội PPK 171/e240;

Căn cứ Văn bản số 3905/BQL-QHXD ngày 30/8/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 các dự án đất quân đội của Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng;

Xét đề nghị của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng tại Tờ trình số 219/TTr-BQLDD ngày 29/8/2024 về trình thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trên địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Thủy Nguyên tại Tờ trình số 124/TTr-KT&HT ngày 06/9/2024 về kết quả thẩm định và trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trên địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch

- **Vị trí:** tại xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc: Giáp đường Giá;

+ Phía Nam và Đông Nam: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp;

+ Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp.

- **Diện tích khu vực lập quy hoạch: 46.082,29 m²**

3. Tính chất, chức năng: Khu vực an ninh quốc phòng.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và sử dụng đất được xác định cụ thể theo yêu cầu của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp trên đã phê duyệt và các quy định hiện hành khác.

5. Nội dung quy hoạch:

5.1 Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cân bằng sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Quốc phòng	QP	40.222,24	87,28
2	Đất giao thông	GT	908,96	1,98
3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (mương hoàn trả)	HTKT	4.951,09	10,74
Tổng			46.082,29	100,00

Ghi chú: Nội dung sử dụng đất chi tiết trong khu đất Quốc phòng được xác định cụ thể theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240 và đặc thù của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ quy hoạch cấp trên đã phê duyệt và các quy định hiện hành.

5. 2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị được xác định sau theo đặc thù của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt và các quy định hiện hành.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông

- Mặt cắt 1-1: Đường đôi ngoài phía Đông khu vực nghiên cứu $B_n=25,0m$ (lòng đường $15,0m$; hè đường $2 \times 5,0m=10,0m$).

- Mặt cắt 2-2: Đường đôi ngoài phía Bắc khu vực nghiên cứu $B_n=16,0m$ (lòng đường $8,0m$; hè đường $2 \times 4,0m=8,0m$).

- Mặt cắt A-A (đường giao thông kết nối khu đất với đường đôi ngoài phía Bắc $B_n=30,0m$ (lòng đường $24,0m$; hè đường $2 \times 3,0m=6,0m$).

b. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Cao độ nền xây dựng: San lấp mặt bằng khu đất Quốc phòng đến cao độ $+2,40m$ (hệ cao độ Lục địa). Cốt nền xây dựng được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt;

- Thoát nước mưa:

+ Phương án thoát nước: nước mưa thoát nước riêng với nước thải.

+ Mạng lưới thoát nước mưa cụ thể trong khu đất bố trí theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240.

c. Cấp nước

- Nguồn cấp: từ nhà máy nước tập trung.

- Mạng lưới và nhu cầu cấp nước được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

d. Cấp năng lượng và chiếu sáng

Mạng lưới và nhu cầu cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

đ. Thoát nước, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thoát nước thải: Mạng lưới thoát nước thải được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK171/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Quản lý chất thải rắn: Phân loại CTR tại nguồn thành CTR vô cơ và CTR hữu cơ.

e. Hạ tầng viễn thông

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc của khu vực quy hoạch được kết nối vào mạng viễn thông chung của huyện Thủy Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan công bố công khai Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm được duyệt.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn việc công bố công khai quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý theo quy hoạch. Viện quy hoạch Hải Phòng và Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và thông tin trong hồ sơ đồ án về quy mô, phạm vi ranh giới, tỷ lệ, toạ độ theo quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch, đơn vị được giao lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ; Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Sở Xây dựng;
- BQL Khu kinh tế Hải Phòng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hoàng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ lô đất CC9, CX11, CX13, CX14, CX15, CX16, lô đất cây xanh TDTT, mặt nước (phía Đông Nam lô đất CX11) và đất giao thông trong Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện Thủy Nguyên đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 1 (khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Đông, Thủy Nguyên);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trại địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân; số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của Trại địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân;

Căn cứ Công văn số 4374/SXD-QHKT ngày 23/8/2024 của Sở Xây dựng Hải Phòng về việc cho ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trại địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trại địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

Căn cứ Văn bản số 3905/BQL-QHXD ngày 30/8/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 các dự án đất quân đội của Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng;

Xét đề nghị của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng tại Tờ trình số 218/TTr-BQLDD ngày 29/8/2024 về trình thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trại địa dự bị của đại đội PPK172/E240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trại địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Thủy Nguyên tại Tờ trình số 125/TTr-KT&HT ngày 6/9/2024 về kết quả thẩm định và trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trại địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội

trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch

- **Vị trí:** thuộc địa giới hành chính xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Phạm vi ranh giới:

- + Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp đường nội đồng và đất nông nghiệp;
- + Phía Nam và Đông Nam: Giáp đường Sỏ 2 và đất nông nghiệp;
- + Phía Đông và Đông Bắc: Giáp đường Trần Hưng Đạo và đất nông nghiệp;
- + Phía Tây và Tây Nam: Giáp đường Sỏ 2 và đất nông nghiệp.

- **Diện tích khu vực lập quy hoạch: 42.971,53 m²**

3. Tính chất, chức năng: Khu vực an ninh quốc phòng.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và sử dụng đất được xác định cụ thể theo yêu cầu của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp trên đã phê duyệt và các quy định hiện hành khác.

5. Nội dung quy hoạch:

5.1 Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cân bằng sử dụng đất

Stt	Mục đích sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Quốc phòng	QP	40.915,28	95,21
2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (mương và giao thông hoàn trả)		2.056,25	4,79

	HTKT-01	759,45	1,77
	HTKT-02	1.296,80	3,02
Tổng		42.971,53	100,00

Ghi chú: Nội dung sử dụng đất chi tiết trong khu đất Quốc phòng được xác định cụ thể theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240 và đặc thù của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ quy hoạch cấp trên đã phê duyệt và các quy định hiện hành.

5. 2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị được xác định sau theo đặc thù của lĩnh vực an ninh quốc phòng, tuân thủ quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt và các quy định hiện hành.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông

- Mặt cắt 1-1: Đường đối ngoại phía Đông Bắc khu vực nghiên cứu Bn=20,0m (lòng đường 10,0m; hè đường 2x5,0m=10,0m).

- Mặt cắt A-A: Đường giao thông kết nối khu đất với đường đối ngoại phía Đông Bắc Bn=30,0m (lòng đường 24,0m; hè đường 2x3,0m=6,0m)

b. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Cao độ nền xây dựng: San lấp mặt bằng khu đất Quốc phòng đến cao độ +2,40m (hệ cao độ Lục địa). Cốt nền xây dựng được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt;

- Thoát nước mưa:

+ Phương án thoát nước: nước mưa thoát nước riêng với nước thải.

+ Mạng lưới thoát nước mưa cụ thể trong khu đất bố trí theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240.

c. Cấp nước

- Nguồn cấp: Từ NMN tập trung của khu vực.

- Điểm đầu cấp nước: sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn triển khai dự án.

- Mạng lưới và nhu cầu cấp nước được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

d. Cấp năng lượng và chiếu sáng

- Nguồn điện: từ trạm biến áp 110/35/22kV Thủy Nguyên 1 đến điểm đầu nối của khu vực nghiên cứu.

- Điểm đầu nối sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn triển khai dự án.

- Mạng lưới và nhu cầu cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

d. Thoát nước, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thoát nước thải:

+ Xây dựng hệ thống công thoát nước thải riêng.
+ Nước thải được thu gom và đấu nối ngoài khu vực nghiên cứu.
+ Mạng lưới thoát nước thải được xác định sau theo yêu cầu của Đại đội PPK172/e240, tuân thủ các quy định hiện hành và quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Quản lý chất thải rắn: Phân loại CTR tại nguồn thành CTR vô cơ và CTR hữu cơ.

e. Hạ tầng viễn thông

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc của khu vực quy hoạch được kết nối vào mạng viễn thông chung của huyện Thủy Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan công bố công khai Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm được duyệt.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng hướng dẫn việc công bố công khai quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Khu đất quân đội trận địa dự bị của đại đội PPK172/e240 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý theo quy hoạch. Viện quy hoạch Hải Phòng và Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và thông tin trong hồ sơ đồ án về quy mô, phạm vi ranh giới, tỷ lệ, toạ độ theo quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

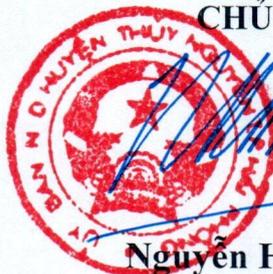
Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch, đơn vị được giao lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ; Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ PHẢ LỄ

Số: **67** /UBND

V/v cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các Dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Kính gửi:

- UBND huyện Thủy Nguyên;
- BQLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng.

Ngày 14/8/2024, Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ nhận được Văn bản số 859/BQLDD-QLCL của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng về việc cung cấp thông tin diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa chính thức của Đại đội PPK172/e240 và Tiểu đoàn TL71/e285 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân;

Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ gửi thông tin chi tiết tại bảng đính kèm Văn bản này.

Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ thông tin tới UBND huyện Thủy Nguyên và BQLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Thắng

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM VĂN BẢN

CV: Số 6/UBND ngày 21/8/2024 của UBND Xã Phú Lễ

1. Phạm vi thuộc Dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
1	109	Nguyễn Thị Khúc	431,5	LUC			232,9	198,60	Ruộng lúa
2	110	UBND xã	7109	DRA			3487,6	3621,40	Bãi rác
3	111	Đình Thị Hải	443,9	LUC			50,1	393,80	Ruộng lúa
Tổng			7.984,40				3.770,60	4.213,80	

Tổng diện tích:

I. Đất nông nghiệp:

I.1 Đất chuyên trồng lúa nước (LUC):

II. Đất phi nông nghiệp:

II.2 Đất bãi rác (DRA):

3.770,60 m2

283,00 m2

283,00 m2

3.487,60 m2

3.487,60 m2

2. Phạm vi thuộc Dự án Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
1	1	Đình Khắc Tân	309,2	ONT			108,60	200,60	Đất có công trình nhà ở
2	2	UBND xã	374,1	DGT			374,10	0,00	đường bê tông
3	3	Bà Tất	822,8	ONT			84,70	738,10	Đất có công trình nhà ở
4	4	Vũ Văn Hùng	790	ONT			48,30	741,70	Đất có công trình nhà ở
5	5	Vũ Văn Hùng	1340,8	ONT			215,50	1125,30	Đất có công trình nhà ở
6	6	UBND xã	735	DTL			735,00	0,00	mương
7	7	Đình Thị Sản	1223,7	ONT			789,50	434,20	Đất có công trình nhà ở
8	8	Đình Thị Đen	630	ONT			627,00	3,00	Đất có công trình nhà ở
9	9	Đình Thị Dịu	565,2	ONT			533,60	31,60	Đất có công trình nhà ở
10	10		605,9	ONT			43,10	562,80	Đất có công trình nhà ở
11	11	Vũ Thị Mỹ	541,6	ONT			541,60	0,00	Đất có công trình nhà ở
12	12		19956,3	LUC			17297,20	2659,10	Ruộng lúa
13	13	Nguyễn Thị Đạt	305,5	LUC			254,40	51,10	Ruộng lúa
14	14	Nguyễn Thị Niềm	563,5	NTS			141,00	422,50	Ao
15	15	UBND xã	27,7	DGT			27,70	0,00	đường
16	16	Rôm	326,9	LUC			326,90	0,00	Ruộng lúa
17	17		322,3	NTD			322,30	0,00	nghĩa trang

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
18	18	Lê Thị Nở	1948	ONT+CLN			1948,00	0,00	Đất có công trình nhà ở
19	19	UBND xã	121,5	DGT			121,50	0,00	
20	20	Đình Thị Lơ	267,6	LUC			267,60	0,00	đường
21	21	Nguyễn Thị Liên	542,4	LUC			542,40	0,00	Ruộng lúa
22	22		126,2	DGT			126,20	0,00	Ruộng lúa
23	23	Vũ Thị Xinh	686,3	LUC			590,60	95,70	đường
24	24	Vũ Thị Phơ	197,7	LUC			145,70	52,00	Ruộng lúa
25	25	Bùi Thị Quán	822,4	LUC			107,70	714,70	Ruộng lúa
26	26	Lê Thị Nôn (Cao)	192,7	LUC			192,70	0,00	Ruộng lúa
27	27	Phạm Thị Bẩy	411,1	LUC			411,10	0,00	Ruộng lúa
28	28	Đình Thị Lê	73,3	LUC			73,30	0,00	Ruộng lúa
29	29	Phạm Thị Bẩy	84,4	LUC			84,40	0,00	Ruộng lúa
30	30	Lê Khắc Huân	198,2	LUC			198,20	0,00	Ruộng lúa
31	31		472	LUC			472,00	0,00	Ruộng lúa
32	32		474,9	LUC			474,90	0,00	Ruộng lúa
33	33	UBND xã	1673,79	DGT			1673,79	0,00	Ruộng lúa
34	34	Lê Khắc Lỡm	261,3	LUC			261,30	0,00	Đường
35	35	Đình Thị Đụng	495,8	LUC			495,80	0,00	Ruộng lúa
36	36	Đình Thị Thành	528	LUC			523,80	4,20	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
37	37		75,2	DGT					
38	38	Nguyễn Thị Khởi	684,3	LUC			75,20	0,00	đường
39	39		279	LUC			564,90	119,40	Ruộng lúa
40	40		138,9	NTD			279,00	0,00	Ruộng lúa
41	41		859,9	LUC			138,90	0,00	nghĩa trang
42	42	Đình Thị Rôm	467,2	LUC			859,90	0,00	Ruộng lúa
43	43		419,2	LUC			467,20	0,00	Ruộng lúa
44	44	Tăng Sản	57,1	LUC			419,20	0,00	Ruộng lúa
45	45	Đình Khắc Kha (Sứu)	179,9	LUC			57,10	0,00	Ruộng lúa
46	46	Vũ Thị Thúy	474,5	LUC			179,90	0,00	Ruộng lúa
47	47	Đình Hữu Chặt	1031	LUC			30,70	443,80	Ruộng lúa
48	48	Lê Thị Tiềm	213,9	LUC			98,20	932,80	Ruộng lúa
49	49	Đình Thị Quấn	185,8	LUC			213,90	0,00	Ruộng lúa
50	50	Bùi Thị Nôn (Cao)	831,7	LUC			185,80	0,00	Ruộng lúa
51	51	Đình Thị Kê	1732,7	LUC			831,70	0,00	Ruộng lúa
52	52		656,5	DGT			1732,70	0,00	Ruộng lúa
53	53		1818	DTL			656,50	0,00	đường
54	54		524,8	LUC			1818,00	0,00	mương
55	55	Đình Như Thanh	623,6	LUC			524,80	0,00	Ruộng lúa
							425,10	198,50	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
56	56	Đình Khắc Yên	457,6	LUC			457,60	0,00	Ruộng lúa
57	57	Đình Khắc Sự	184,4	LUC			184,40	0,00	Ruộng lúa
58	58	Đình Thị Đào	158	LUC			158,00	0,00	Ruộng lúa
59	59	Nguyễn Thị Bắc	241,2	LUC			241,20	0,00	Ruộng lúa
60	60	Vũ Thị Hoàn	1168,6	LUC			235,00	933,60	Ruộng lúa
61	61	Lê Thị Dương	194	LUC			148,60	45,40	Ruộng lúa
62	62	Lê Thị Dụ	227,7	LUC			133,80	93,90	Ruộng lúa
63	63		4,5	DGT			4,50	0,00	đường
64	64		4,7	DGT			4,70	0,00	đường
65	65		84,7	DGT			84,70	0,00	đường
66	66	Đình Khắc Thương	542,3	LUC			542,30	0,00	Ruộng lúa
67	67		302,3	LUC			302,30	0,00	Ruộng lúa
68	68	Đình Thị Miên	273,3	LUC			273,30	0,00	Ruộng lúa
69	69	Nguyễn Thị Lỡm (Keng)	1533,2	LUC			1507,90	25,30	Ruộng lúa
70	70	Vũ Văn Thức	1419,9	LUC			128,80	1291,10	Ruộng lúa
71	71		33,8	DGT			33,80	0,00	đường
72	72	Đình Thị Đoan	324,4	LUC			222,60	101,80	Ruộng lúa
73	73		152,5	LUC			152,50	0,00	Ruộng lúa
74	74	Đình Thị Mai	253,2	LUC			92,80	160,40	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
75	75	Phạm Thị Bảy	322,9	LUC			322,90	0,00	Ruộng lúa
76	76		593,8	LUC			5,80	588,00	Ruộng lúa
77	77		370,4	LUC			34,60	335,80	Ruộng lúa
78	78		246,4	LUC			42,60	203,80	Ruộng lúa
79	79	Đinh Thị Mai	280,5	LUC			18,40	262,10	Ruộng lúa
80	80	UBND xã	9	DTL			9,00	0,00	mương
Tổng			59.654,6				46.082,3	13.572,3	

Tổng diện tích:

46.082,3 m2

I. Đất nông nghiệp:

34.936,5 m2

Đất chuyên trồng lúa nước;

34.795,5 m2

I.2 Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

141,0 m2

II. Đất phi nông nghiệp:

11.145,8 m2

II.1 Đất ở nông thôn (ONT):

2.991,9 m2

II.2 Đất ở tại nông thôn kết hợp trồng cây lâu năm (ONT+CLN):

1.948,0 m2

II.3 Đất nghĩa trang (NTD):

461,2 m2

II.4 Đất thủy lợi (DTL):

2.562,0 m2

II.5 Đất giao thông (DGT):

3.182,7 m2



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤC LỄ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **68** /BQLDD-QLCL

Phục Lễ, ngày **20** tháng 8 năm 2024

V/v cung cấp diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các Dự án ĐTXD HTKT các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

Kính gửi:

- UBND huyện Thủy Nguyên;
- BQLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng.

Ngày 14/8/2024, Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ nhận được Văn bản số 859/BQLDD-QLCL của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng về việc cung cấp thông tin diện tích và nguồn gốc các loại đất trong phạm vi thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa chính thức của Đại đội PPK172/e240 và Tiểu đoàn TL71/e285 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân; Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ gửi thông tin chi tiết tại bảng đính kèm Văn bản này.

Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ thông tin tới UBND huyện Thủy Nguyên và BQLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quốc Việt

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM VĂN BẢN

(Phạm vi Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật các khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240)

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
1	1	Bùi Thị Hạnh	400,30	LUC			107,50	292,80	Ruộng lúa
2	2		25,80	LUC			25,80	0,00	Ruộng lúa
3	3	Nguyễn Thị Đa	163,00	LUC			122,70	40,30	Ruộng lúa
4	4	Đình Thị Mến	177,60	LUC			167,60	10,00	Ruộng lúa
5	5		742,70	LUC			3,90	738,80	Ruộng lúa
6	6	Nguyễn Thị Thủy	390,20	LUC			100,30	289,90	Ruộng lúa
7	7	Đình Thị Liên	305,60	LUC			54,30	251,30	Ruộng lúa
8	8	Đình Thị Viễn	506,10	LUC			319,60	186,50	Ruộng lúa
9	9	Đình Thị Thanh (Vĩnh)	320,40	LUC			320,40	0,00	Ruộng lúa
10	10	Chu Thị Tuyết	360,70	LUC			360,70	0,00	Ruộng lúa
11	11	Nguyễn Thị Xuyên	206,30	LUC			206,30	0,00	Ruộng lúa
12	12		122,20	LUC			122,20	0,00	Ruộng lúa
13	13		82,50	LUC			82,50	0,00	Ruộng lúa
14	14		187,40	LUC			187,40	0,00	Ruộng lúa



Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
15	15	Nguyễn Thị Luyến	403,20	LUC			403,20	0,00	Ruộng lúa
16	16	Nguyễn Thị Liên (Khang)	838,80	LUC			838,80	0,00	Ruộng lúa
17	17	Cao Thị My	190,80	LUC			190,80	0,00	Ruộng lúa
18	18	Nguyễn Thị Lành	168,10	LUC			168,10	0,00	Ruộng lúa
19	19	Bùi Thị Thắm	376,80	LUC			376,80	0,00	Ruộng lúa
20	20	Phạm Thị Lực	349,60	LUC			262,80	86,80	Ruộng lúa
21	21	Đình Thị Hồng (Nhính)	879,70	LUC			1,40	878,30	Ruộng lúa
22	22	Đình Thị Thạnh	622,60	LUC			165,70	456,90	Ruộng lúa
23	23	Đình Thị Thạnh	442,20	LUC			435,60	6,60	Ruộng lúa
24	24	UBND xã	1119,23	DGT			1119,23	0,00	Đường
25	25	Phạm Thị Sen	353,90	LUC			353,90	0,00	Ruộng lúa
26	26	Đình Thị Lệ	343,60	LUC			343,60	0,00	Ruộng lúa
27	27	Phạm Thị Thạo	378,30	LUC			378,30	0,00	Ruộng lúa
28	28	Phạm Thị Nhợi	437,30	LUC			437,30	0,00	Ruộng lúa
29	29	Đình Thị Liên	393,50	LUC			393,50	0,00	Ruộng lúa
30	30	Nguyễn Thị Nhuận	347,80	LUC			347,80	0,00	Ruộng lúa
31	31	Đoàn Thị Thơm	597,40	LUC			597,40	0,00	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
32	32	UBND xã	163,20	DTL			163,20	0,00	mương
33	33	Phạm Thị Loan	465,40	LUC			465,40	0,00	Ruộng lúa
34	34	Nguyễn Quang Đang	412,40	LUC			412,40	0,00	Ruộng lúa
35	35	Bùi Thị Duyên	482,30	LUC			482,30	0,00	Ruộng lúa
36	36	Bùi Thị Duyên	573,30	LUC			524,20	49,10	Ruộng lúa
37	37	Nguyễn Thị Thơi	934,30	LUC			617,70	316,60	Ruộng lúa
38	38	Nguyễn Thị Thịnh	496,70	LUC			46,60	450,10	Ruộng lúa
39	39	Đinh Thị Hồng (Qua)	154,60	LUC			13,50	141,10	Ruộng lúa
40	40	Đinh Thị Nhiều	828,00	LUC			828,00	0,00	Ruộng lúa
41	41	Phạm Thị Thạo	851,60	LUC			851,60	0,00	Ruộng lúa
42	42	Nguyễn Thị Hảo	422,10	LUC			422,10	0,00	Ruộng lúa
43	43	Chu Thị Sinh	877,30	LUC			877,30	0,00	Ruộng lúa
44	44	Chu Thị Lộc	903,40	LUC			903,40	0,00	Ruộng lúa
45	45	Phạm Thị Nhợi	410,10	LUC			410,10	0,00	Ruộng lúa
46	46	Phạm Thị Sai	380,40	LUC			380,40	0,00	Ruộng lúa
47	47	Nguyễn Thị Phở	470,80	LUC			470,80	0,00	Ruộng lúa
48	48	Hà (Kiếm)	349,50	LUC			349,50	0,00	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
49	49	Nguyễn Thị Sáu	883,60	LUC			883,60	0,00	đường
50	50	Phạm Thị Nhung	223,20	LUC			223,20	0,00	Ruộng lúa
51	51	Đình Thị Mến	272,60	LUC			272,60	0,00	Ruộng lúa
52	52	Phạm Thị Dung	1049,90	LUC			1049,90	0,00	Ruộng lúa
53	53	Phạm Thị Mọi	471,90	LUC			471,90	0,00	Ruộng lúa
54	54	Đình Thị Mến	462,00	LUC			462,00	0,00	Ruộng lúa
55	55	Nguyễn Thị Thúy	385,80	LUC			385,80	0,00	Ruộng lúa
56	56	Phạm Thị Nhung	388,00	LUC			388,00	0,00	Ruộng lúa
57	57	Bùi Thị Tam	400,50	LUC			307,80	92,70	Ruộng lúa
58	58	Nguyễn Thị Chấn	1135,20	LUC			26,70	1108,50	Ruộng lúa
59	59	Nguyễn Thị Sy	387,00	LUC			72,90	314,10	Ruộng lúa
60	60	Nguyễn Thị Nhuận	425,00	LUC			363,10	61,90	Ruộng lúa
61	61		868,70	LUC			868,70	0,00	Ruộng lúa
62	62	Nguyễn Quang Thành	601,80	LUC			601,80	0,00	Ruộng lúa
63	63	Nguyễn Thị Tuyết (Hải)	443,00	LUC			443,00	0,00	Ruộng lúa
64	64	Phạm Thị Huệ	446,50	LUC			446,50	0,00	Ruộng lúa
65	65	Phạm Thị Thủy	261,90	LUC			261,90	0,00	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
66	66	Bùi Thị Oanh	219,60	LUC			219,60	0,00	Ruộng lúa
67	67	Nguyễn Thị Vinh	377,00	LUC			377,00	0,00	Ruộng lúa
68	68	Trần Thị Xuân	382,30	LUC			382,30	0,00	Ruộng lúa
69	69	Nguyễn Thị Chính; Phạm Thị Thê	619,10	LUC			619,00	0,10	Ruộng lúa
70	70		197,70	LUC			196,10	1,60	Ruộng lúa
71	71	UBND xã	2,00	DGT			2,00	0,00	đường
72	72	Phạm Thị Toan	453,50	LUC			277,80	175,70	Ruộng lúa
73	73	Chu Thị Tĩnh	769,90	LUC			769,20	0,70	Ruộng lúa
74	74	Bùi Thị Nga	332,10	LUC			332,10	0,00	Ruộng lúa
75	75	Phạm Thị Chất	375,10	LUC			375,10	0,00	Ruộng lúa
76	76	Chu Thị Gan	383,50	LUC			383,50	0,00	Ruộng lúa
77	77	Đinh Thị Mai	334,60	LUC			334,60	0,00	Ruộng lúa
78	78	Nguyễn Thị Minh	462,40	LUC			462,40	0,00	Ruộng lúa
79	79		369,10	LUC			369,10	0,00	Ruộng lúa
80	80		382,50	LUC			382,50	0,00	Ruộng lúa
81	81	Phạm Thị Sáu	505,80	LUC			272,70	233,10	Ruộng lúa
82	82		414,50	LUC			414,50	0,00	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
83	83	Đinh Thị Lý	504,00	LUC			504,00	0,00	Ruộng lúa
84	84	Phạm Thị Nhung	405,30	LUC			405,30	0,00	Ruộng lúa
85	85	Nguyễn Thị Tuyết	329,60	LUC			329,60	0,00	Ruộng lúa
86	86	Phạm Thị Tuyển	810,40	LUC			810,40	0,00	Ruộng lúa
87	87	Vũ Thị Thủy	364,20	LUC			364,20	0,00	Ruộng lúa
88	88	Phạm Thị Duyên	301,90	LUC			301,90	0,00	Ruộng lúa
89	89	Chu Thị Lộc	210,00	LUC			210,00	0,00	Ruộng lúa
90	90	Đinh Thị Thạnh	414,60	LUC			414,60	0,00	Ruộng lúa
91	91	Phạm Thị Tho	605,50	LUC			371,60	233,90	Ruộng lúa
92	92		921,50	LUC			48,30	873,20	Ruộng lúa
93	93	Chu Thị Sinh	515,30	LUC			15,50	499,80	Ruộng lúa
94	94	Phạm Thị Huệ (Đáu)	153,00	LUC			141,60	11,40	Ruộng lúa
95	95	Bùi Thị Oanh	362,70	LUC			209,10	153,60	Ruộng lúa
96	96	Bùi Thị Mẽ	450,70	LUC			450,70	0,00	Ruộng lúa
97	97	Đinh Thị Hồng (Nhính)	370,70	LUC			370,70	0,00	Ruộng lúa
98	98	Phạm Thị Duyên	399,60	LUC			399,60	0,00	Ruộng lúa
99	99	Phạm Thị Ngoan	601,40	LUC			601,40	0,00	Ruộng lúa

Số TT	Số hiệu thửa	Tên chủ sử dụng, quản lý	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý		Diện tích trong chỉ giới	Diện tích ngoài chỉ giới	Ghi chú
			Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất			
100	100	UBND xã	144,30	DTL			144,30	0,00	mương
101	101	UBND xã	574,10	DGT			574,10	0,00	đường
102	102	Bùi Thị Vui	519,90	LUC			519,90	0,00	Ruộng lúa
103	103		338,30	LUC			191,10	147,20	Ruộng lúa
104	104	Đình Thị Nhiều	355,70	LUC			4,20	351,50	Ruộng lúa
105	105		624,70	LUC			61,10	563,60	Ruộng lúa
106	106	Bùi Thị Mẽ	399,60	LUC			399,60	0,00	Ruộng lúa
107	107	Nguyễn Thị Thuận	512,30	LUC			413,00	99,30	Ruộng lúa
108	108	Nguyễn Thị Nhàn	553,80	LUC			32,30	521,50	Ruộng lúa
Tổng			48.839,43				39.200,93	9.638,50	

Tổng diện tích:	39.200,93	m2
I. Đất nông nghiệp:	37.198,10	m2
I.1 Đất chuyên trồng lúa nước(LUC):	37.198,10	m2
II. Đất phi nông nghiệp:	2.002,83	m2
II.3 Đất thủy lợi (DTL):	307,50	m2
II.4 Đất giao thông (DGT):	1.695,33	m2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHẢ LỄ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68 CV-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 9 năm 2024

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ nhận được Văn bản số 966/BQLDD-QLCL ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Sau khi xem xét, UBND xã Phả Lễ có ý kiến như sau:

1. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên phù hợp Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK172/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

2. Tác động môi trường của dự án đầu tư: Báo cáo đã đánh giá, liệt kê tương đối đầy đủ các hạng mục công trình và hoạt động có phát sinh các tác động đến môi trường như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung... trong quá trình triển khai dự án.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Báo cáo đã đề xuất được các biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường từ các nguồn thải phát sinh trong quá trình xây dựng của dự án (bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn...). Các biện pháp đã đề xuất cơ bản là phù hợp và có tính khả thi. Đề nghị chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu đề xuất để hoạt động thi công không ảnh hưởng đến dân cư, môi trường tiếp nhận nguồn thải.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các nội dung đưa ra cơ bản phù hợp với loại hình của dự án.

5. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư: Đề nghị chủ dự án nghiêm túc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng dự án để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống của người dân địa phương, có biện pháp thi công phù hợp để không ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của địa phương; Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHẢ LỄ



CHỦ TỊCH
Vũ Văn Chăng



**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
XÃ PHẢ LỄ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 CV-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ nhận được Văn bản số 966/BQLDD-QLCL ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Sau khi xem xét, UBND xã Phả Lễ có ý kiến như sau:

1. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên phù hợp Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân.

2. Tác động môi trường của dự án đầu tư: Báo cáo đã đánh giá, liệt kê tương đối đầy đủ các hạng mục công trình và hoạt động có phát sinh các tác động đến môi trường như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, động lực, ... trong quá trình triển khai dự án.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Báo cáo đã đề xuất được các biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường từ các nguồn thải phát sinh trong quá trình xây dựng của dự án (bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, ...). Các biện pháp đã đề xuất cơ bản là phù hợp và có tính khả thi. Đề nghị chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu đề xuất để hoạt động thi công không ảnh hưởng đến dân cư, môi trường tiếp nhận nguồn thải.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các nội dung đưa ra cơ bản phù hợp với loại hình của dự án.

5. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư: Đề nghị chủ dự án nghiêm túc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng dự án để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống của người dân địa phương, có biện pháp thi công phù hợp để không ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của địa phương; Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM XÃ PHẢ LỄ**



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

Thời gian họp: UBND xã Phả Lễ, ngày 16 tháng 9 năm 2024

Địa chỉ nơi họp: UBND xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Phả Lễ nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp

- + Ông (bà): Xuân Văn Thuận Chức vụ: CT UBND
- + Ông (bà): Phan Đức Diễm Chức vụ: Công chức địa phương
- + Ông (bà): Chức vụ:
- + Ông (bà): Chức vụ:
- + Ông (bà): Chức vụ:

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án:

- + Ông (bà): Trần Ngọc Trung Chức vụ: Phó Giám đốc B&L
- + Ông (bà): Chức vụ:
- + Ông (bà): Chức vụ:

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

- + Ông (bà): Chức vụ:
- + Ông (bà): Chức vụ:

1.4. Thành phần các hộ dân dự họp (có phụ lục kèm theo)

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn:

- Vị trí thực hiện dự án đầu tư;
- Tác động môi trường của dự án đầu tư;
- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
- Chương trình quản lý và giám sát môi trường;
- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án, Ủy ban nhân xã Phả Lễ về các nội dung tham vấn

- Đề nghị chủ dự án lựa chọn thời gian thi công phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt hàng ngày của người dân;
- Nguyên vật liệu xây dựng phải được che phủ bạt kín, hạn chế tối đa rơi vãi trong quá trình vận chuyển gây bụi ảnh hưởng đến người dân;
- Có biện pháp giảm tiếng ồn từ máy móc thi công, nhất là các đoạn gần dân cư sinh sống;
- Đề nghị thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, rác thải sinh hoạt hợp lý không làm ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh chung của khu vực;
- Quá trình thi công xây dựng có các biện pháp thi công đảm bảo giao thông, không gây ngăn cách khu vực.
- Có biện pháp thi công phù hợp đặc biệt phạm vi chiếm dụng đất thủy lợi để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Quan tâm, hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng do chiếm dụng đất.

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng

Chủ dự án tiếp thu ý kiến của cộng đồng dân cư. Chủ dự án cam kết với cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương sẽ nghiêm túc nhận diện nguồn thải và thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp, có tính khả thi nhằm hạn chế tối đa tác động đến hoạt động sinh hoạt của người dân và công trình dân sinh.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm đã nêu, đánh giá được tương đối đầy đủ các tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đưa ra cơ bản đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường, hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực tới cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Đề nghị chủ dự án thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực từ hoạt động của Dự án. Thực hiện thi công đúng tiến độ, không để ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống, kinh tế xã hội của địa phương.

Cuộc họp kết thúc vào hồi ...giờ.... cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 bản và được thống nhất với tất cả các thành phần tham dự./.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

PHẢ LỄ



CHỦ TỊCH

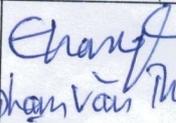
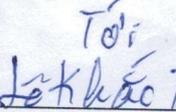
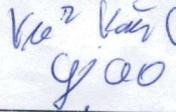
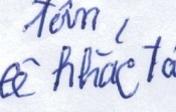
Từ Văn Hằng

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Trung

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Chức vụ/Nghề nghiệp	Chữ ký
I. Đại diện UBND, MTTQ xã				
1	Ông Trần Văn Mạnh		CT. UBND xã	
2	Ông Bùi Đức Điền		UBND xã	
3	Bùi Diên Tài		UBND xã	
4				
5				
II Các hộ phải di dân, tái định cư				
1	Đình Thị Huyền (chồng) thôn 6			
2	Đình Thị Thảo (chồng) thôn 6			Tôi 
3	Vũ Văn Giao (vi) thôn 6			Vũ Văn Giao 
4	Lê Khắc Tâm (tuyên) thôn 6			Tâm, 

10	Đinh thị Đoan (Sáu)	đôn 6	Đoan Đinh Thị Đoan
11	Đinh thị Thế ()	đôn 6	đế Đinh thị Thế Sáu
12	Đinh thị Sáu (bấm)	đôn 4	Sinh Thị Sáu Lý
13	Đinh thị Lý	đôn 5	Sinh Thị Lý
14	Đinh thị Biêm (eo)	đôn 6	tiên Đinh thị tiên Biêm
15	Đinh thị Bim	đôn 4	Thiên Thị Bim nhân
16	Đinh thị Nhân (Kháng)	đôn 4	Sinh Thị Nhân
17	Bùi thị Quam	đôn 6	Quam 13 cũ thị Quam
18	Đinh Khắc Kha (Siêu)	đôn 6	Khả Đinh Khắc Kha
19	Phạm thị Bẩy (Dũng)	đôn 6	Bảy Phạm thị Bẩy phô
20	Đinh thị phở (thanh)	đôn 6	
21	Đinh thị Thiên (Thu)	đôn 6	tiên Đinh thị tiên
22	Đinh thị Lê (He)	đôn 6	lê Đinh thị Lê
23	Lê thị Dương (chính)	đôn 6	chiến Nguyễn Văn Dương
24	Lê thị Du (Riã)	đôn 6	Đu Lê thị Du

25	Đinh Thị Kim (Hầu)	đôn 6	Kim A B Th
26	Vũ Thị Thuý (Hầu)	đôn 6	Thúy vũ Thị th
27	Nguyễn Thị Rang	đôn 6	
28	Đinh Thị Quyên (viên)	đôn 6	
29	Đinh Thị Ngọc (đi')	đôn 6	Mai Đinh Thị M
30	Đinh Khắc Lễ	đôn 5	C Đinh Khắc t
31	Vũ Thị Linh (Mạp) Hương	đôn 5	Hương Đinh Thị H bàe
32	Nguyễn Thị Bắc	đôn 5	
33	Đinh Thị Hoàn (Eân)	đôn 4	Đinh Thị H chuy
34	Đinh Thị Thuý	đôn 4	Đinh Thị th
35	Khamb	đôn 4	
36	Dâm	đôn 4	
37	Hát	đôn 4	
38	Nguyễn Thị Tiêm (xung')	đôn 6	vũ Văn xung
39	Nguyễn Thị Dật	đôn 6	đặt ngày 5/11 đặt

40	Nguyễn Thị Liên	đơn 6	Liên Nguyễn
41	Vũ Văn Keng	đơn 6	Keng Vũ Văn
42	Đinh Thị Đông	đơn 6	Đông Đinh, T
43	Nguyễn Thị Khôn' (Duy)	đơn 6	Khôn' Nguyễn T
44	Lê Thị Như (Sen) (Bai)	lập lể thôn 4	Sen Lê Thị N
45	Vũ Văn Thúc (Liên)	đơn 6	Thúc Nguyễn th
46	Vũ Văn Đuê (Quỳn) Liên	đơn 6	Đuê Nguyễn t
47	Đinh Thị Loát	đơn 6	Loát Đinh th
48	Đinh Hữu Quâm (Mai)	đơn 6	Quâm Đinh Hữu
49	Đinh Thị Xuân (Gang)	đơn 6	Xuân Đinh th
50	Vũ Văn Gia (Vinh)	đơn 4	Vinh Lâm th
51	Vũ Văn Khê (Chung)	Thôn 4	Khe Đoàn Thị M
52	Vũ Thị Thôn' (Sui)	lập lể	Thôn' Nhân
53	Vũ Thị Nhỏ	thôn 4	Nhỏ Vũ Thị M
54	Lê Khắc Huân (Hoa)	đơn 6	Huân Nguyễn th

55	Nữ thị Nguyệt (Hùng)	Thôn 5	Nguyệt Vũ Thị Nguyệt
56	Đinh thị Huyền (Dũng)	Thôn 4	Vũ Văn Dũng thò
57	Đinh thị Dở (Lai)	Thôn 6	Đinh thị Dở Nguyễn Thị (Lai)
58	Lê Khắc Hai (Chuyên)	Thôn 6	Chuyên
59	Đinh Khắc Lãm (Lãm)	Thôn 6	Lãm Đinh thị Lãm Mô
60	Lê thị Hồ	Thôn 6	Lê thị Hồ
61	Thị	Thôn 6	
62	Vũ thị Hạnh (Khảm)	Thôn 6	Hạnh vũ thị Hạnh
63	Bên		
64	Luyên		
65	Đinh thị Ke' (Hòa)	Thôn 6	Ke' Đinh thị Ke' nguyên
66	Đinh thị Nghĩa (Hưng)	Thôn 6	Đinh thị Nghĩa Lãnh
67	Đinh thị Lãm	Thôn 6	Lãm Đinh thị Lãm Tài
68	Lê Khắc Lai (Linh)	Thôn 6	Lê Khắc Lai tiết
69	Phạm thị Quát	Thôn 6	Phạm thị Quát

IV	Các hộ phải di chuyển mộ			
01	Nguyễn Văn Vĩnh (Hải)	đôn 6	01 ngôi mộ	Vũ Nguyễn Văn Vũ
2	Lê Khắc Diệp (xa)	đôn 6	01 ngôi mộ	Diệp Lê Khắc Diệp
3	Đình Hữu Riã (Đu)	đôn 6	7 ngôi mộ	Đu Lê Thị Đu
4	Đình Hữu Thành (Gây)	đôn 1		
5	Đình Thị Bận	đôn 6		Bận Đình Thị Bận
6	Mười Lương	Lập Lễ		
7	Đình Thị Giát	đôn 6	02 ngôi mộ	Giát Đình Thị Giát

ĐƠN PHẢN

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
XÃ PHỤC LỄ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phục Lễ nhận được Văn bản số 961/BQLDD-QLCL ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Sau khi xem xét, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Phục Lễ có ý kiến như sau:

1. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên phù hợp với Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân.

2. Tác động môi trường của dự án đầu tư: Báo cáo đã đánh giá, liệt kê tương đối đầy đủ các hạng mục công trình và hoạt động có phát sinh các tác động đến môi trường như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung,... trong quá trình triển khai dự án.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Báo cáo đã đề xuất được các biện pháp phù hợp và có tính khả thi để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Đề nghị chủ dự án nghiêm túc thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu đã đề xuất để hoạt động thi công không ảnh hưởng tiêu cực đến dân cư và môi trường tiếp nhận nguồn thải.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Cơ bản phù hợp với loại hình của dự án.

5. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư: Đề nghị chủ dự án có biện pháp thi công phù hợp để không ảnh hưởng tới giao thông hiện trạng, sản xuất nông nghiệp của địa phương; Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phục Lễ gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
XÃ PHỤC LỄ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤC LỄ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/UBND-ĐC

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ nhận được Văn bản số 961/BQLDD-QLCL ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm. Sau khi xem xét, UBND xã Phục Lễ có ý kiến như sau:

1. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại xã Phục Lễ, xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên phù hợp Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/06/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân. Trong phạm vi thu hồi đất thuộc của dự án (khu đất thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240) có 1 đoạn kênh cứng thuộc quản lý của UBND xã Phục Lễ, phương án hoàn trả của dự án bằng mương hở rộng $B=0,8m$, cao trình đáy bằng cao trình đáy kênh xây hiện trạng, xây bằng gạch không nung dày 220, vữa xi măng cát M75#, đáy mương bê tông M200# đá 1x2 là phù hợp.

2. Tác động môi trường của dự án đầu tư: Báo cáo đã đánh giá, liệt kê tương đối đầy đủ các hạng mục công trình và hoạt động có phát sinh các tác động đến môi trường như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung,... trong quá trình triển khai dự án.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Đã đề xuất được các biện pháp giảm thiểu phù hợp và có tính khả thi để giảm thiểu các tác động đến môi trường từ các nguồn thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Đề nghị chủ dự án thực hiện

đầy đủ các biện pháp giảm thiểu đã đề xuất để hoạt động thi công không ảnh hưởng tiêu cực đến dân cư và môi trường tiếp nhận nguồn thải.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các nội dung đưa ra cơ bản phù hợp với loại hình của dự án.

5. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư: Đề nghị chủ dự án nghiêm túc triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng dự án, có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu thi công hợp lý để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống của người dân địa phương, có biện pháp thi công phù hợp để không ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của địa phương; Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Phục Lễ gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Quốc Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trên địa
dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng
Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ
thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

Thời gian họp: UBND xã Phúc Lễ, ngày 16 tháng 9 năm 2024...

Địa chỉ nơi họp: Xã Phúc Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Phúc Lễ nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp

- + Ông (bà): ...Phạm Quốc Việt..... Chức vụ... Chủ tịch xã.....
+ Ông (bà): ...Hoàng Thu Thảo..... Chức vụ... Công chức địa chính.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án:

- + Ông (bà): ...Trần Ngọc Trung..... Chức vụ... Phó giám đốc BQL.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

- + Ông (bà): Chức vụ.....
+ Ông (bà): Chức vụ.....

1.4. Thành phần dự họp (có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn:

- Vị trí thực hiện dự án đầu tư;
- Tác động môi trường của dự án đầu tư;
- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
- Chương trình quản lý và giám sát môi trường;

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án, Ủy ban nhân xã Phục Lễ về các nội dung tham vấn

- Đề nghị chủ dự án quan tâm về vấn đề thu gom các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, đặc biệt là chất thải xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh.
- Đề nghị chủ dự án quan tâm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng.
- Nguyên vật liệu xây dựng phải được che phủ bạt kín, hạn chế tối đa rơi vãi trong quá trình vận chuyển gây bụi ảnh hưởng đến người dân;
- Đề nghị chủ dự án lựa chọn thời gian thi công phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt hàng ngày của người dân;
- Đề nghị thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, rác thải sinh hoạt hợp lý không làm ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh chung của khu vực;
- Quá trình thi công xây dựng có các biện pháp thi công đảm bảo giao thông, không gây ngăn cách khu vực.
- Có biện pháp thi công hoàn trả các công trình thủy lợi trong phạm vi chiếm dụng đất thủy lợi để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Quan tâm, hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng do chiếm dụng đất.

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng

Chủ dự án tiếp thu ý kiến của cộng đồng dân cư. Chủ dự án cam kết với cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương sẽ nghiêm túc nhận diện nguồn thải và thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp, có tính khả thi nhằm hạn chế tối đa tác động đến hoạt động sinh hoạt của người dân và công trình dân sinh.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm đã nêu, đánh giá được tương đối đầy đủ các tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đưa ra cơ bản đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường, hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực tới cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Đề nghị chủ dự án thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực từ hoạt động của Dự án. Thực hiện thi công đúng tiến độ, không để ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống, kinh tế xã hội của địa phương.

Cuộc họp kết thúc vào hồi . . . giờ.... cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 bản

và được thống nhất với tất cả các thành phần tham dự./.

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ
PHỤC LỄ**



CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Trung

PHỤ LỤC CHI TIẾT KÈM THEO MỤC 1.4

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Chức vụ/Nghề nghiệp	Chữ ký
I. Đại diện UBND, MTTQ xã				
1	Ông Nguyễn Hữu Việt		CT. UBND xã Phúc Lễ	
2				
3				
4				
5				
III Các hộ trong phạm vi thu hồi đất nông nghiệp				
1	Hà Phạm Thị Hà	Thôn Nam	Thợ dệt	Phạm Thị Hà
2	Viên Thị Đình Thị Viên	Thôn Sò	thợ dệt	Đình Thị Viên

3	nguyễn thị Lệyên	thôn số	trông trở	Lệyên
4	Đinh thị Liên	thôn số	trông trở	Liên
5	Đỗ xuân Thị Xuân	thôn số	trông trở	Xuân
6	Đinh thị Mai	thôn số	trông trở	Mai
7	Bùi thị Nga	thôn số	trông trở	Nga
8	Phạm thị Duyên	thôn số	trông trở	Duyên
9	Nguyễn Thị Vinh	thôn số	trông trở	Vinh
10	phạm thị Chung	thôn số	trông trở	Chung
11	Chu thị Linh	thôn số	trông trở	Chudis

12	nguyễn thị Chinh	Thôn số 7	Trông Trọt	<u>Chinh</u>
13	Kế Hoang Nguyễn huu Thúc	thôn số 7	trông Trọt	Thúc
14	nguyễn Thị Lan	thôn số 7	trông Trọt	Lan
15	Bùi thị Duyên	thôn số 7	trông Trọt	Duyên
16	Phạm Thị Chế	thôn số 7	bông Trọt	Chế
17	Phạm Thị Loan	thôn số 7	trông Trọt	Loan

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-TL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

V/v tham gia ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không- Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Văn bản số 959/BQLDD-QLCL ngày 09/9/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không- Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm và hồ sơ kèm theo; Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư

Phạm vi thực hiện dự án phù hợp với Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng không- Không Quân.

2. Về tác động môi trường dự án, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.1. Về đánh giá tác động môi trường của dự án,

a. Về ảnh hưởng của Dự án đến công trình đê điều đối với Khu đất quân đội trận địa dự bị của Đại đội PPK171/e240:

- Vị trí dự án nằm giáp ranh, liền kề với tuyến đê Hữu Bạch Đằng chính. Đề nghị Chủ đầu tư bổ sung nội dung về sự ảnh hưởng có thể có trong quá trình thực hiện dự án đến tuyến đê; có các giải pháp cụ thể để đảm bảo quá trình thi công, triển khai, vận hành dự án không làm ảnh hưởng đến an toàn đê điều.

- Tuyến đê Hữu Bạch Đằng cũ là đê đất không thuộc hệ thống đê điều của thành phố, đang được địa phương sử dụng làm đường giao thông. Đề nghị Chủ đầu tư căn cứ quy định pháp luật về đất đai và tổng hợp ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1798/STC-GCS ngày 08/5/2024 (*gửi kèm theo*) để thực hiện thủ tục liên quan đến đất đai theo quy định.

b. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn:

Tại trang 88 Báo cáo: “*Bố trí máy bơm, nhân công trực bơm nước mưa chảy tràn, để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực đồng thời hạn chế thi công vào những ngày có mưa*”; đề nghị Chủ đầu tư bổ sung biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn và làm rõ nguồn tiếp nhận nước mưa của Dự án.

2.2. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

- Đối với khối lượng đất nông nghiệp đào tại mặt ruộng (*tính từ mặt đất xuống trung bình 25cm*) phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác (*chỉ được sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và không được đổ thải*).

- Trong giai đoạn san nền, dự án có sử dụng khối lượng lớn vật liệu san nền bằng cát để lấp, nâng cao độ nền, do vậy, cần bổ sung nhận dạng tác động ảnh hưởng của vật liệu san lấp đến môi trường đất và nước trong khu vực; nghiên cứu đầy đủ và đề xuất phương án thoát nước rò rỉ từ cát (*chủ yếu là nước mặn*) gây tác động xấu đến môi trường nước và đất canh tác trong khu vực lân cận.

2.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Một số nội dung khác:

- Dự án thực hiện phải thu hồi 37.481,1 m² đất trồng lúa 02 vụ (đối với Đại đội PPK172/e240) và 34.795,5 m² đất trồng lúa 02 vụ; 141 m² đất nuôi trồng thủy sản (đối với Đại đội PPK171/e240). Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa và đền bù đất nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình đi qua khu đất của Dự án trước khi phá dỡ, san lấp mặt bằng theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (*nếu có*).

- Đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (*nếu có*) được quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện thủ tục hồ

sơ đề nghị cấp Giấy phép cho hoạt động trước khi triển khai thi công xây dựng công trình.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như trên đề Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng tổng hợp, hoàn thiện báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở;
- Lưu: VT, TL.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Gia Khánh



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 03780/2024/PKQ (HPX/24.1427)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Khu vực trung tâm khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm
Loại mẫu - Type of Sample:	Đất MĐ1
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/08/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/08/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 24/08/2024

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 03:2023/BTNMT Standard
1	Cadmi (Cd)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7010	mg/kg	0,03	2,35	60
2	Đồng (Cuprum) (Cu)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	0,5	69,3	2.000
3	Chì (Plumbum) (Pb)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7010	mg/kg	0,1	12,3	700
4.	Tổng Chromi (Cr)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	1	30,47	250
5	Kẽm (Zincum) (Zn)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	0,5	77	2.000

Ghi chú – Remark:

- MĐ1: NG.Soi.190824.06202;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất – Loại 3;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Trần Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2024





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 03779/2024/PKQ (HPX/24.1427)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Khu vực trung tâm khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm
Loại mẫu - Type of Sample:	Không khí xung quanh K1
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/08/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/08/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 24/08/2024

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN Standard
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	-	40,5	70
2	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	-	37,9	35
3	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	-	56,5	70
4	Tốc độ gió(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	-	0,6	-
5	SO ₂	TCVN 5971: 1995	µg/Nm ³	10	72	350
6	CO	NG.PT.KK.01 ^(a)	µg/Nm ³	1.500	<4.500(**)	30.000
7	NO ₂	TCVN 6137 : 2009	µg/Nm ³	8	62,6	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	5	47,8	300

Ghi chú – Remark:

- K1: NG.AA.190824.06201;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí – Trung bình 1 giờ;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ);
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (a): Phương pháp nội bộ;



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

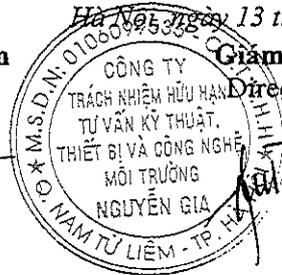
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

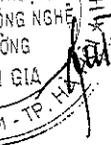

Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by


Trần Ngọc Linh



Hà Nội ngày 13 tháng 09 năm 2024

Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 03784/2024/PKQ (HPX/24.1428)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong ,phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Khu vực trung tâm khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm
Loại mẫu - Type of Sample:	Đất MĐ2
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/08/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/08/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 26/08/2024

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 03:2023/BTNMT Standard
					MĐ2	
1	Cadmi (Cd)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7010	mg/kg	0,03	<0,09(*)	60
2	Đồng (Cuprum) (Cu)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	0,5	39,6	2.000
3	Chì (Plumbum) (Pb)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7010	mg/kg	0,1	11,2	700
4	Tổng Chromi (Cr)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	1	37,49	250
5	Kẽm (Zincum) (Zn)	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7000B	mg/kg	0,5	68,8	2.000

Ghi chú – Remark:

- MĐ2: NG.Soi.190824.06204;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất – Loại 3;
- (*): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

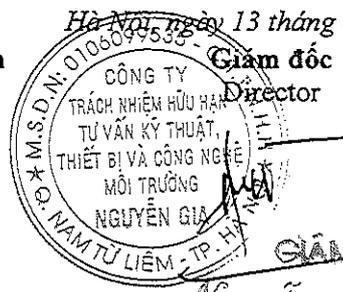
Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Trần Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2024



Giám đốc
Director

Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 03783/2024/PKQ (HPX/24.1428)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Khu vực trung tâm khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất quân đội trên địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và Đại đội PPK171/e240 thuộc Quân chủng Phòng Không - Không Quân phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm
Loại mẫu - Type of Sample:	Không khí xung quanh K2
Ngày quan trắc – Monitoring date:	16/08/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	19/08/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 26/08/2024

STT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 05:2023/ BTNMT Standard
					K2	
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	-	43,7	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ(**)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	-	32,5	-
3	Độ ẩm(**)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	-	77,8	-
4	Tốc độ gió(**)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	-	0,5	-
5	SO ₂	TCVN 5971: 1995	µg/Nm ³	10	41,2	350
6	CO	NG.PT.KK.01 ^(a)	µg/Nm ³	1.500	<4.500 (**)	30.000
7	NO ₂	TCVN 6137 : 2009	µg/Nm ³	8	<24 (**)	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	5	62,8	300

Ghi chú – Remark:

- K2: NG.AA.190824.06203;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí – Trung bình 1 giờ;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ);
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (a): Phương pháp nội bộ;



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2024

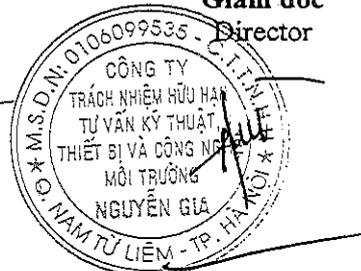
Quản lý chất lượng *hns*
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào
Nguyễn Thị Đào

Trần Ngọc Linh
Trần Ngọc Linh

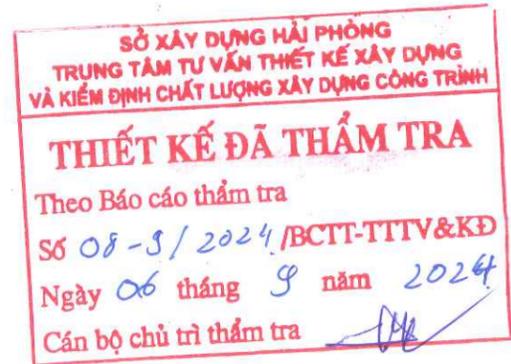


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ
CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỨNG PHÒNG KHÔNG -
KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ
THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI



TẬP 2: BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

Hải Phòng, ngày.....thángnăm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



CHỦ ĐẦU TƯ

[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Trung

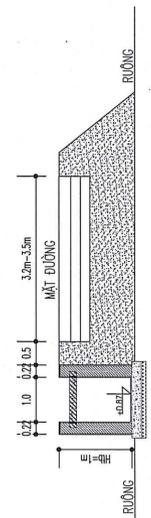
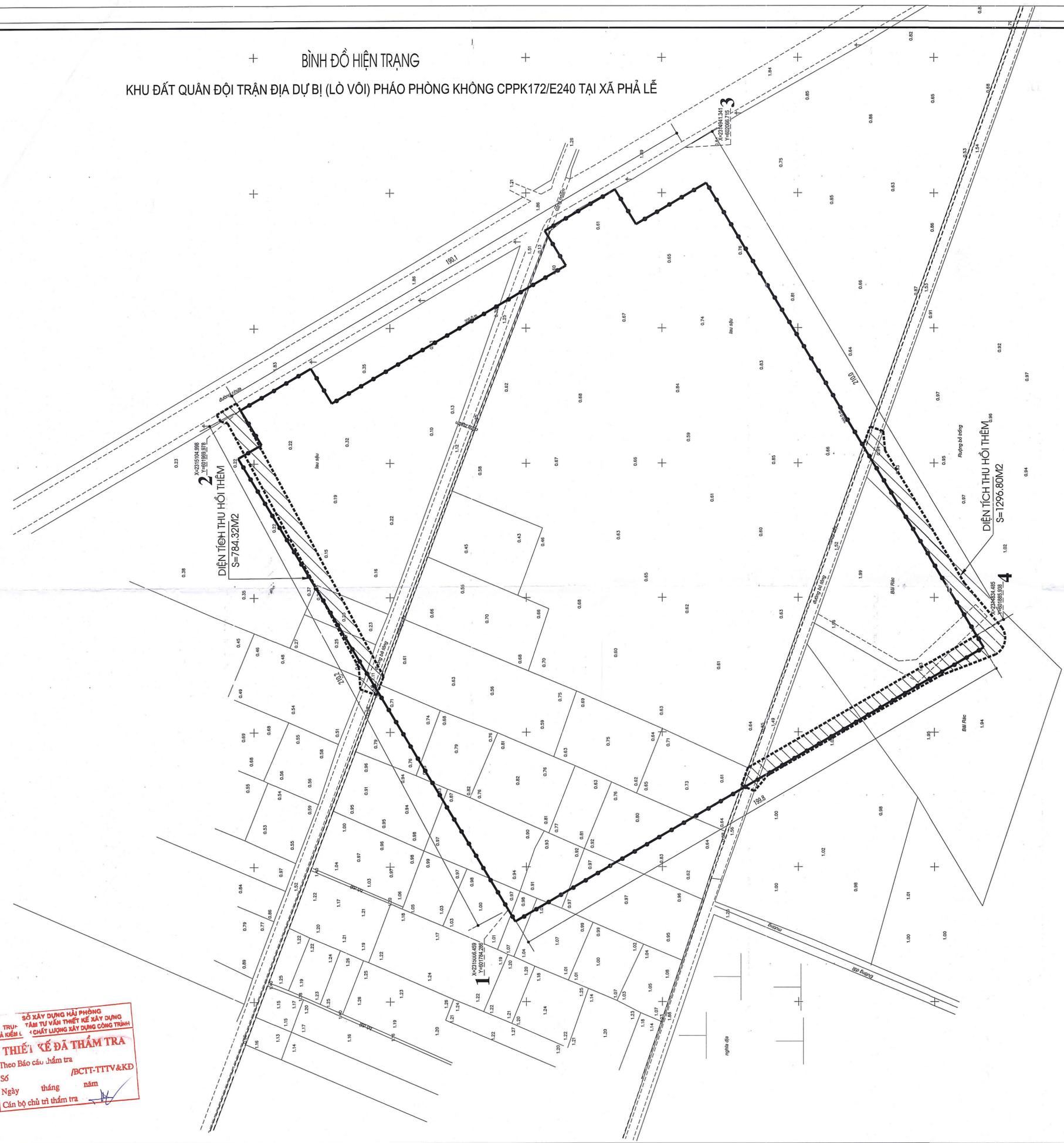


[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Chí Ngọc Diệp

HẠNG MỤC: KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI CỦA TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA PPK172/E240

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG
 KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ (LÒ VÔI) PHẠO PHÒNG KHÔNG CPPK172/E240 TẠI XÃ PHẢ LỄ

SỐ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRƯỞNG VÀ KIỂM TRA
 TẦM TỰ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo Thẩm tra
 Số /BCITT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra



--- DIỆN TÍCH THU HỒI THÊM
 --- RANH GIỚI TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH

MẶT CÁT ĐƯỜNG VÀ MUƠNG XÂY HIỆN TRẠNG

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DẪN DỰNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUÂN
 ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỨNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẢM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI@VIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

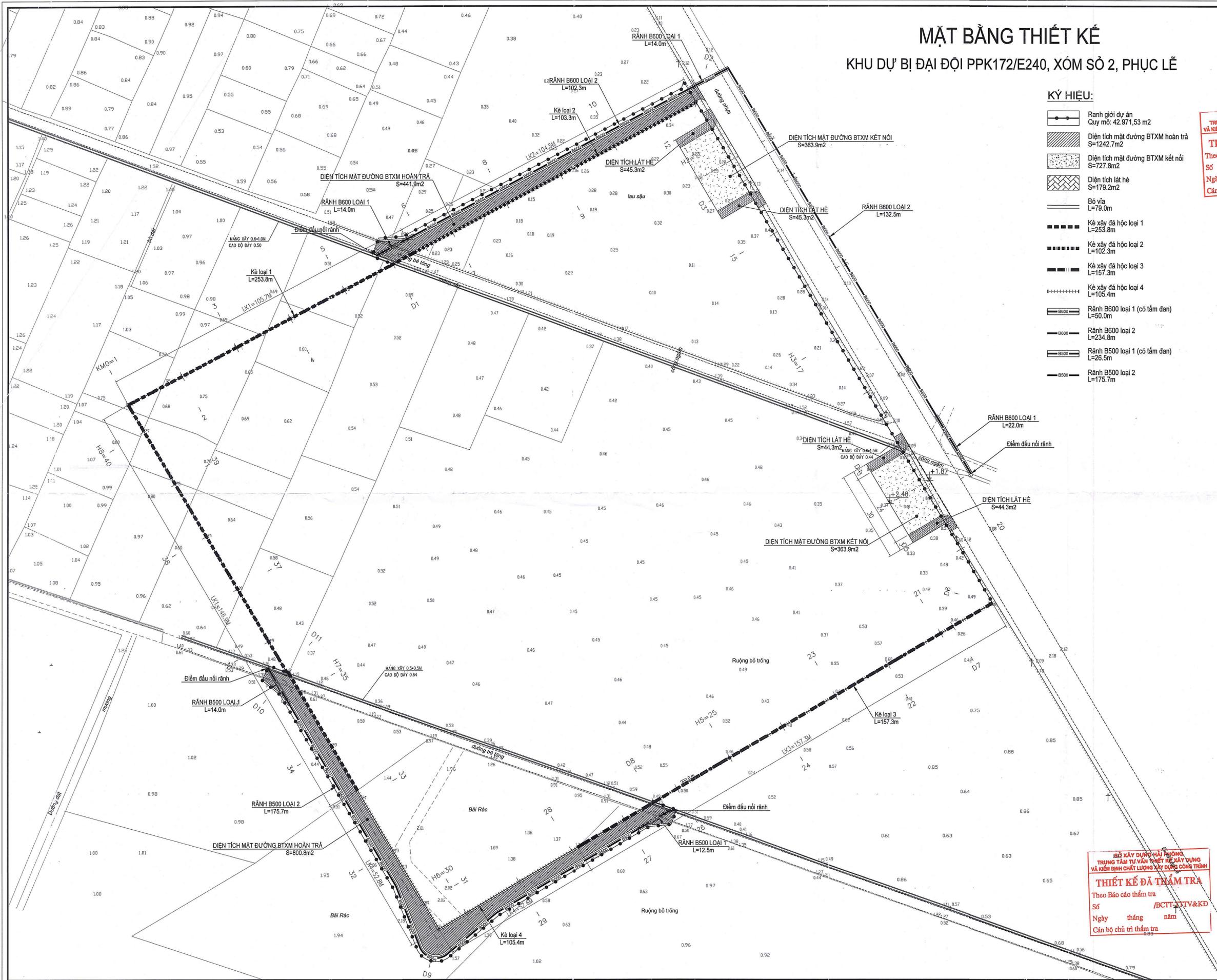
GIÁI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **BDHT - 01**

MẶT BẰNG THIẾT KẾ

KHU DỰ BỊ ĐẠI ĐỘI PPK172/E240, XÓM SỐ 2, PHỤC LỄ



- KÝ HIỆU:**
- Ranh giới dự án
Quy mô: 42.971,53 m
 - Diện tích mặt đường BTXM hoàn trả
S=1242,7m²
 - Diện tích mặt đường BTXM kết nối
S=727,8m²
 - Diện tích lát hè
S=179,2m²
 - Bờ vĩa
L=79,0m
 - Kè xây đá hộc loại 1
L=253,6m
 - Kè xây đá hộc loại 2
L=102,3m
 - Kè xây đá hộc loại 3
L=157,3m
 - Kè xây đá hộc loại 4
L=105,4m
 - Rãnh B600 loại 1 (có tấm đan)
L=50,0m
 - Rãnh B600 loại 2
L=234,8m
 - Rãnh B500 loại 1 (có tấm đan)
L=26,5m
 - Rãnh B500 loại 2
L=175,7m

SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC CĂNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ
CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HÀI PHÒNG
EMAIL: IUCI@VIETNAM.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **MẶT BẰNG THIẾT KẾ**

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

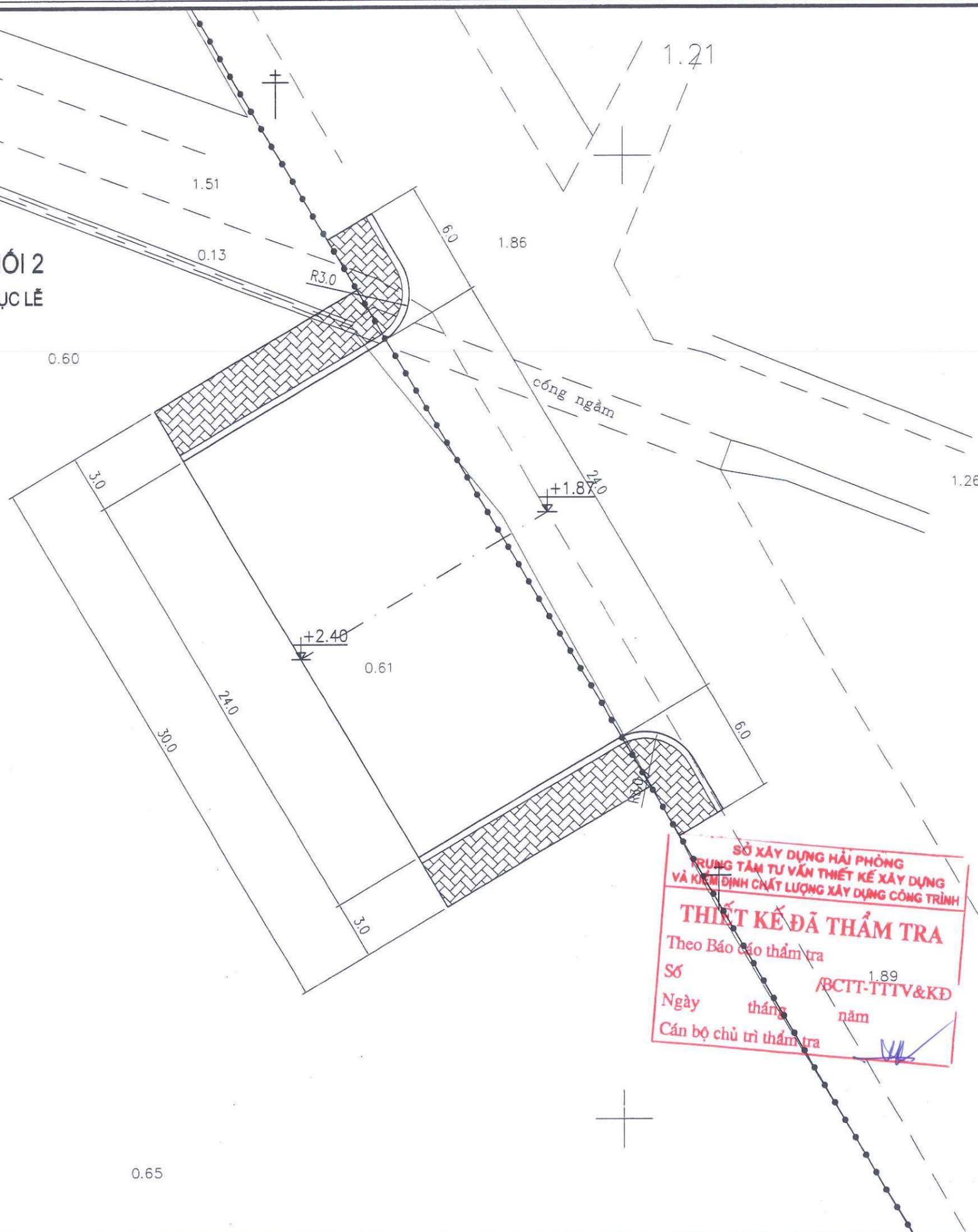
KÝ HIỆU BẢN VẼ: MBTK- 01

SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

MẶT BẰNG THIẾT KẾ ĐIỂM KẾT NỐI 2
 KHU DỰ BỊ ĐẠI ĐỘI PPK172/E240, XÓM SỎ 2, PHỤC LỄ

KÝ HIỆU:
 Ranh giới dự án
 Diện tích lát hè



SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số 1.89 /BCTT-TTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HÀI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
 BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA
 DƯ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HÀI PHÒNG
 EMAIL: LUCI@VIETNAM.GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.166

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: TH.S. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

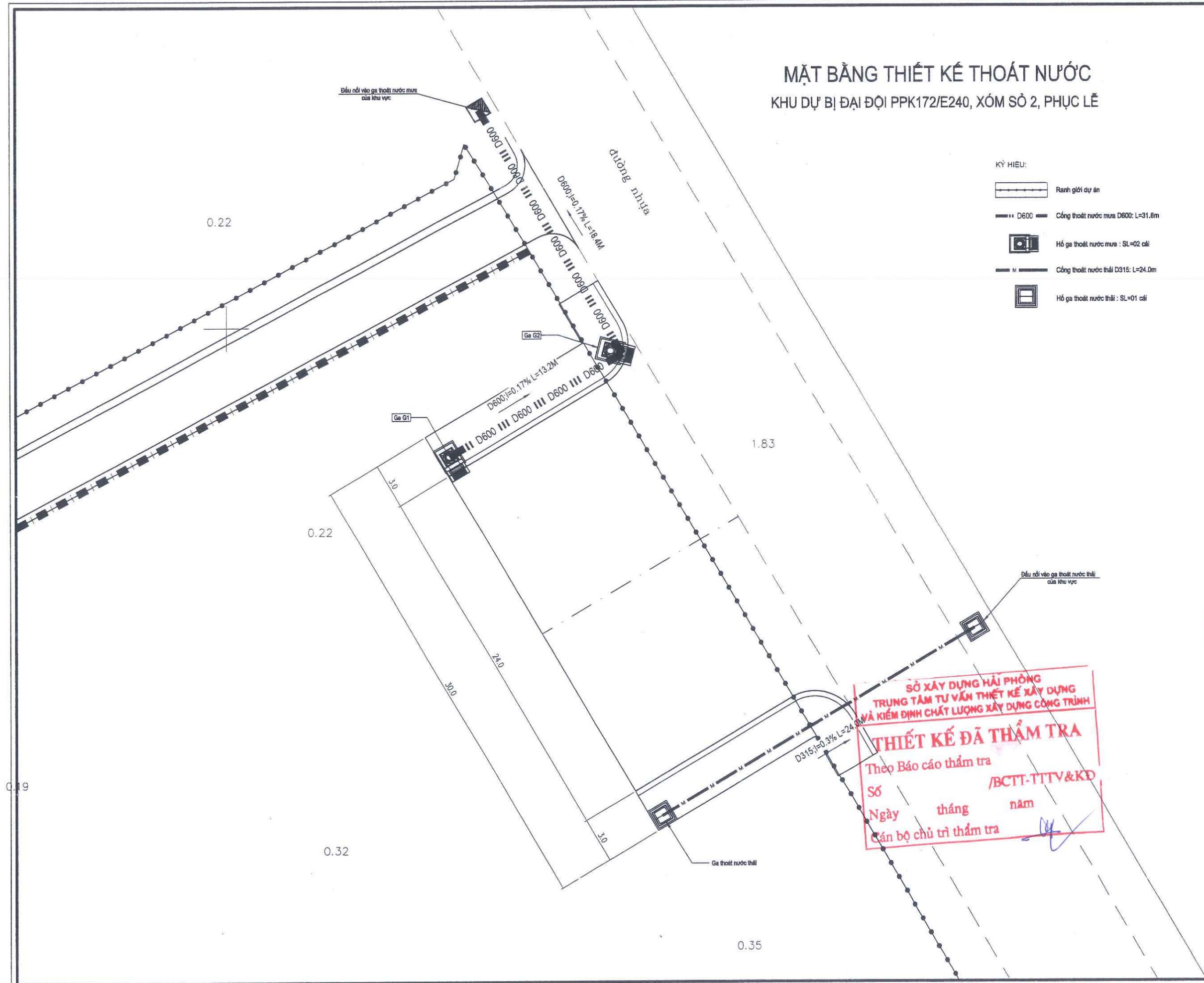
TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THIẾT KẾ

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	MBTK- 03

MẶT BẰNG THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC

KHU DỰ BỊ ĐẠI ĐỘI PPK172/E240, XÓM SÒ 2, PHỤC LỄ



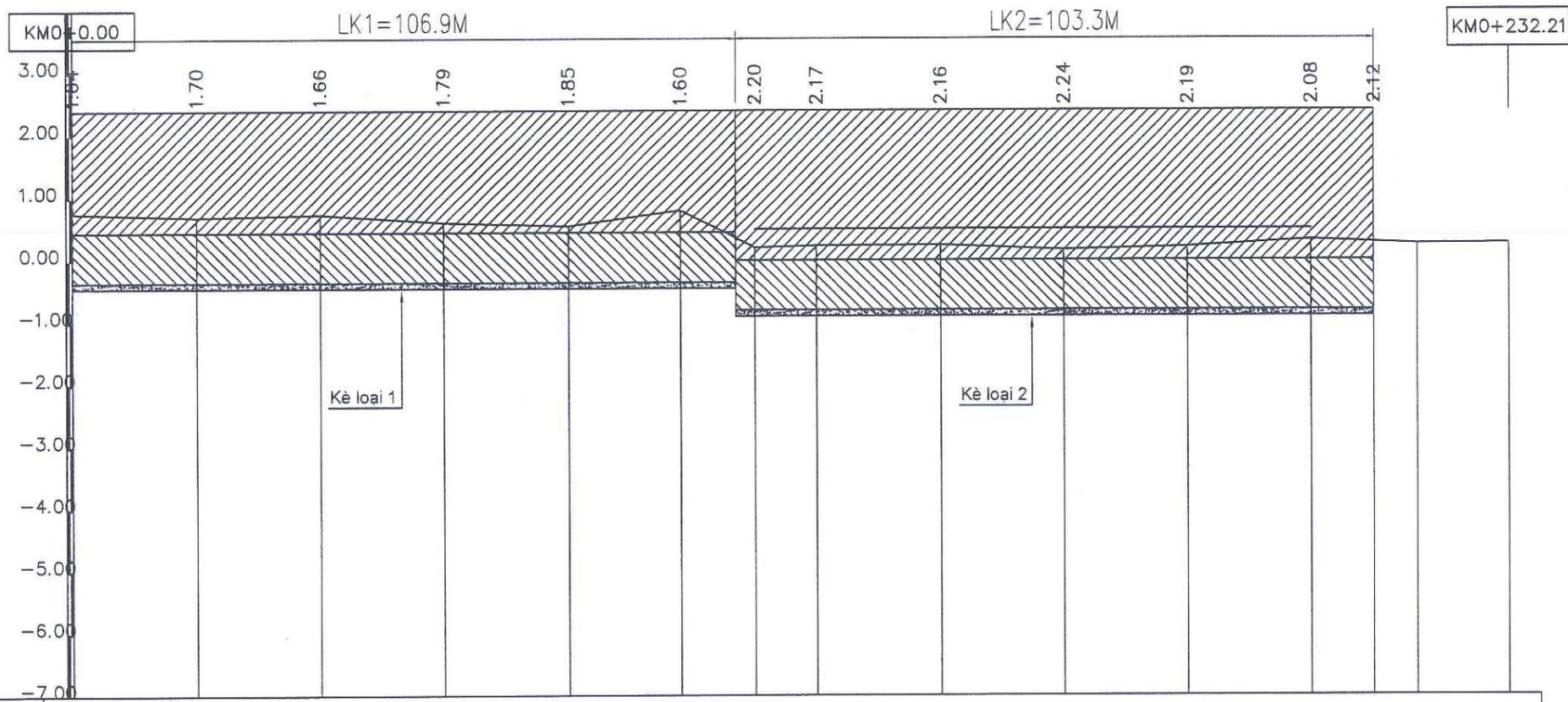
- KÝ HIỆU:
- Ranh giới dự án
 - Cống thoát nước mưa D600: L=31.6m
 - Hồ ga thoát nước mưa : SL=02 cái
 - Cống thoát nước thải D315: L=24.0m
 - Hồ ga thoát nước thải : SL=01 cái

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG EMAIL: LUCI.VIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 094 536 155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	MBTN- 01

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ



Cao độ đỉnh kè	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ chân kè	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90	-0.90
Cao độ tự nhiên	0.76	0.70	0.74	0.61	0.55	0.80	0.20	0.23	0.24	0.16	0.21	0.32	0.28	0.25	0.26	0.26	0.26
Khoảng cách lẻ		20.00	20.00	20.00	20.00	18.00	12.00	10.00	20.00	20.00	20.00	20.00	10.22	6.99	15.00		
Lý trình cọc	0.00	20.00	40.00	60.00	80.00	98.00	110.00	120.00	140.00	160.00	180.00	200.00	210.22	217.21	232.21		
Tên cọc	KM0=1	2	3	4	5	D1	6	7	8	9	10	H2=11	D2	12	13		
Lý trình	KM0					H1						H2					
Sơ họa tuyến	_____																

SỞ XÂY DỰNG HÀ PHONG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÀ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số _____ /BCTT-TTTV&KD
 Ngày _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra _____

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HÀ PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẤM

HẠNG MỤC:
HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THUY NGUYỄN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HÀI PHÒNG
 EMAIL: LUCI.VIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 094.556.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VẼ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

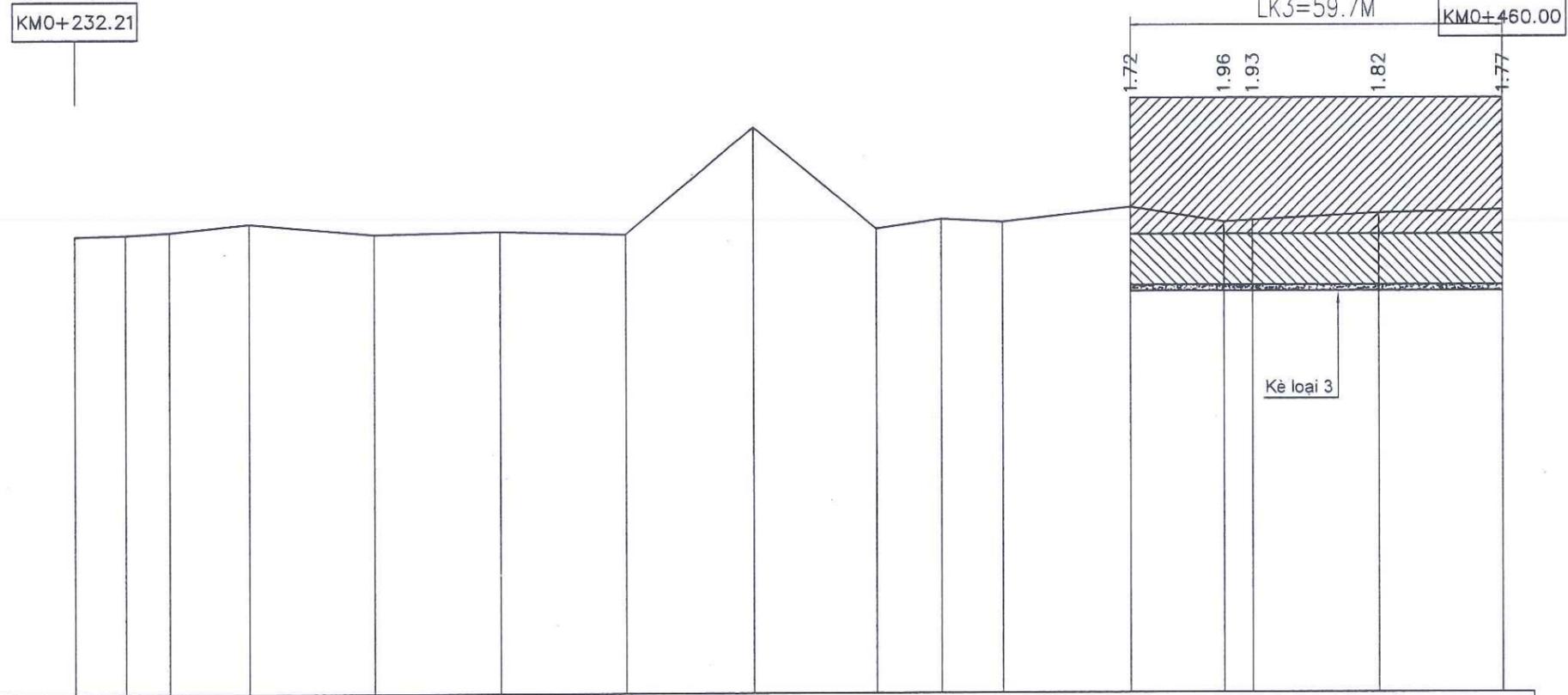
KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TDTK- 01

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ



Cao độ đỉnh kè													2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ chân kè													-0.65	-0.65	-0.65	-0.65	-0.65	-0.65
Cao độ tự nhiên	0.26	0.28	0.32	0.45	0.28	0.32	0.27	1.95	0.35	0.50	0.45	0.68	0.44	0.47	0.58	0.63		
Khoảng cách lẻ	8.00	7.00	12.79	20.00	20.00	20.00	20.21	19.79	10.21	9.79	20.33	15.00	4.68	20.00	20.00			
Lý trình cọc	232.21	240.21	247.21	260.00	280.00	300.00	320.00	340.21	360.00	370.21	380.00	400.33	415.32	420.00	440.00	460.00		
Tên cọc	13	D3	14	15	16	H3=17		18	D4	19	D5	20	D6	D7	21	23		
Lý trình													H3		H4			
Sơ họa tuyến													Sơ /BCTT-TTTV&KD		Ngày tháng năm		Cán bộ chủ trì thẩm tra	

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỒI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẤM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỒI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**

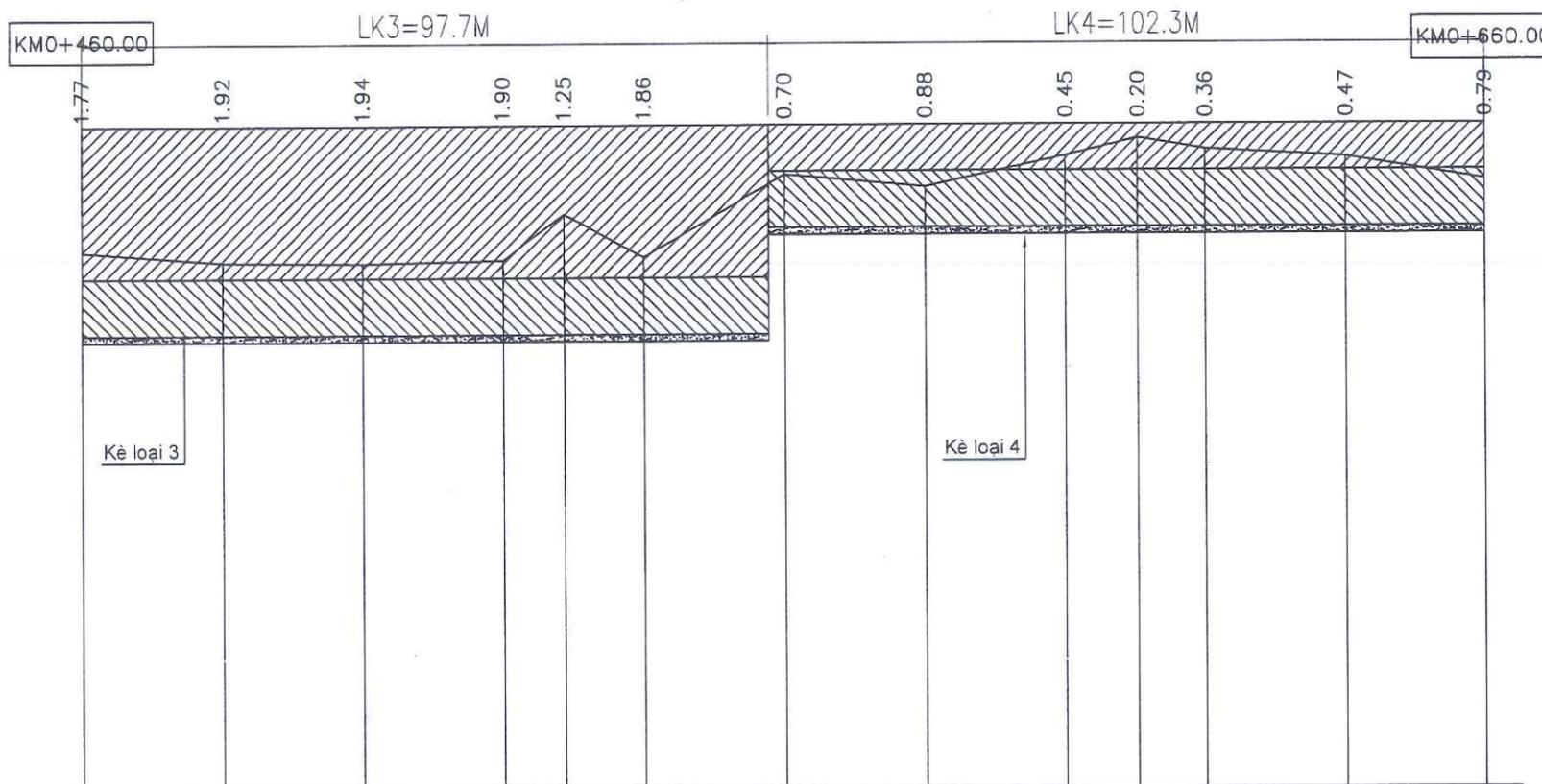


ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**
 VẼ: **PHẠM VĂN HOÀNG**
 KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**
 CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ
 GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: TK/BCS
 KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024
 KÝ HIỆU BẢN VẼ: TDTK- 02

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ



Cao độ đỉnh kè	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ chân kè	-0.65	-0.65	-0.65	-0.65	-0.65	-0.65	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85	0.85
Cao độ tự nhiên	0.63	0.48	0.46	0.50	1.15	0.54	1.70	1.52	1.95	2.20	2.04	1.93	1.61	
Khoảng cách lề		20.00	20.00	20.00	8.69	11.31	20.00	20.00	20.00	10.32	9.68	20.00	20.00	
Lý trình cọc	460.00	480.00	500.00	520.00	528.69	540.00	560.00	580.00	600.00	610.32	620.00	640.00	660.00	
Tên cọc	23	24	H5=25	26	D8	27	28	29	H6=30	D9	31	32	33	
Lý trình			H5						H6					
Sơ họa tuyến														

SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA DƯ BỊ CỦA ĐAI ĐỐI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỐI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA DƯ BỊ CỦA ĐAI ĐỐI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HÀI PHÒNG
 EMAIL: LUCIVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.536.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VẼ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

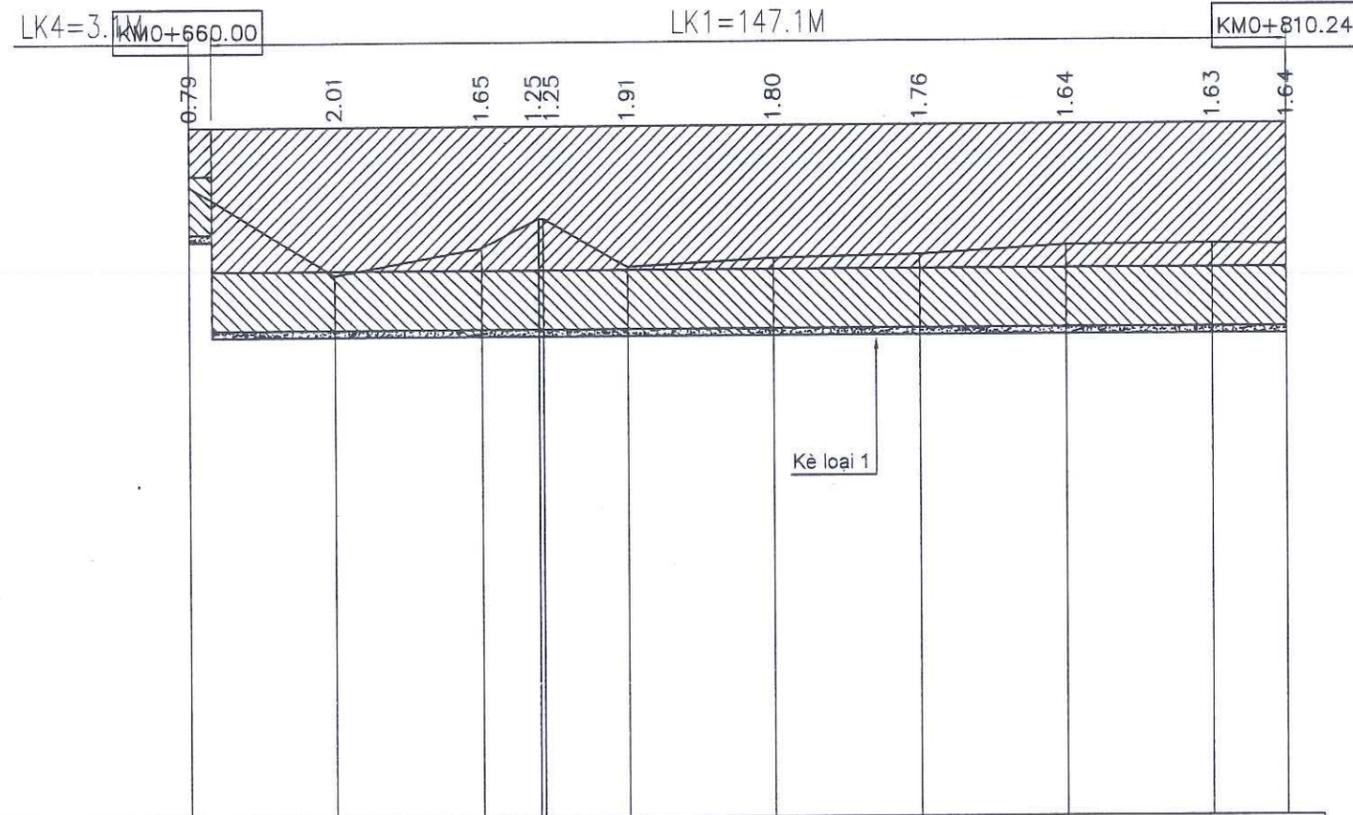
KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TDTK- 03

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ



Cao độ đỉnh kè	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ chân kè	0.85	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45
Cao độ tự nhiên	1.61	0.39	0.75	1.15	0.49	0.60	0.64	0.76	0.77	0.76	0.76
Khoảng cách lẻ		20.00	20.00	7.72	11.62	20.00	20.00	20.00	20.00	10.24	
Lý trình cọc	660.00	680.00	700.00	707.72	708.36	720.00	740.00	760.00	780.00	800.00	810.24
Tên cọc	33	34	H7=35	D10	36		37	38	39		
Lý trình			H7								
Sơ họa tuyến			A=140d 1'50.4"		A=140d 26'49.1"						

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số _____ /BCTT-TTTV&KĐ
 Ngày _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra _____

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DẪN DỰNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
 BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CÁM

HANG MỤC:
 HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**
 VẼ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

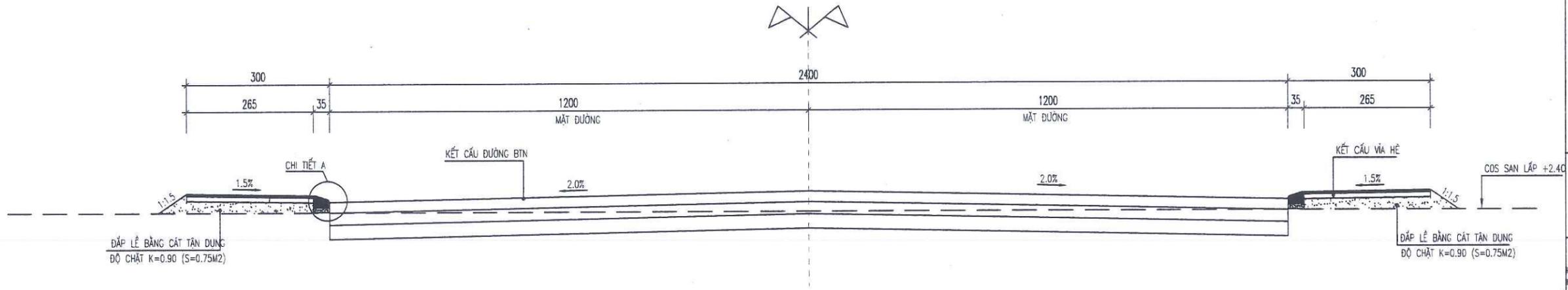
KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**
 CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC THIẾT KẾ

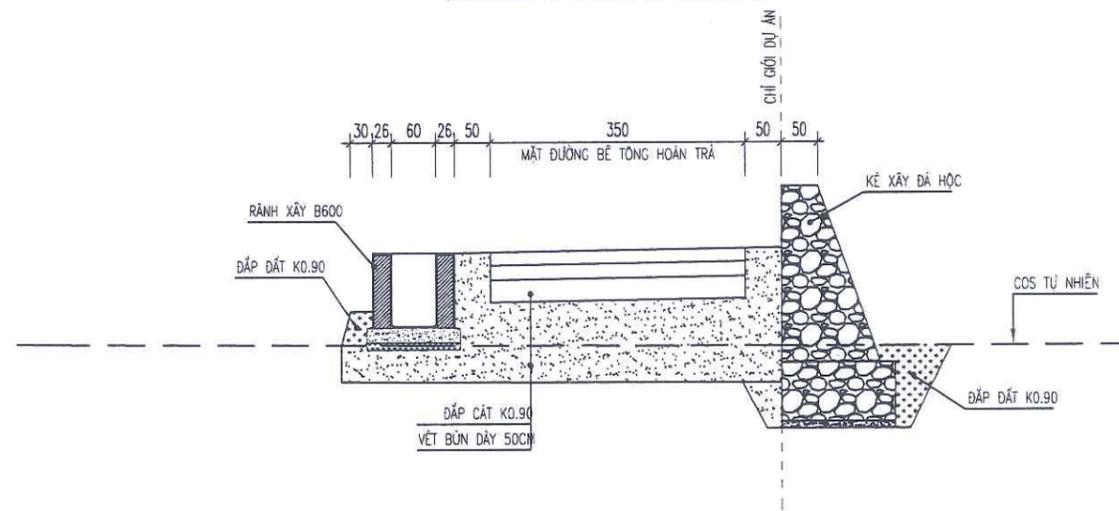
GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**
 KHỔ GIẤY: **A3** HOÀN THÁNH: **/2024**
 KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TDTK- 04**

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH

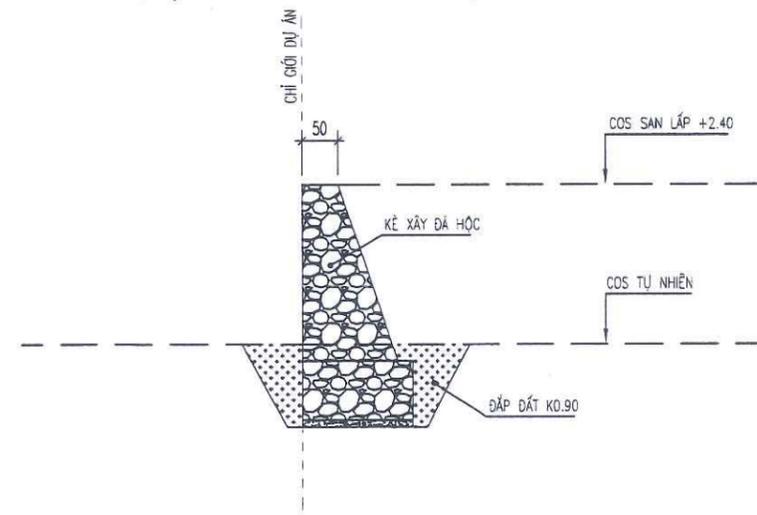
(ĐƯỜNG BTXM KẾT NỐI)



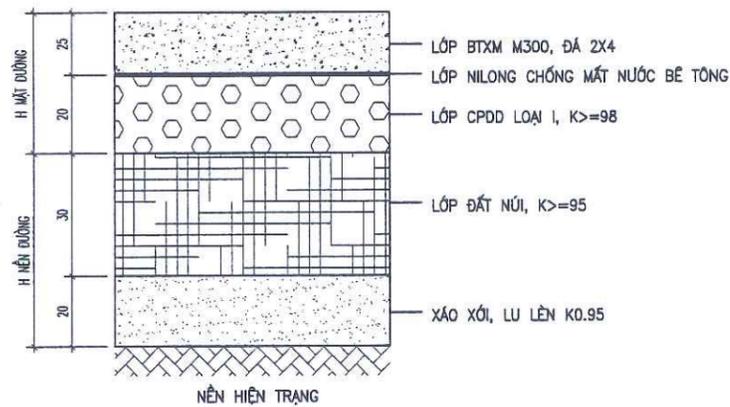
(ĐƯỜNG BÊ TÔNG HOÀN TRẢ)



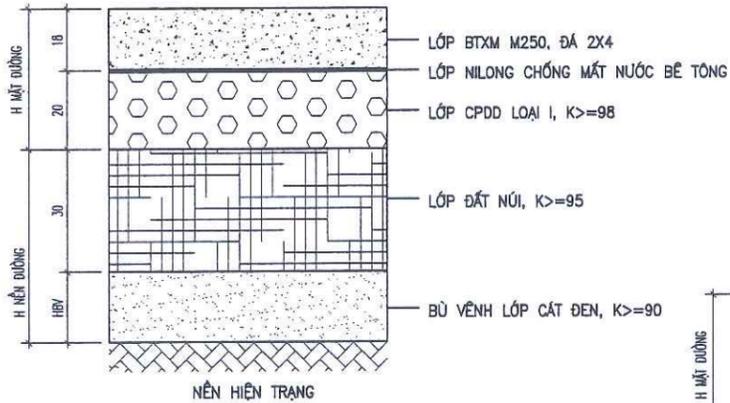
(MẶT CẮT TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC)



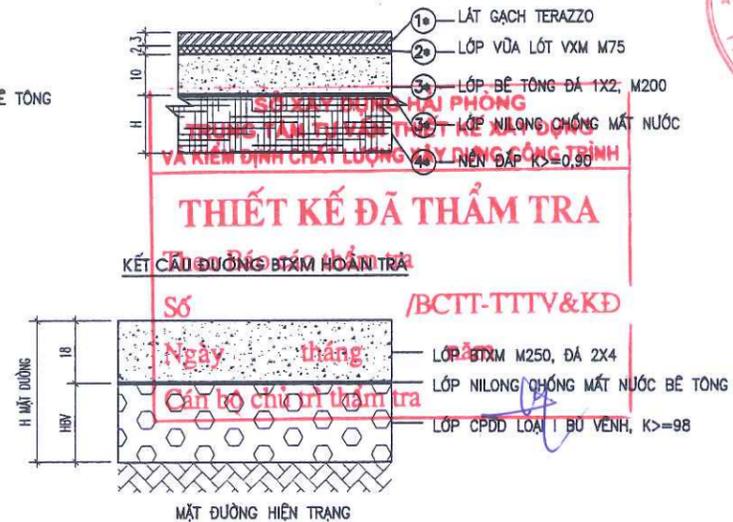
KẾT CẤU ĐƯỜNG BTXM KẾT NỐI



KẾT CẤU ĐƯỜNG BTXM HOÀN TRẢ



KẾT CẤU ĐƯỜNG VΙΑ HỀ



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ LÀ CM

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
ĐÔI TRẦN ĐIA ĐU BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
ĐÔI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẢM

HẠNG MỤC:
HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐÔI TRẦN ĐIA ĐU BI
CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC TẬP THỂ
CỔ PHẦN
KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ
PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ
PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA
THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ
TRẮC NGANG CHI TIẾT

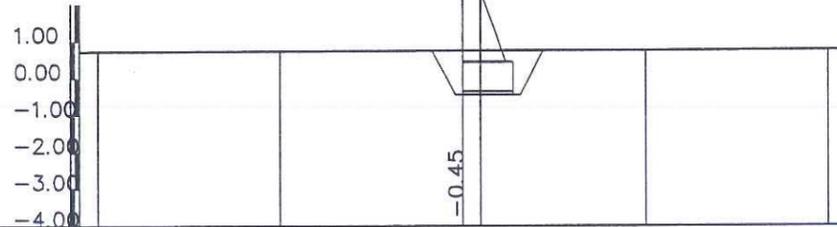
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ
TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3
HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ
TNCT- 01

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.33m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.93m²
 H mương xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

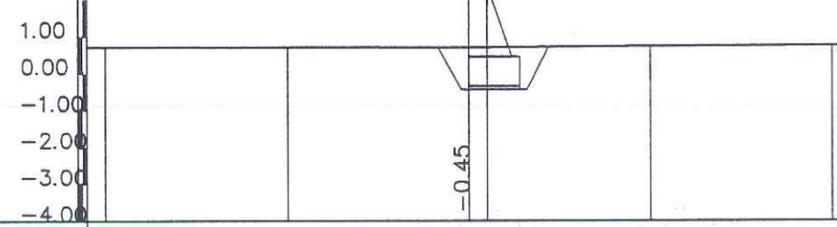
Cọc: KM0=1
 KM0+000.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.73	0.74	0.76	0.76	0.77
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.23m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.77m²
 H mương xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

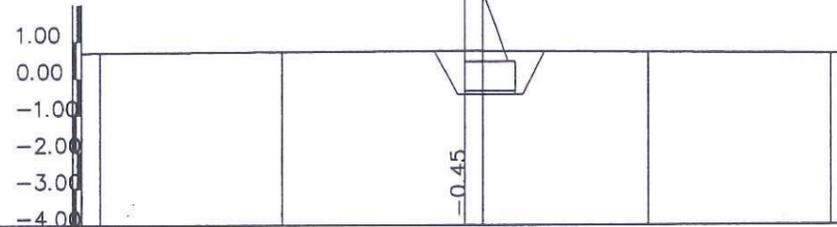
Cọc: 2
 KM0+020.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.72	0.71	0.70	0.73	0.75
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.28m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.85m²
 H mương xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

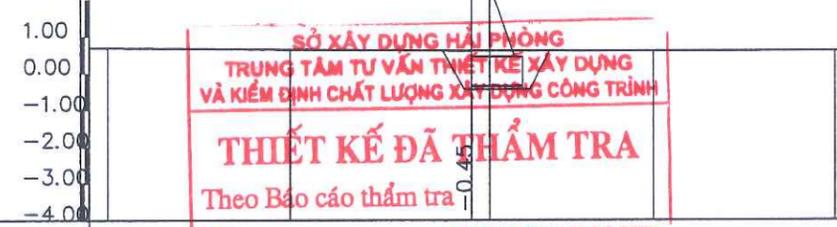
Cọc: 3
 KM0+040.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.69	0.72	0.74	0.70	0.65
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.05m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.48m²
 H mương xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: 4
 KM0+060.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.69	0.64	0.61	0.60	0.60
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU BỊ CỦA ĐỘI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ
 GIÁM ĐỐC: Ks. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

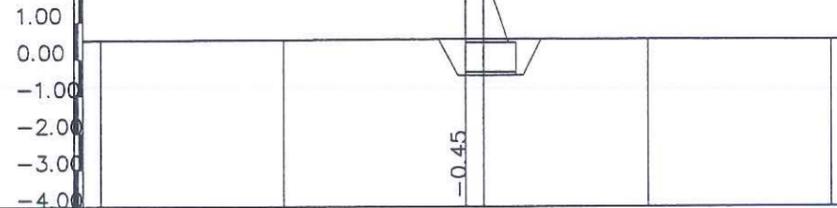
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS
 KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024
 KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 01

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 0.00m²
 S đắp đất K90: 0.94m²
 S đắp cát K90: 0.00m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào kè: 2.31m²
 H mường xây: 0.00m
 H kè đá hộc: 2.85m

Cọc: 5
 KM0+080.00

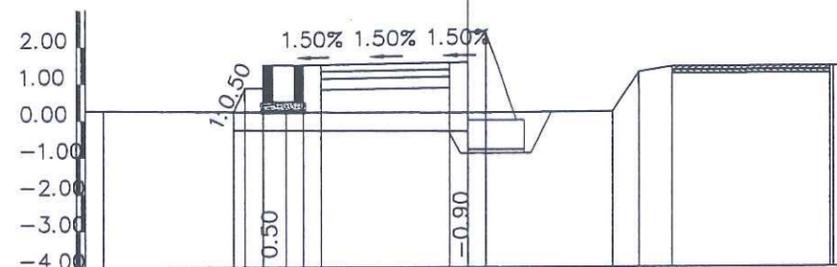


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.51	0.52	0.55	0.54	0.52
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 3.22m²
 S đắp đất K90: 0.74m²
 S đắp cát K90: 9.67m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào kè: 2.46m²
 H mường xây: 1.93m
 H kè đá hộc: 3.30m

Cọc: 6
 KM0+110.00

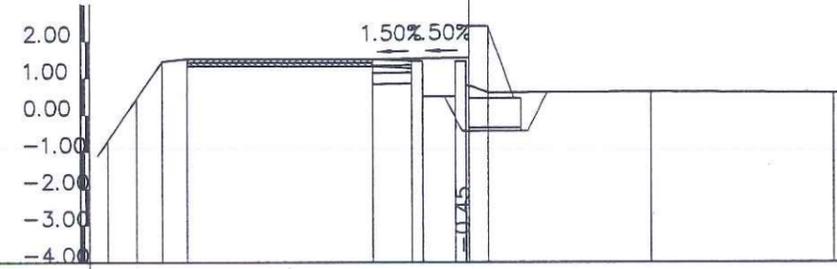


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.27	0.27	0.27	0.26	0.26
Khoảng cách lề thiết kế	0.50	1.12	0.50	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.26	0.22	0.20	0.23	1.30
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	4.00	0.70	0.90

B mặt đường mới: 1.10m
 B mặt đường cũ: 2.40m
 S bù vênh: 1.07m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 0.22m²
 S đắp đất K90: 0.53m²
 S đắp cát K90: 3.06m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào kè: 2.76m²
 H mường xây: 0.00m
 H kè đá hộc: 2.85m

Cọc: D1
 KM0+098.00

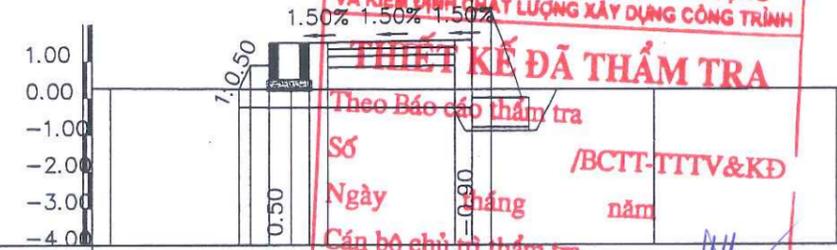


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.51				
Khoảng cách lề thiết kế	1.10				
Cao độ tự nhiên	-0.69	0.45	1.45	1.52	0.62
Khoảng cách mìa	0.80	0.70	0.70	5.10	0.59

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 3.22m²
 S đắp đất K90: 0.75m²
 S đắp cát K90: 9.54m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào kè: 2.52m²
 H mường xây: 1.93m
 H kè đá hộc: 3.30m

Cọc: 7
 KM0+120.00



MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.27	0.24	0.23	0.23	0.24
Khoảng cách lề thiết kế	0.50	1.12	0.50	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.27	0.24	0.23	0.23	0.24
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÀN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0906.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

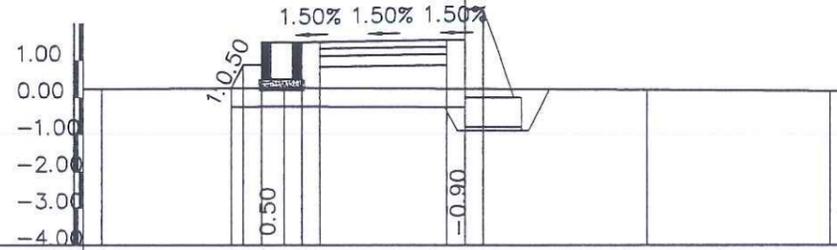
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỐ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 02**

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 3.22m²
 S đắp đất K90 : 0.75m²
 S đắp cốt K90 : 9.46m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.54m²
 H mường xây : 1.93m
 H kê đỡ hộc : 3.30m

Cọc: 8
 KMO+140.00

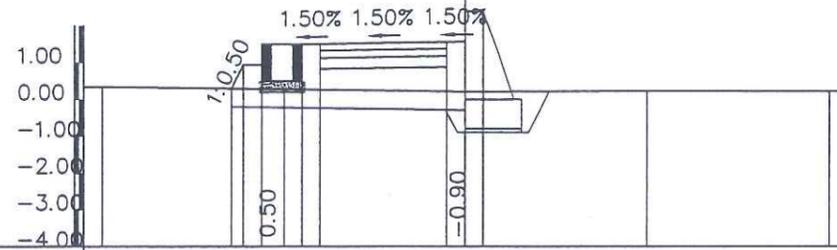


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.23	0.26	0.24	0.21	0.18
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.37	1.12	0.30	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.23	0.26	0.24	0.21	0.18
Khoảng cách chia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 3.22m²
 S đắp đất K90 : 0.73m²
 S đắp cốt K90 : 9.44m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.48m²
 H mường xây : 1.93m
 H kê đỡ hộc : 3.30m

Cọc: 10
 KMO+180.00

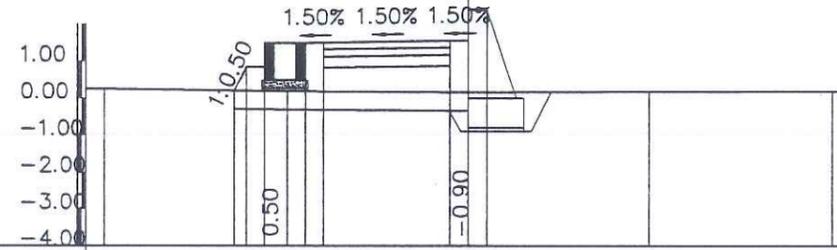


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.34	0.28	0.21	0.23	0.22
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.37	1.12	0.30	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.34	0.28	0.21	0.23	0.22
Khoảng cách chia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 3.22m²
 S đắp đất K90 : 0.70m²
 S đắp cốt K90 : 9.86m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.34m²
 H mường xây : 1.93m
 H kê đỡ hộc : 3.30m

Cọc: 9
 KMO+160.00

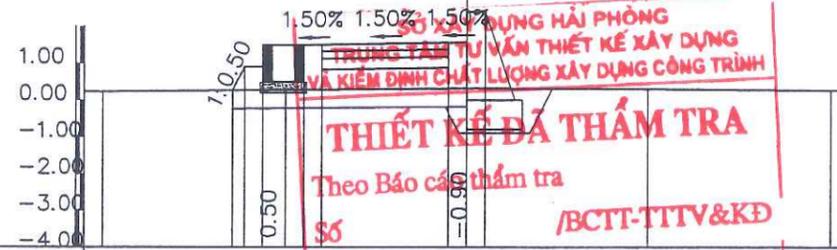


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.25	0.19	0.16	0.18	0.19
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.37	1.12	0.30	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.25	0.19	0.16	0.18	0.19
Khoảng cách chia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 3.22m²
 S đắp đất K90 : 0.84m²
 S đắp cốt K90 : 9.23m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.77m²
 H mường xây : 1.93m
 H kê đỡ hộc : 3.30m

Cọc: H2=11
 KMO+200.00



MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	0.27	0.28	0.32	0.30	0.26
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.37	1.12	0.30	3.50	0.50
Cao độ tự nhiên	0.27	0.28	0.32	0.30	0.26
Khoảng cách chia	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra số ... ngày ... tháng ... năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0902.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VU THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

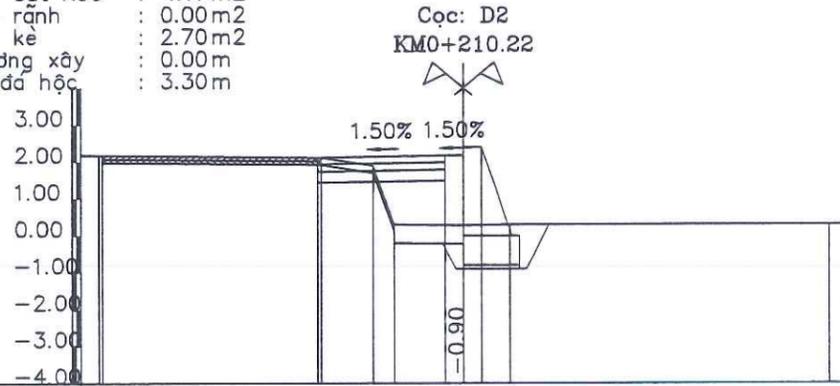
TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVC5**

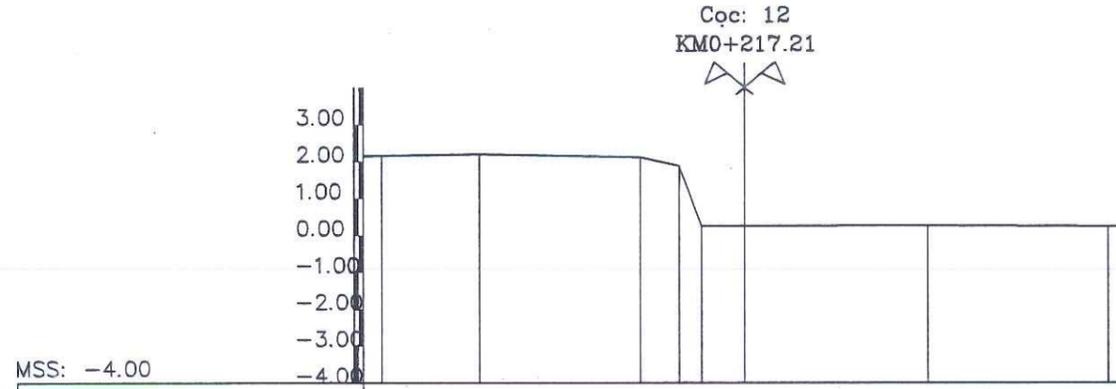
KHỐ GIẤY: A3 **HOÀN THÀNH: /2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 03**

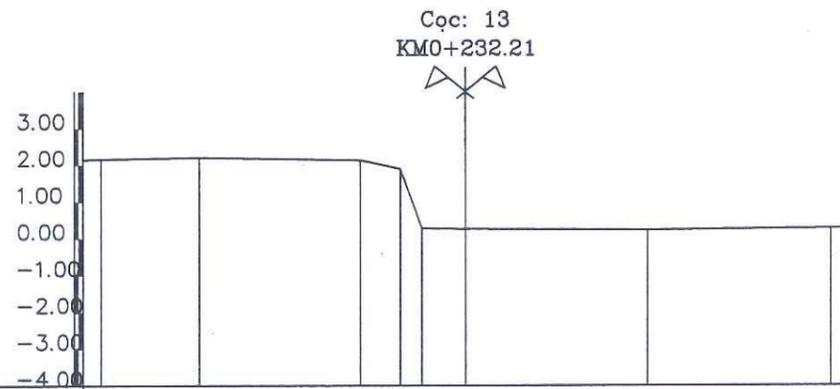
B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S độ khuôn: 0.58m²
 S độ HC-VB: 1.35m²
 S đắp đất K90: 0.00m²
 S đắp cát K90: 4.17m²
 S đào rãnh: 0.00m²
 S đào kê: 2.70m²
 H mường xây: 0.00m
 H kê đá học: 3.30m



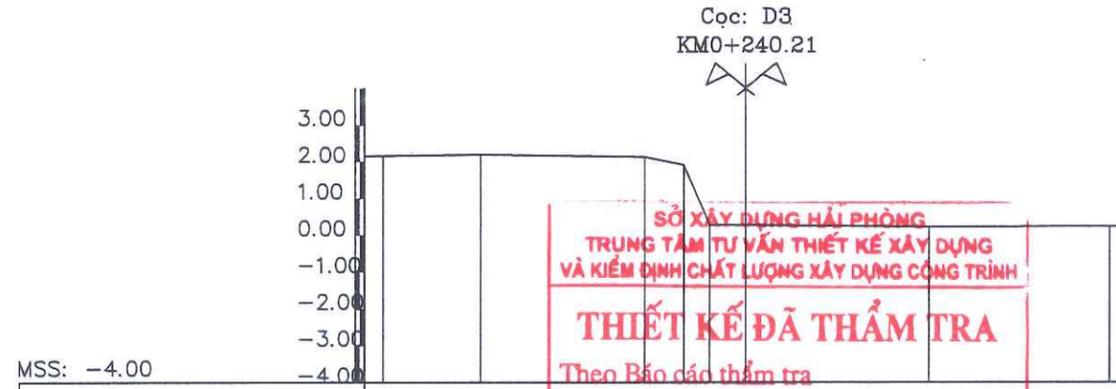
Cao độ thiết kế	2.12		2.17		2.18		0.30	
Khoảng cách lề thiết kế	3.50		0.50		0.50			
Cao độ tự nhiên	2.18	2.12	1.90	0.30	0.28	0.30	0.30	
Khoảng cách mìa	0.10	6.00	1.40	0.60	1.90	1.28	8.72	



Cao độ thiết kế	2.16		2.20		2.12		1.88		0.25		0.25		0.26		0.24	
Khoảng cách lề thiết kế	3.50		0.50		0.50											
Cao độ tự nhiên	2.16	2.20	2.12	1.88	0.25	0.25	0.26		0.24							
Khoảng cách mìa	2.70	4.40	1.10	0.60	1.20	5.00	5.00									



Cao độ thiết kế	2.16		2.21		2.13		1.90		0.28		0.26		0.23		0.28	
Khoảng cách lề thiết kế	3.50		0.50		0.50											
Cao độ tự nhiên	2.16	2.21	2.13	1.90	0.28	0.26	0.23		0.28							
Khoảng cách mìa	2.70	4.40	1.10	0.60	1.20	5.00	5.00									



Cao độ thiết kế	2.16		2.20		2.13		1.91		0.28		0.28		0.23		0.24	
Khoảng cách lề thiết kế	3.50		0.50		0.50											
Cao độ tự nhiên	2.16	2.20	2.13	1.91	0.28	0.28	0.23		0.24							
Khoảng cách mìa	2.70	4.50	1.10	0.70	1.00	5.00	5.00									

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CÁM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KẾ TOÁN: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

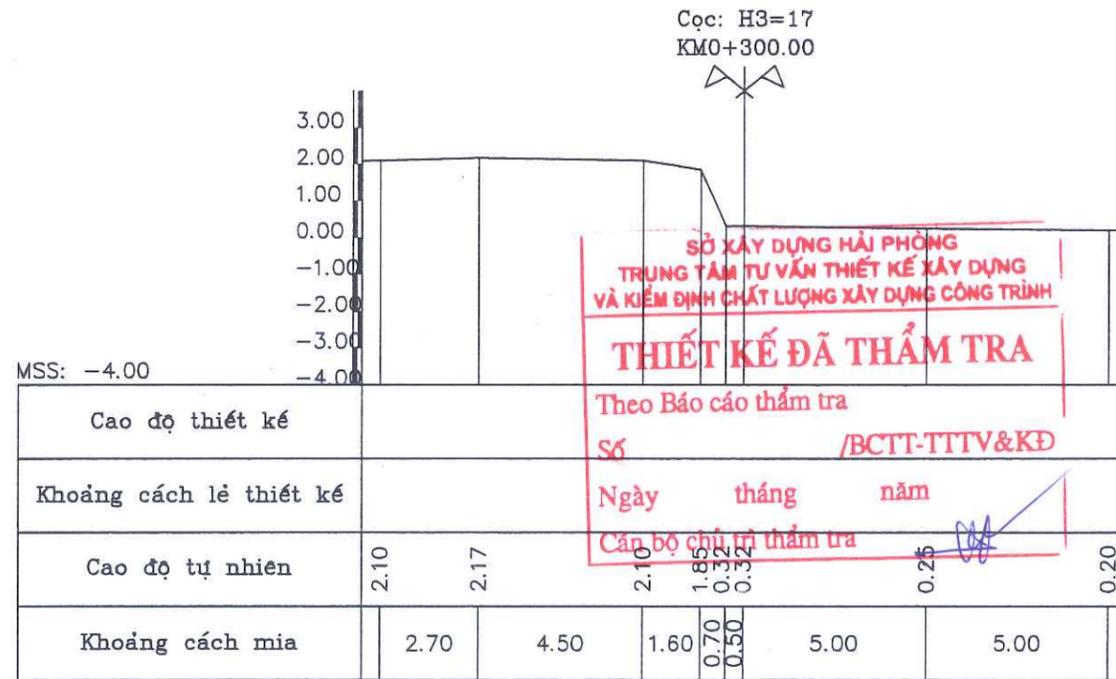
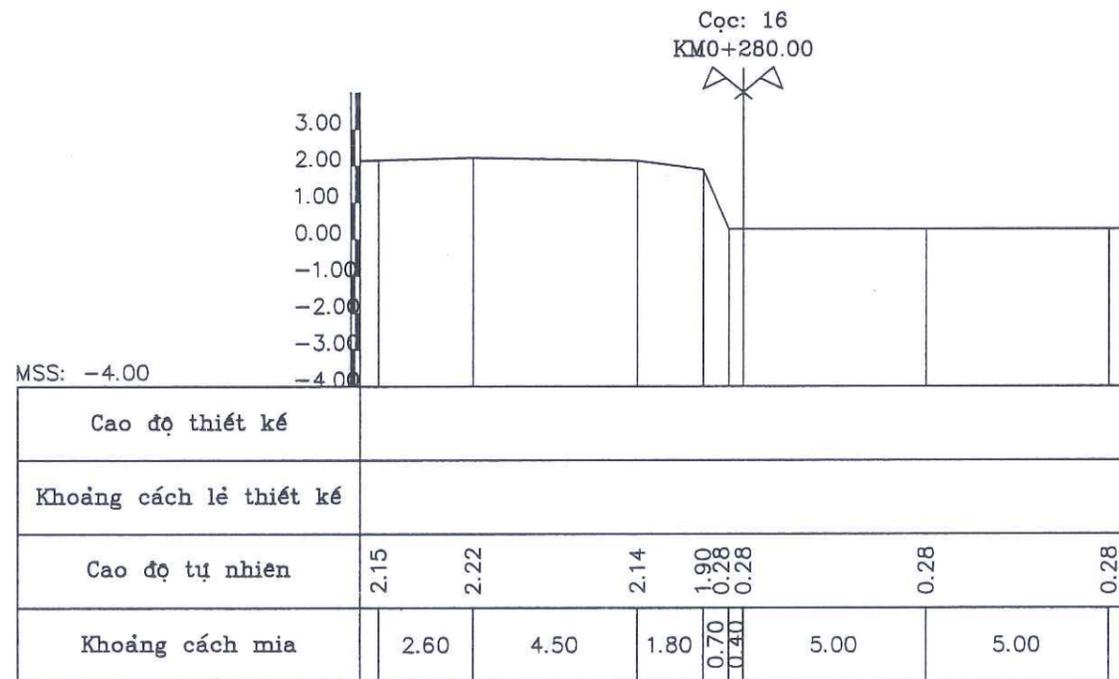
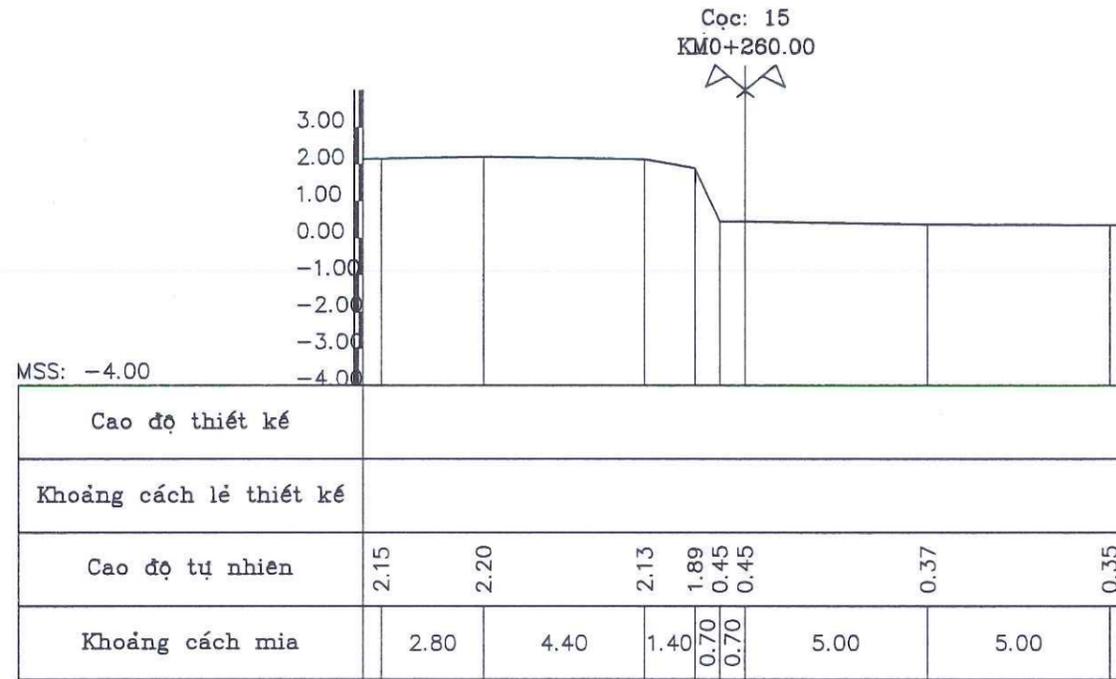
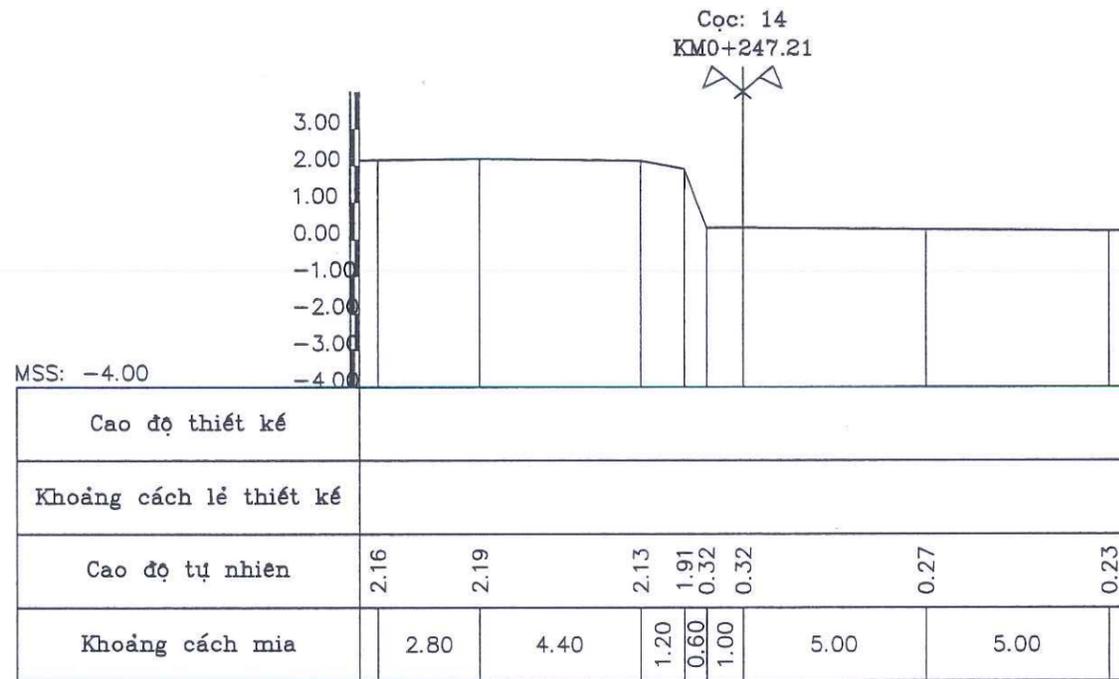
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỔ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 04**



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KĐ
Ngày tháng năm
Cán bộ chịu trách nhiệm

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

I.U.C.I

ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: TH.S. NGUYỄN VĂN MINH

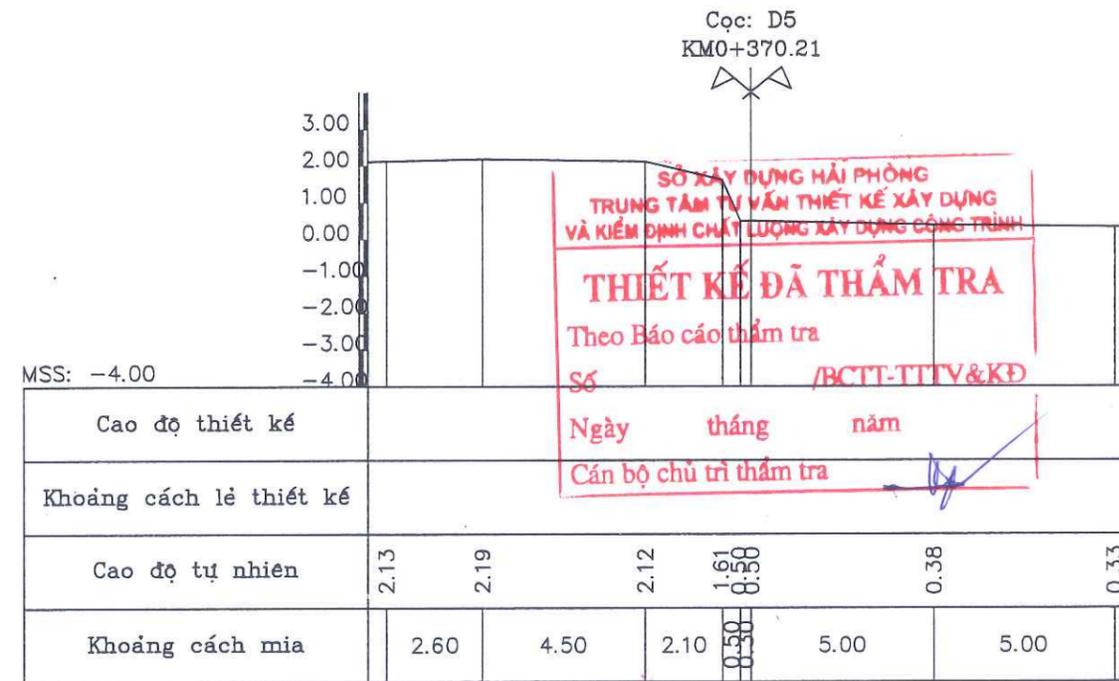
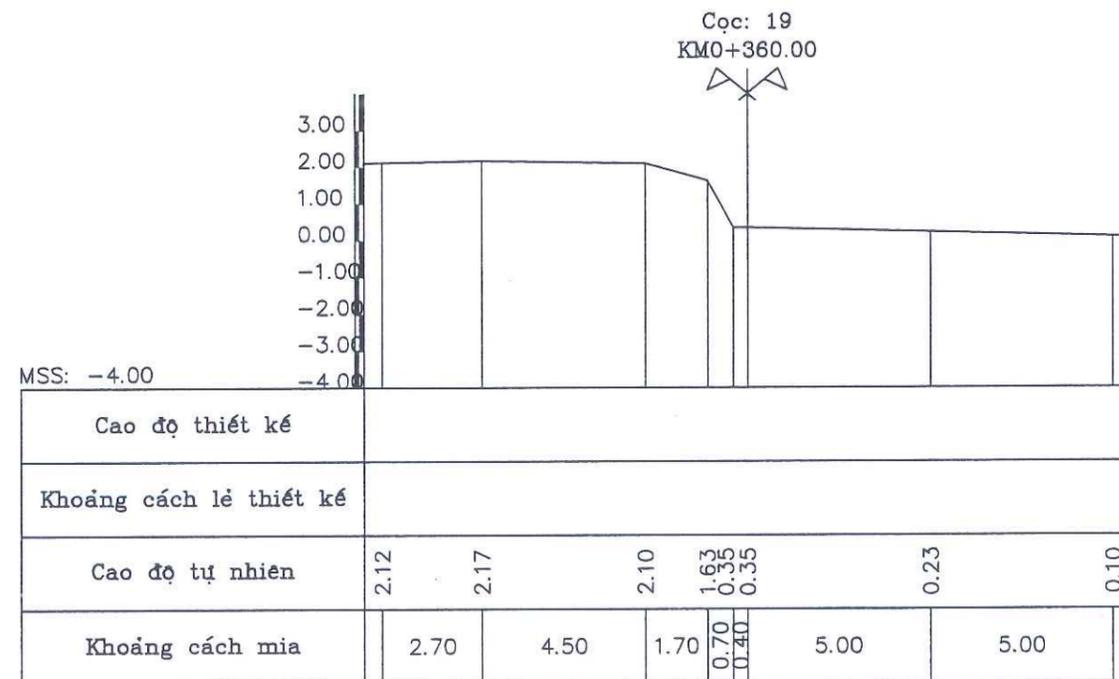
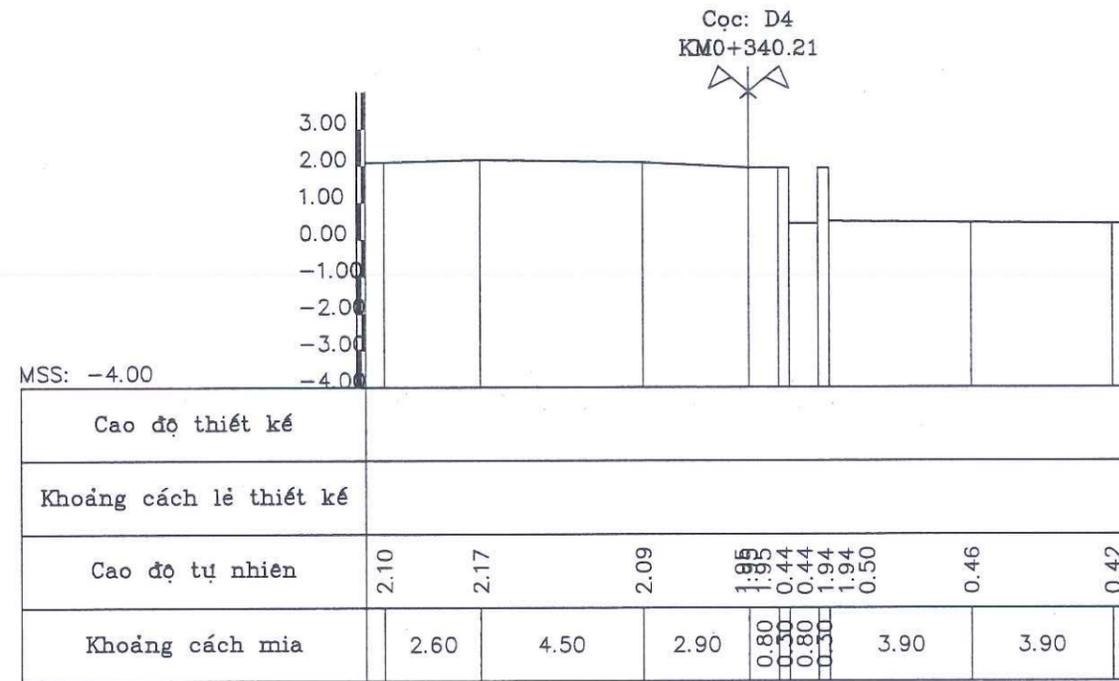
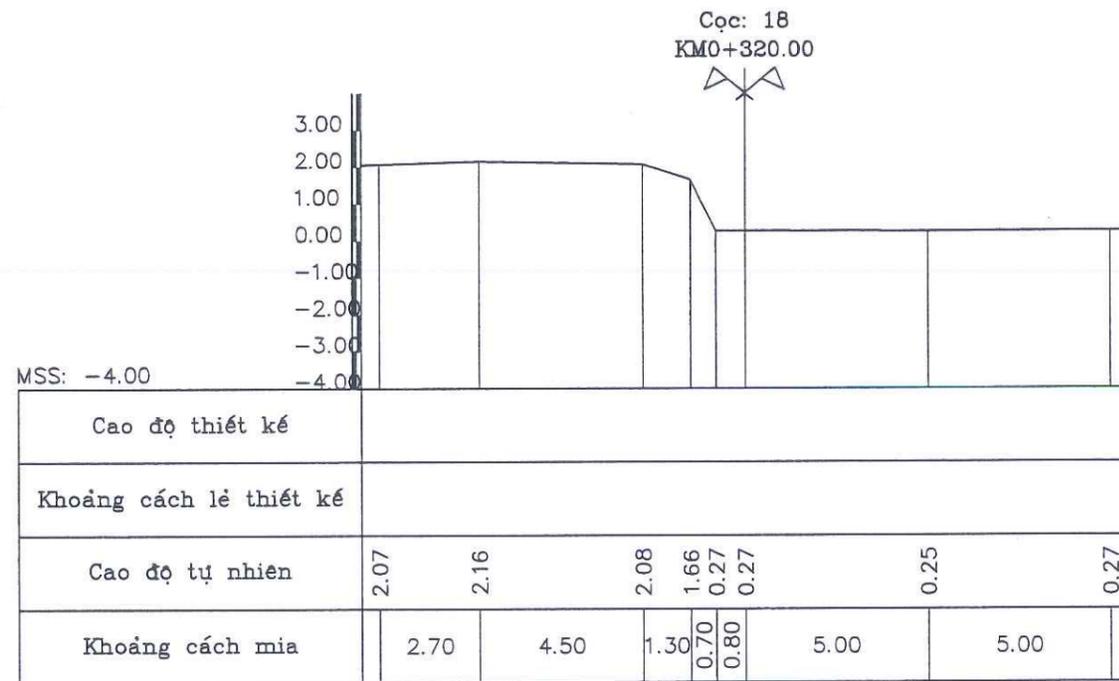
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 05



SỞ XÂY DỰNG HÀ PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HÀ PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MÔI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HÀ PHÒNG
EMAIL: IUCI@VIETNAMGMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

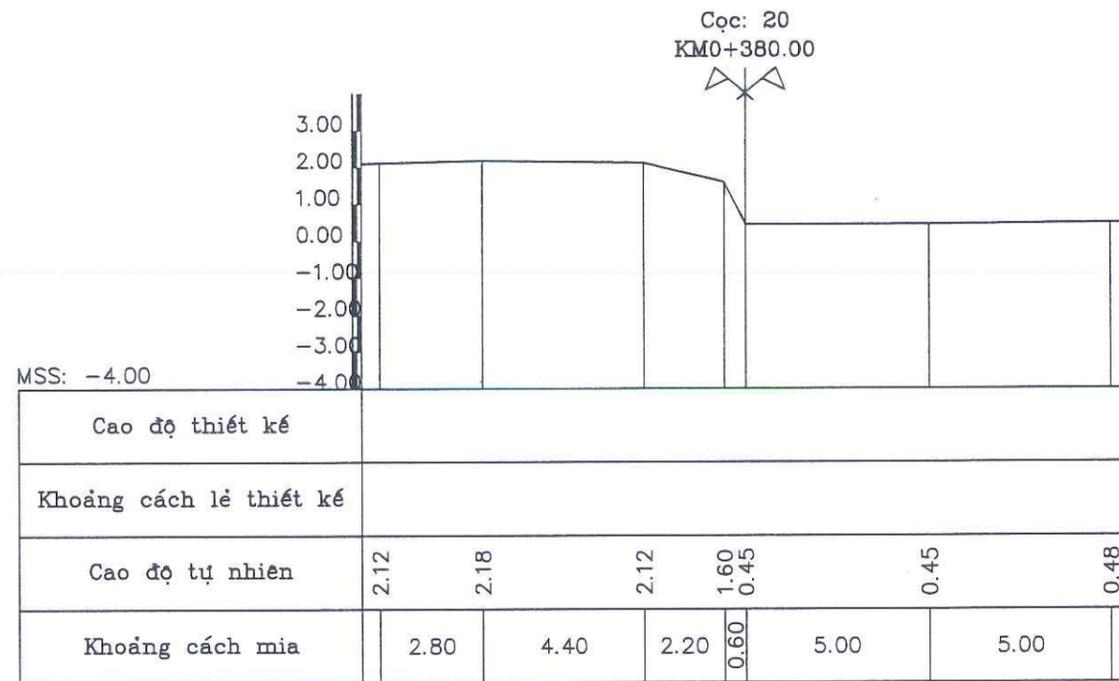
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

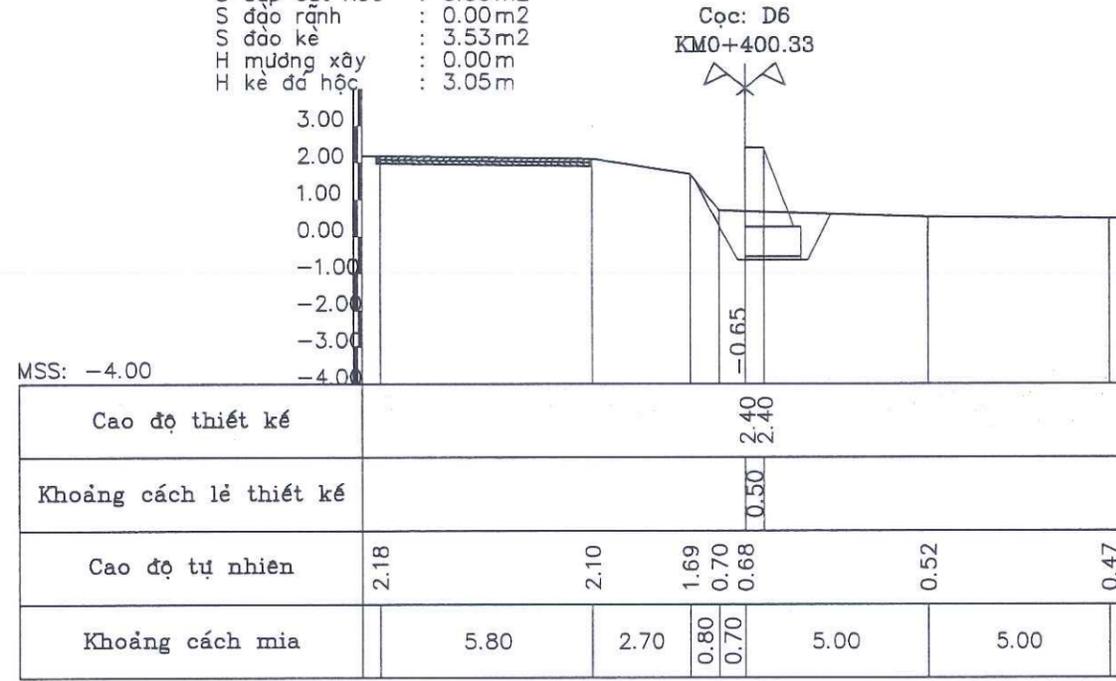
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

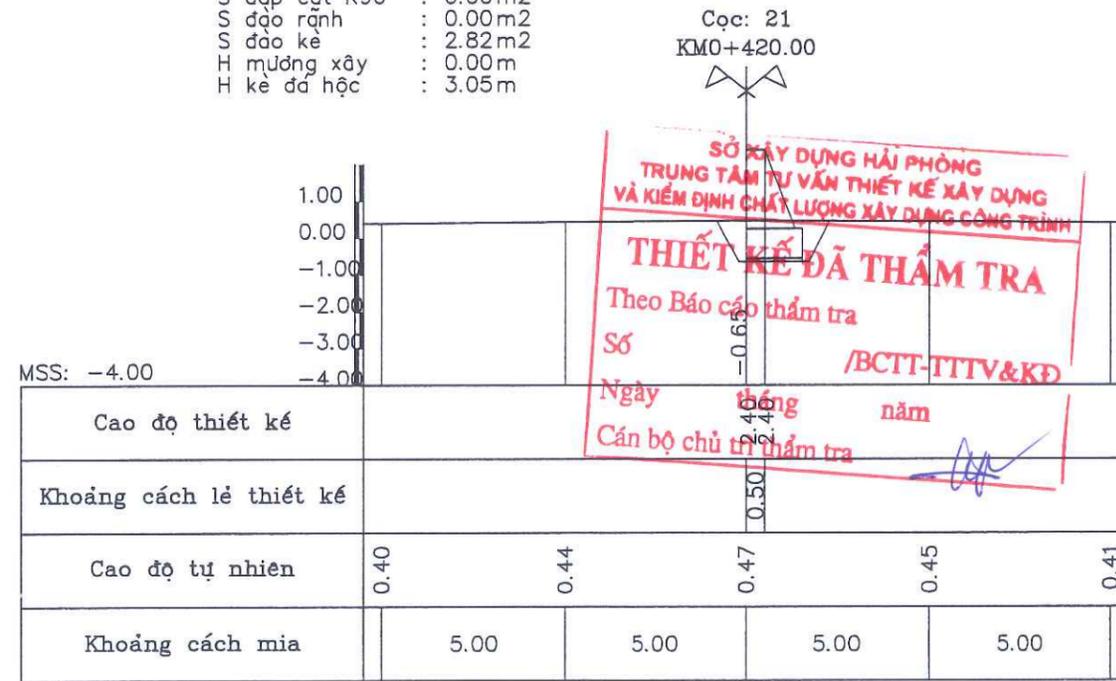
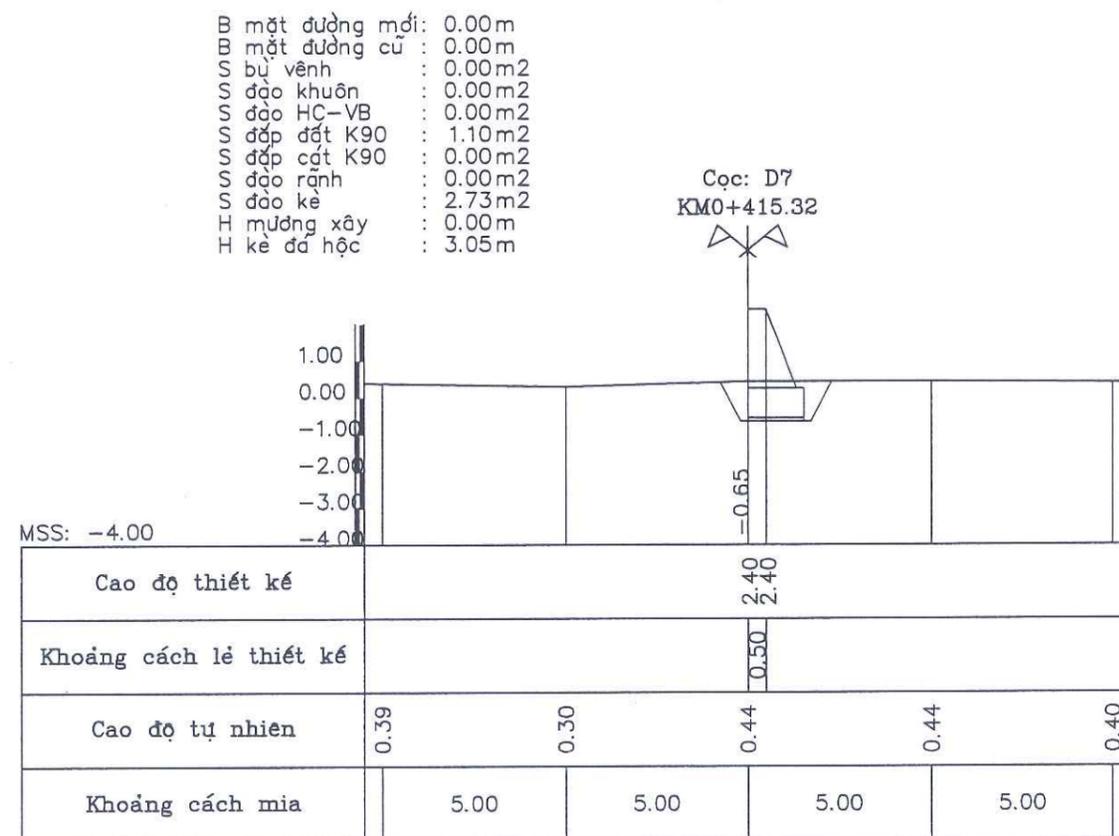
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 06



B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 bù vênh : 0.00m²
 đào khuôn : 0.00m²
 đào HC-VB : 0.00m²
 đắp đất K90 : 1.62m²
 đắp cốt K90 : 0.00m²
 đào rãnh : 0.00m²
 đào kê : 3.53m²
 H móng xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 3.05m



B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 bù vênh : 0.00m²
 đào khuôn : 0.00m²
 đào HC-VB : 0.00m²
 đắp đất K90 : 1.15m²
 đắp cốt K90 : 0.00m²
 đào rãnh : 0.00m²
 đào kê : 2.82m²
 H móng xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 3.05m



SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HÀI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI@VIETNAM8.COM
 HOTLINE: 0904.638.155

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

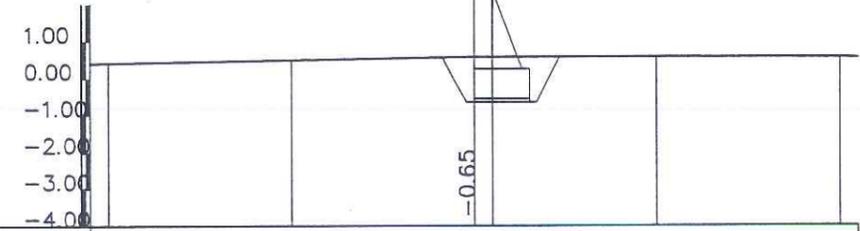
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**
 KHỔ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**
 KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 07**

- B mặt đường mới: 0.00m
- B mặt đường cũ: 0.00m
- bù vênh: 0.00m²
- đào khuôn: 0.00m²
- đào HC-VB: 0.00m²
- đắp đất K90: 1.37m²
- đắp cát K90: 0.00m²
- đào rãnh: 0.00m²
- S đào kè: 3.17m²
- H mương xây: 0.00m
- H kè đá hộc: 3.05m

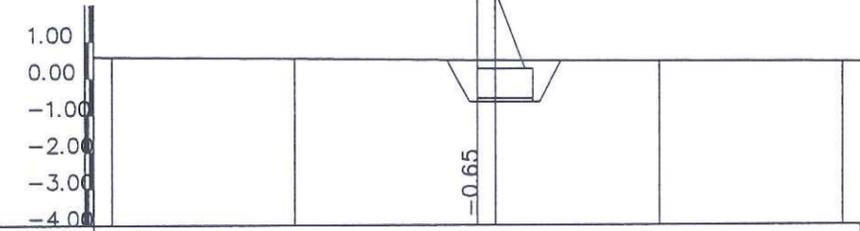
Cọc: 22
KM0+440.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.42	0.50	0.58	0.58	0.56
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

- B mặt đường mới: 0.00m
- B mặt đường cũ: 0.00m
- bù vênh: 0.00m²
- đào khuôn: 0.00m²
- đào HC-VB: 0.00m²
- đắp đất K90: 1.18m²
- đắp cát K90: 0.00m²
- đào rãnh: 0.00m²
- S đào kè: 2.86m²
- H mương xây: 0.00m
- H kè đá hộc: 3.05m

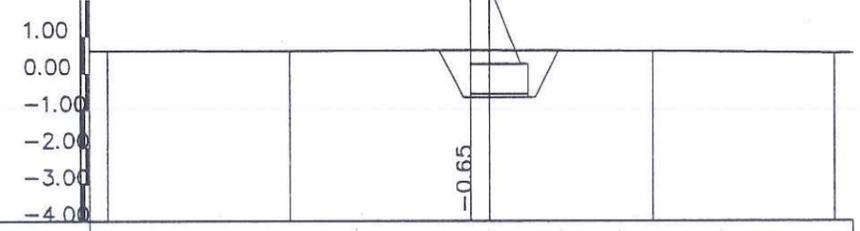
Cọc: 24
KM0+480.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.58	0.54	0.48	0.46	0.43
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

- B mặt đường mới: 0.00m
- B mặt đường cũ: 0.00m
- bù vênh: 0.00m²
- đào khuôn: 0.00m²
- đào HC-VB: 0.00m²
- đắp đất K90: 1.46m²
- đắp cát K90: 0.00m²
- đào rãnh: 0.00m²
- S đào kè: 3.32m²
- H mương xây: 0.00m
- H kè đá hộc: 3.05m

Cọc: 23
KM0+460.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.62	0.61	0.63	0.60	0.55
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

- B mặt đường mới: 0.00m
- B mặt đường cũ: 0.00m
- bù vênh: 0.00m²
- đào khuôn: 0.00m²
- đào HC-VB: 0.00m²
- đắp đất K90: 1.15m²
- đắp cát K90: 0.00m²
- đào rãnh: 0.00m²
- S đào kè: 2.81m²
- H mương xây: 0.00m
- H kè đá hộc: 3.05m

Cọc: H5=25
KM0+500.00



Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.51	0.49	0.46	0.48	0.50
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KĐ
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DUNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH BỊ CỦA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH BỊ CỦA ĐAI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

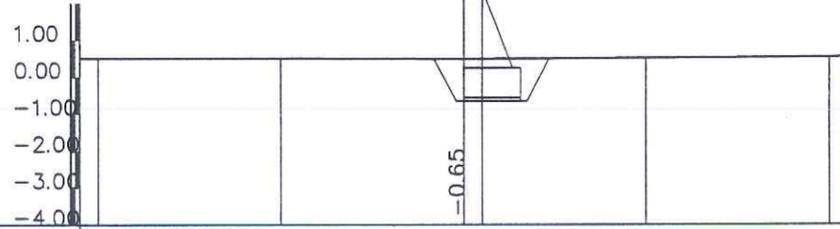


ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG
EMAIL: LUCI.VIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0909.535.185

GIÁM ĐỐC AN	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VE	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỐ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 08

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 0.00m²
 S đắp đất K90: 1.22m²
 S đắp cát K90: 0.00m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào lề: 2.94m²
 H mường xây: 0.00m
 H kê đá hộc: 3.05m

Cọc: 26
 KMO+520.00

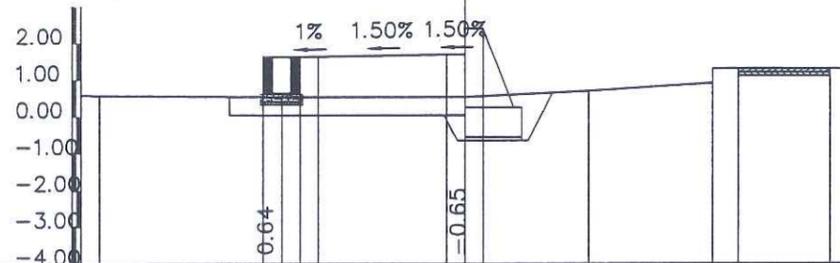


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.51	0.51	0.50	0.52	0.55
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.00m²
 S đạo HC-VB: 3.22m²
 S đắp đất K90: 1.00m²
 S đắp cát K90: 5.21m²
 S đạo rãnh: 0.30m²
 S đào lề: 2.83m²
 H mường xây: 1.73m
 H kê đá hộc: 3.05m

Cọc: 27
 KMO+540.00

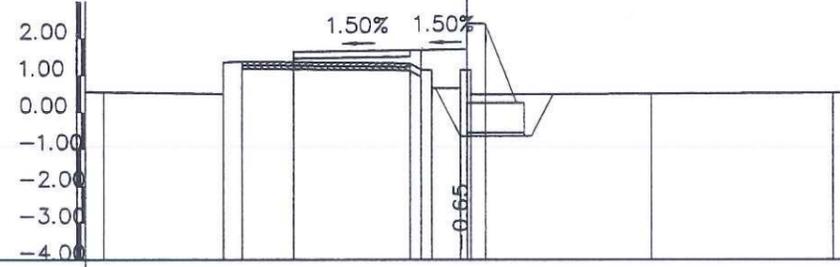


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.63				
Khoảng cách lề thiết kế	1.02				
Cao độ tự nhiên	0.58	0.54	0.54	0.70	0.91
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	3.40	3.40	0.70

B mặt đường mới: 0.30m
 B mặt đường cũ: 3.20m
 S bù vênh: 0.42m²
 S đạo khuôn: 0.01m²
 S đạo HC-VB: 0.06m²
 S đắp đất K90: 0.61m²
 S đắp cát K90: 1.93m²
 S đạo rãnh: 0.00m²
 S đào lề: 3.19m²
 H mường xây: 0.00m
 H kê đá hộc: 3.05m

Cọc: D8
 KMO+528.69

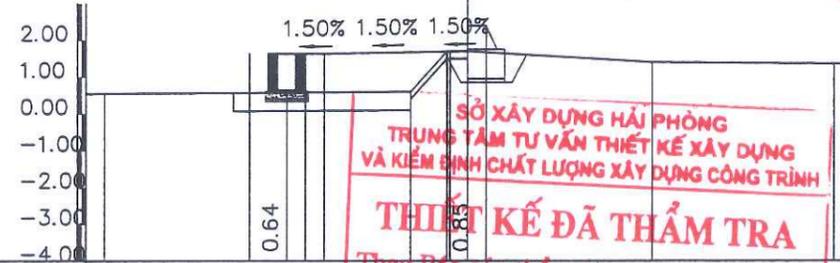


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.64				
Khoảng cách lề thiết kế	3.50				
Cao độ tự nhiên	0.55	0.50	1.33	0.52	0.52
Khoảng cách mìa	3.30	0.50	4.60	4.90	5.00

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đạo khuôn: 0.16m²
 S đạo HC-VB: 2.74m²
 S đắp đất K90: 0.55m²
 S đắp cát K90: 3.44m²
 S đạo rãnh: 0.38m²
 S đào lề: 1.37m²
 H mường xây: 1.73m
 H kê đá hộc: 1.55m

Cọc: 28
 KMO+560.00



MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.63				
Khoảng cách lề thiết kế	1.52				
Cao độ tự nhiên	0.55	0.58	0.60	1.40	1.36
Khoảng cách mìa	5.00	3.40	1.00	5.00	5.00

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KL
 Ngày 3/50 tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
 ĐỘI TRẦN ĐÌNH DUY BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
 KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẮT
 BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐỘI TRẦN ĐÌNH DUY BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYẾN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.536.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: TH.S. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ

TRẮC NGANG CHI TIẾT

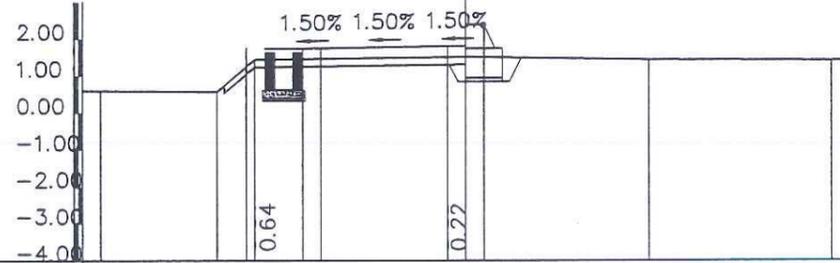
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 09

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.65m²
 S đào HC-VB : 1.29m²
 S đắp đất K90 : 0.77m²
 S đắp cát K90 : 1.39m²
 S đào rãnh : 3.29m²
 S đào kê : 1.05m²
 H mương xây : 1.85m
 H kê đá hộc : 1.55m

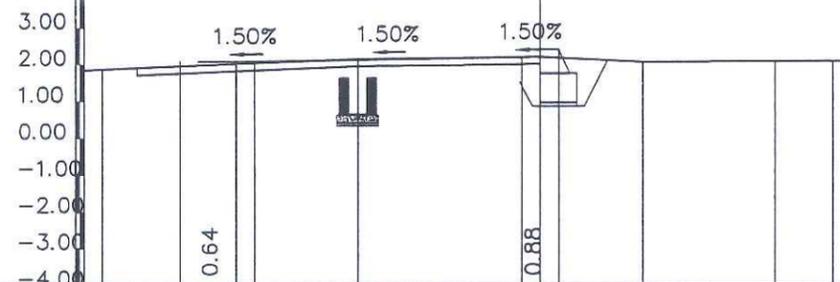
Cọc: 29
 KMO+580.00



Cao độ thiết kế		1.75	1.75	1.76	1.81	1.82	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.52	0.50	3.50	0.50	0.50	
Cao độ tự nhiên	0.60	0.58	1.45		1.52		1.44
Khoảng cách chia	3.20	1.00	5.80		5.00		5.00

B mặt đường mới: 7.34m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 3.56m²
 S đào HC-VB : 2.21m²
 S đắp đất K90 : 2.35m²
 S đắp cát K90 : 1.89m²
 S đào rãnh : 5.41m²
 S đào kê : 2.48m²
 H mương xây : 2.17m
 H kê đá hộc : 1.55m

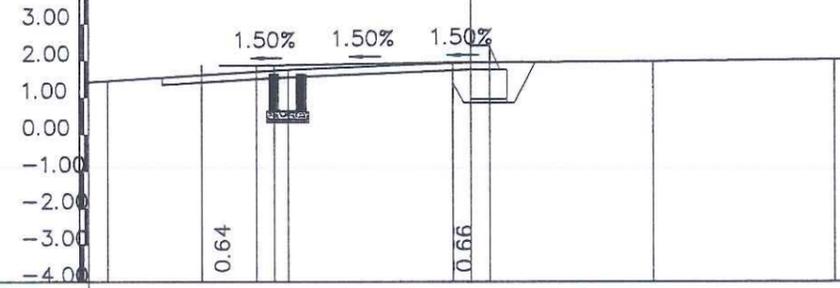
Cọc: D9
 KMO+610.32



Cao độ thiết kế		2.07	2.07	2.08	2.18	2.18	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.52	0.50	7.34	0.50	0.50	
Cao độ tự nhiên	1.87		2.15		2.20	2.05	2.06
Khoảng cách chia	7.00		5.00		2.80	3.60	1.60

B mặt đường mới: 4.88m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 1.98m²
 S đào HC-VB : 1.70m²
 S đắp đất K90 : 1.73m²
 S đắp cát K90 : 1.55m²
 S đào rãnh : 4.25m²
 S đào kê : 2.00m²
 H mương xây : 1.96m
 H kê đá hộc : 1.55m

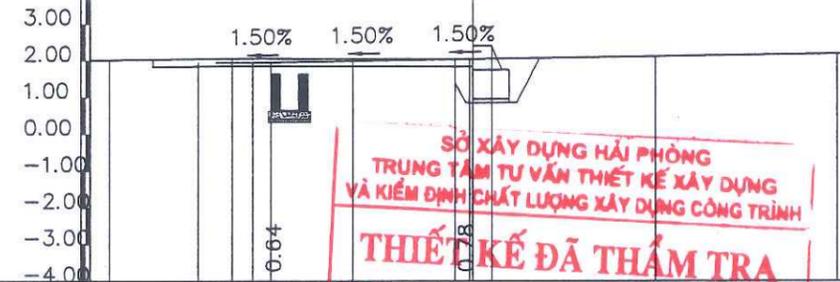
Cọc: H6=30
 KMO+600.00



Cao độ thiết kế		1.86	1.86	1.87	1.96	1.96	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.52	0.50	4.88	0.50	0.50	
Cao độ tự nhiên	1.45		1.75		1.95		1.97
Khoảng cách chia	5.00		5.00		5.00		5.00

B mặt đường mới: 5.03m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 2.69m²
 S đào HC-VB : 1.76m²
 S đắp đất K90 : 2.41m²
 S đắp cát K90 : 1.69m²
 S đào rãnh : 5.63m²
 S đào kê : 2.22m²
 H mương xây : 2.05m
 H kê đá hộc : 1.55m

Cọc: 31
 KMO+620.00



Cao độ thiết kế		1.95	1.95	1.96	2.06	2.06	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.52	0.50	5.03	0.50	0.50	
Cao độ tự nhiên	2.02		2.06		2.06	2.11	2.18
Khoảng cách chia	3.40		3.30		3.20	5.00	5.00

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số 503/2024/BC/TT-TTV&KD
 Ngày 08 tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐÌNH BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT
 BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ DÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI@VIETNAM88GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VE: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: TH.S. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

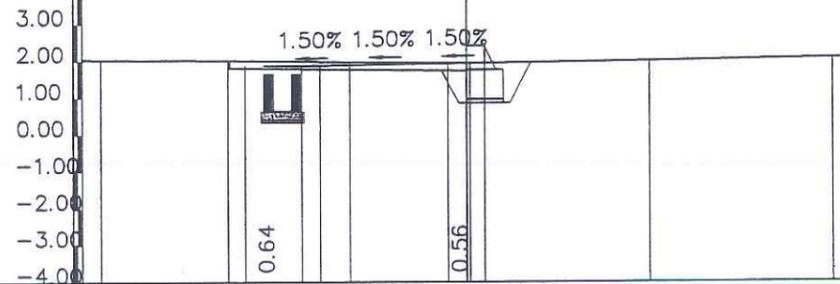
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 10

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đào khuôn: 1.87m²
 S đào HC-VB: 1.29m²
 S đắp đất K90: 0.00m²
 S đắp cát K90: 0.25m²
 S đào rãnh: 5.56m²
 S đào kê: 0.00m²
 H mương xây: 1.96m
 H kê đá hộc: 1.55m

Cọc: 32
 KM0+640.00

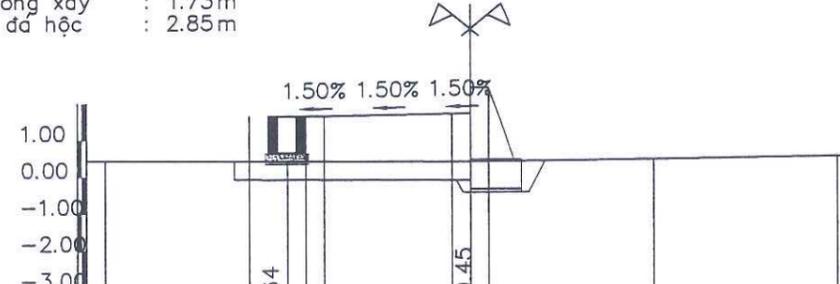


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.86	1.86	1.87	1.92	1.93	1.99	2.06
Khoảng cách lề thiết kế	1.52	0.50	3.50	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	2.03	2.01	1.96	1.93	1.93	1.99	2.06
Khoảng cách mìa	3.50	3.30	3.20	0.10	4.90	5.00	

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đào khuôn: 0.00m²
 S đào HC-VB: 3.22m²
 S đắp đất K90: 0.54m²
 S đắp cát K90: 5.65m²
 S đào rãnh: 0.10m²
 S đào kê: 1.63m²
 H mương xây: 1.73m
 H kê đá hộc: 2.85m

Cọc: 34
 KM0+680.00

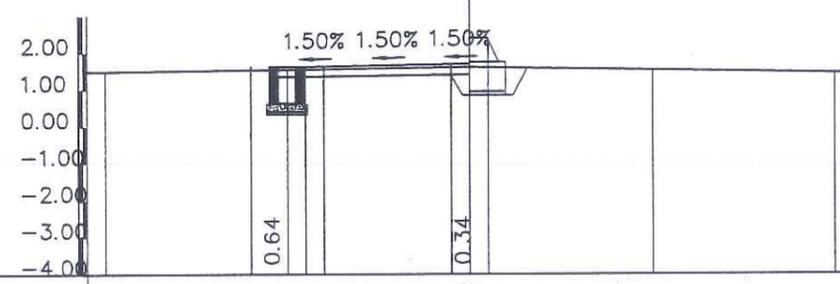


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.63	1.63	1.64	1.68	1.68	0.43	0.48
Khoảng cách lề thiết kế	1.52	0.50	3.50	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.44	0.41	0.39	0.39	0.39	0.43	0.48
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00		

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đào khuôn: 1.39m²
 S đào HC-VB: 1.29m²
 S đắp đất K90: 0.00m²
 S đắp cát K90: 0.72m²
 S đào rãnh: 4.01m²
 S đào kê: 0.00m²
 H mương xây: 1.73m
 H kê đá hộc: 1.55m

Cọc: 33
 KM0+660.00

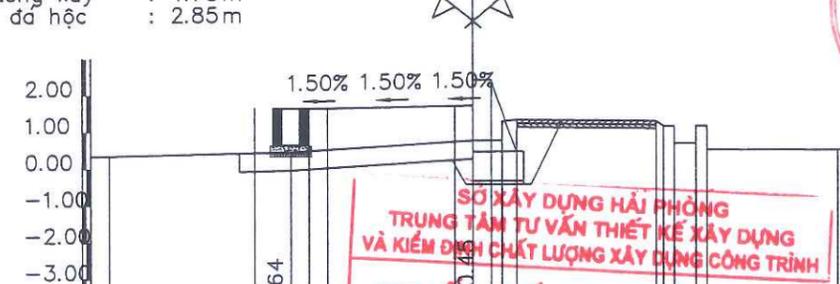


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.63	1.63	1.64	1.68	1.68	1.53	1.44
Khoảng cách lề thiết kế	1.52	0.50	3.50	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	1.50	1.55	1.61	1.61	1.61	1.53	1.44
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00		

B mặt đường mới: 3.50m
 B mặt đường cũ: 0.00m
 S bù vênh: 0.00m²
 S đào khuôn: 0.00m²
 S đào HC-VB: 3.22m²
 S đắp đất K90: 1.88m²
 S đắp cát K90: 4.87m²
 S đào rãnh: 0.13m²
 S đào kê: 3.38m²
 H mương xây: 1.73m
 H kê đá hộc: 2.85m

Cọc: H7=35
 KM0+700.00



MSS: -4.00

Cao độ thiết kế	1.63	1.63	1.64	1.68	1.68	0.46	0.46
Khoảng cách lề thiết kế	1.52	0.50	3.50	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.35	0.45	0.45	0.35	0.35	0.46	0.46
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	0.80	0.40	3.80	3.60

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số 3.50 tháng năm
 Cán bộ chịu trách nhiệm: [Signature]

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH DU BỊ CỬA ĐAI ĐỐI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỐI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH DU BỊ CỬA ĐAI ĐỐI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ GIUYỄN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: LUCI@VIETNAMV.PK.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

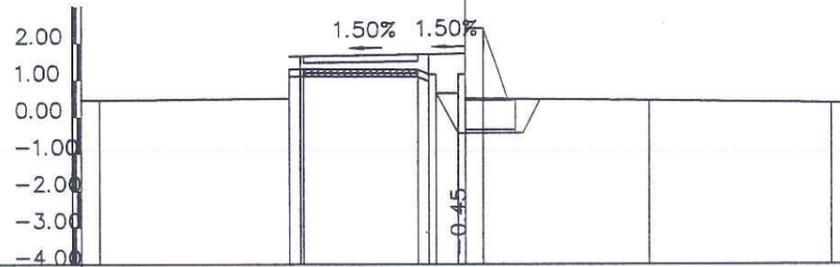
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TBVC**

KHỐ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 11**

B mặt đường mới: 0.40m
 B mặt đường cũ : 3.10m
 S bù vênh : 0.61m²
 S đào khuôn : 0.02m²
 S đào HC-VB : 0.14m²
 S đắp đất K90 : 0.41m²
 S đắp cát K90 : 1.56m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.36m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: D10
 KM0+707.72

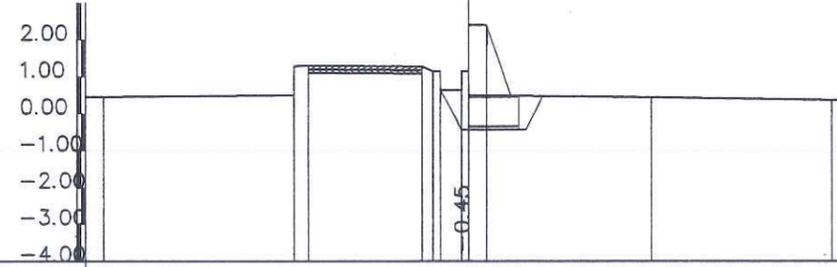


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế		1.64	1.69	2.40		
Khoảng cách lề thiết kế		3.50	1.00	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.46	0.50	1.28	1.15	0.44	0.37
Khoảng cách mìa	5.20	0.40	3.10	0.50	5.00	4.99

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.05m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.36m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: D11
 KM0+708.38

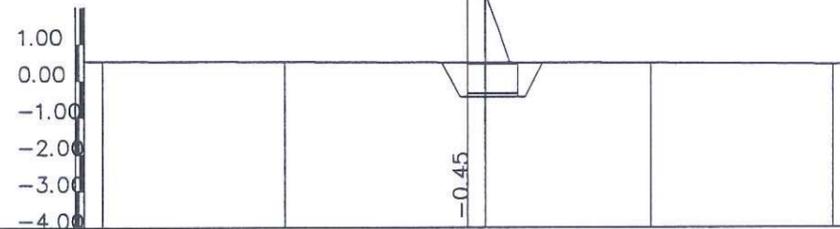


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế			2.40	2.40		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.46	0.50	1.28	1.15	0.44	0.37
Khoảng cách mìa	5.20	0.40	3.10	0.50	5.00	4.99

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 0.84m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.14m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: 36
 KM0+720.00

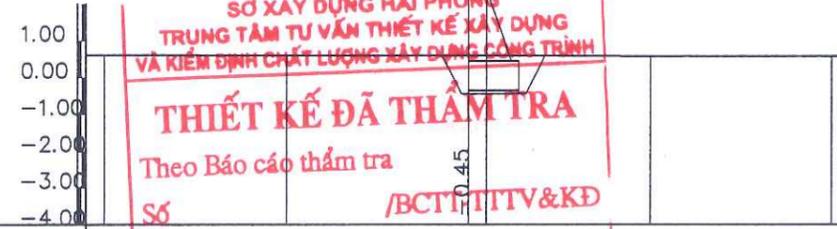


MSS: -4.00

Cao độ thiết kế			2.40	2.40		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.53	0.51	0.49	0.47	0.47	0.43
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đào khuôn : 0.00m²
 S đào HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.03m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đào rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.45m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: 37
 KM0+740.00



MSS: -4.00

Cao độ thiết kế			2.40	2.40		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.61	0.60	0.60	0.58	0.58	0.58
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCT/TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:

HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VE: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

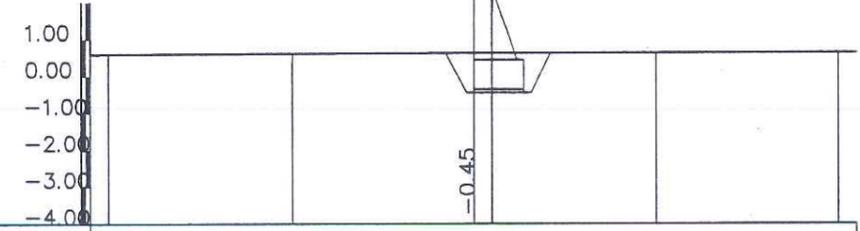
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 12

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.10m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.57m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

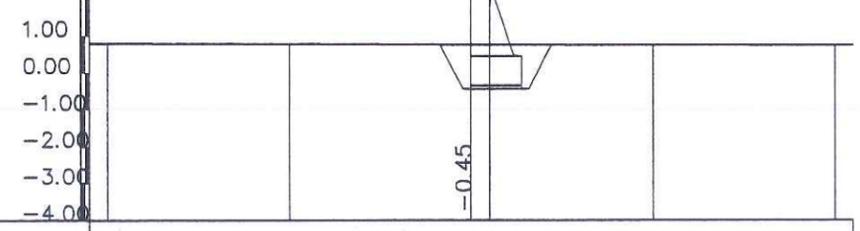
Cọc: 38
 KMO+760.00



MSS: -4.00					
Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.60	0.62	0.64	0.64	0.64
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.33m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.93m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

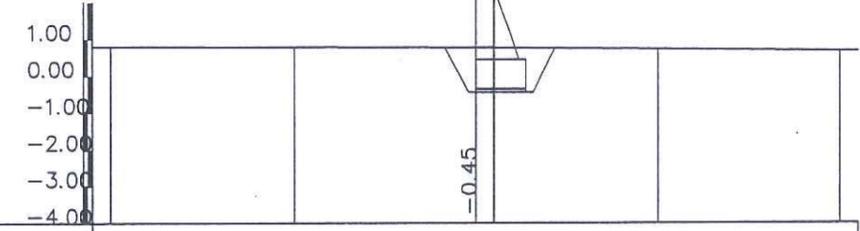
Cọc: 39
 KMO+780.00



MSS: -4.00					
Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.80	0.78	0.76	0.75	0.74
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.34m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.95m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

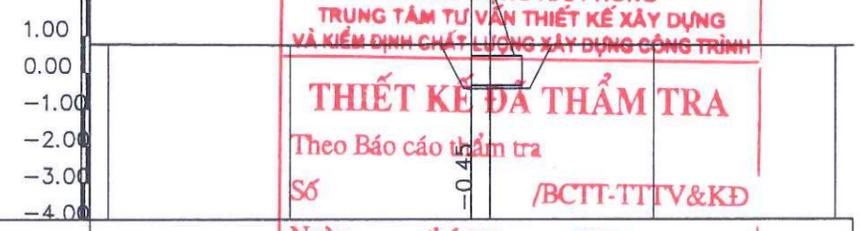
Cọc: H8=40
 KMO+800.00



MSS: -4.00					
Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.80	0.79	0.77	0.73	0.68
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

B mặt đường mới: 0.00m
 B mặt đường cũ : 0.00m
 S bù vênh : 0.00m²
 S đạo khuôn : 0.00m²
 S đạo HC-VB : 0.00m²
 S đắp đất K90 : 1.32m²
 S đắp cát K90 : 0.00m²
 S đạo rãnh : 0.00m²
 S đào kê : 2.92m²
 H mường xây : 0.00m
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: 41
 KMO+810.24



MSS: -4.00					
Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.77	0.74	0.76	0.74	0.72
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ BI CỬA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ BI CỬA ĐAI ĐỘI PPK172/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: LUCI@VIETNAM.COM
 HOTLINE: 0906.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKVCS

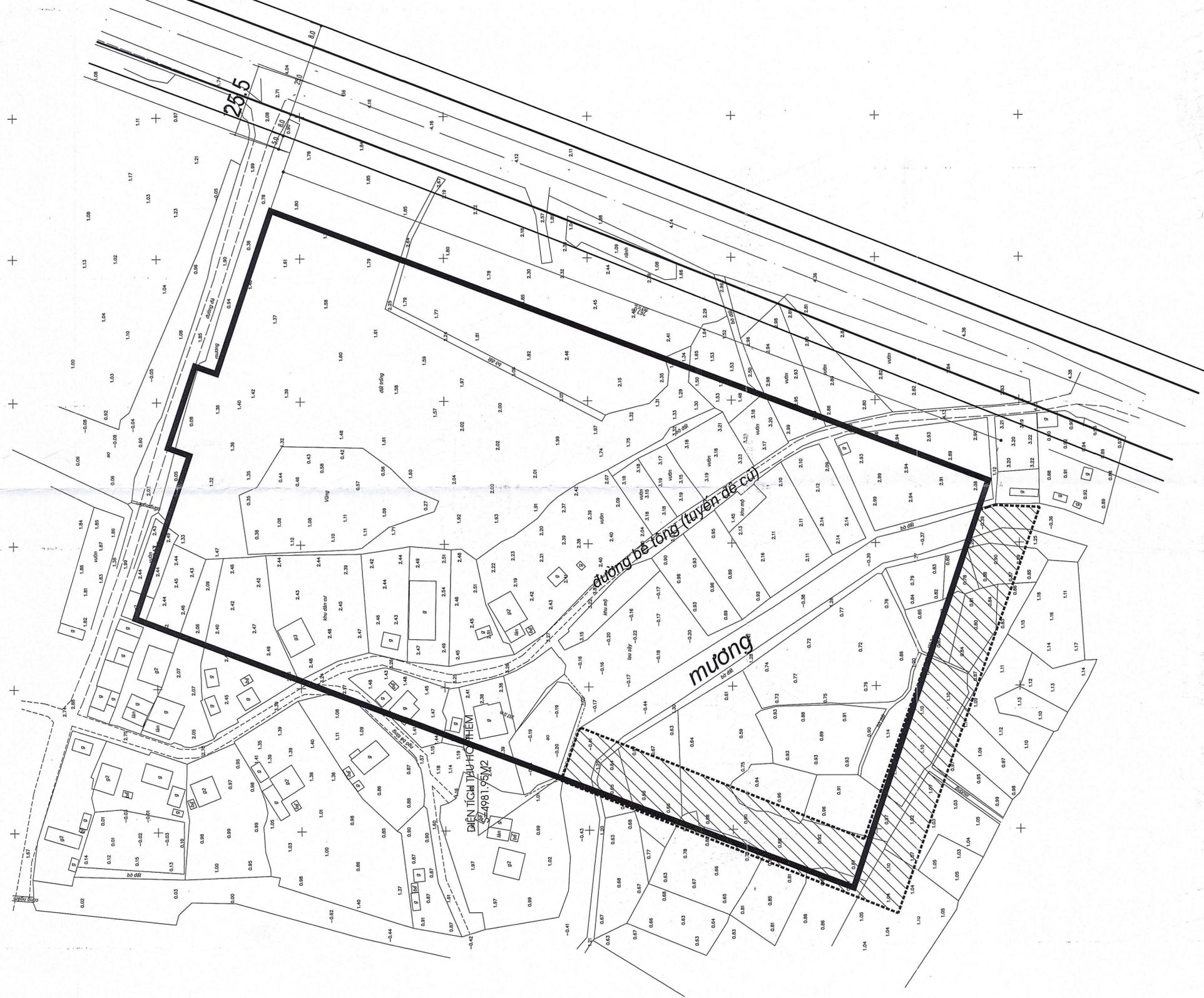
KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 13

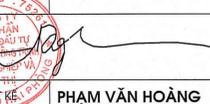
HẠNG MỤC: KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI CỦA TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA CPPK171/E240

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ (BÃI MÌN) PHÁO PHÒNG KHÔNG CPPK171/E240 TẠI XÃ PHẢ LỄ

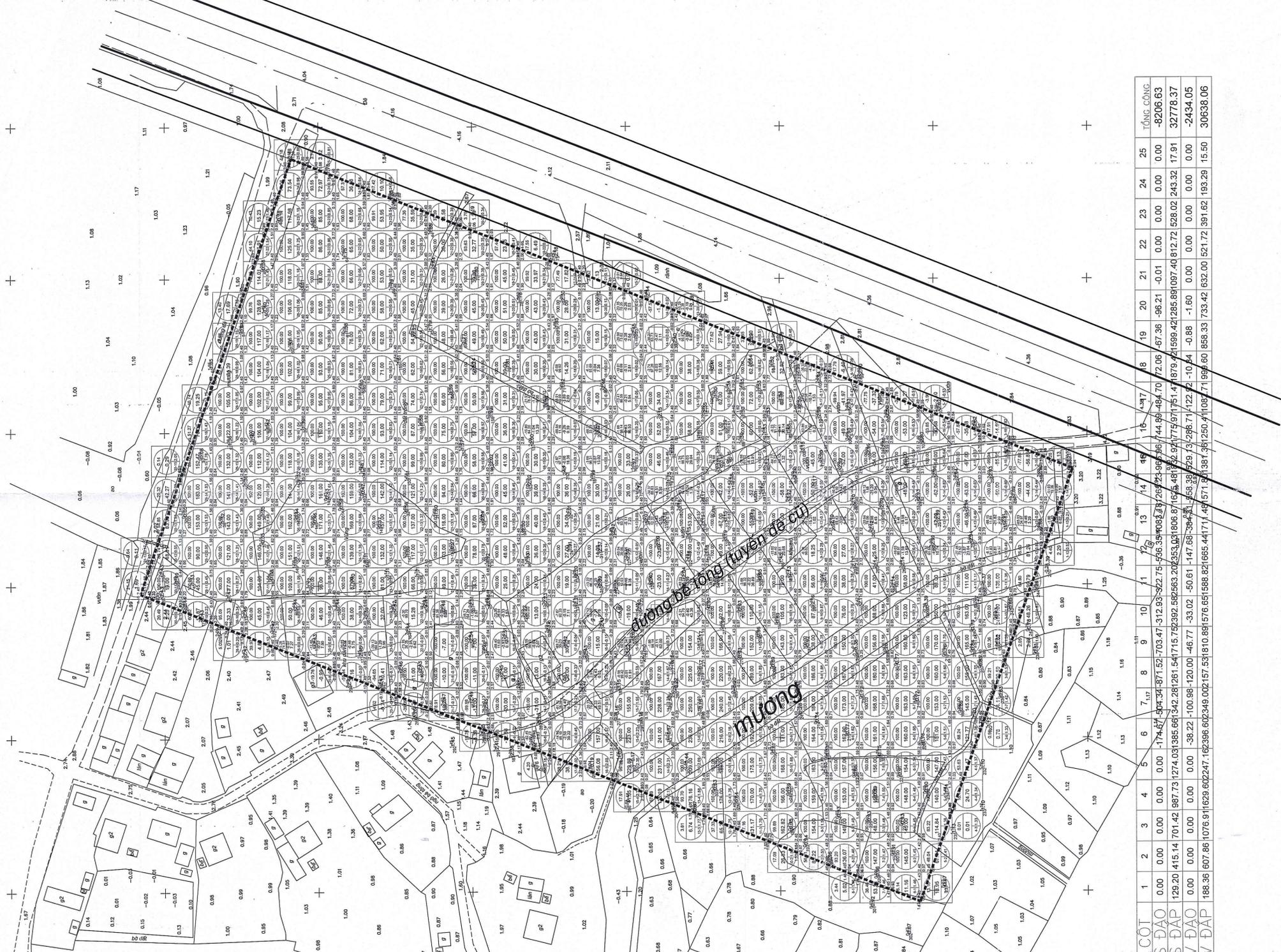


GHI CHÚ:
 SỔ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM ĐỀ VÀN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ  ĐỊA CHỈ : SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	 PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	 PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCs
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH : /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	BDHT - 01

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ (BÃI MÌN) PHÁO PHÒNG KHÔNG CPPK171/E240 TẠI XÃ PHẢ LỄ



HANG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
S ĐÀO	-89.09	-242.91	-314.17	-385.31	-436.13	-451.35	-450.70	-466.77	-308.60	-309.09	-859.97	-389.40	-461.43	-374.02	-488.27	-402.45	-363.33	-370.32	-354.45	-297.52	-213.14	-138.40	-80.09	-37.62	-80.09	-37.62	0.00	0.00	0.00	0.00	-8206.63	
S ĐẬP	57.16	227.03	479.86	732.83	906.10	1011.62	1121.17	1274.61	1393.67	1512.24	1631.30	1750.86	1870.00	1988.73	2107.05	2225.96	2344.46	2462.55	2580.24	2697.53	2814.42	2930.91	3047.00	3162.69	3277.97	3392.84	3507.30	3621.36	3735.02	3848.28	32778.37	
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-2434.05	
V ĐẬP	10.93	235.86	615.89	981.99	1364.27	1754.44	2152.11	2557.96	2971.50	3393.33	3823.05	4260.36	4705.96	5159.55	5620.84	6089.53	6565.43	7048.34	7538.06	8034.39	8537.14	9046.21	9561.50	10083.01	10620.54	11164.00	11713.29	12268.31	12828.97	13395.19	30638.06	
TỔNG CỘNG																																31

CỘT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	TỔNG CỘNG				
S ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-8206.63
S ĐẬP	129.20	415.14	701.42	987.73	1274.03	1559.66	1845.21	2130.50	2415.33	2700.51	2985.94	3271.53	3557.18	3842.89	4128.56	4414.19	4700.00	4985.97	5272.10	5558.39	5844.84	6131.45	6418.22	6705.15	6992.24	7279.49	7566.90	7854.47	8142.20	32778.37
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-2434.05
V ĐẬP	188.38	607.86	1076.91	1629.92	2186.84	2747.67	3312.32	3880.70	4452.73	5028.32	5607.47	6190.09	6776.19	7365.78	7958.86	8555.44	9155.53	9759.13	10366.24	10976.86	11590.99	12208.63	12829.77	13454.41	14082.55	14714.19	15349.34	15987.99	16629.14	30638.06

THUYẾT MINH:

- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC LẬP TRÊN CƠ SỞ TÀI LIỆU KHẢO SÁT MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TỶ LỆ 1/500
- CAO ĐỘ SAN LẤP
- DIỆN TÍCH SAN LẤP KHU ĐẤT
- KHỐI LƯỢNG ĐÀO BÁC HỒU CÚC
- KHỐI LƯỢNG ĐÀO NÉN
- KHỐI LƯỢNG ĐẬP NÉN
- HẸ SỐ NÉN THIẾT KẾ K=0.90; LƯỚI 0 MƯỜNG 10X10M;
- CÁT SAN LẤP SỬ DỤNG LÀ CÁT HẠT NHỎ (CÁT BÈN)
- ĐẬP CÁT THÀNH TUNG LỚP DÀY TRUNG BÌNH 30CM ĐẢM CHẶT

GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

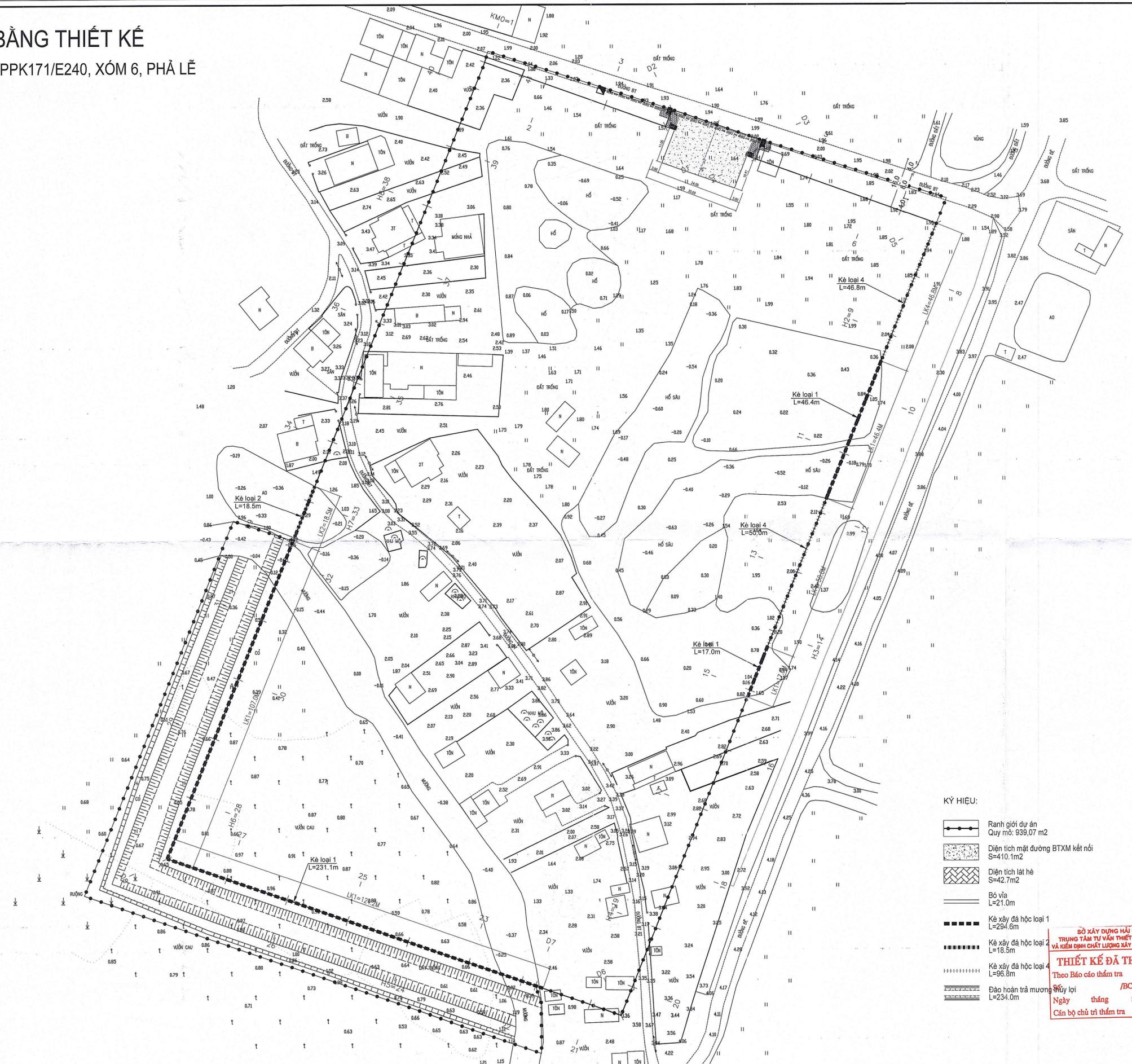
- DUYỆT CÔNG ĐỒ MẶT BẰNG TRƯỚC KHI SAN LẤP
- ĐÀO BÊN VÀ ĐÀO HỒU CÓ DÂY TRUNG BÊN 30CM
- BÀN GỒM HỒ ĐÁ

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ:	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG
DỰ ÁN:	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUÂN ĐỘI TRẬN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM
HẠNG MỤC:	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ
ĐỊA CHỈ:	SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUỲN, HẢI PHÒNG
EMAIL:	LUCI@VICTAM.COM
HOTLINE:	0904.535.155
GIÁM ĐỐC:	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ:	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA:	THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ:	BÌNH ĐỒ SAN LẤP
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ:	TKBVCS
KHỐ GIẤY:	A3
KỶ HIỆU BẢN VẼ:	BĐSL - 01

THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

MẶT BẰNG THIẾT KẾ

DỰ BỊ ĐẠİ ĐỘI PPK171/E240, XÓM 6, PHẢ LỄ



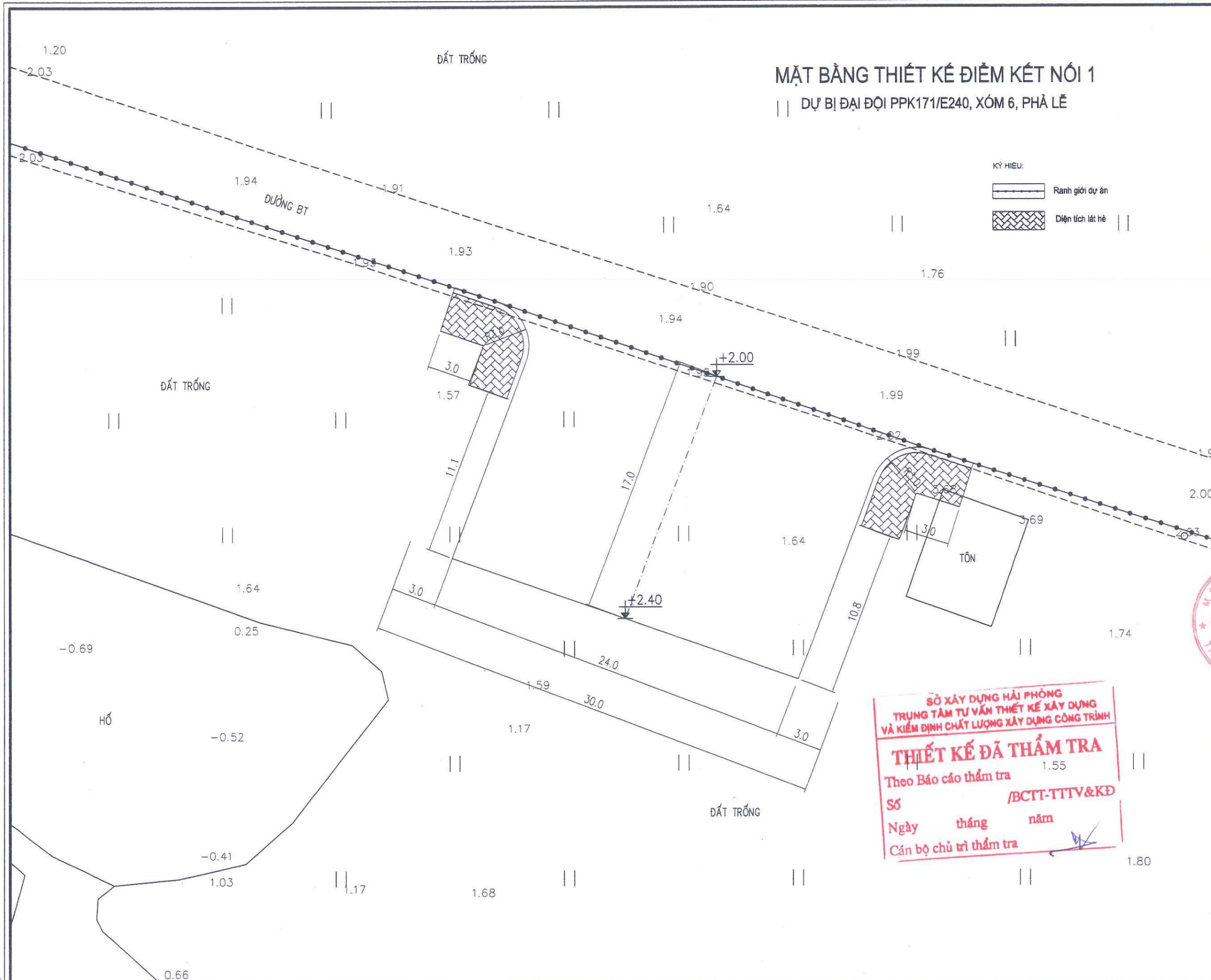
KÝ HIỆU:

- Ranh giới dự án
Quy mô: 939,07 m²
- Diện tích mặt đường BTXM kết nối
S=410,1m²
- Diện tích lát hè
S=42,7m²
- Bờ vĩa
L=21,0m
- Kê xây đá hộc loại 1
L=294,6m
- Kê xây đá hộc loại 2
L=18,5m
- Kê xây đá hộc loại 4
L=96,8m
- Đào hoàn trả ruộng
L=234,0m

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 /BCTT-TTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN:	
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẦN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẦN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẤM	
HẠNG MỤC:	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẦN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
XÃ PHẢ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG EMAIL: LUCIVNETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS.VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	MẶT BẰNG THIẾT KẾ
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	MBTK- 01

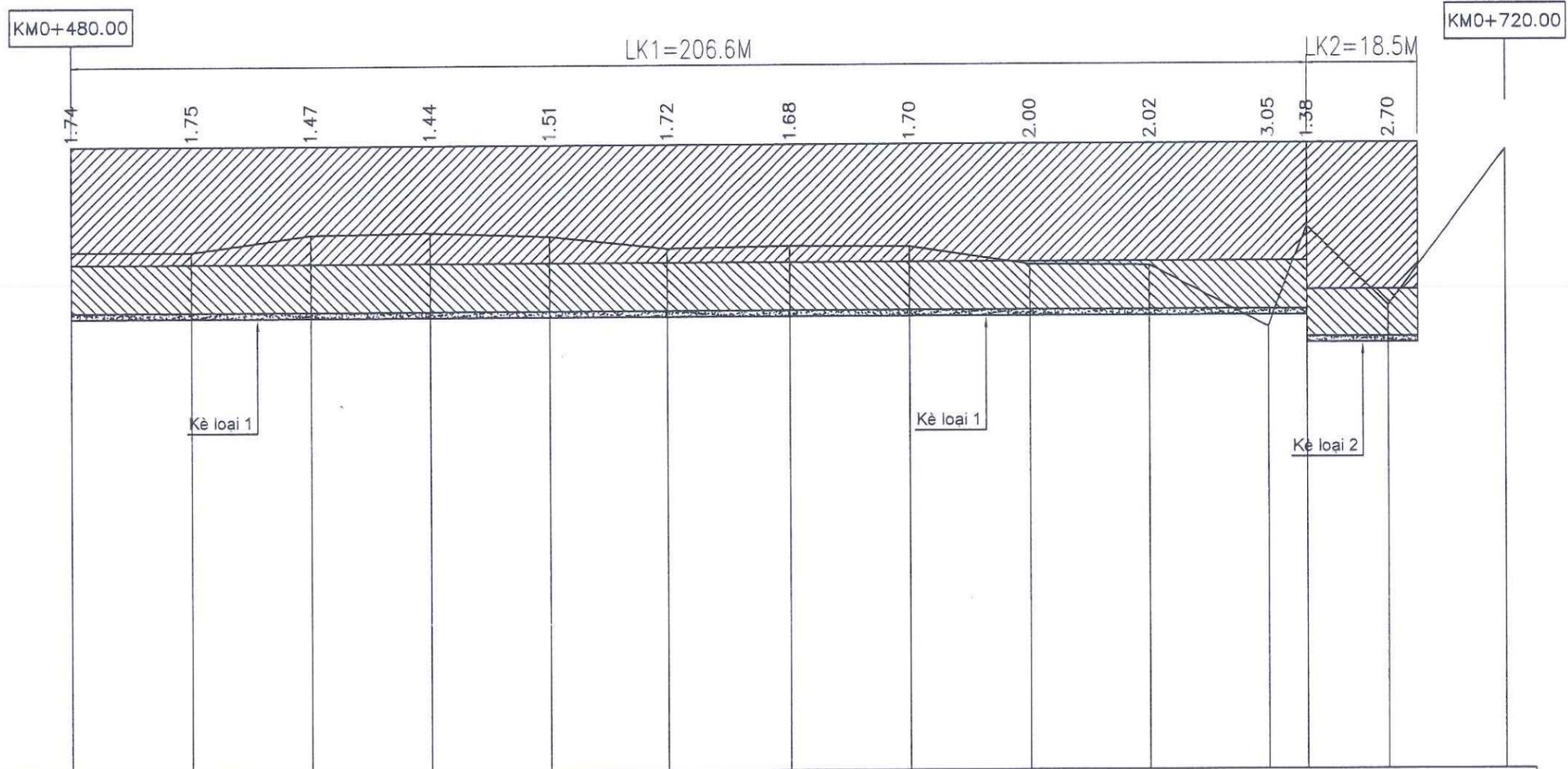


SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra 1.55
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HÀI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỬA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỬA ĐAI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÀ LỄ, XÃ PHỤC LỄ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HÀI PHÒNG EMAIL: IUCIVIENTAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	MẶT BẰNG THIẾT KẾ
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	MBTK- 02

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ



Cao độ đỉnh kè	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ chân kè	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.45	-0.91	-0.91	-0.91
Cao độ tự nhiên	0.66	0.65	0.93	0.96	0.89	0.68	0.72	0.70	0.40	0.38	-0.65	1.02	-0.30	2.28		
Khoảng cách lẻ		20.00	20.00	20.00	20.00	19.61	20.39	20.00	20.00	20.00	20.00	6.59	13.41	20.00		
Lý trình cọc	480.00	500.00	520.00	540.00	560.00	579.61	600.00	620.00	640.00	660.00	680.00	686.59	700.00	720.00		
Tên cọc	23	H5=24	25	26	27	D8	H6=28	29	30	31	H7=29	H7=33	34			
Lý trình		H5					H6									
Sơ họa tuyến	 $A=87d35'21.7''$															

SỞ XÂY DỰNG HÀ PHỒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HÀI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐΙΑ DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:
 HÀ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐΙΑ DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THUY NGUYỄN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HÀI PHÒNG
 EMAIL: LUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC T. S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
 CHỦ TRƯ THIẾT KẾ PHẠM VĂN HOÀNG
 VẼ PHẠM VĂN HOÀNG
 KIỂM TRA THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
 CHỦ NHIỆM DỰ ÁN ĐÀO VĂN ĐIỂM

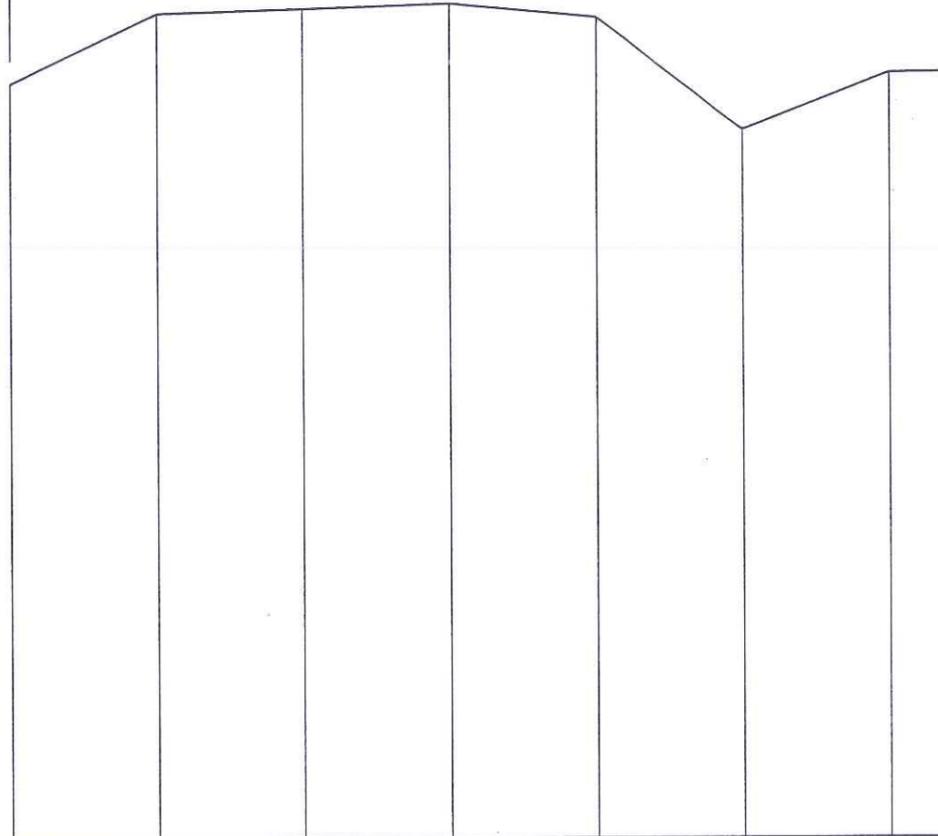
TÊN BẢN VẼ
TRẮC DỌC THIẾT KẾ

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÁNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TDTK- 03

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÈ

KM0+720.00

KM0+848.69



Cao độ đỉnh kè									
Cao độ chân kè									
Cao độ tự nhiên	2.28	3.22	3.28	3.34	3.15	1.62	2.39	2.40	
Khoảng cách lẻ		20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	8.69	
Lý trình cọc	720.00	740.00	760.00	780.00	800.00	820.00	840.00	848.69	
Tên cọc	34	35	36	37	H8=38	39	40	41	
Lý trình	H8								
Sơ họa tuyến									

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra

Số _____ /BCTT-TTTV&KD
 Ngày _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA ĐU BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:
 HÀ TĂNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐIA ĐU BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI@VIETNAM.GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

N:020

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

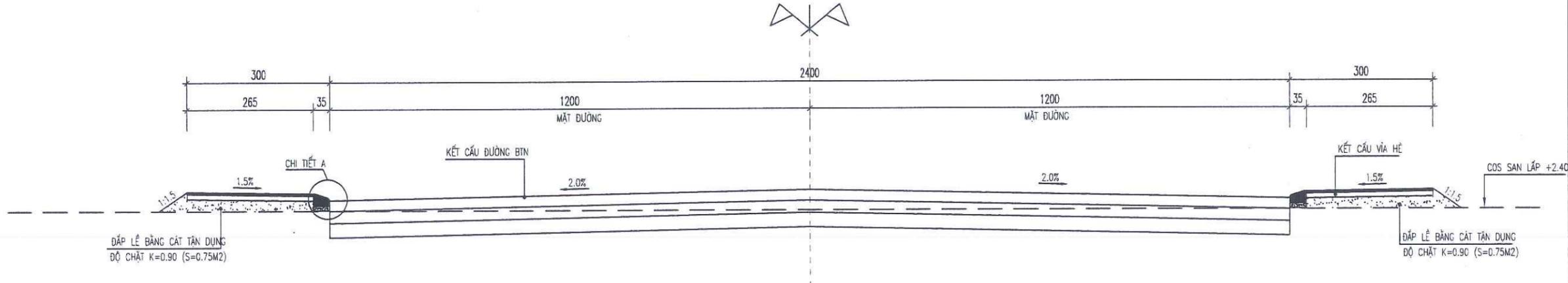
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC DỌC THIẾT KẾ**

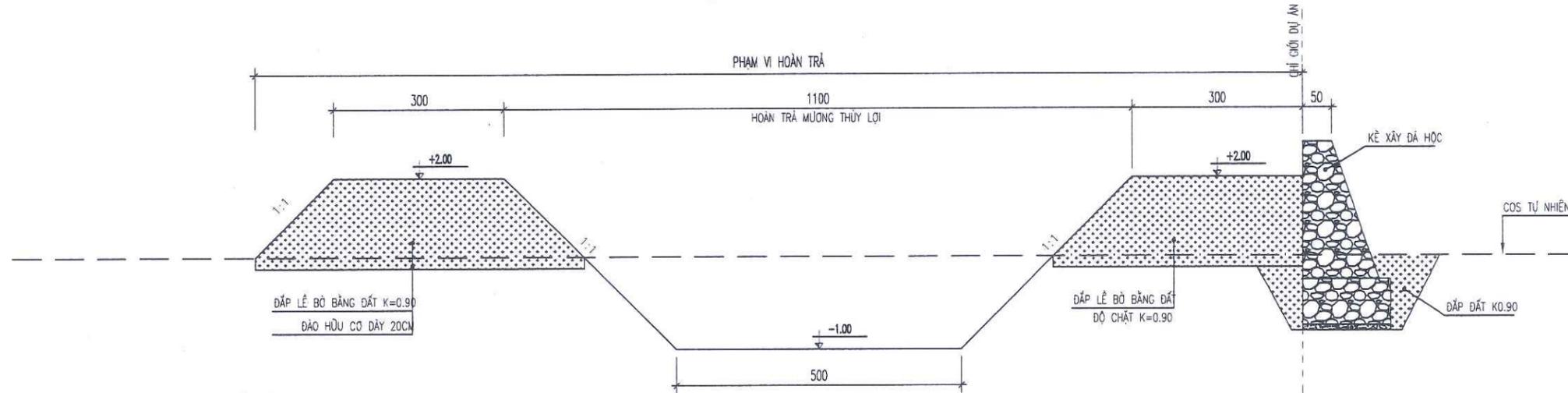
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TDTK- 04

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH

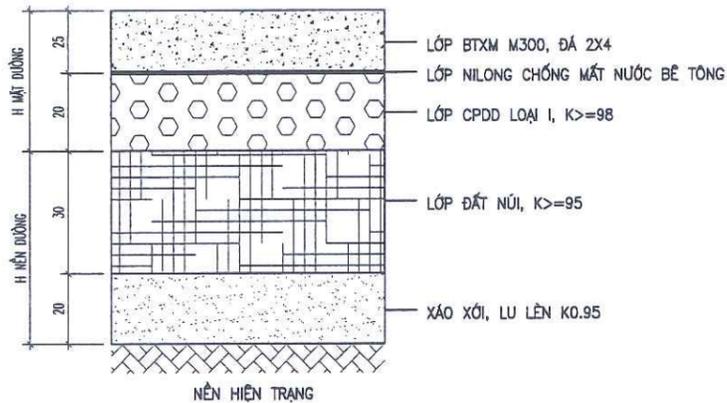
(ĐƯỜNG BTXM KẾT NỐI)



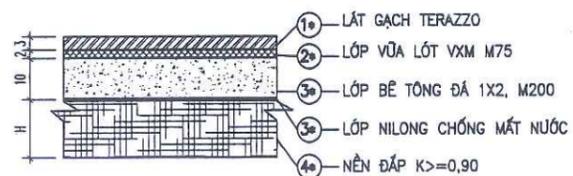
(MẶT CẮT HOÀN TRẢ MƯƠNG THỦY LỢI)



KẾT CẤU ĐƯỜNG BTXM KẾT NỐI

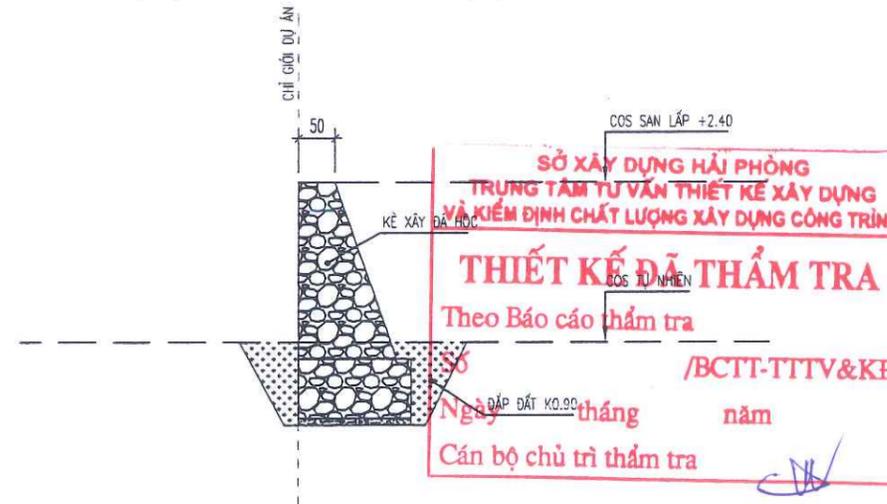


KẾT CẤU ĐƯỜNG VỈA HÈ



GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ LÀ CM

(MẶT CẮT TƯỜNG CHẮN ĐÁ HỘC)



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Ngày ... tháng ... năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 VÀ ĐẠI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BÁNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐUỆ
CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCI.VIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.185

GIÁM ĐỐC PHẠM VĂN HOÀNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN ĐÀO VĂN ĐIỂM

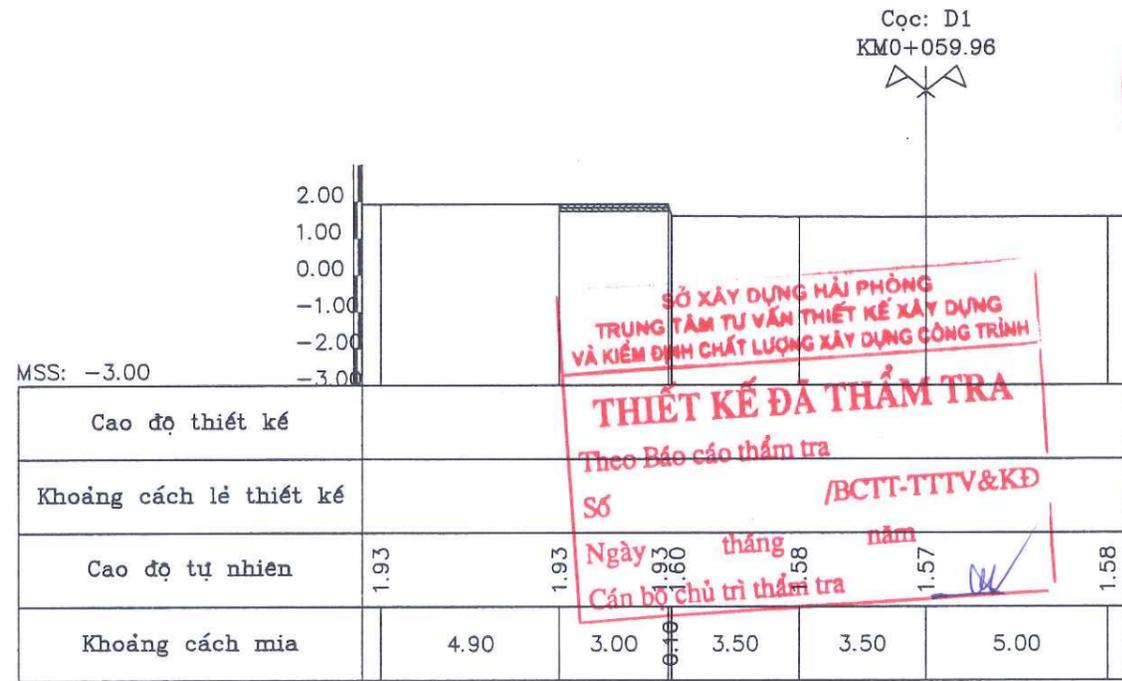
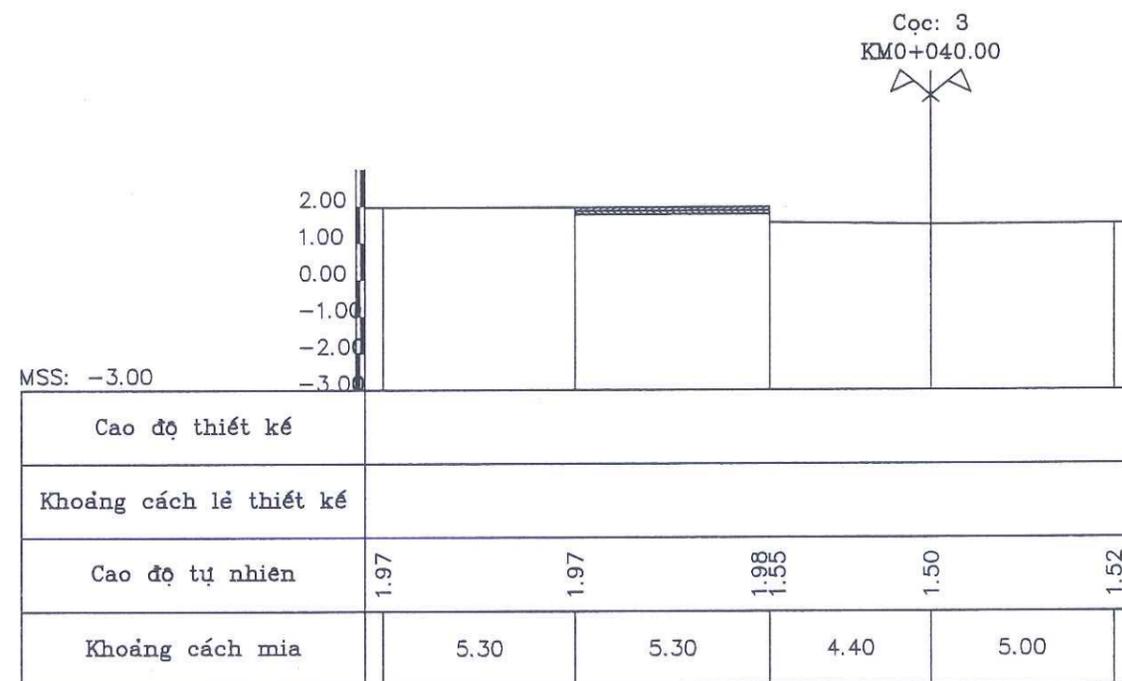
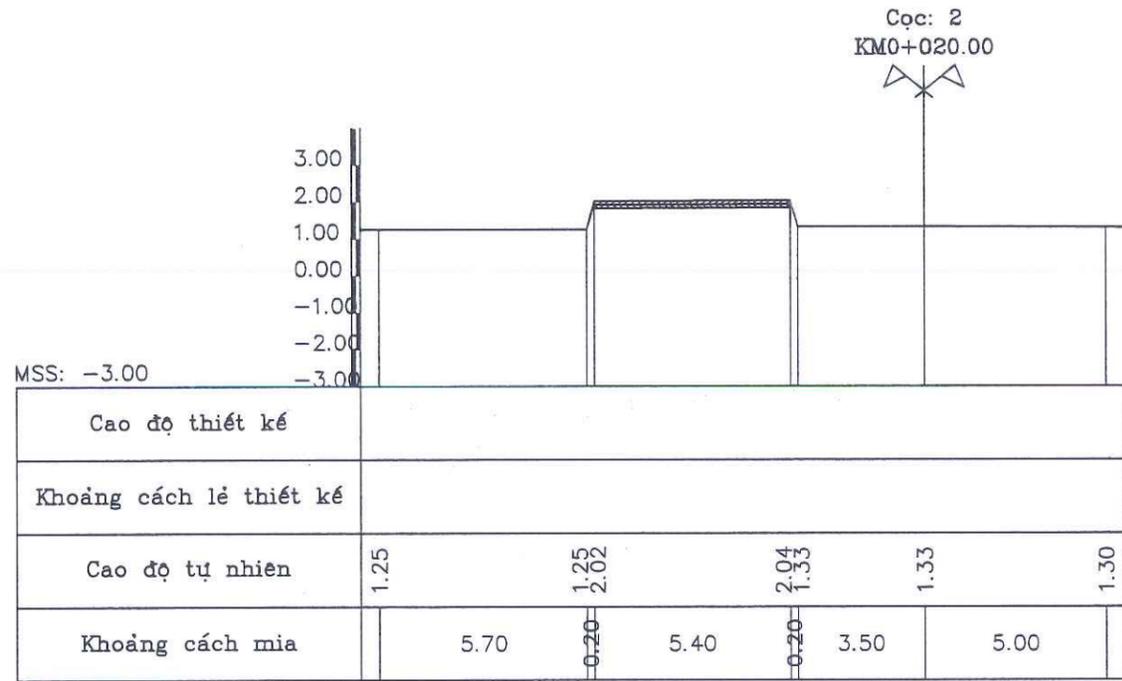
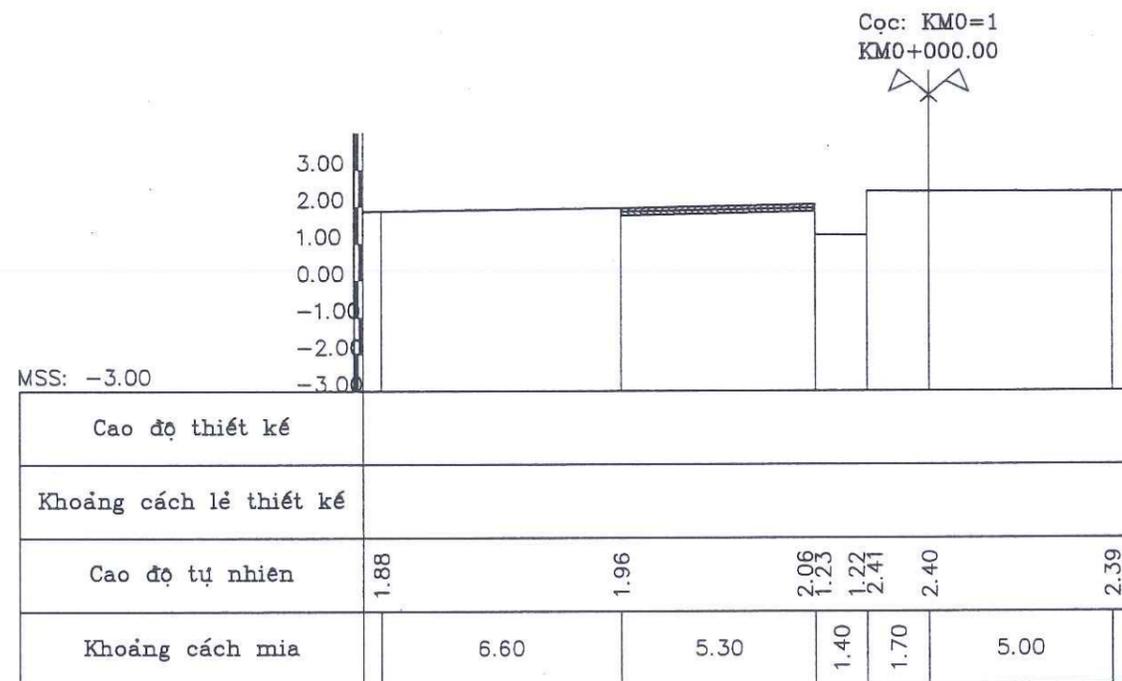
TÊN BẢN VẼ

TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ TNCT- 01



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTV&KD
 Ngày 03 tháng 06 năm 2024
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHÔNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI
 CỦA ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYỀN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: LUCI@VIETNAM8.COM
 HOTLINE: 094.535.155

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

GIÁM ĐỐC AN TÀI VẤN ĐẦU TƯ: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH**

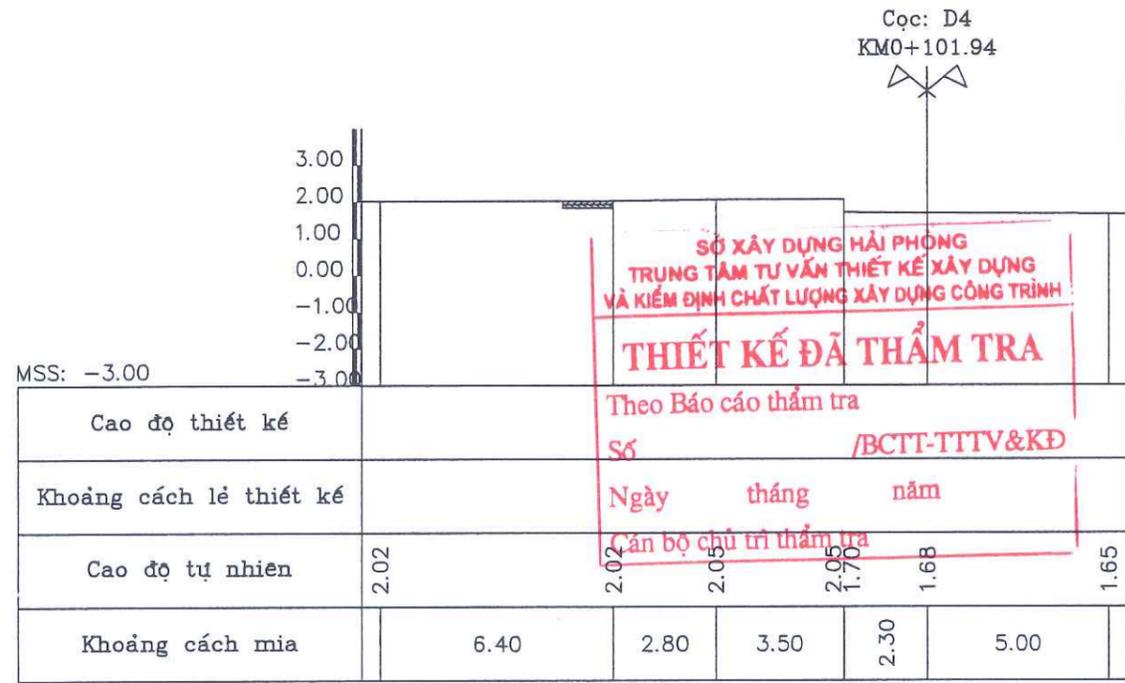
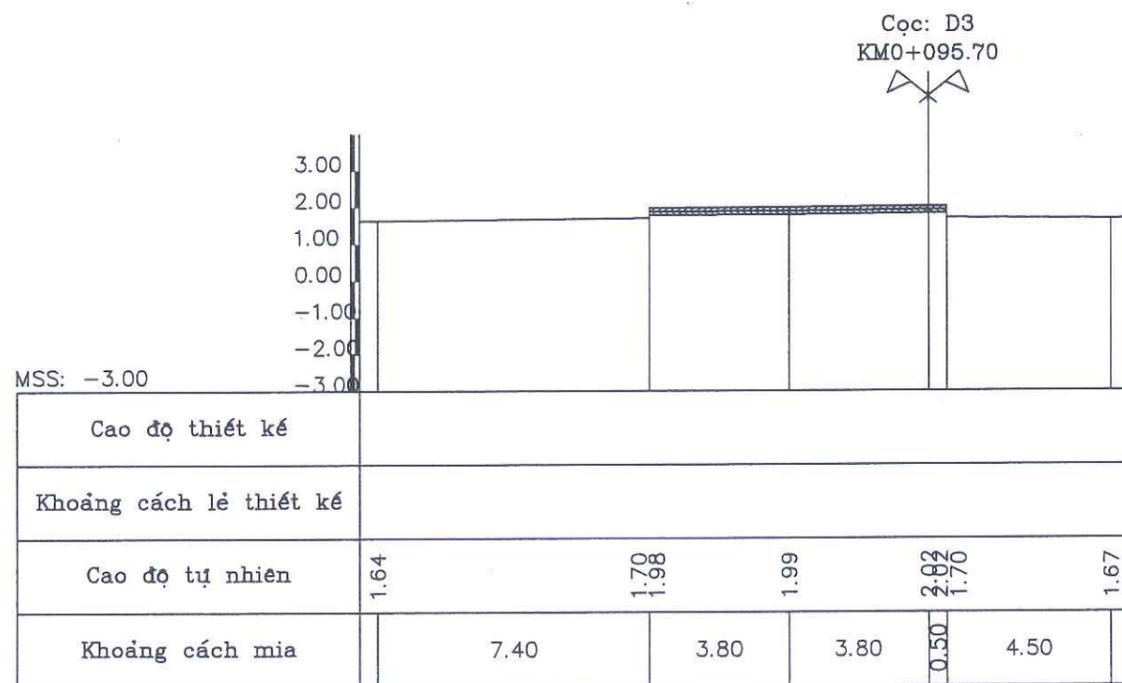
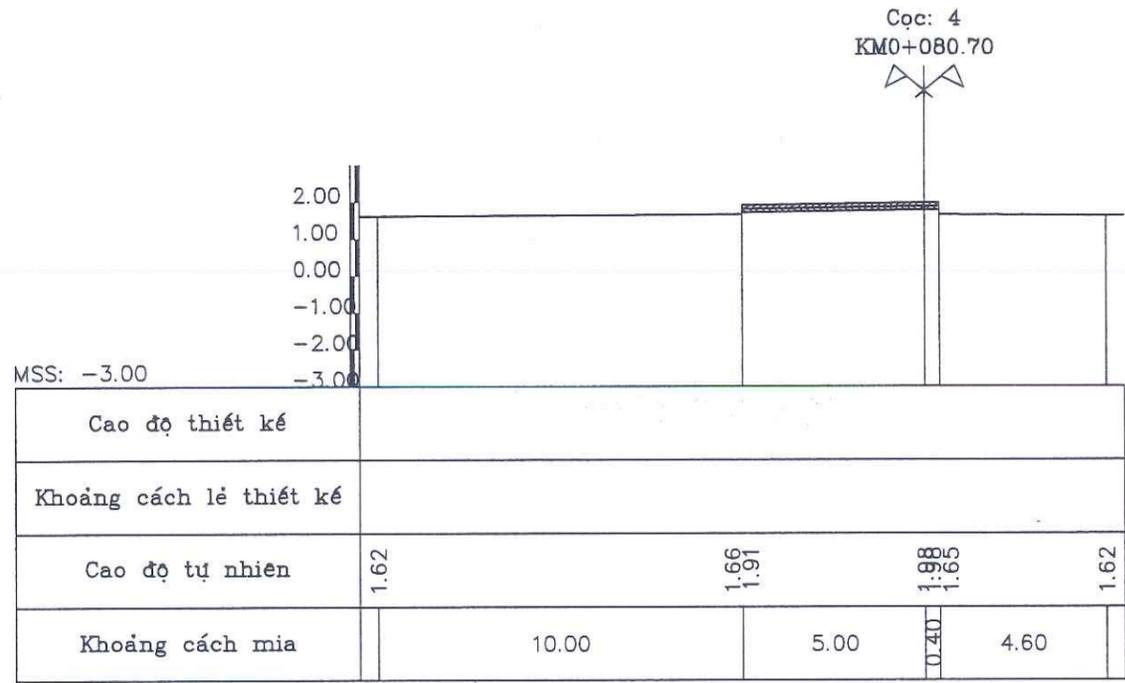
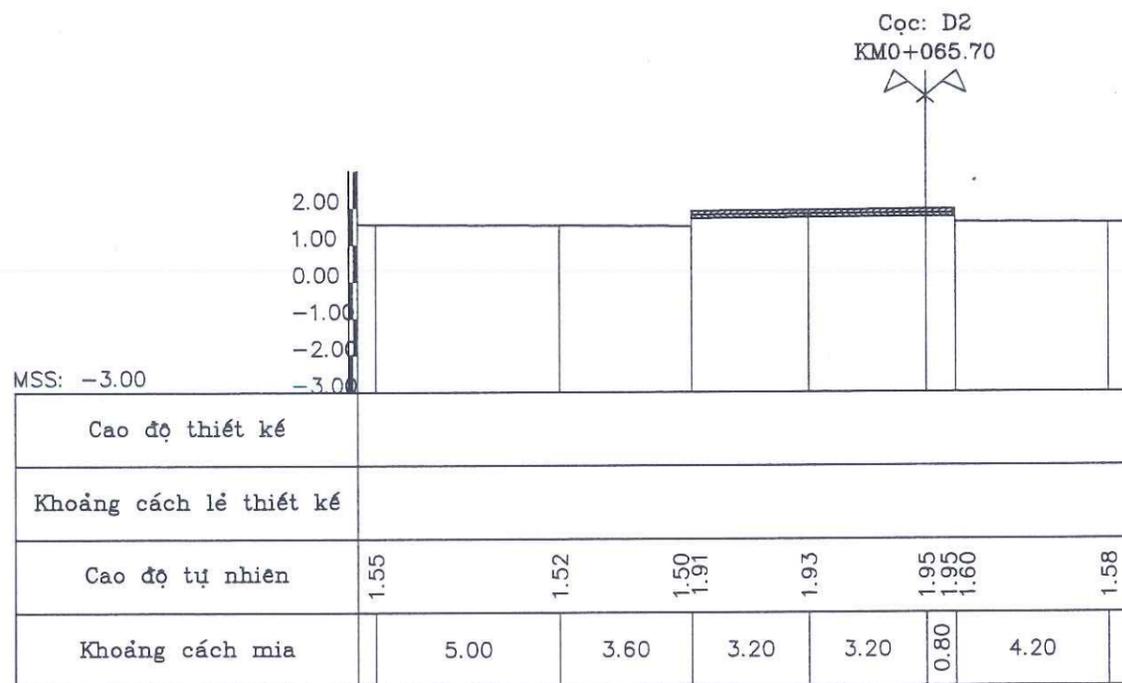
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỐ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 01**



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chịu trách nhiệm

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỊ TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỨNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẤT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẤM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỊ TRẦN ĐỊA DƯ BI
CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**

ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCI@VIETNAM.GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC TẬP THỂ: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRƯỞNG: PHẠM VĂN HOÀNG

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VE: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

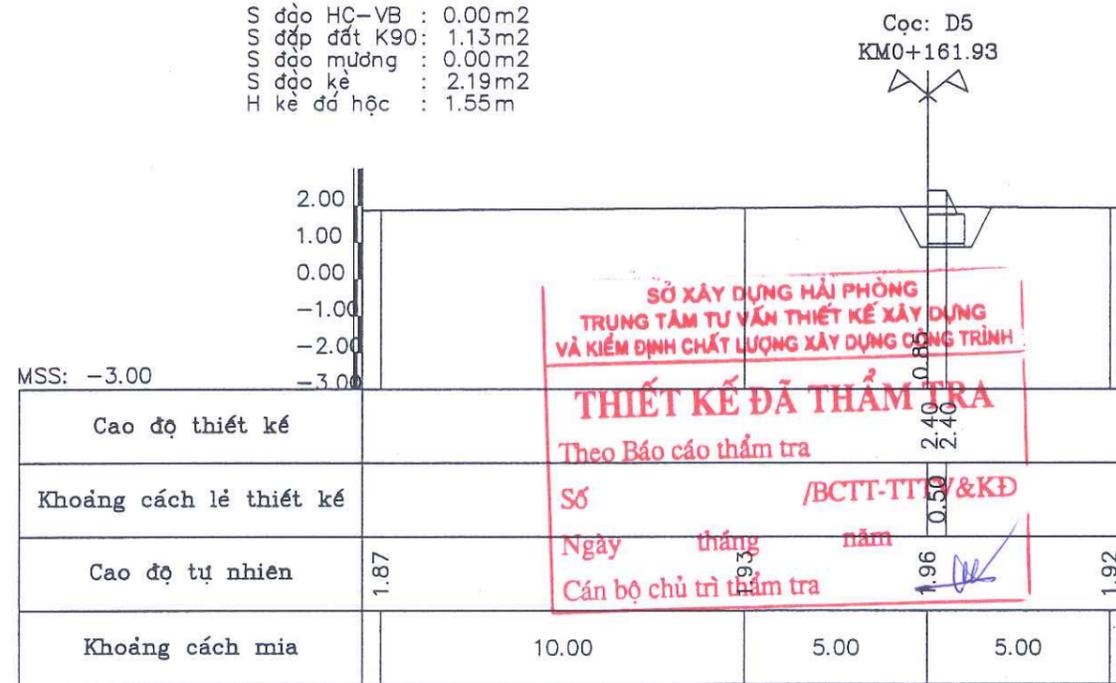
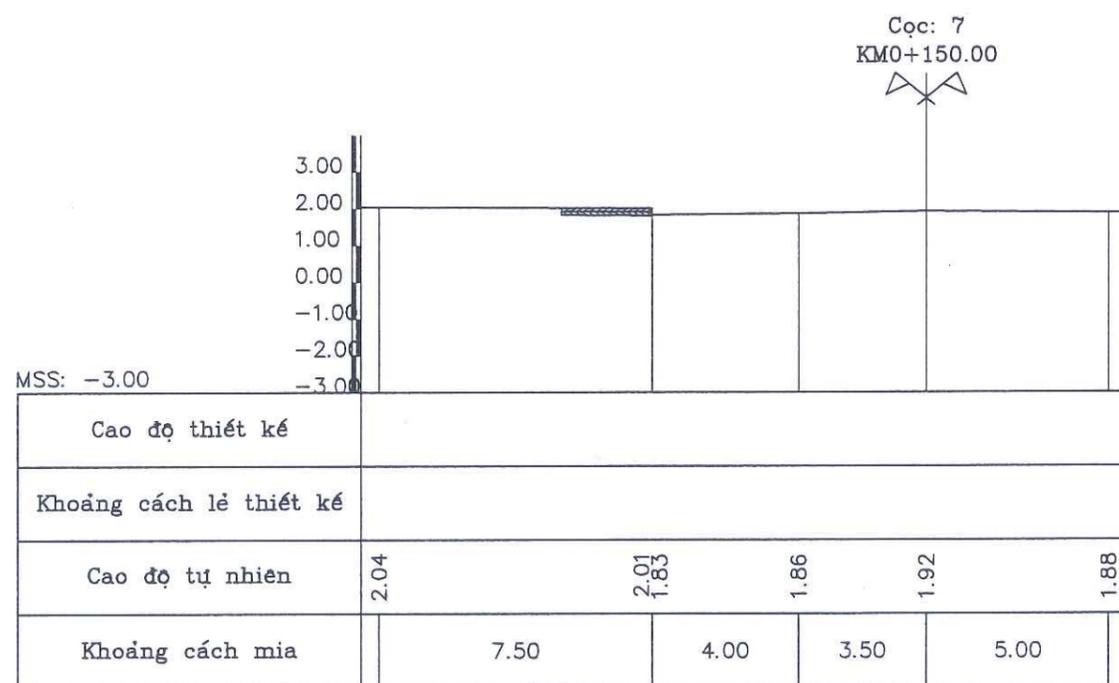
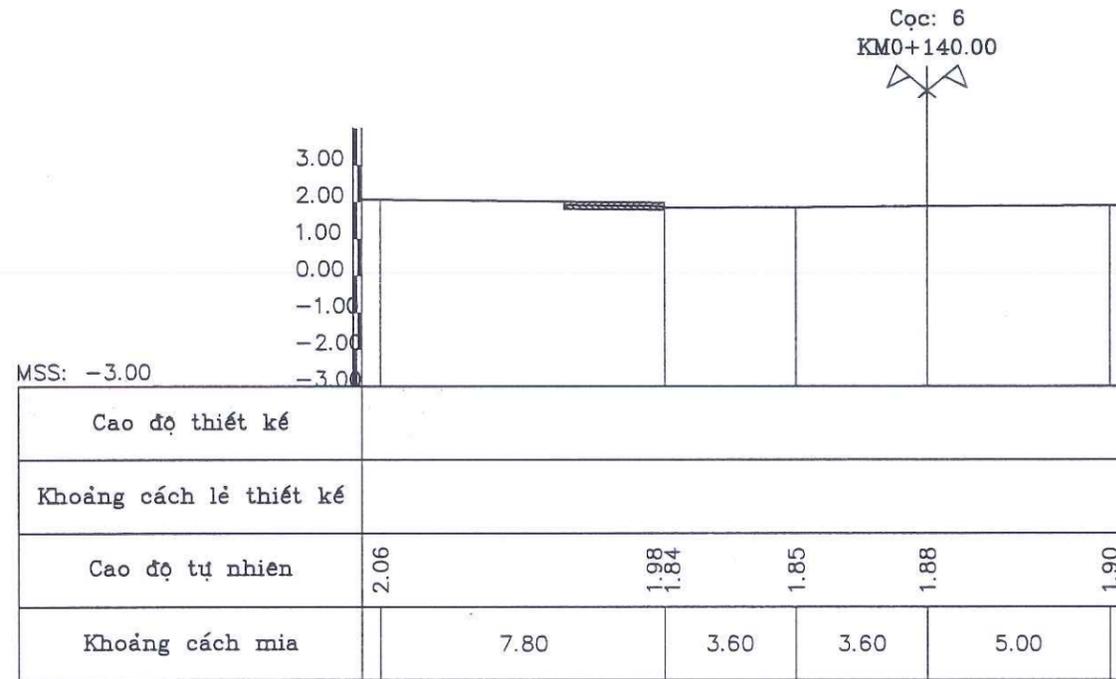
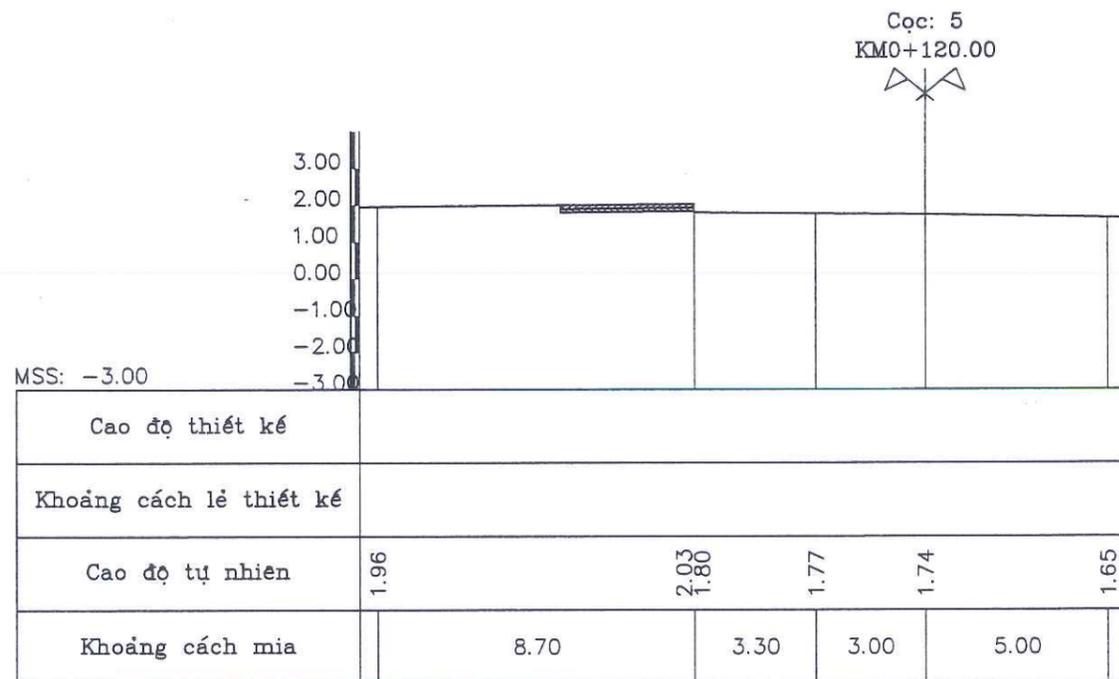
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 02



GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỊ TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÓ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỊ TRẦN ĐIA DỰ BỊ
CỦA ĐAI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCIVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

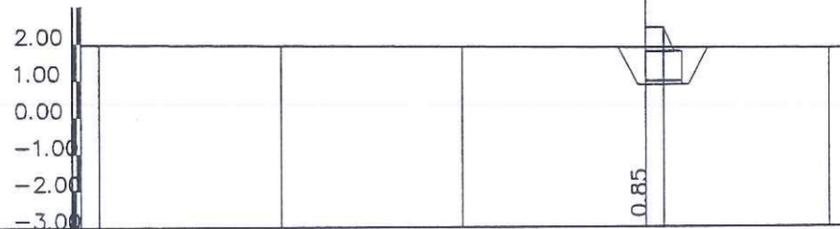
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 03

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TT&KĐ
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 0.96m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 1.95m²
 H kê đá học : 1.55m

Cọc: 8
 KMO+180.00

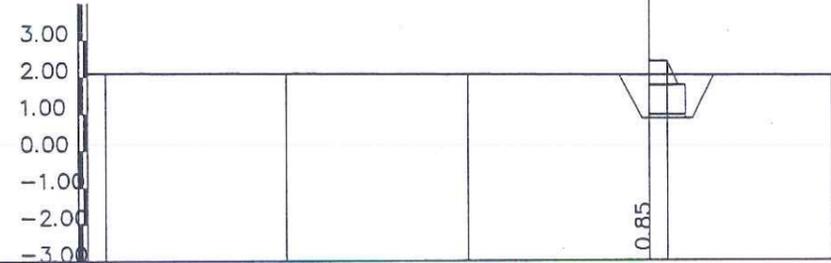


MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.96	1.93	1.90	1.86	1.84
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.27m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 2.38m²
 H kê đá học : 1.55m

Cọc: H2=9
 KMO+200.00

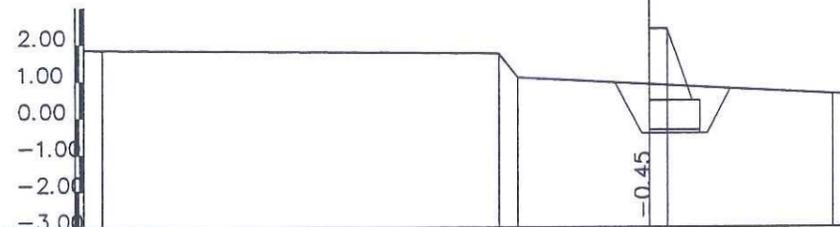


MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	2.10	2.08	2.06	2.03	2.01
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.52m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 3.23m²
 H kê đá học : 2.85m

Cọc: 10
 KMO+220.00



MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.85	1.74	1.08	0.89	0.62
Khoảng cách mìa	10.90	0.50	3.60	5.00	

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.54m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 1.10m²
 H kê đá học : 2.85m

Cọc: 11
 KMO+240.00



MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lề thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.77	1.70	0.83	0.15	0.75
Khoảng cách mìa	7.10	0.50	3.50	3.90	3.10

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTV&KĐ
 Ngày tháng năm
 Căn cứ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI
 CỦA ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

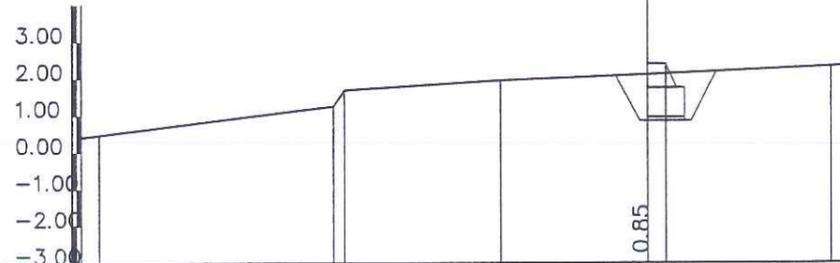
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỐ GIẤY: A3 **HOÀN THÀNH: /2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 04**

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.49m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 2.66m²
 H kê đá hộc : 1.55m

Cọc: 12
 KM0+260.00

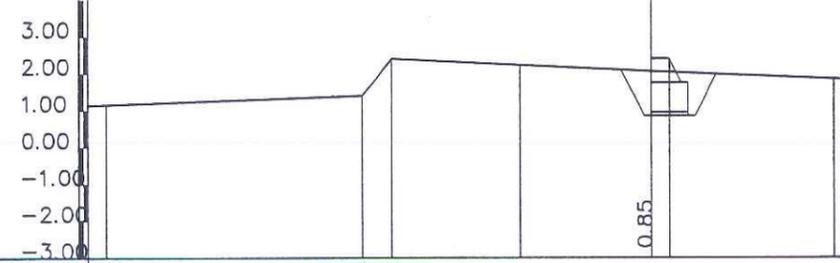


MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	0.47	1.25 1.69	1.95	2.11	2.33
Khoảng cách mia	6.40	0.30	4.30	4.00	5.00

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.30m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 2.41m²
 H kê đá hộc : 1.55m

Cọc: 13
 KM0+280.00

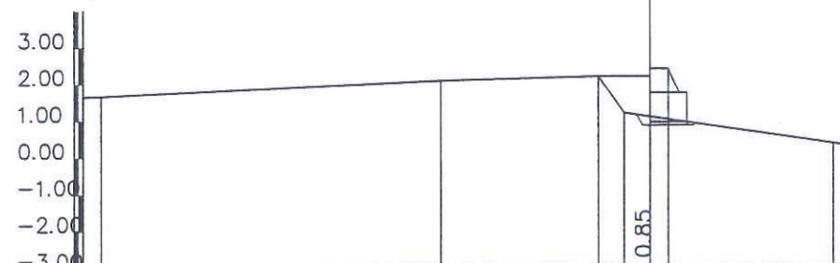


MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.16	1.40 2.40	2.23	2.06	1.85
Khoảng cách mia	7.00	0.80	3.60	3.60	5.00

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.18m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 0.27m²
 H kê đá hộc : 1.55m

Cọc: H3=14
 KM0+300.00

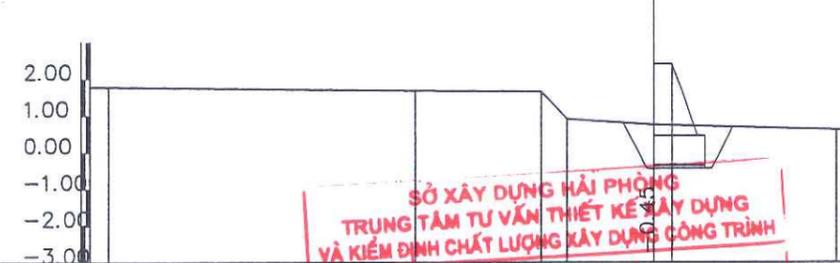


MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.68	2.09	2.20 1.20 1.10	2.40	0.36
Khoảng cách mia	9.30	4.30	0.70 0.70	5.00	

S độ HC-VB : 0.00m²
 S độ đất K90: 1.29m²
 S độ mường : 0.00m²
 S độ kê : 2.86m²
 H kê đá hộc : 2.85m

Cọc: 15
 KM0+320.00



MSS: -3.00

Cao độ thiết kế	2.40				
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.50				
Cao độ tự nhiên	1.78	1.65 0.90	0.75	2.40	0.61
Khoảng cách mia	8.40	3.50	0.70	2.40	5.00

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTV&KD
 Ngày 1.68 tháng 1.65 năm 2024
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỒI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỒI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI@GMAIL.COM
 HOTLINE: 094.335.155

GIÁM ĐỐC CHẤM
 TƯ VẤN ĐẦU TƯ
 KAY DUNG CÔNG TRÌNH
 K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
 PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ
 PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA
 THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

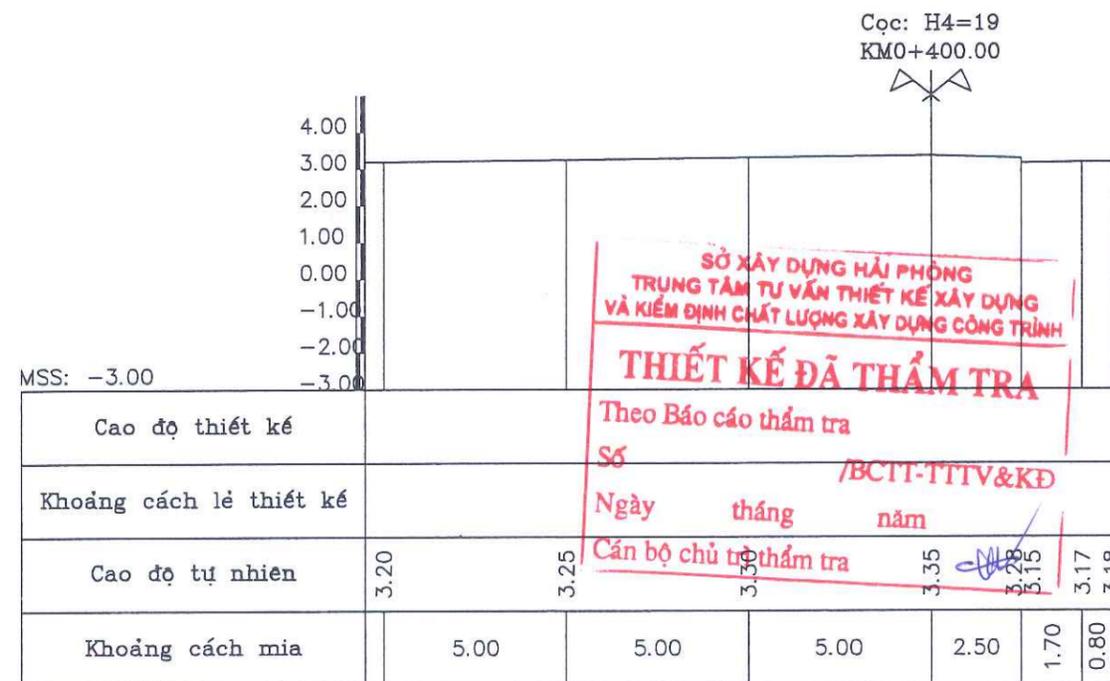
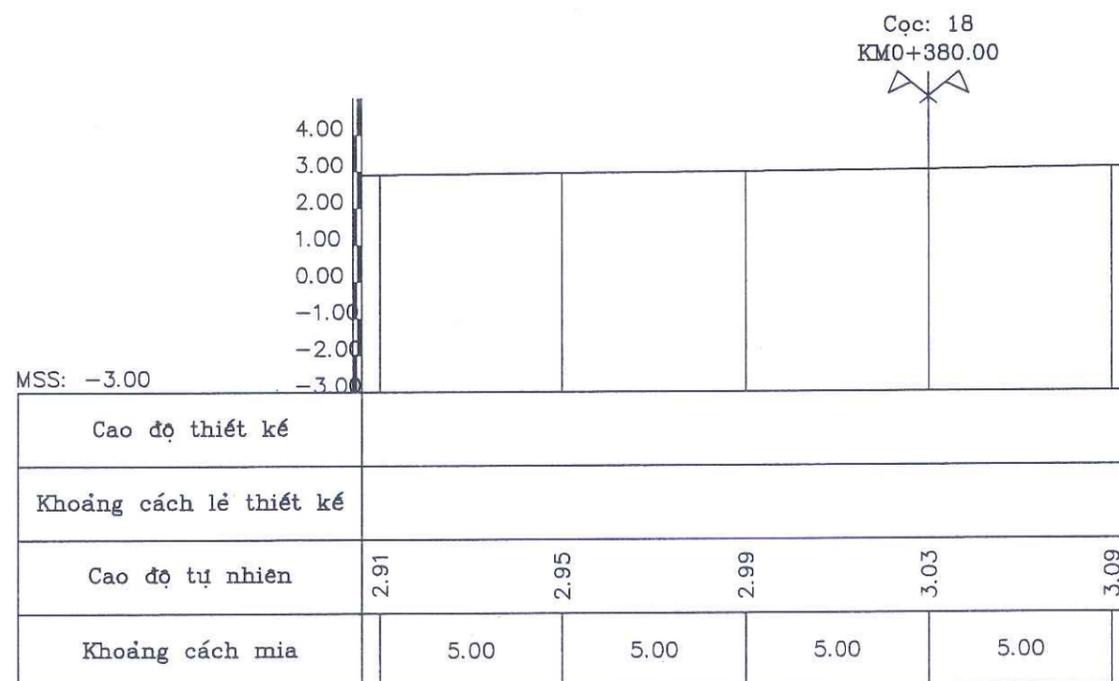
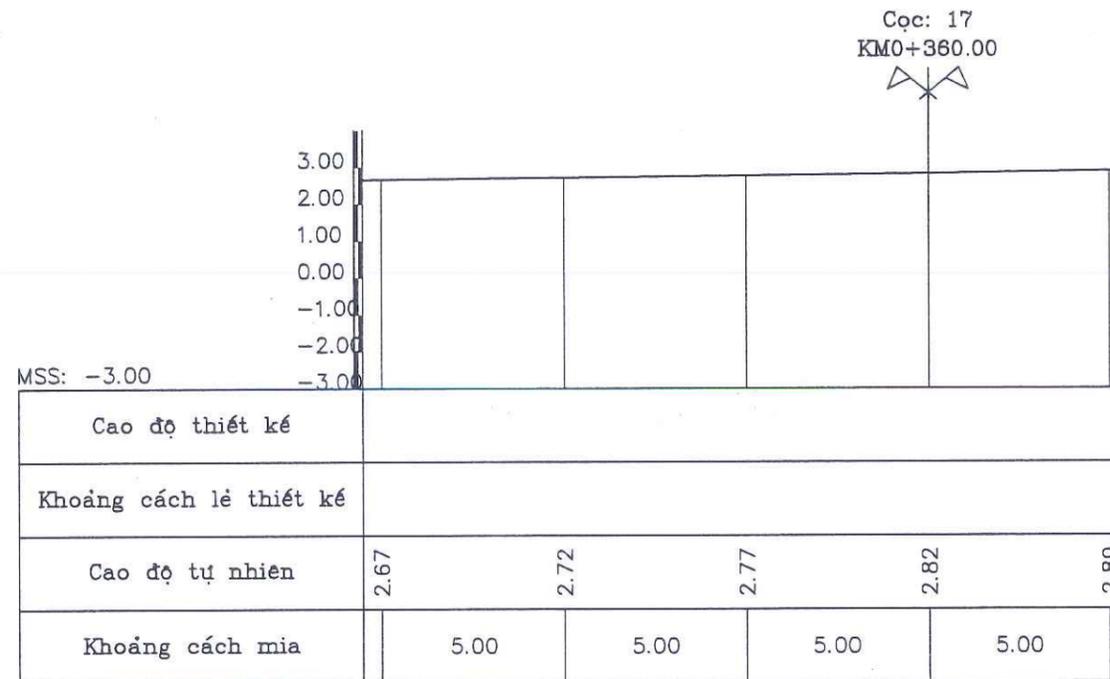
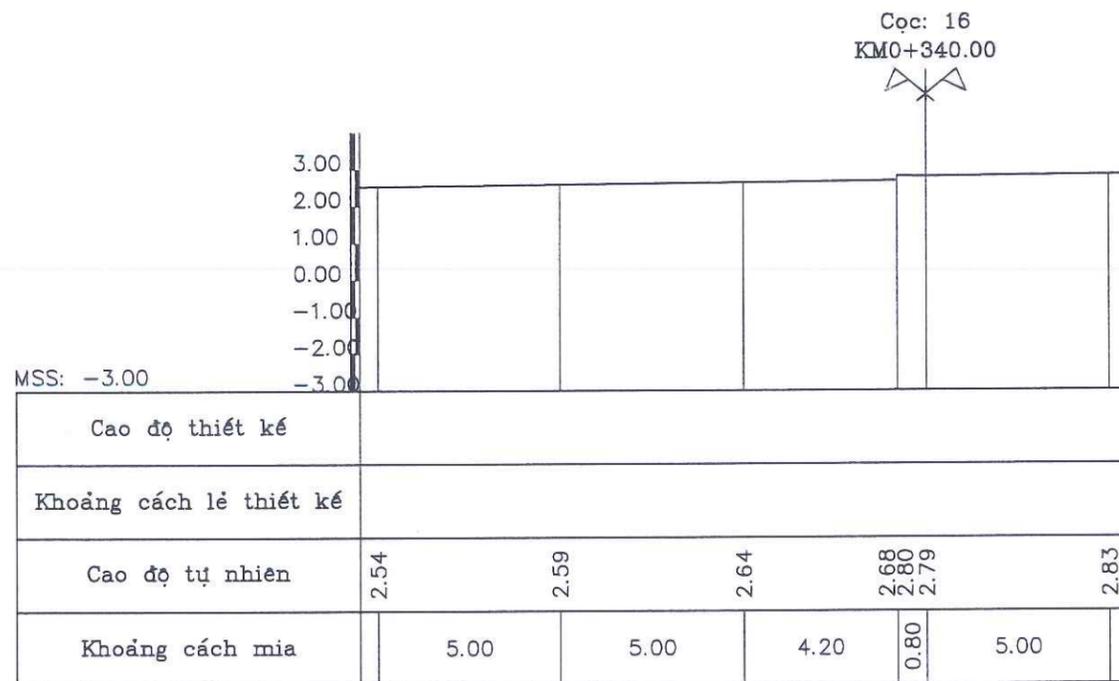
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
 ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ
 TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ
 TK/BCVS

KHỔ GIẤY: A3
 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ
 TNCT- 05



SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
Số **/BCTT-TTTV&KD**
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỚI TRẦN ĐÌNH DUY CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG - KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỚI TRẦN ĐÌNH DUY CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/86 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCIVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.935.185

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH**

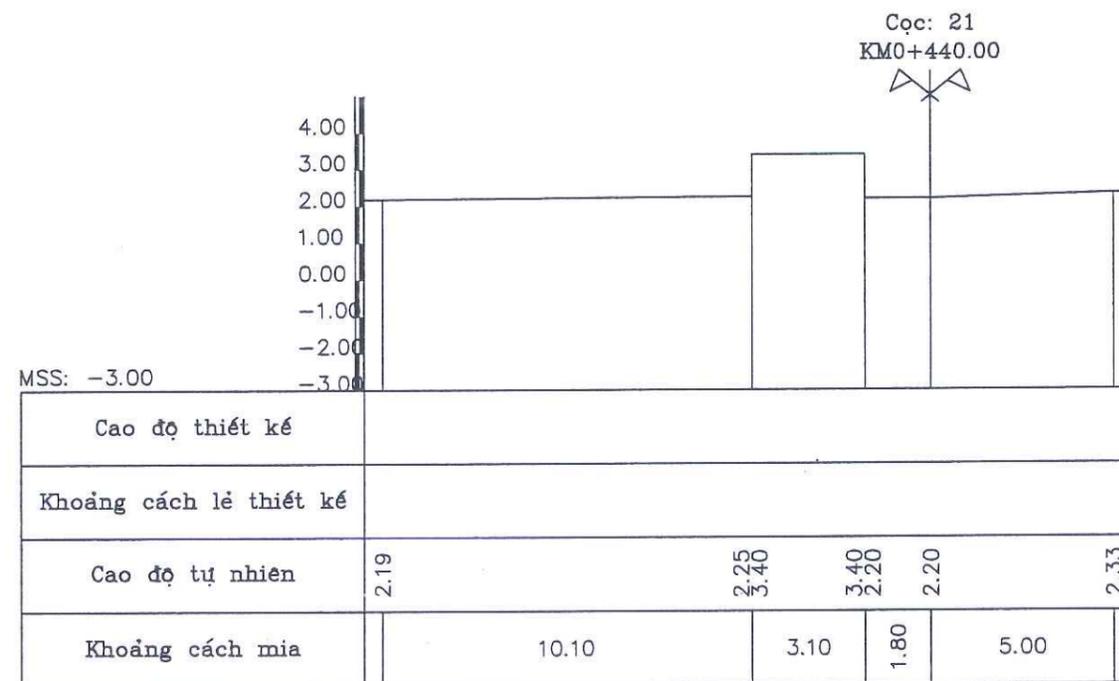
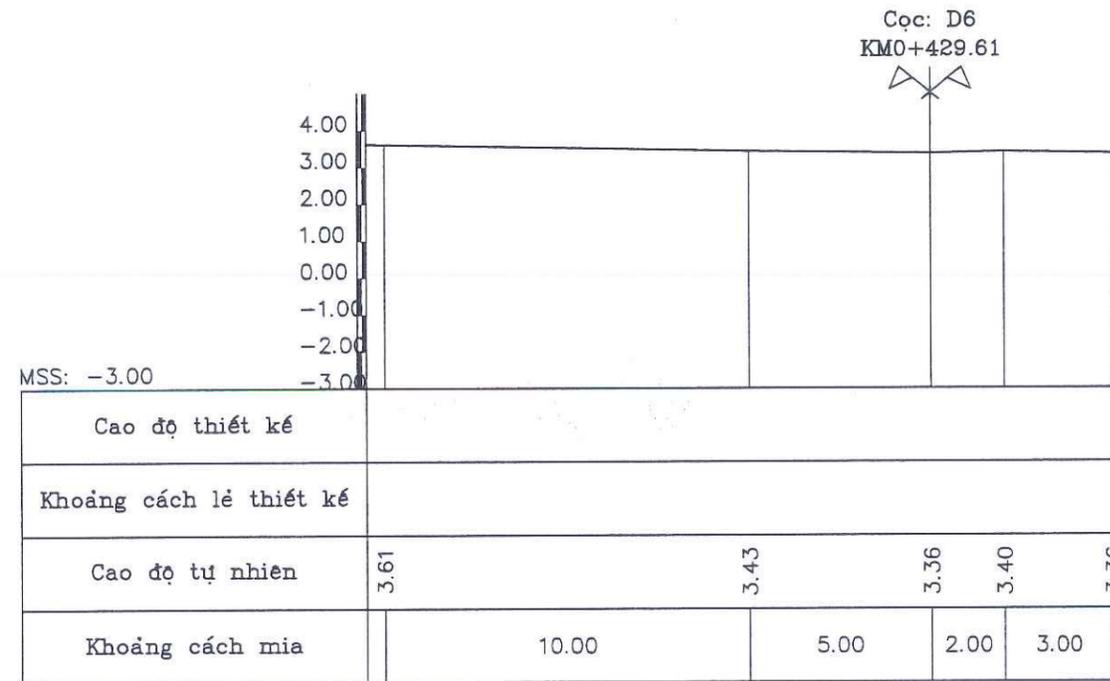
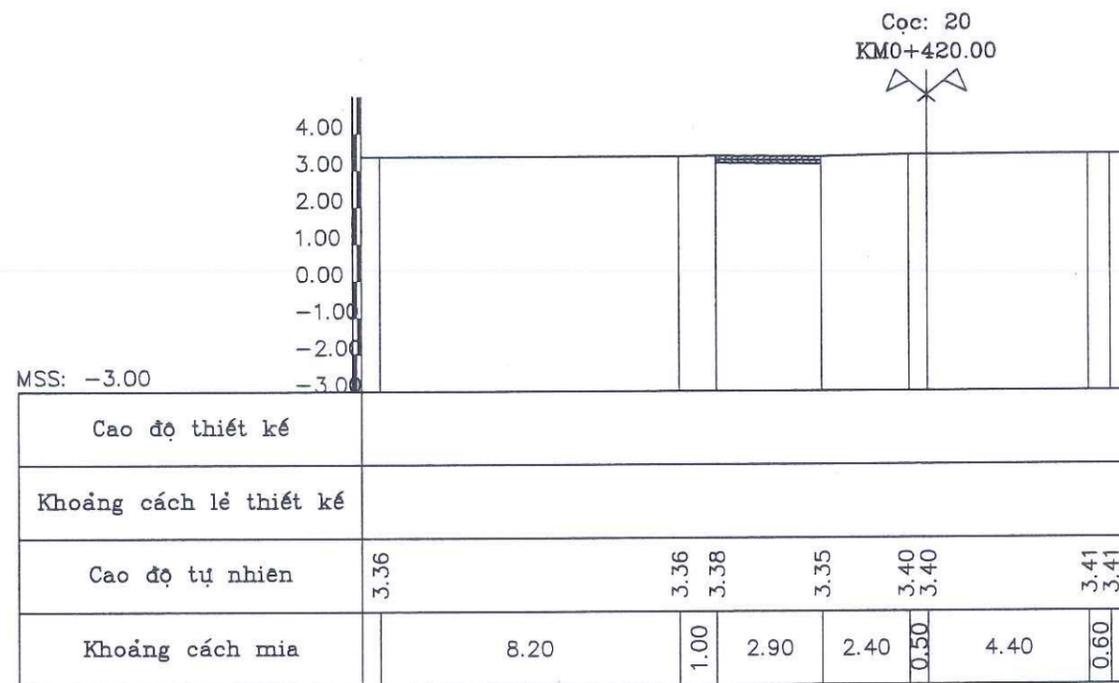
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TĐBVCS**

KHỔ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 06**



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỘI TRẦN ĐỊA DUY BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẮT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DUY BỊ
CỦA ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@SMAL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

CÔNG TY
CỔ PHẦN
KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: TH.S. NGUYỄN VĂN MINH

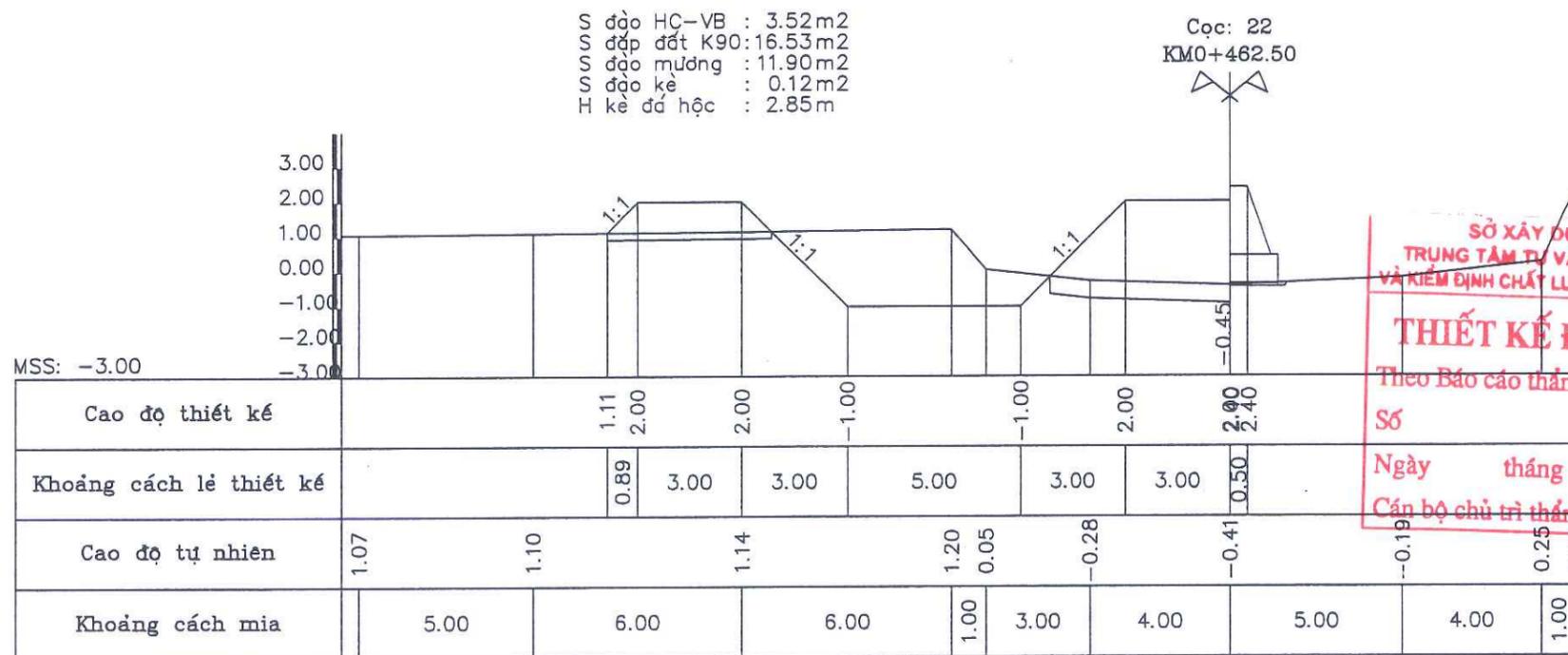
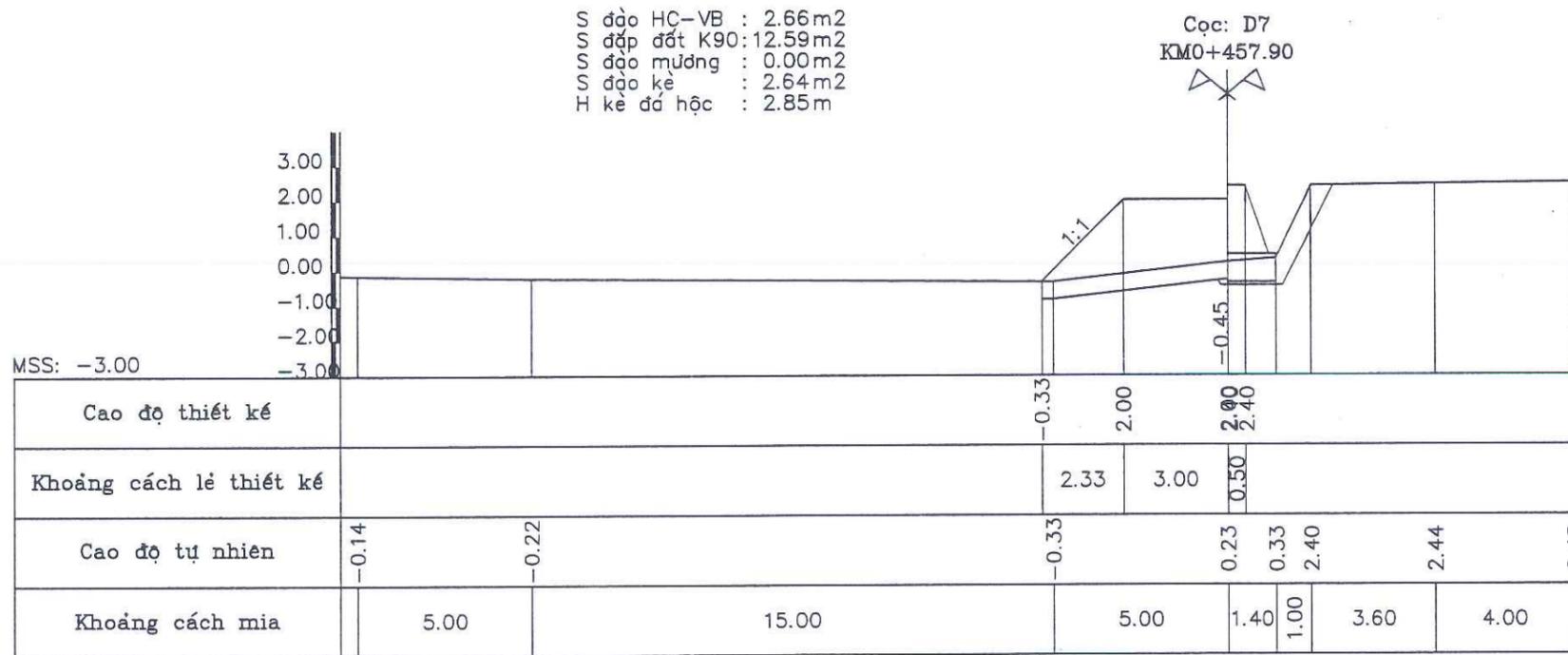
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 07



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG**

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUÂN CHỨNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẤT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BÁC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ
 CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUẬN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCI.VIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.156

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

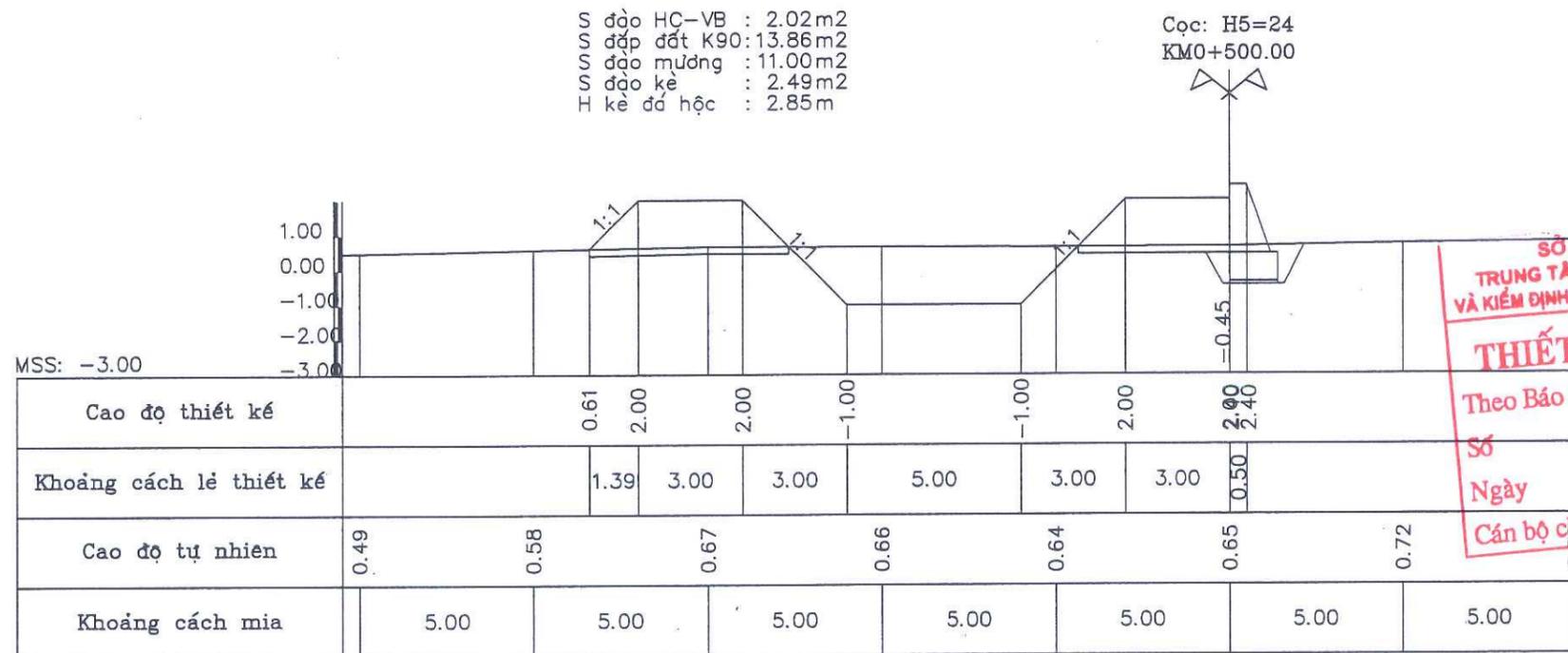
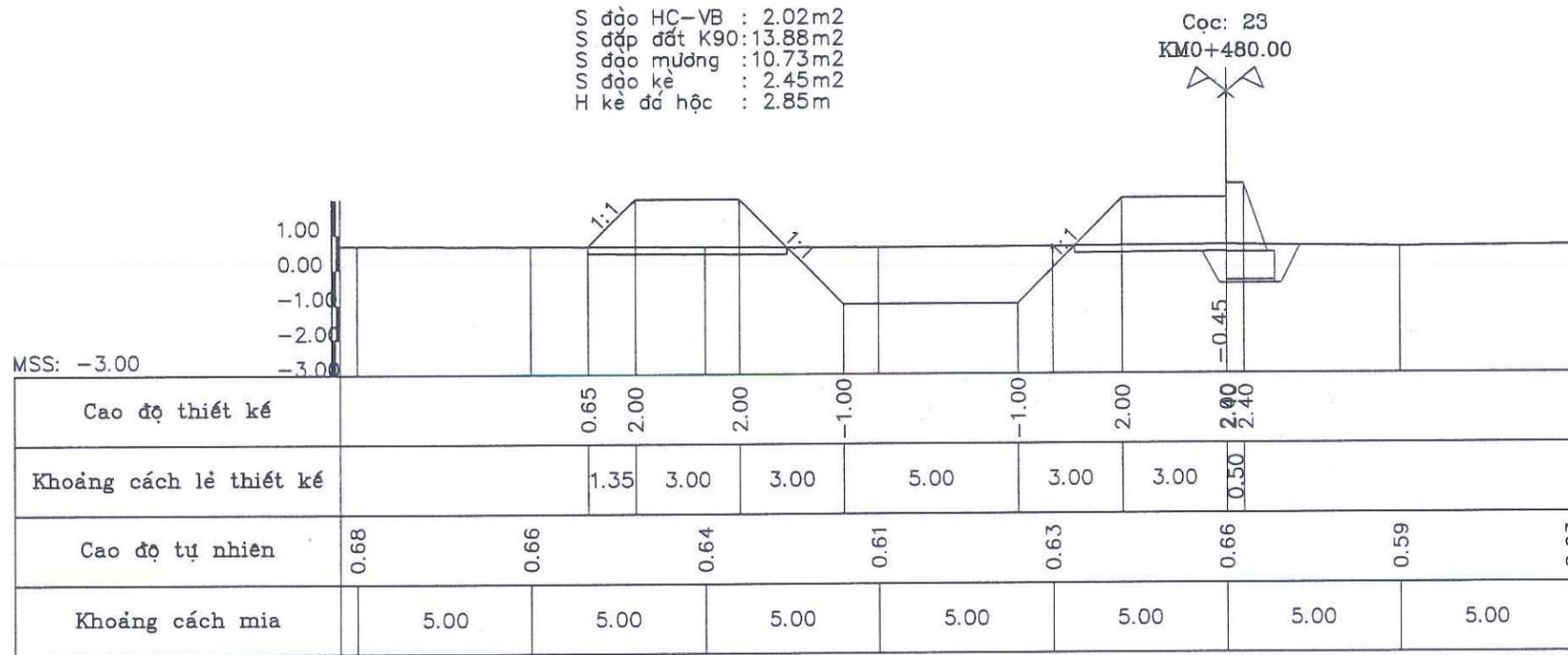
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **TRẮC NGANG CHI TIẾT**

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TRBVCS**

KHỐ GIẤY: A3 **HOÀN THÀNH: /2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 08**



SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
 Số _____
 Ngày _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra _____

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỪNG HÀI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DƯ BI CỦA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DƯ BI CỦA ĐAI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HÀI PHÒNG
 EMAIL: LUCIVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

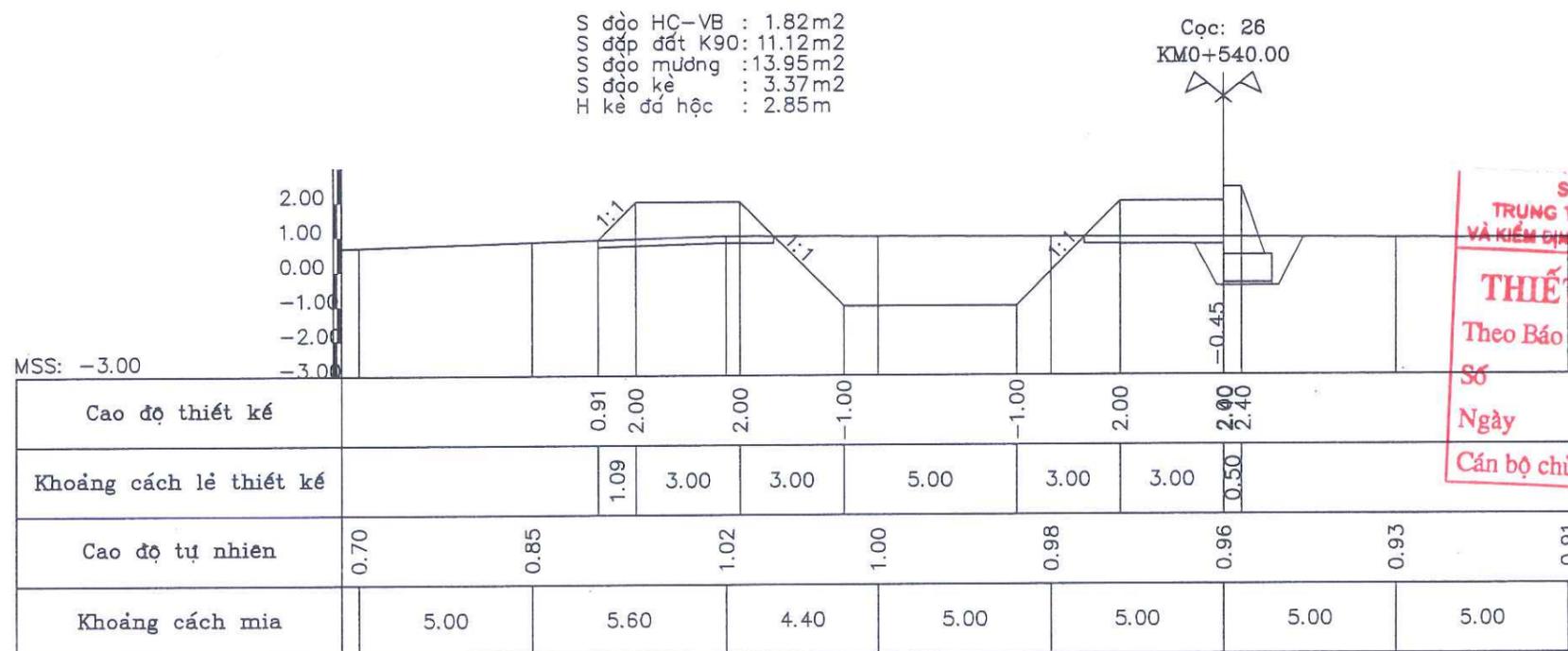
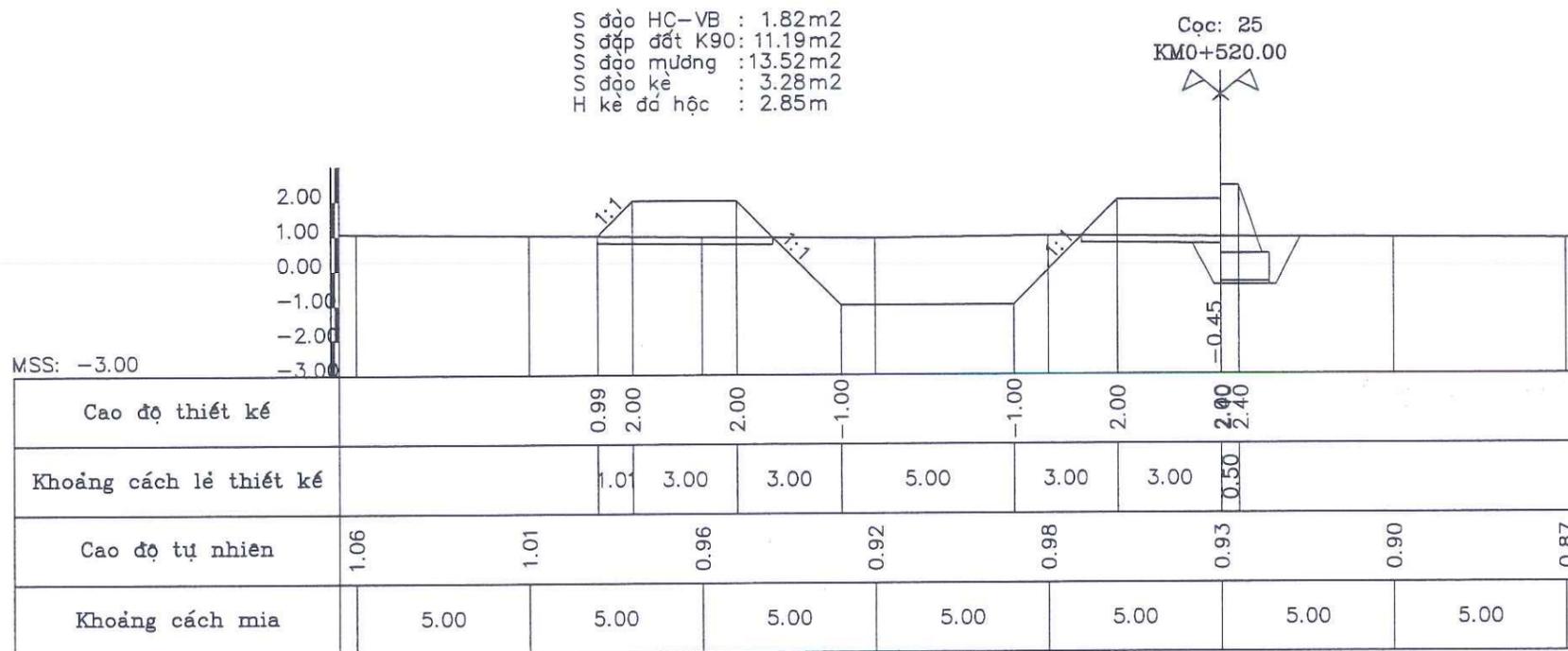
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỐ GIẤY: **A3** HOÀN THỈNH: **/2024**

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **TNCT- 09**



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẬT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI
 CỦA ĐAI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGỘ QUYỀN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCIVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH

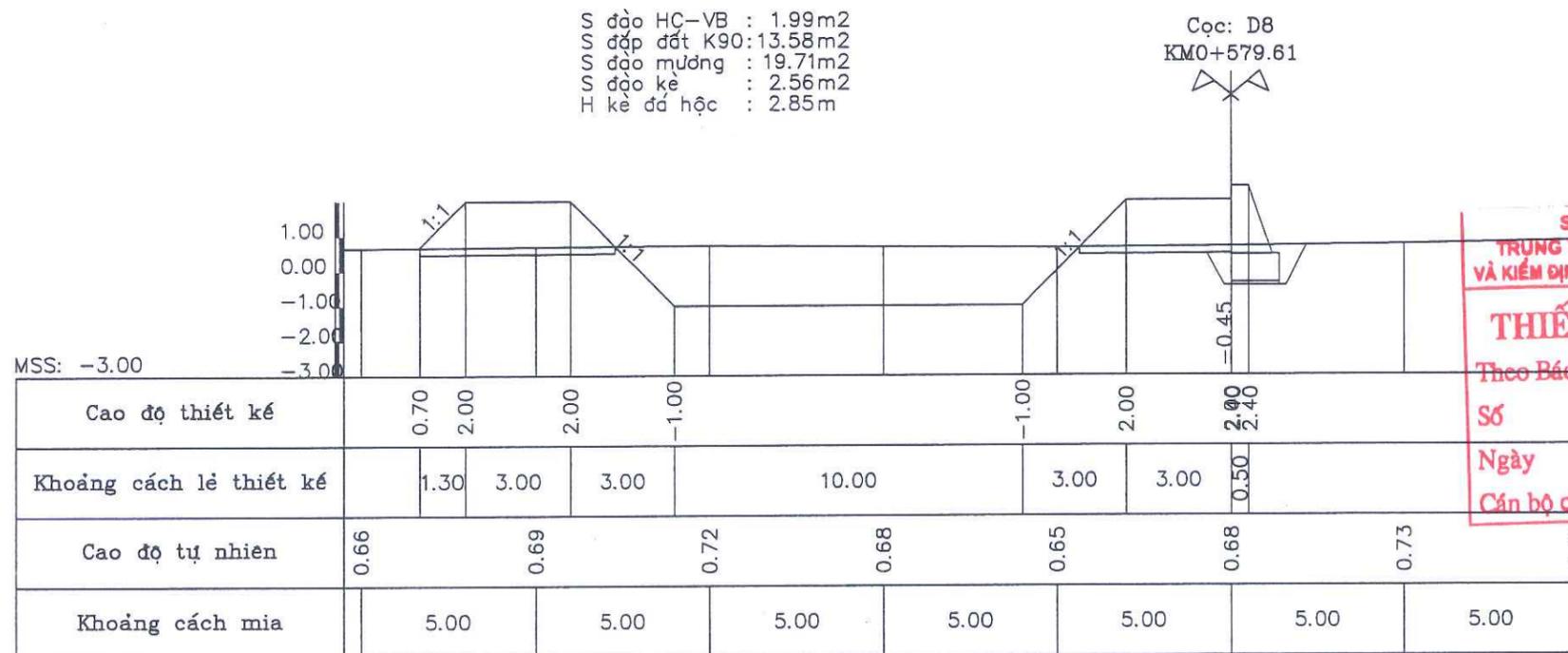
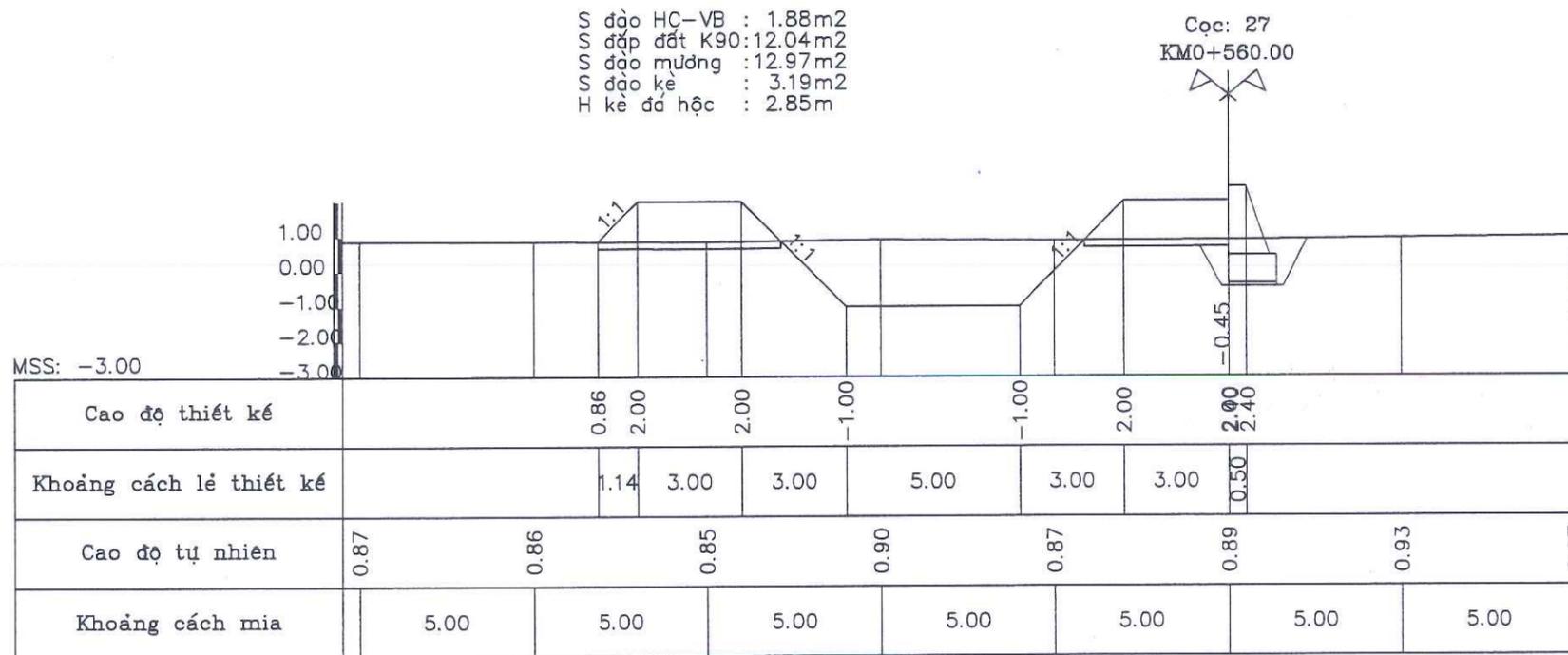
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 10



SỞ XÂY DỰNG HÀ PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HÀ PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT
 BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỠI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:
 HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ
 CỦA ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ**



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝN, HÀ PHÒNG
 EMAIL: LUCI@VIETNAM8GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.536.155

GIÁM ĐỐC: Ks. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

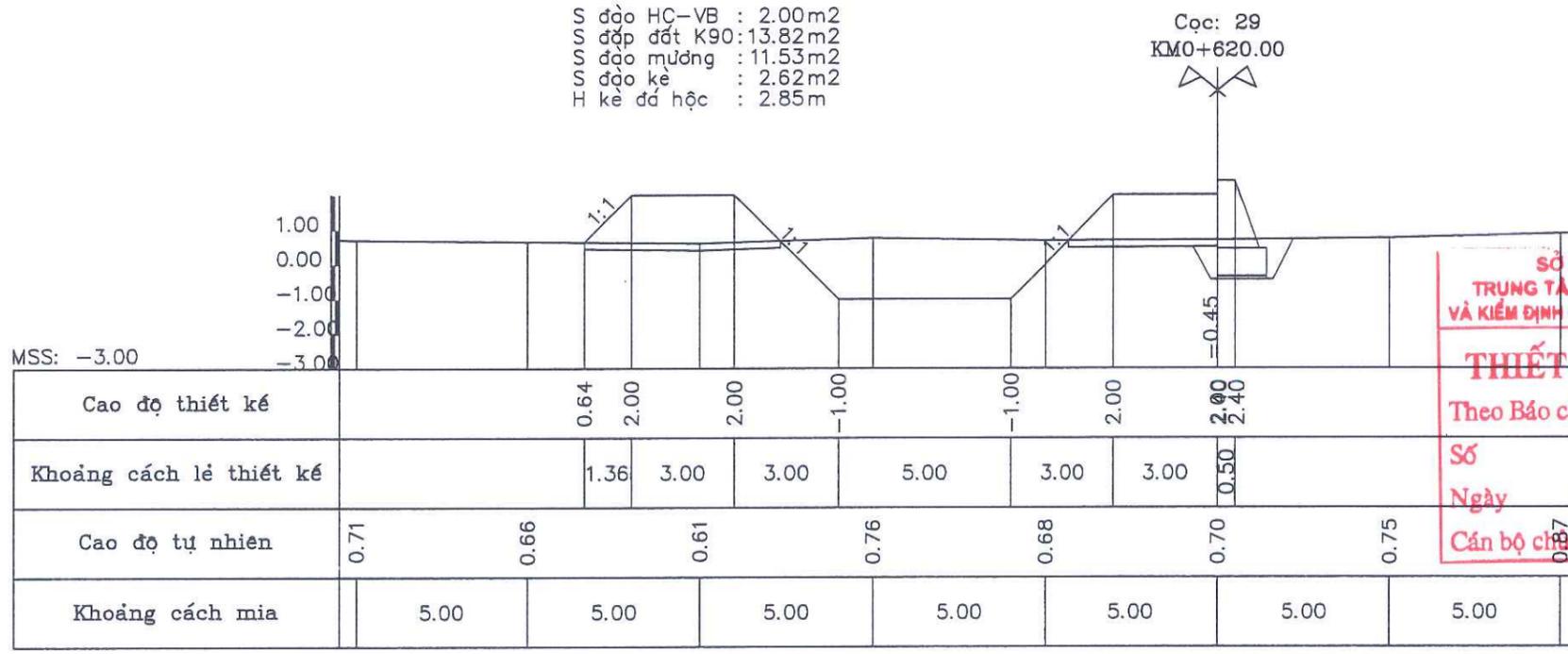
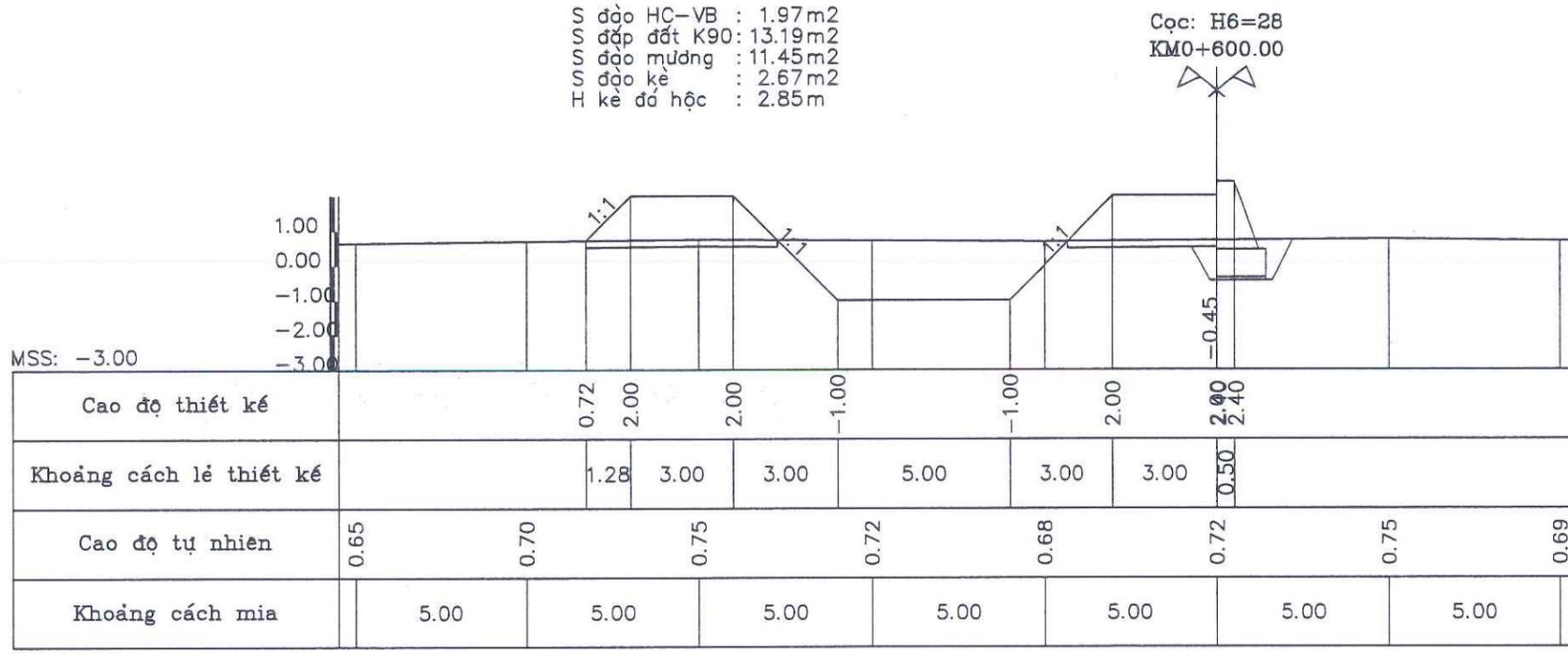
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 11

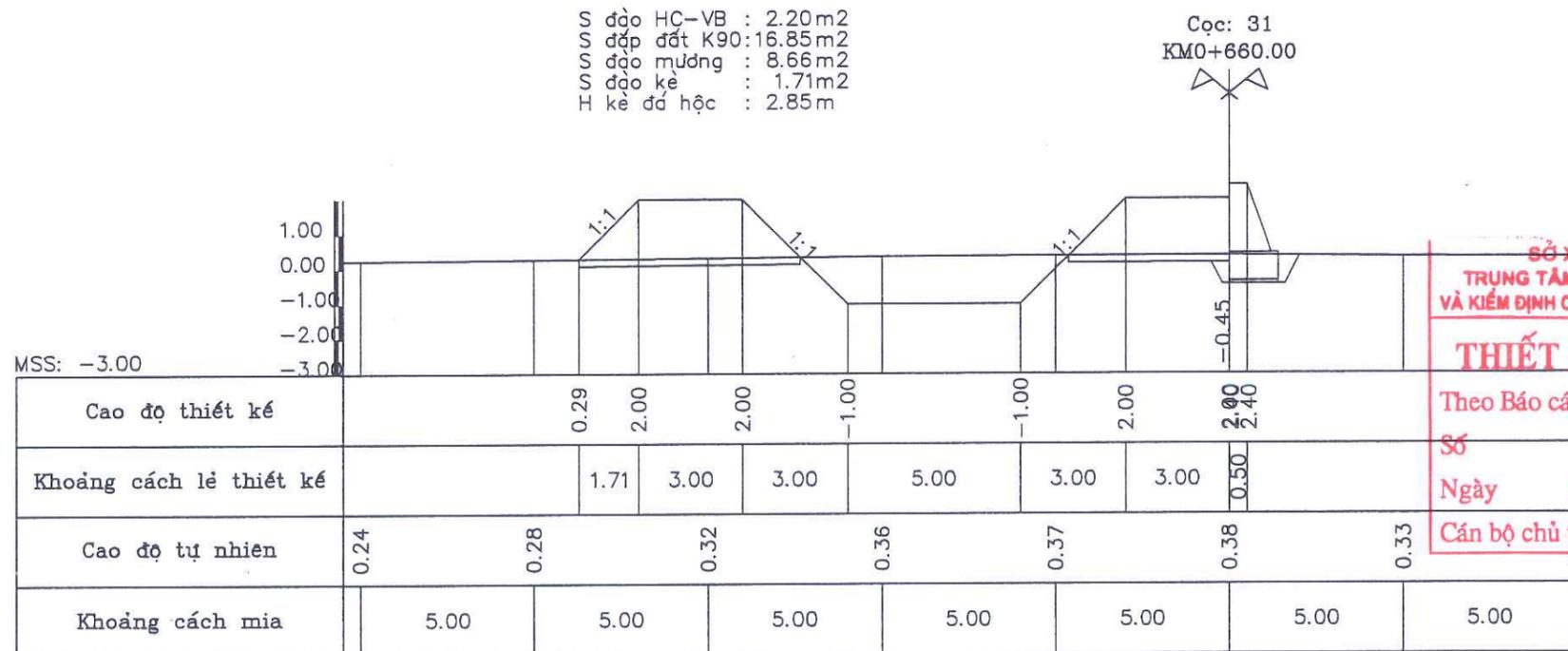
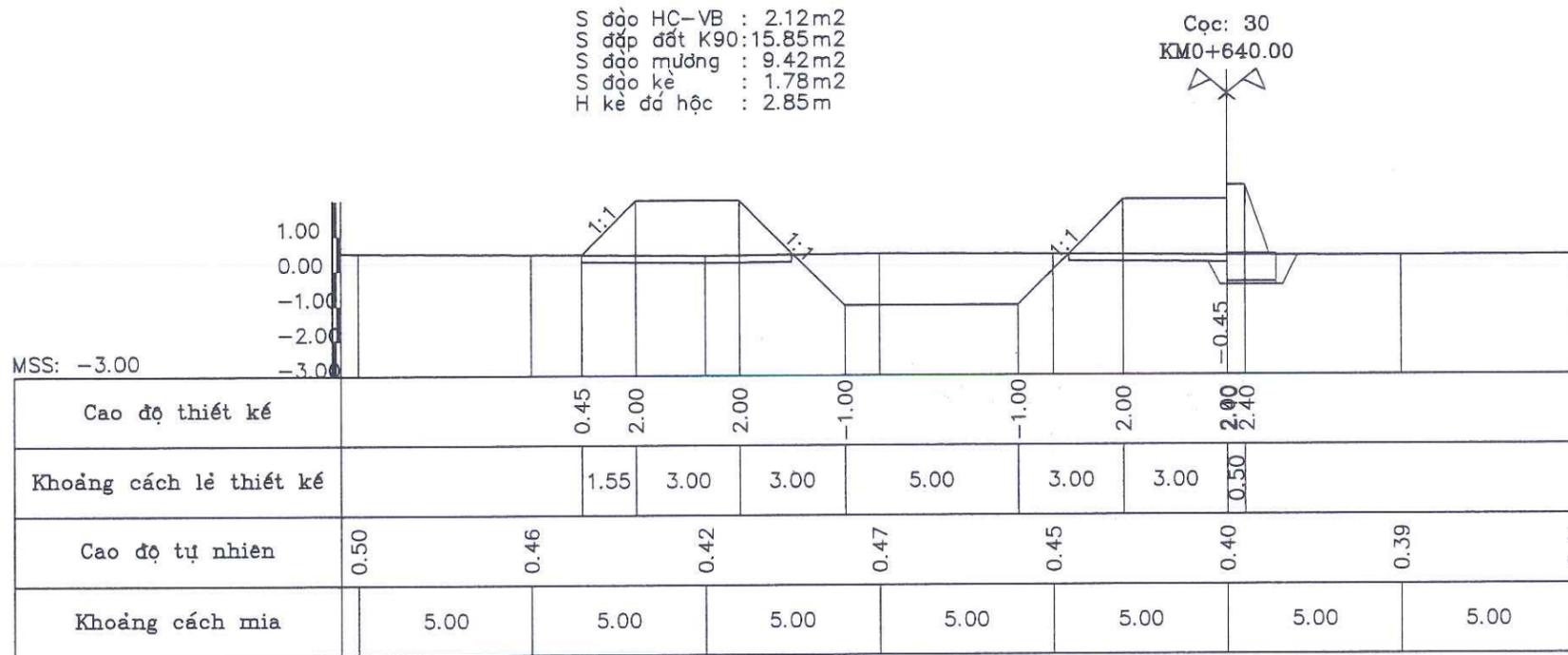


SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra

Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chịu trách nhiệm thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝN, HẢI PHÒNG EMAIL: IUGVIENAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0906.535.195	
GIÁM ĐỐC PHÂN TỬ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVC5
KHỐ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 12

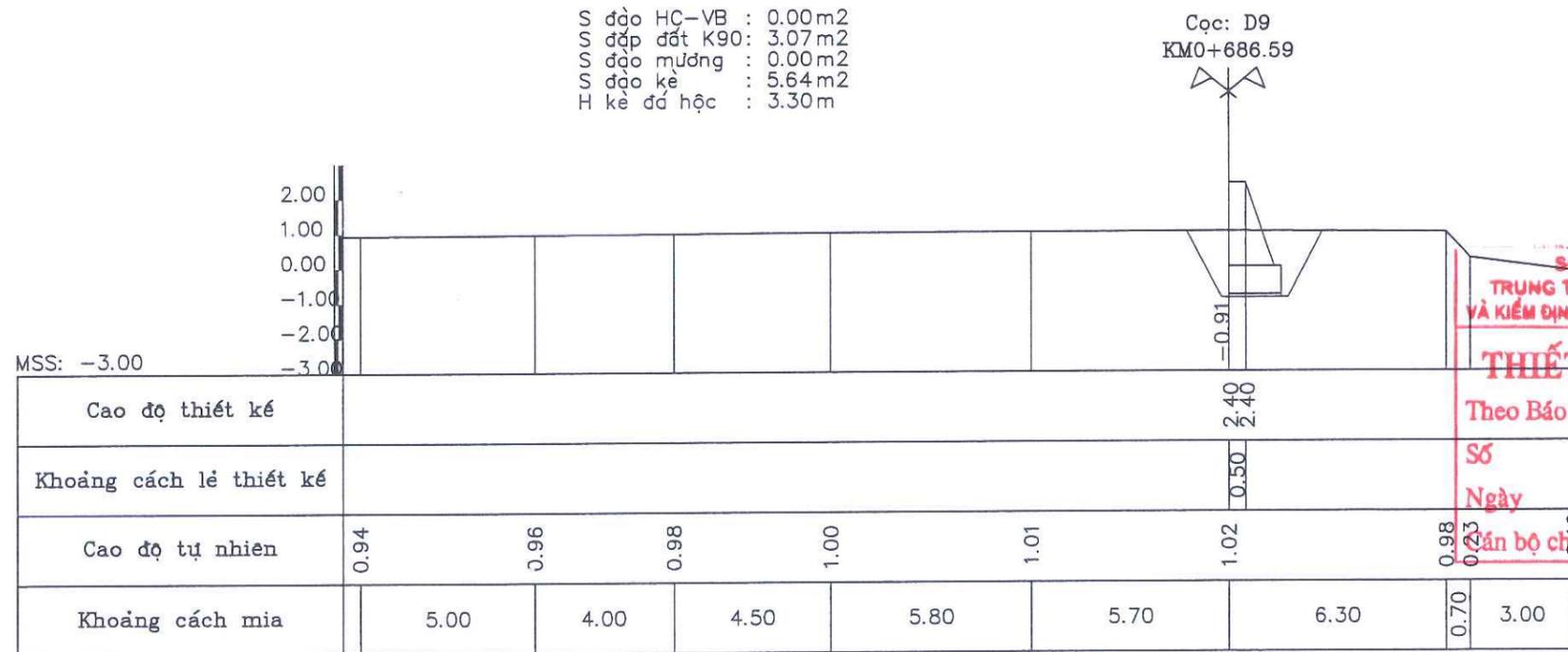
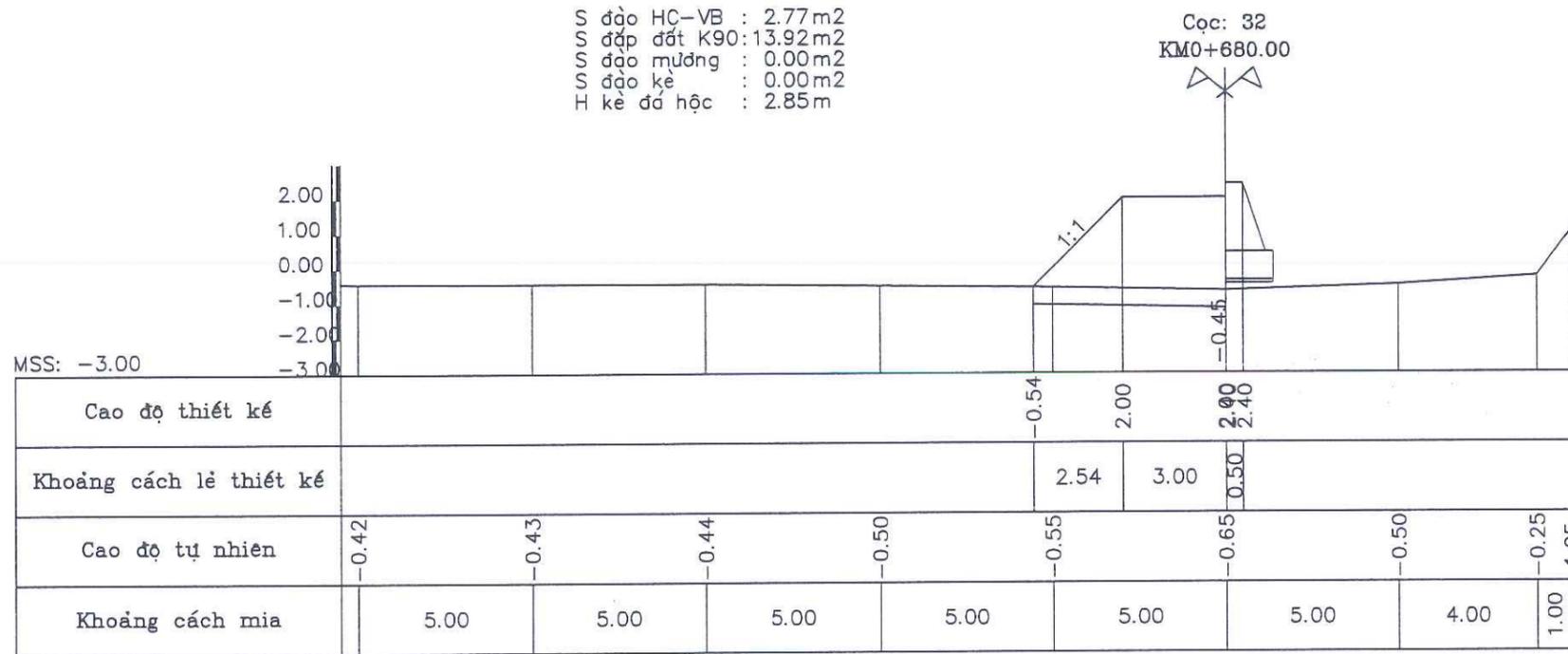


SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KD
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DUNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐỘI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG EMAIL: IUCI@VIETNAM9.COM HOTLINE: 0906.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRƯỞNG	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỐ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 13

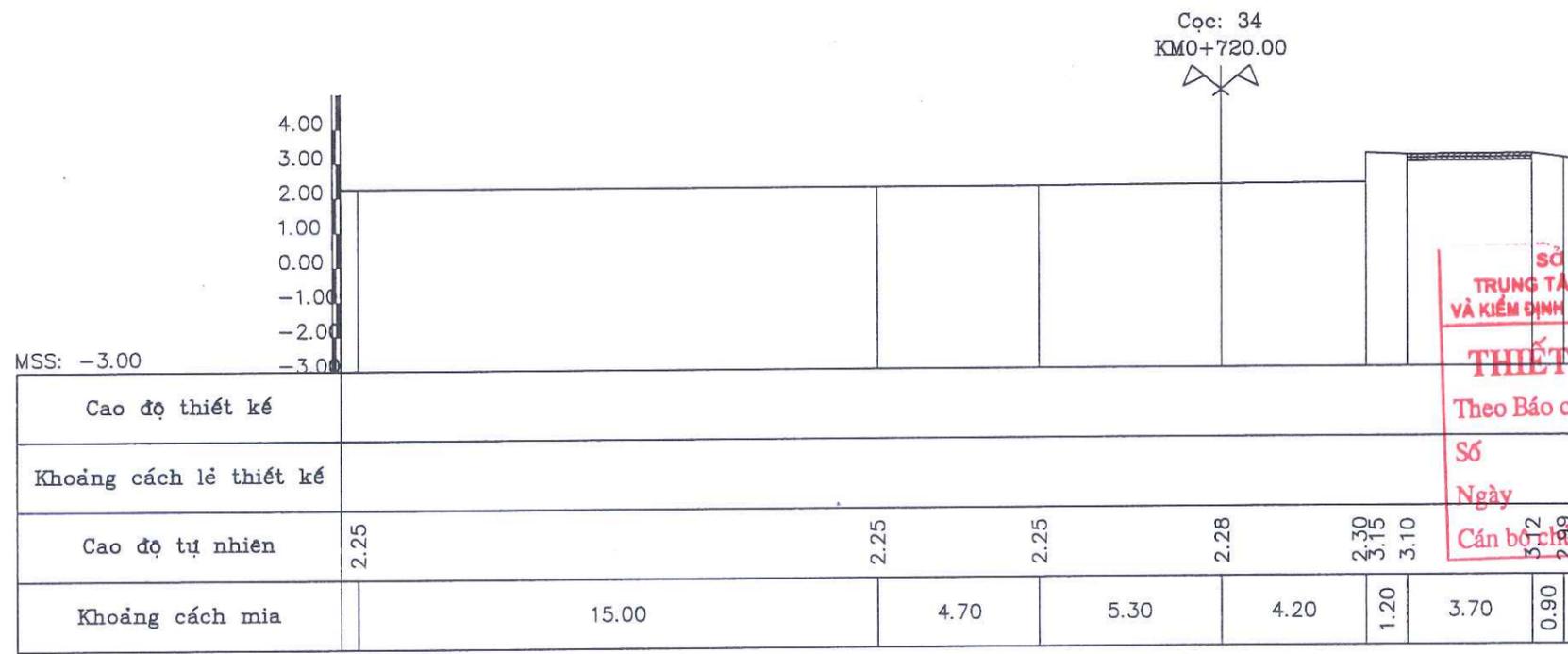
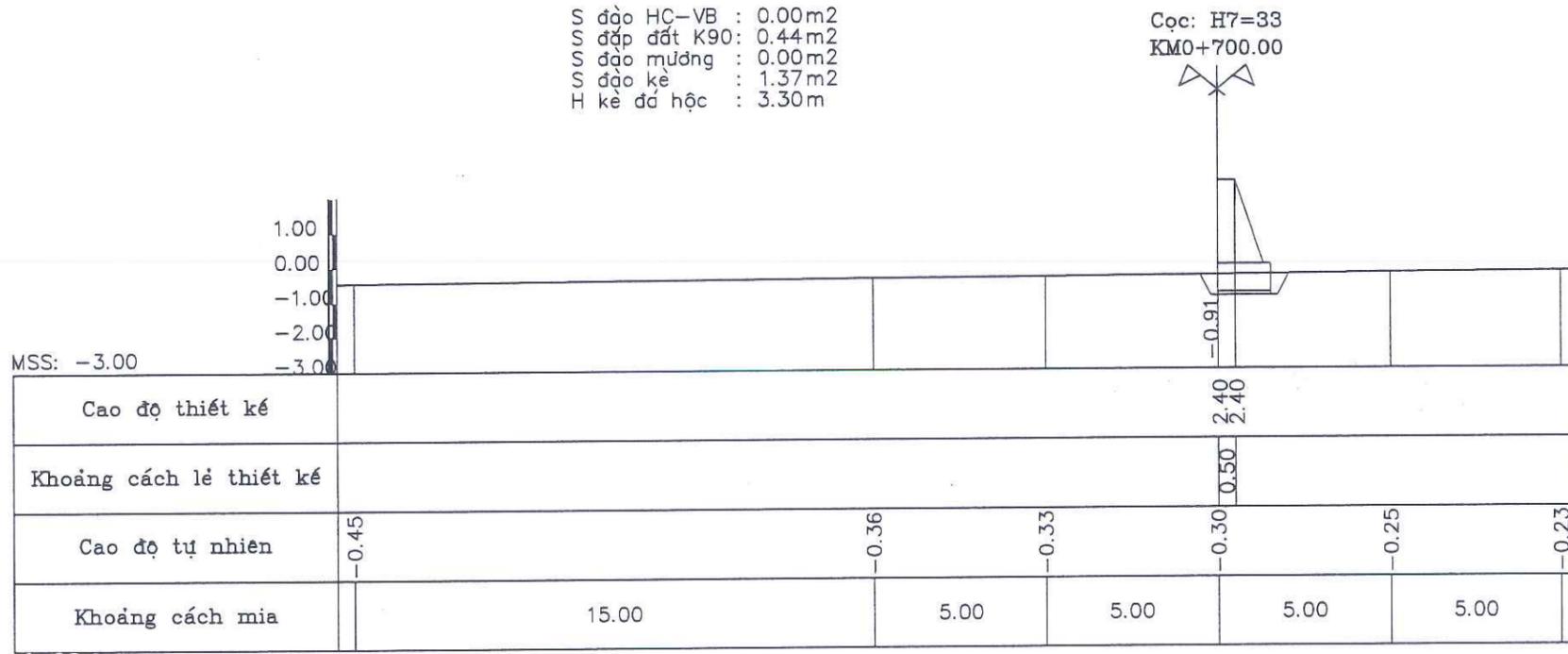


SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra

Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Ban bộ chủ trì thẩm tra

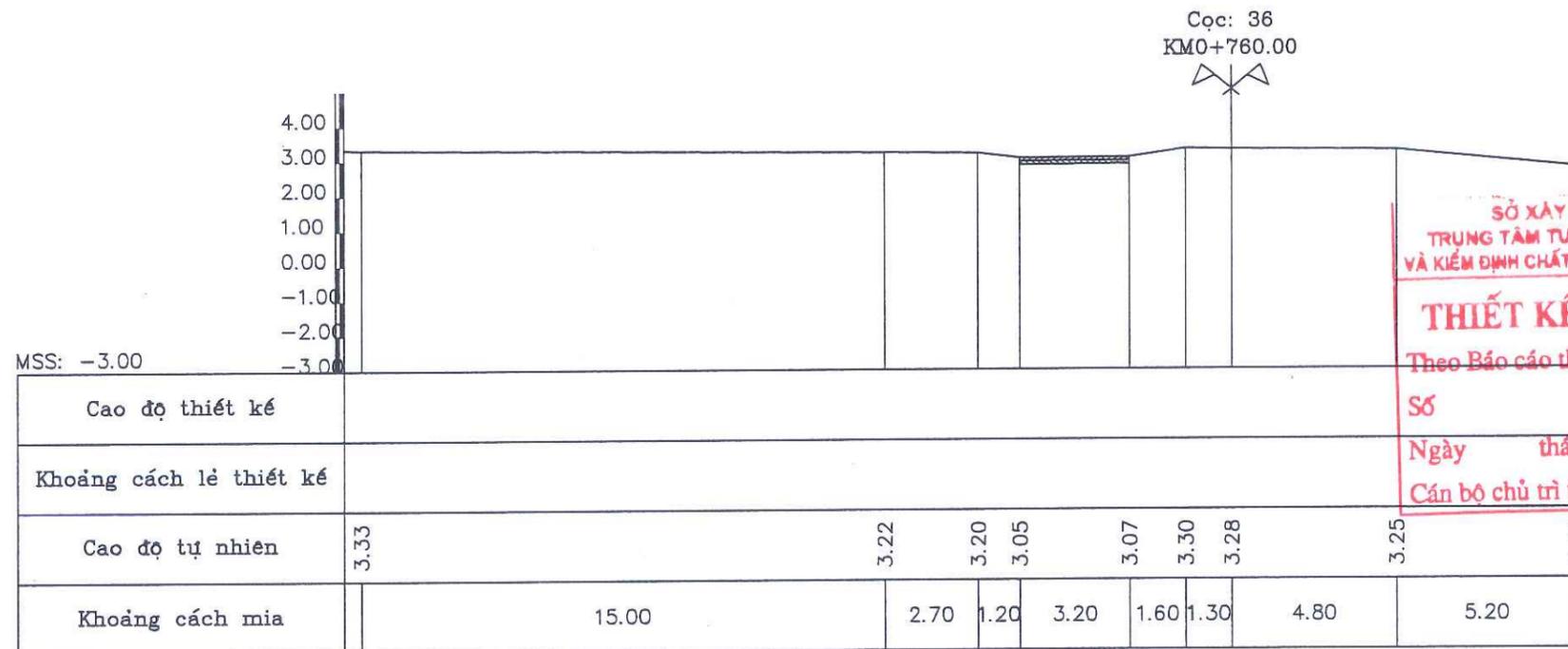
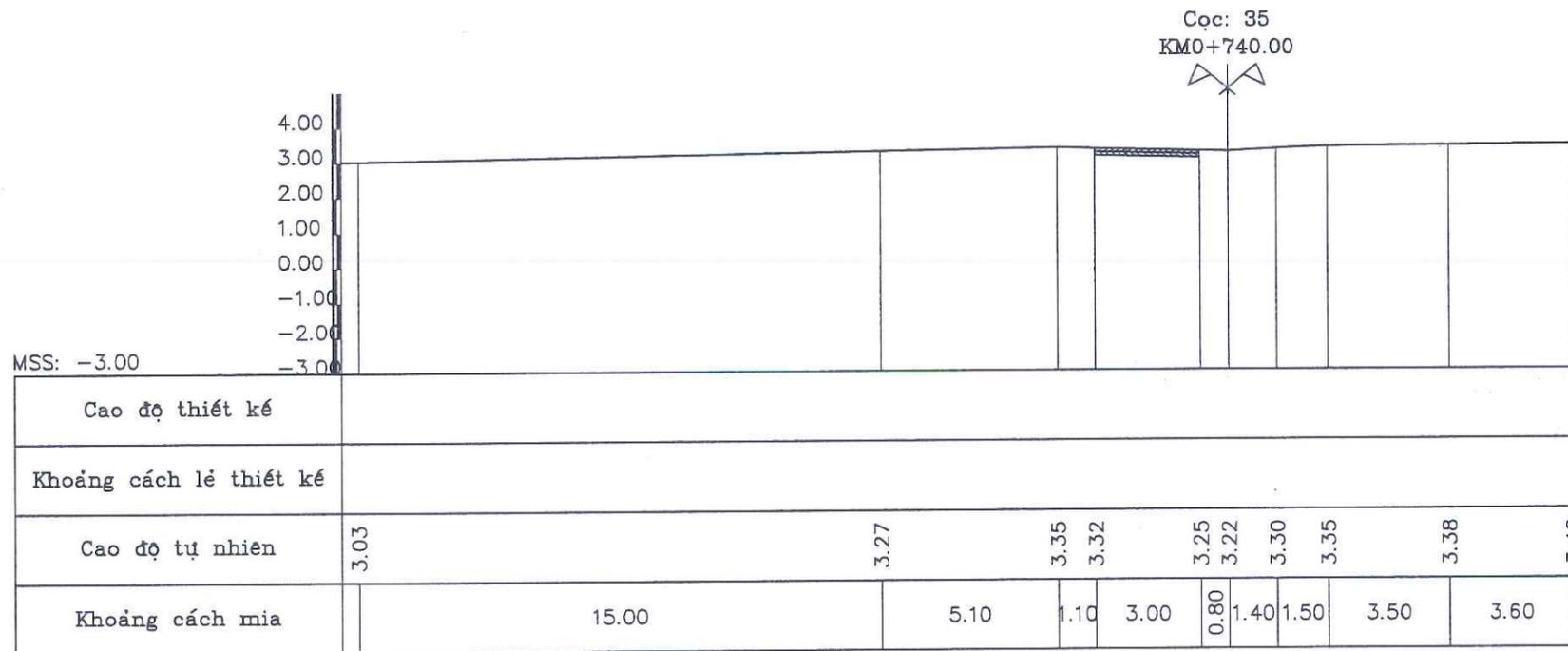
GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.636.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVC5
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 14



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chịu trách nhiệm thẩm tra

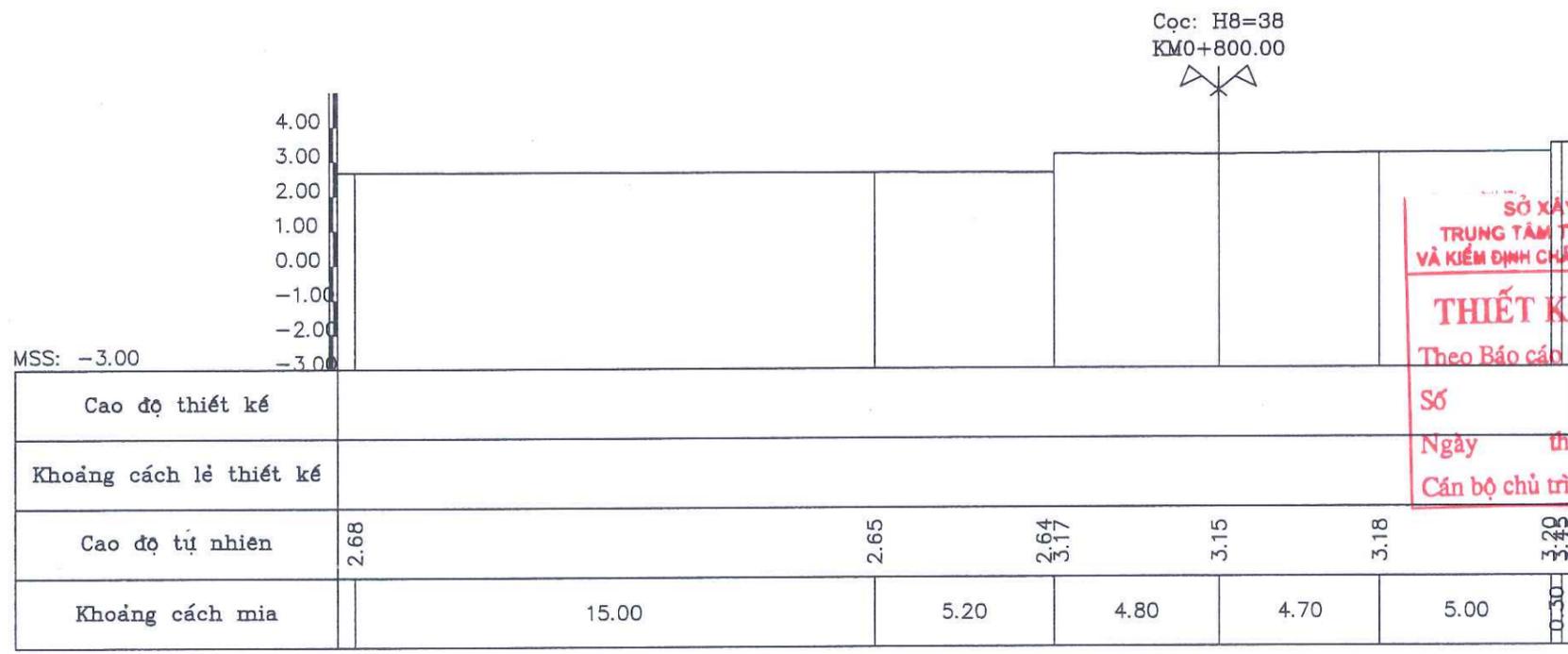
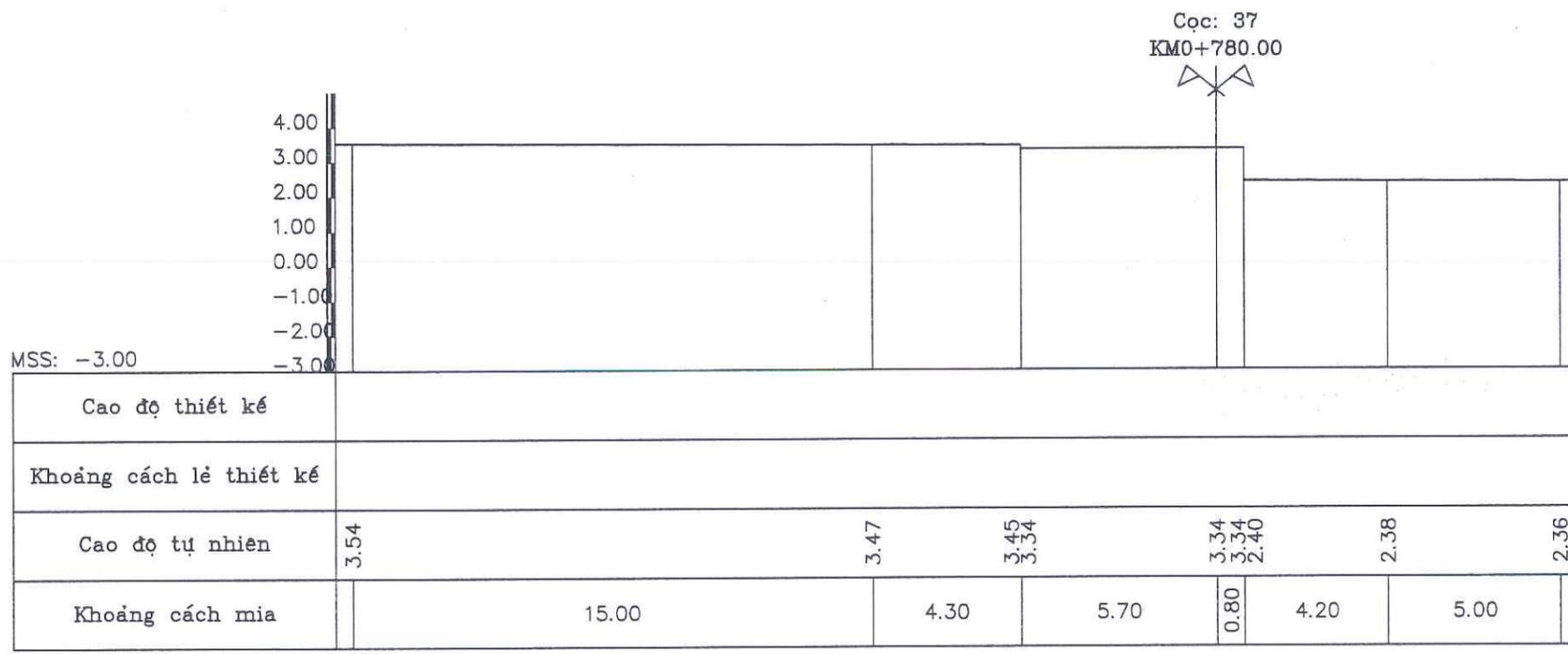
GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂM DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐÔI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHÔNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HANG MỤC: HA TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN ĐÔI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝN, HẢI PHÒNG EMAIL: LUCI@VIETNAM.GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VE	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS. KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 15



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN:	
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỬA ĐÀI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC:	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỬA ĐÀI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/06 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG EMAIL: LUCI@VIETNAM.GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	
TRẮC NGANG CHI TIẾT	
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVC5
KHỐ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 16

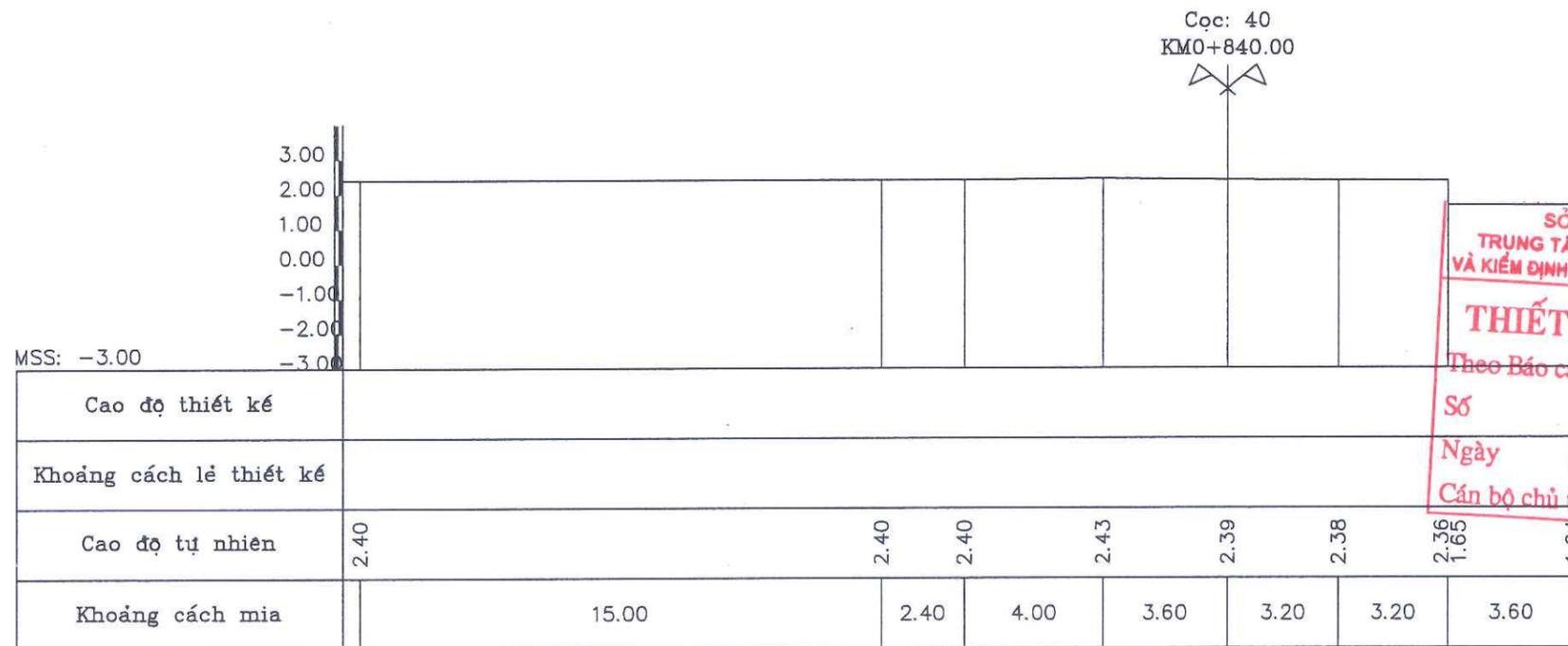
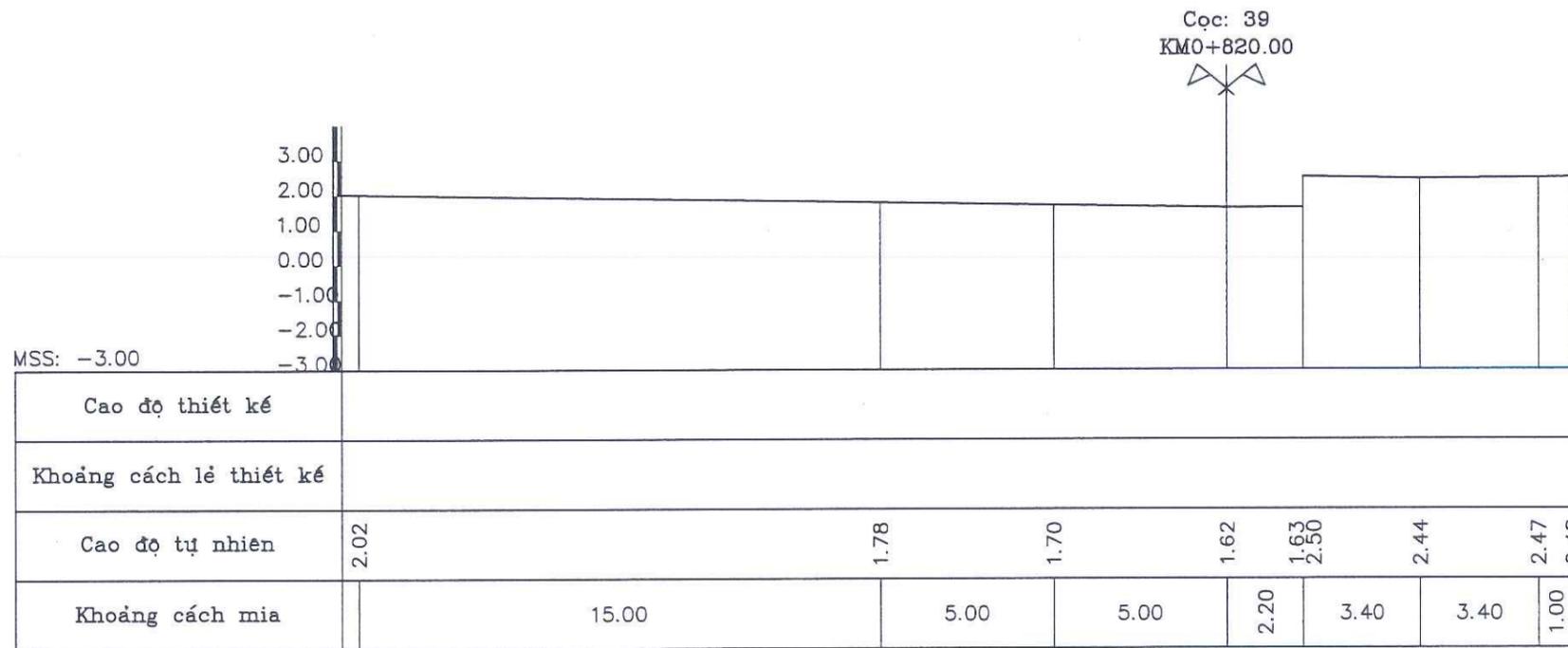


SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra

Số _____ /BCTT-TTIV&KĐ
Ngày ____ tháng ____ năm ____
Cán bộ chủ trì thẩm tra _____

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN:	
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM	
HANG MỤC:	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐIA DỰ BỊ CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG EMAIL: LUCI.VIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0906.535.155	
GIÁM ĐỐC AN TÀI VẤN ĐẦU TƯ	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	
TRẮC NGANG CHI TIẾT	
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 17



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MÔI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỐI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ

ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCI@VIETNAM.GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VỀ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

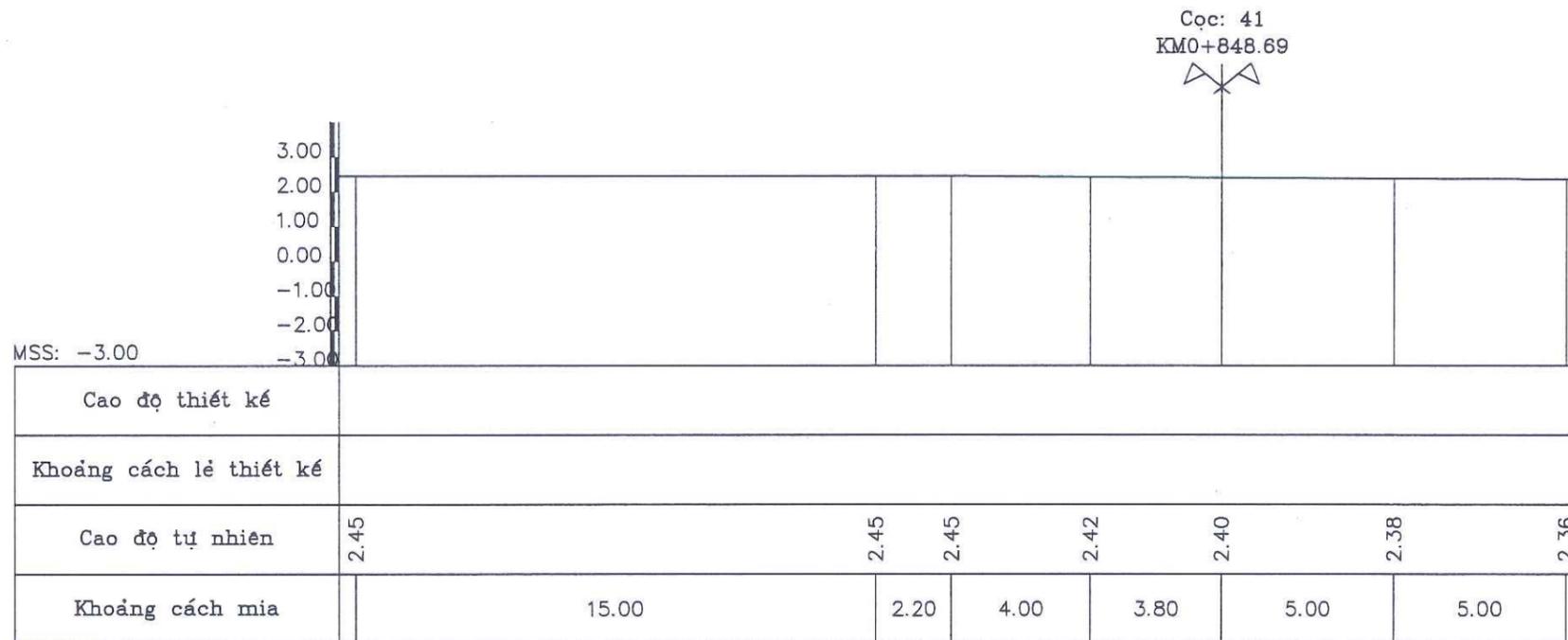
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TNCT- 18



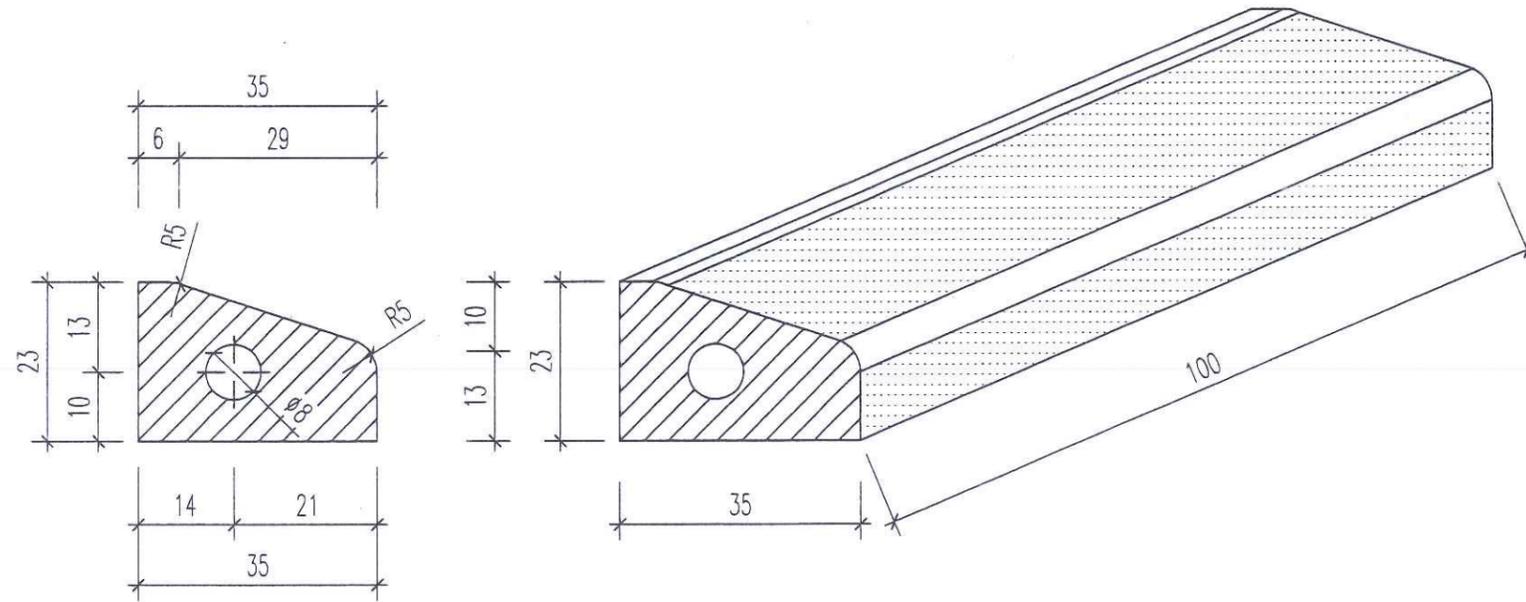
SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

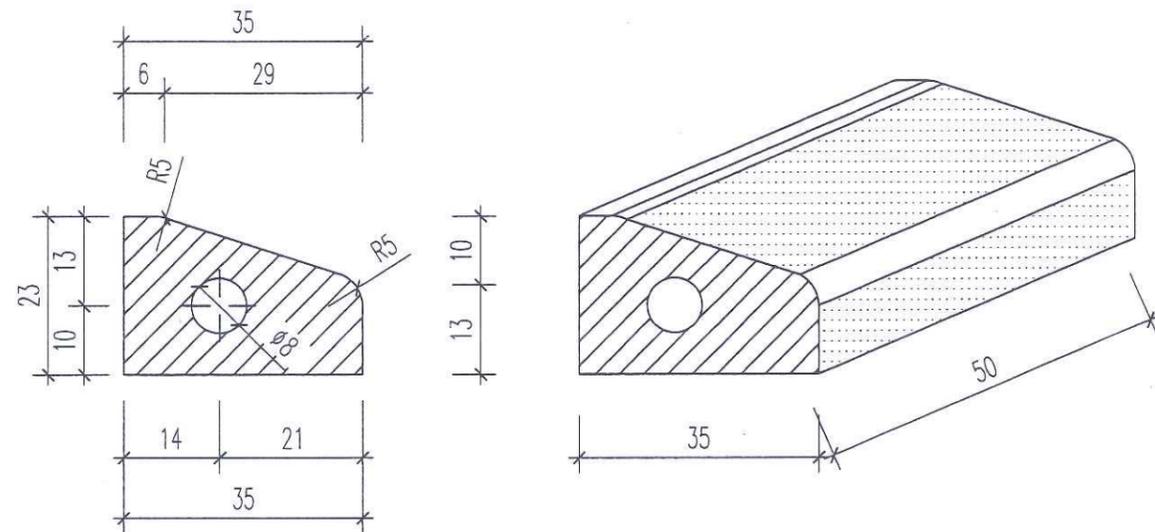
Theo Báo cáo thẩm tra
Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỪNG HẢI PHÒNG	
DU ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK171/E240	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ 	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HÀI PHÒNG EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.535.155	
GIÁM ĐỐC	KS.VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	PHẠM VĂN HOÀNG
VỀ	PHẠM VĂN HOÀNG
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	TRẮC NGANG CHI TIẾT
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TNCT- 19

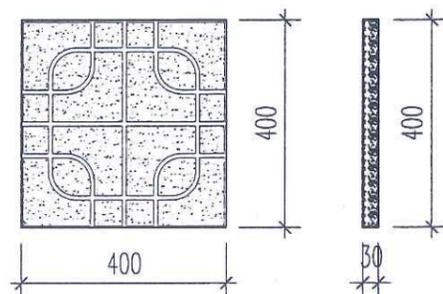
BÓ VÍA LOẠI 1 TRÊN ĐOẠN THẲNG



BÓ VÍA LOẠI 2 TRÊN ĐOẠN CONG

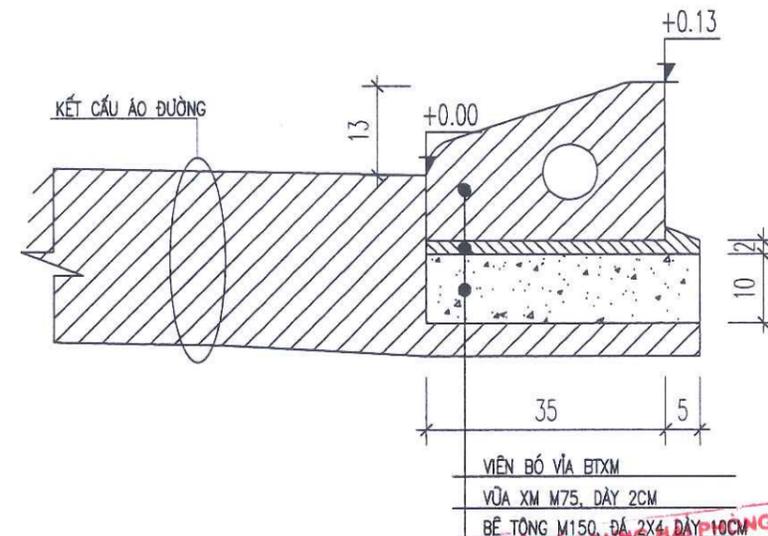


MẪU GẠCH TERAZZO



CHI TIẾT BÓ VÍA, ĐẠN RÃNH

CHI TIẾT A



SỞ XÂY DỰNG HÀ PHONG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số _____ tháng _____ năm _____
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ:

- BÓ VÍA VẬT LOẠI 1 DÙNG TRÊN ĐƯỜNG THẲNG
- BÓ VÍA VẬT LOẠI 2 DÙNG TRÊN ĐƯỜNG CONG
- BÊ TÔNG ĐÚC BÓ VÍA ĐÁ 1X2 M250
- BÊ TÔNG ĐÚC ĐẠN RÃNH ĐÁ 1X2 M250
- VÁN KHUÔN BÓ VÍA LOẠI 1: 0.8404M2
- THỂ TÍCH BÊ TÔNG BÓ VÍA LOẠI 1: 0.061M3

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐÀM DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU ĐU BI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ PHÁ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCIVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0984.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VE: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT BÓ VÍA

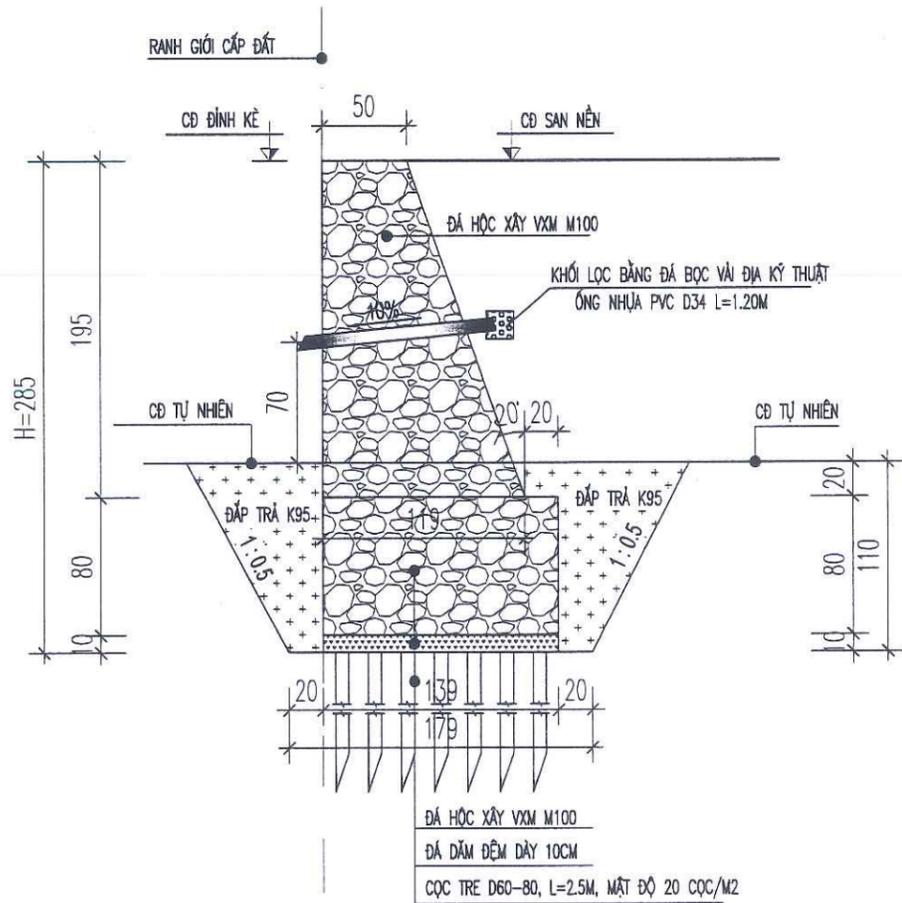
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÁNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-01

CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC

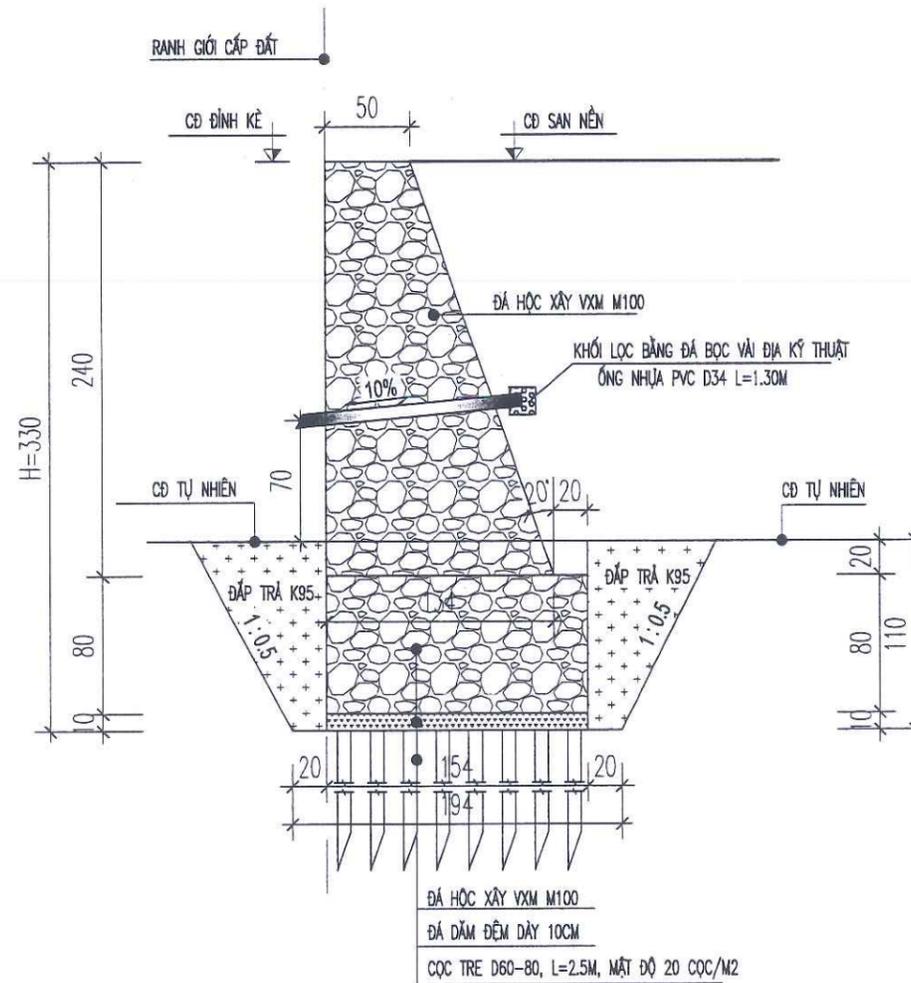
CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC LOẠI 1: H = 2.85M



KHỐI LƯỢNG 1M DÀI KÈ H=2.85M

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	XÂY ĐÁ HỘC MÓNG KÈ VXM M100	M3	1.112
2	XÂY ĐÁ HỘC THÂN KÈ VXM M100	M3	1.65
3	ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG KÈ	M3	0.139
4	CÁT ĐEN PHỦ ĐẦU CỌC, DÂY 10CM	M3	0.139
5	CỌC TRE D60-80, L2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2	M	69.5
6	ỐNG NHỰA D34, CLASS2	M	1.20

CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC LOẠI 2: H = 3.30M



KHỐI LƯỢNG 1M DÀI KÈ H=3.30M

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	XÂY ĐÁ HỘC MÓNG KÈ VXM M100	M3	1.232
2	XÂY ĐÁ HỘC THÂN KÈ VXM M100	M3	2.208
3	ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG KÈ	M3	0.154
4	CÁT ĐEN PHỦ ĐẦU CỌC, DÂY 10CM	M3	0.154
5	CỌC TRE D60-80, L2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2	M	77.0
4	ỐNG NHỰA D34, CLASS2	M	1.30

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo Báo cáo thẩm tra

Số M3 2.208 /BCTT-TTTV&KD

Ngày tháng năm

Cấp bộ chịu trách nhiệm

GHI CHÚ: ĐƠN VỊ GHI TRONG BẢN VẼ LÀ CM
ĐÁP TRẢ ĐẤT TẬN DỤNG K95

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DUNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỘI TRẦN ĐIA DUBI CỦA ĐẠI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐẠI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHỨNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ GIUYỄN, HẢI PHÒNG
EMAIL: LUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: PHẠM VĂN HOÀNG

VẼ: PHẠM VĂN HOÀNG

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

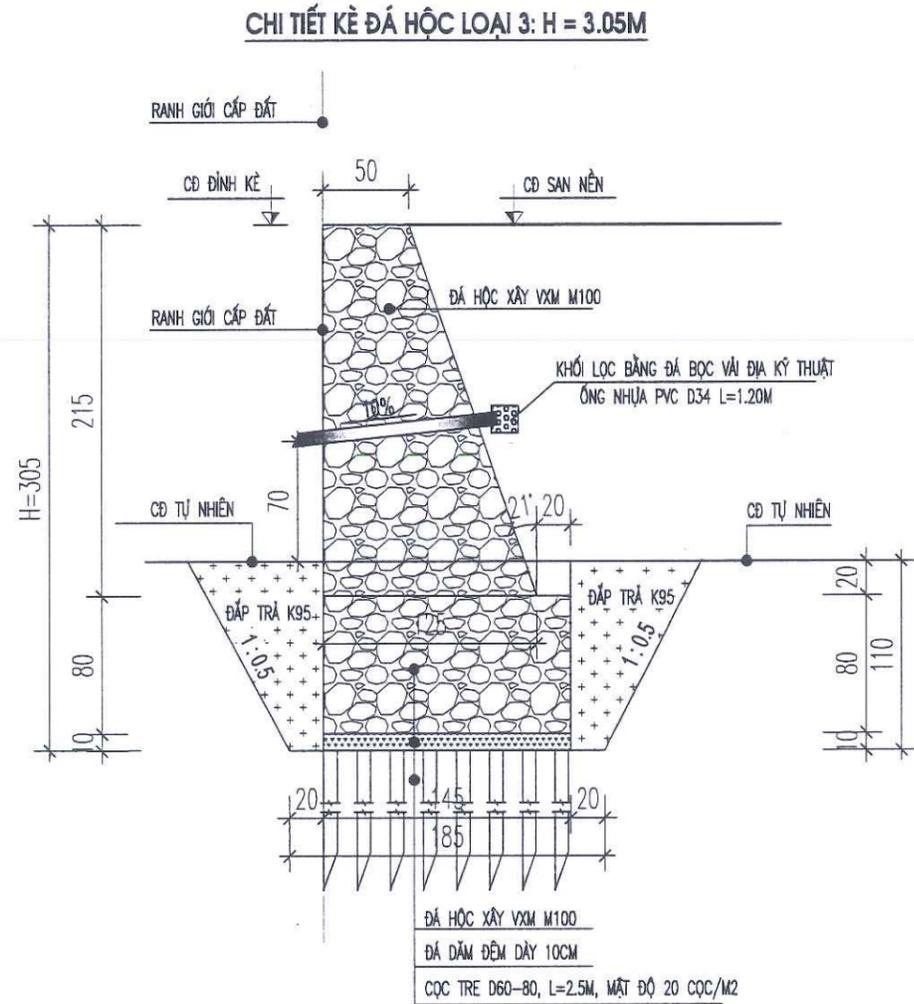
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

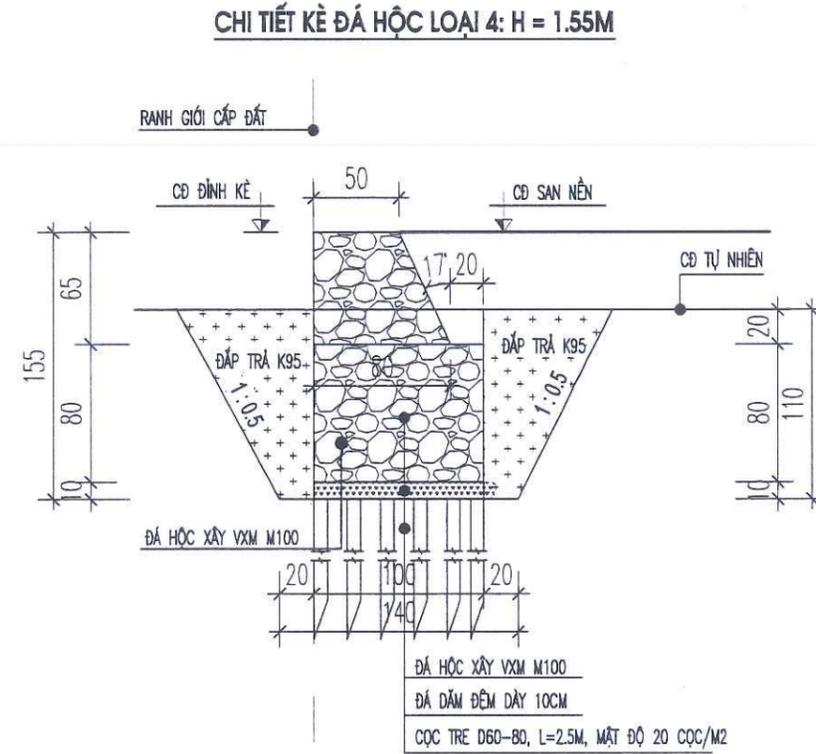
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-02

CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC



KHỐI LƯỢNG 1M DÀI KÈ H=3.05M

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	XÂY ĐÁ HỘC MÓNG KÈ VXM M100	M3	1.16
2	XÂY ĐÁ HỘC THÂN KÈ VXM M100	M3	1.881
3	ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG KÈ	M3	0.145
4	CÁT ĐEN PHỦ ĐẦU CỌC, DÀY 10CM	M3	0.145
5	CỌC TRE D60-80, L2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2	M	72.5
4	ỐNG NHỰA D34, CLASS2	M	1.20



KHỐI LƯỢNG 1M DÀI KÈ H=1.55M

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	XÂY ĐÁ HỘC MÓNG KÈ VXM M100	M3	0.80
2	XÂY ĐÁ HỘC THÂN KÈ VXM M100	M3	0.423
3	ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG KÈ	M3	0.145
4	CÁT ĐEN PHỦ ĐẦU CỌC, DÀY 10CM	M3	0.145
5	CỌC TRE D60-80, L2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2	M	68.0
4	ỐNG NHỰA D34, CLASS2	M	0.80

THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 SỞ /BCTT-TTTV&KĐ
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ: ĐƠN VỊ GHI TRONG BẢN VẼ LÀ CM ĐÁP TRẢ ĐẤT TẬN DỤNG K95

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÀM DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỘI TRẦN ĐÌNH ĐU BỊ CỦA ĐỘI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỪNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẮT BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
 XÃ PHẢ LÊ, XÃ PHỤC LÊ, HUYỆN THỦY NGUYÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCIVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.538.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

VỀ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC**

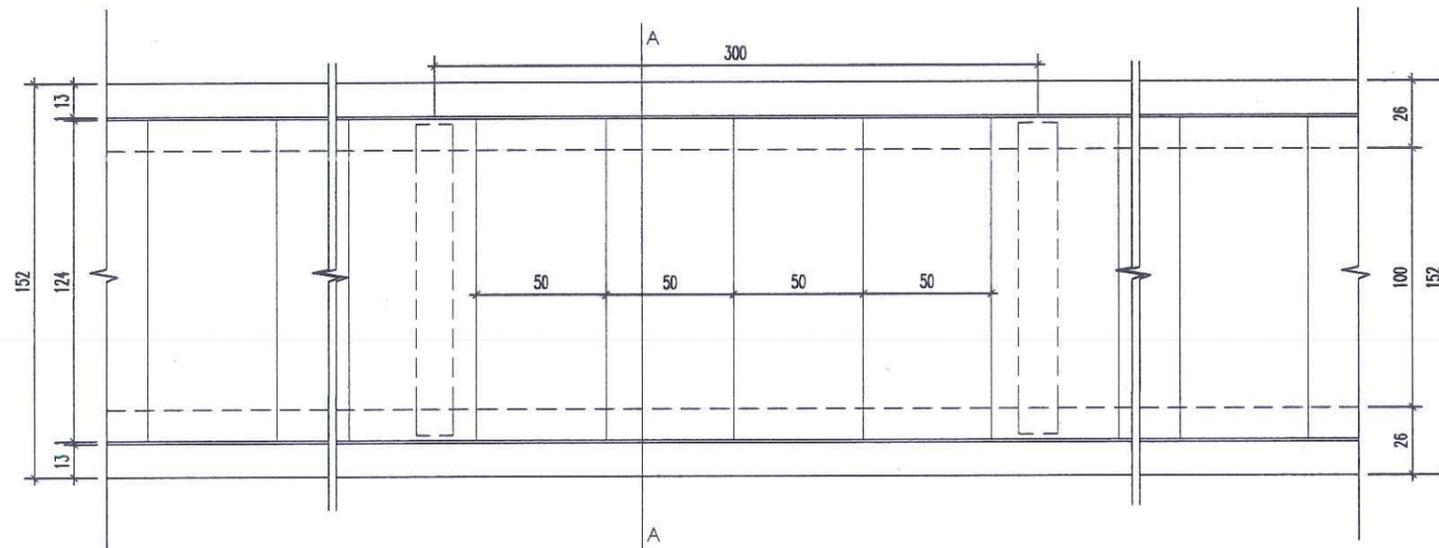
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỐ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

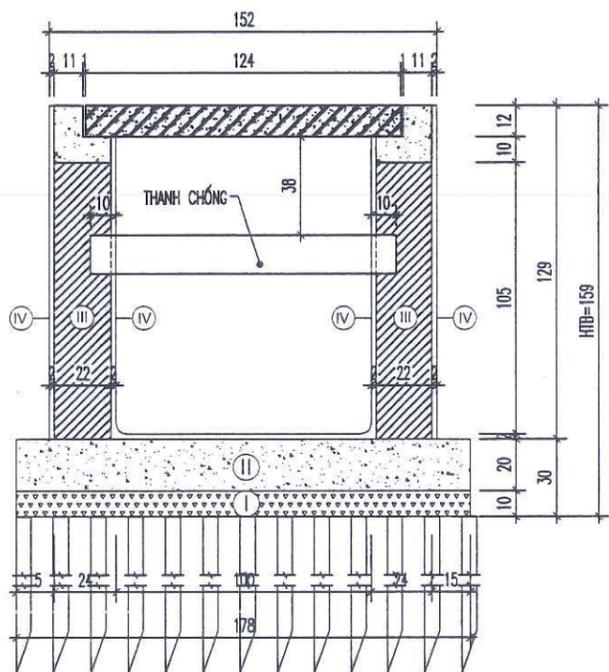
KÝ HIỆU BẢN VẼ: **CT-03**

CHI TIẾT RÃNH XÂY B1000 LOẠI 1 (CÓ TẤM ĐAN)

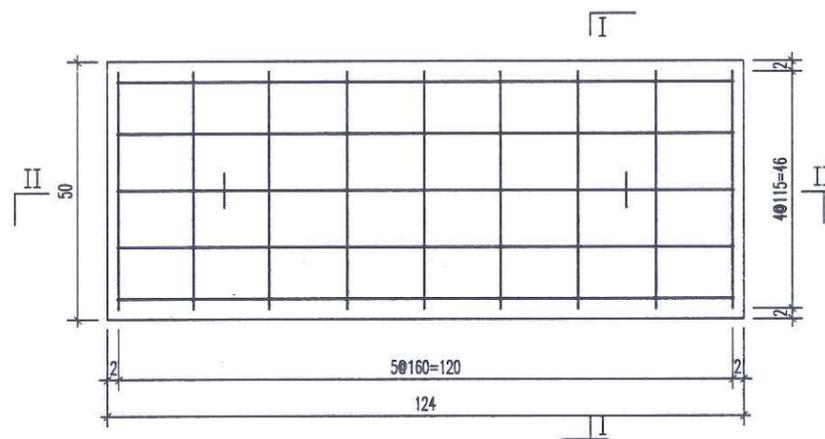
MẶT BẰNG KHOANG MƯƠNG XÂY



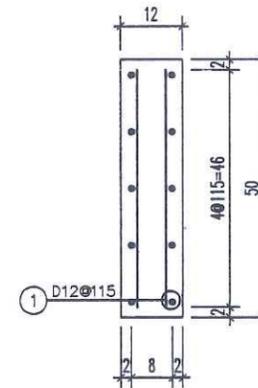
MẶT CẮT A - A



MẶT BẰNG TẤM ĐAN



MẶT CẮT I-I



BẢNG KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN

TÊN TẤM ĐAN	CỐT THÉP								BÊ TÔNG	
	KÝ HIỆU THÉP	HÌNH DẠNG	ĐƯỜNG KÍNH THÉP (MM)	SỐ THANH	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	CHIỀU DÀI THÉP (M)	TRỌNG LƯỢNG 1 MD (KG)	TRỌNG LƯỢNG THÉP (KG)	BÊ TÔNG (M3)	TRỌNG LƯỢNG C.KIỆN (KG)
TẤM ĐAN	1	1200	Ø12	10	1200	12.00	0.888	10.66	0.074	186
	2	50 460 50	Ø10	18	560	10.08	0.617	6.22		
CƯỜNG TƯỜNG	3	1000	Ø10	2	1000	2.00	0.617	1.234		
	4	50 170 50	Ø6	5	270	1.35	0.222	0.30		

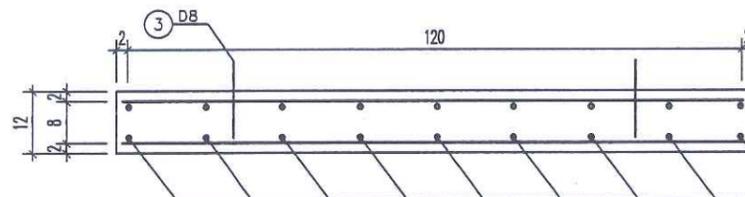
GHI CHÚ

KÝ HIỆU:

- ① - BÊ TÔNG LÓT MÓNG M100 ĐÁ 4X6
- ② - BÊ TÔNG MÓNG ĐÁ 2X4, M200
- ③ - XÂY BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75
- ④ - TRÁT Vữa M75 DÀY 2 CM
- ⑤ - BÊ TÔNG XM M200 ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- ⑥ - CỌC TRE GIA CỐ MÓNG D60-80, L=2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2

- HẠ THẤP 30CM ĐỈNH RÃNH B1000 LOẠI 1 SO VỚI ĐỈNH RÃNH B1000 LOẠI 2
- CHIỀU CAO RÃNH TRUNG BÌNH HTB=1.59M
- BÊ TÔNG THANH CHỐNG M250 ĐÁ 1X2.
- KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC THANH CHỐNG LÀ 3M
- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP CÁC TẤM ĐAN DÀY TỐI THIỂU 2CM.
- LIÊN KẾT GIỮA CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BƯỚC.
- CHI TIẾT MỐC CẦU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẮN CHÌM XUỐNG.
- CỐT THÉP TUÂN THỦ THEO TCVN 1651-2018:

MẶT CẮT II-II



SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra

Số **/BCHI-TIẾT-KIỂM-TRƯỜNG**
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẬN
 ĐOÀI TRẦN ĐÌNH DUY BỊ CỦA ĐAI ĐOÀI PPK172/E240 VÀ ĐAI
 ĐOÀI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỨNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
 BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM.

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.536.155

GIÁM ĐỐC: **KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP**

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: **NGUYỄN MINH CHÂU**

VỀ: **NGUYỄN MINH CHÂU**

KIỂM TRA: **THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH**

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **ĐÀO VĂN ĐIỂM**

TÊN BẢN VẼ: **RÃNH XÂY B1000 LOẠI 1**

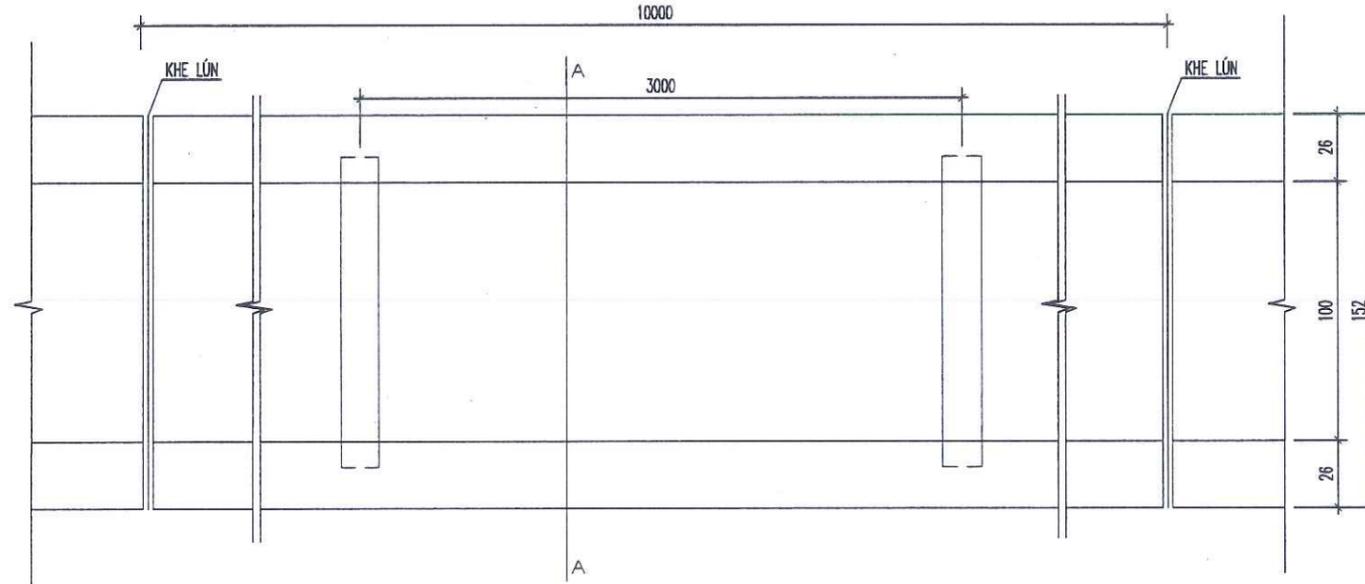
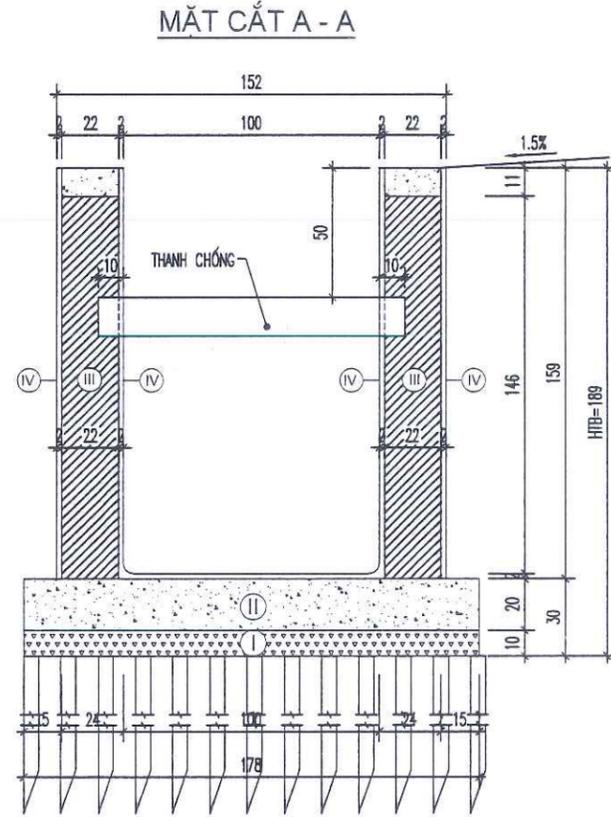
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: **TKBVCS**

KHỔ GIẤY: **A3** HOÀN THÀNH: **/2024**

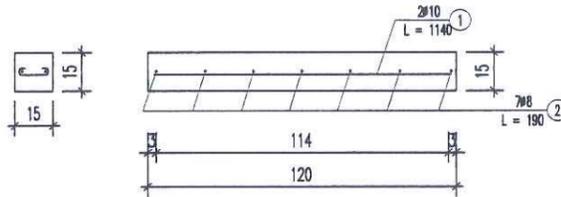
KÝ HIỆU BẢN VẼ: **CT-04**

CHI TIẾT RÃNH XÂY B1000 LOẠI 2 (KHÔNG CÓ TẤM ĐAN)

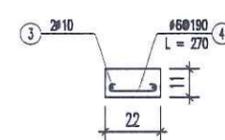
MẶT BẰNG KHOANG MƯƠNG XÂY



CẤU TẠO THANH CHỐNG



CHI TIẾT GIẰNG TƯỜNG



BẢNG KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN

TÊN TẤM ĐAN	CỐT THÉP								BÊ TÔNG	
	KÝ HIỆU THÉP	HÌNH DẠNG	ĐƯỜNG KÍNH THÉP (MM)	SỐ THANH	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	CHIỀU DÀI THÉP (M)	TRỌNG LƯỢNG 1MĐ (KG)	TRỌNG LƯỢNG THÉP (KG)	BÊ TÔNG (M3)	TRỌNG LƯỢNG C.KIẾN (KG)
THANH CHỐNG	1	1140	#10	2	1140	2.28	0.617	1.41	0.02	50
	2	50 100 50	#8	6	200	1.2	0.395	0.474		
GIẰNG TƯỜNG	3	1000	#10	2	1000	2.00	0.617	1.234		
	4	50 170 50	#6	5	270	1.35	0.222	0.30		

KÝ HIỆU:

- ① - BÊ TÔNG LỚT MÓNG M100 ĐÁ 4X6
- ② - BÊ TÔNG MÓNG ĐÁ 2X4, M200
- ③ - XÂY BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75
- ④ - TRÁT VỪA M75 DÂY 2 CM
- ⑤ - BÊ TÔNG XM M200 ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ
- ⑥ - CỌC TRE GẠ CỐ MÓNG D60-80, L=2.5M, MẬT ĐỘ 20 CỌC/M2

GHI CHÚ

- SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 - TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 - CHIỀU CAO BÊN TRONG BÌNH HỒ B1000 XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 - BÊ TÔNG THANH CHỐNG M250 ĐÁ 1X2
 - KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC THANH CHỐNG LÀ 3M
 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP CÁC TẤM ĐAN DÀY TỐI THIỂU 2CM.
 - LIÊN KẾT GIỮA CÁC CỐT THÉP BẰNG HÀN HOẶC BUỘC
 - CHI TIẾT MÓC CẦU SAU KHI ĐỔ BÊ TÔNG XONG PHẢI ẮN CHÌM XUỐNG.
 - CỐT THÉP TỰA THỦ THEO TCVN 1651-2018: năm
- Cán bộ chủ trì thẩm tra

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐÔI TRẦN ĐỊA DƯ BI CỬA ĐAI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐAI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỪNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẢM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: TUCIV@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN MINH CHÂU

VỀ: NGUYỄN MINH CHÂU

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

TÊN BẢN VẼ
RÃNH XÂY B1000 LOẠI 2

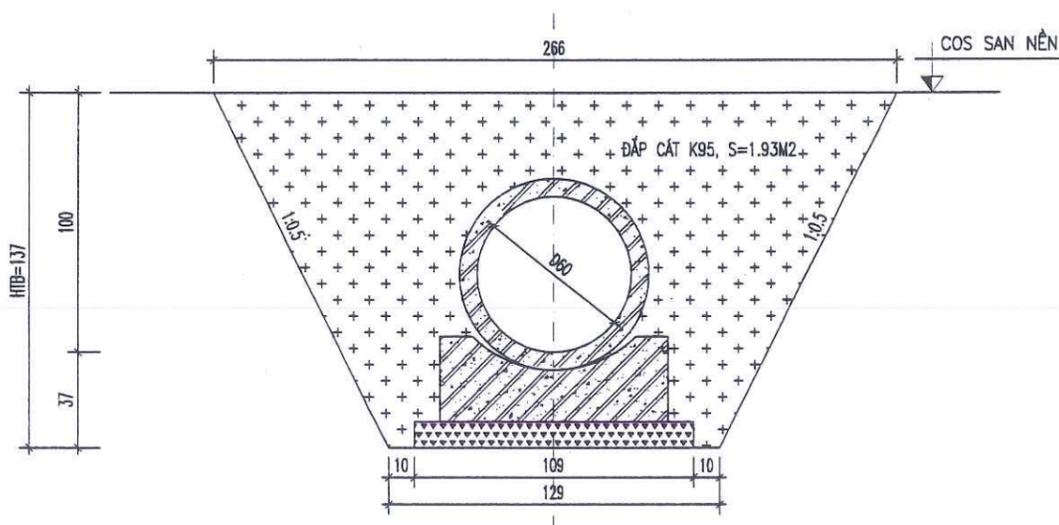
GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

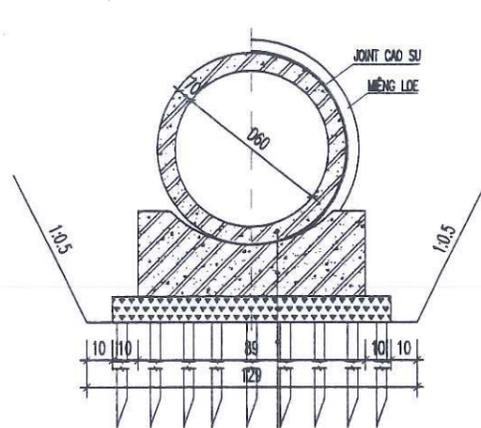
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-05

CẤU TẠO CỐNG - ĐỂ CỐNG D600

BỐ TRÍ CỐNG D500

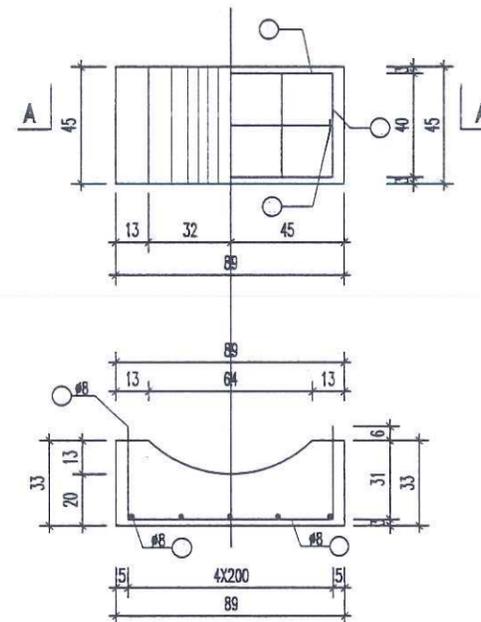


CẮT NGANG CỐNG D600



CỐNG TRÒN BTCT D600 - TẢI TRỌNG CẤP
 ĐỂ CỐNG BTCT ĐÚC SẴN ĐÁ 1X2, M250
 BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 4X6, M100, DÀY 10CM
 CỌC TRE GIA CỐ MÓNG D80,
 L=2.8M, MẬT ĐỘ 25 CỌC/M2

CHI TIẾT ĐỂ CỐNG D600



MẶT CẮT A-A



CHI TIẾT MỐI NỐI CỐNG

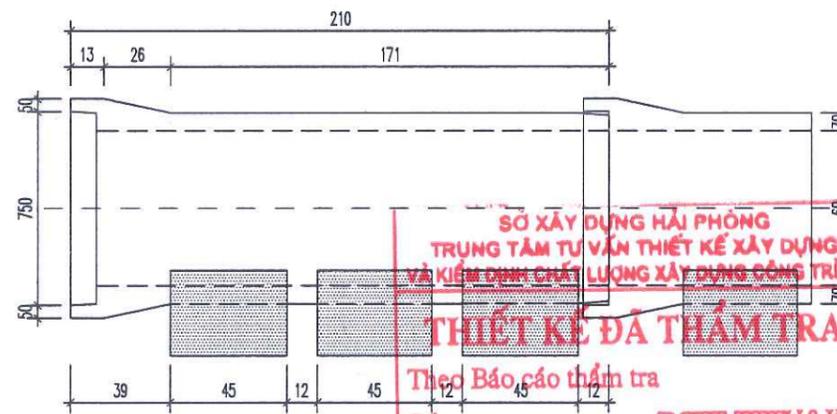
BẢNG KÝ HIỆU HÌNH DẠNG CỐT THÉP

A	B	M



JOINT CAO SU

CHI TIẾT CỐNG - BỐ TRÍ ĐỂ CỐNG D600



SỞ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG
 TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo Báo cáo thẩm tra
 Số /BCTT-TTTV&KĐ
 Ngày tháng năm
 Cán bộ chủ trì thẩm tra

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐỂ CỐNG

HẠNG MỤC	DANH SỐ	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	CHIỀU DÀI THANH (MM)				SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG ĐƠN VỊ (KG/M)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG)	VÁN KHUÔN (M2)	BÊ TÔNG M250 (M3)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
			A	B	C	TỔNG							
ĐỂ CỐNG D600	A4	10	800		50	900	3	2.70	0.617	1.66	1.13	0.094	236
	B3	8	400		50	500	5	2.50	0.395	1.00			
	M3	8	360	100	50	870	2	2.14	0.395	0.85			
TỔNG CỘNG:										3.51 KG			

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
 ĐỒI TRẦN ĐỊA DỰ BI CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
 ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHỪNG PHÒNG
 KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT
 BĂNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU ĐÔ THỊ MỠI BẮC SÔNG CẨM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
 EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
 HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN MINH CHÂU

VỀ: NGUYỄN MINH CHÂU

KIỂM TRA: TH.S.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

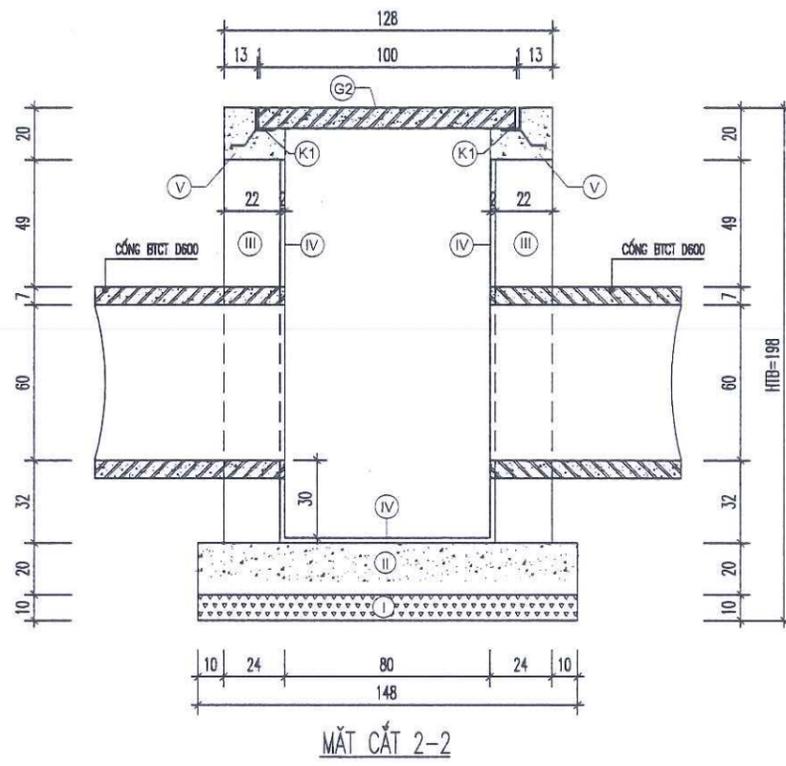
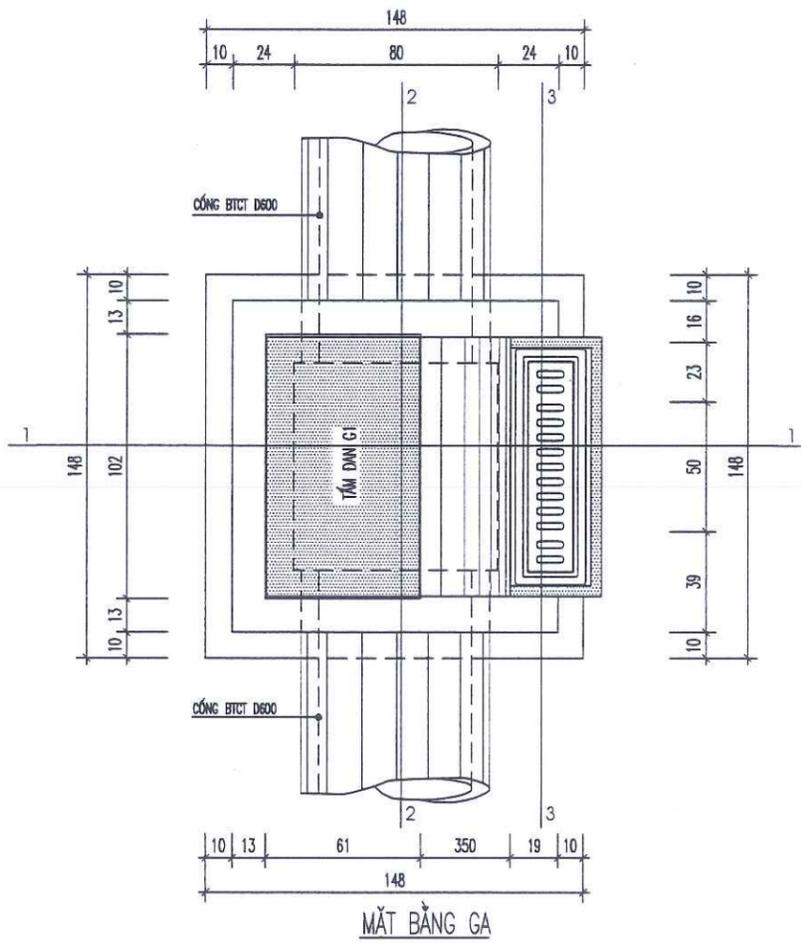
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG D600

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

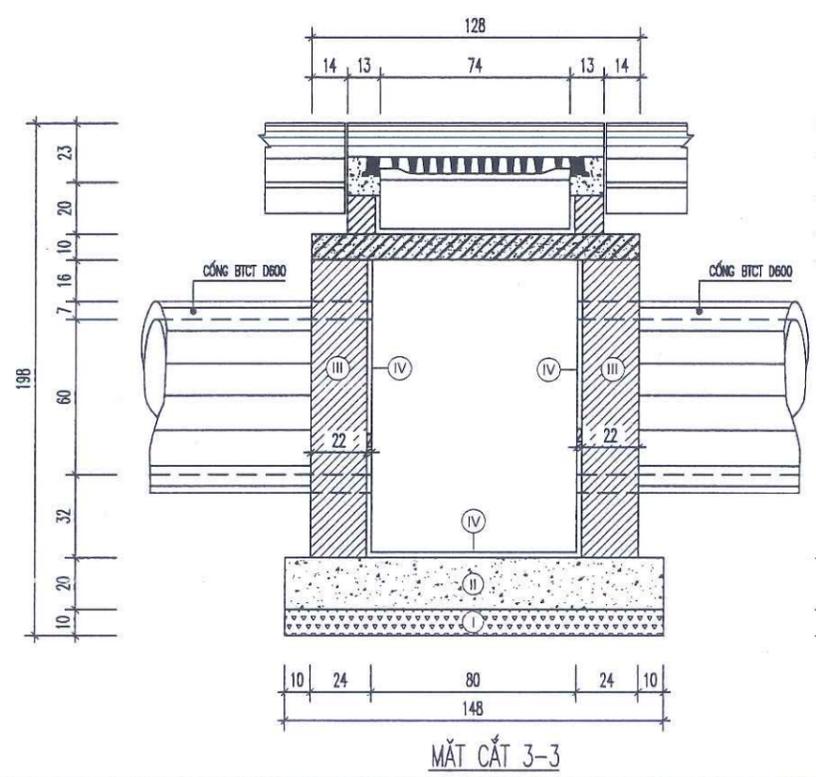
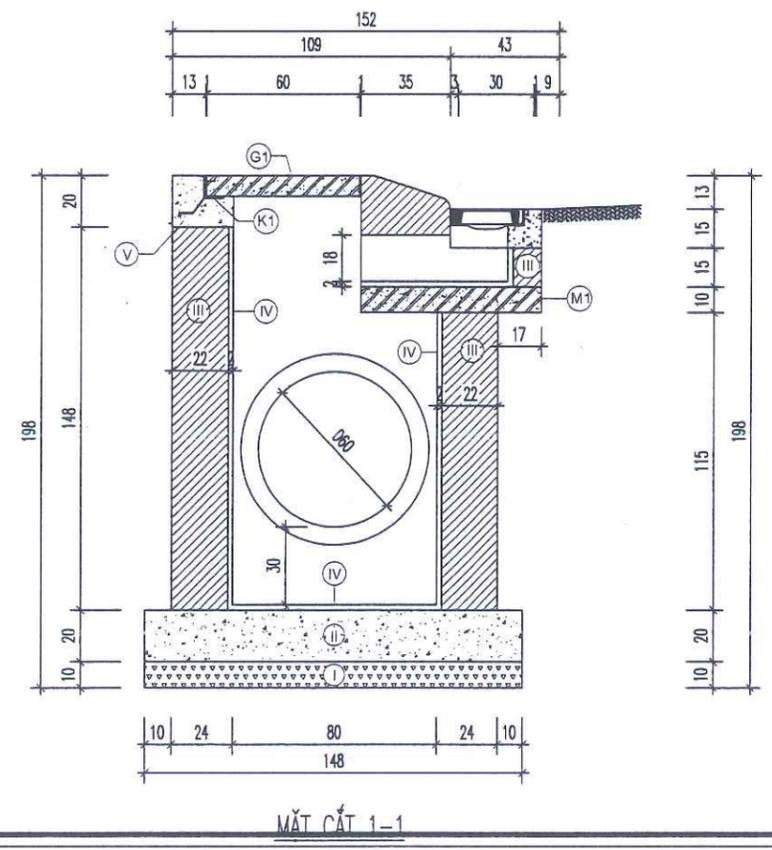
KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÁNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-06

CHI TIẾT GA LOẠI G



- KÝ HIỆU:**
- Ⓘ - BÊ TÔNG LÓT MÓNG ĐÁ 4X6, M100 DÀY 10CM
 - Ⓙ - BÊ TÔNG MÓNG ĐÁ 2X4, M200
 - Ⓚ - XÂY BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75
 - Ⓛ - TRÁT, LÁNG Vữa M75 DÀY 2 CM
 - Ⓜ - BÊ TÔNG XM M200 ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ



SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC

SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
- CHIỀU SÀU ĐÀO GA TRUNG BÌNH: 1.9M
- CHIỀU ĐÀO GA TRUNG BÌNH: 1.98M

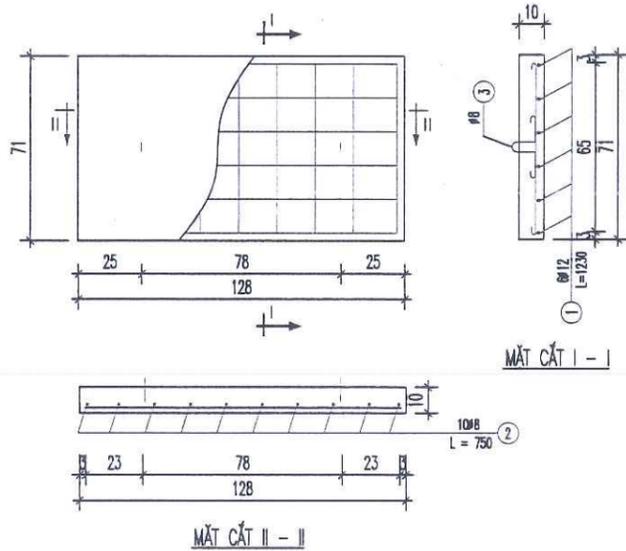
Ngày tháng năm
Cán bộ chủ trì thẩm tra

BCIT-TTVV&KD

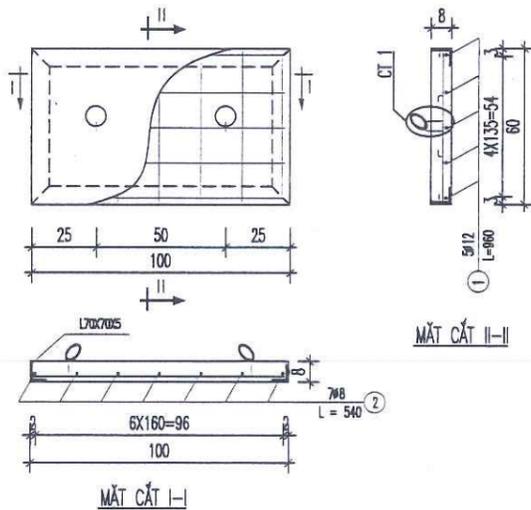
GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG HẢI PHÒNG	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN ĐỒI TRẦN ĐỊA DỰ BI CỦA ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẨM	
HẠNG MỤC:	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ	
ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUẬN, HẢI PHÒNG EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM HOTLINE: 0904.536.155	
GIÁM ĐỐC	KS. VŨ THỊ NGỌC DIỆP
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN MINH CHÂU
VỀ	NGUYỄN MINH CHÂU
KIỂM TRA	THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	ĐÀO VĂN ĐIỂM
TÊN BẢN VẼ	CHI TIẾT GA LOẠI G
GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ	TKBVCS
KHỔ GIẤY: A3	HOÀN THÀNH: /2024
KÝ HIỆU BẢN VẼ	CT-07

CHI TIẾT TẤM ĐAN

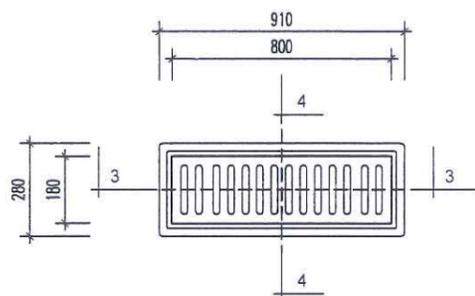
CẤU TẠO TẤM ĐAN M1



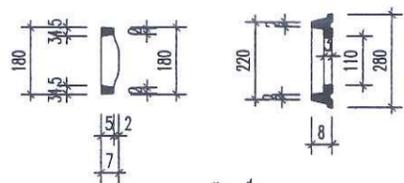
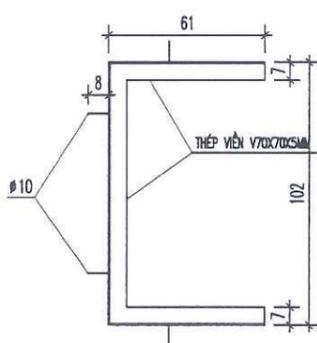
TẤM ĐAN G1



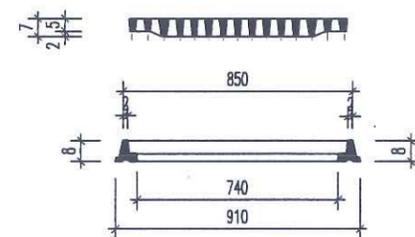
CT LƯỚI CHẮN RÁC CỦA THU



THÉP HÌNH CỔ GA K1

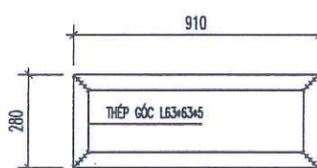
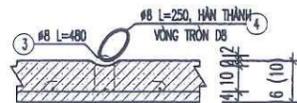


MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 3-3

CHI TIẾT 1



KHUNG K2 THÉP HÌNH LƯỚI CHẮN RÁC

BẢNG KHỐI LƯỢNG CẤU KIỆN

TÊN TẤM ĐAN	CỐT THÉP							BỂ TÔNG (M3)	VÁN KHUÔN (M2)	
	KÝ HIỆU THÉP	HÌNH DẠNG	ĐƯỜNG KÍNH THÉP (MM)	SỐ THANH	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	CHIỀU DÀI THÉP (M)	TRỌNG LƯỢNG 1MD THÉP (KG)			TRỌNG LƯỢNG THÉP (KG)
TẤM ĐAN G1	1	960	12	5	960	4.80	0.888	4.26	0.048	100
	2	50 540 50	8	7	640	4.48	0.395	1.77		
	3		8	2	480	0.96	0.395	0.38		
	4		8	2	250	0.50	0.395	0.20		
		600 70 L	L70X70X5	2	600	1.20	5.38	6.46		
		1000 70 L	L70X70X5	2	1000	2.00	5.38	10.76		
TẤM ĐAN M1	1	1230	12	6	1230	7.38	0.888	6.55	0.091	0.398
	2	50 650 50	8	10	750	7.50	0.395	2.96		
	3	50 150 50 150 50	8	2	857	1.714	0.395	0.68		
KHUNG K1	11	610 70 L	L70X70X5	2	610	1.22	5.38	6.56		
	12	1020 70 L	L63X63X5	2	1020	1.02	5.38	5.49		
KHUNG K2	11	280 63 L	L63X63X5	2	280	0.56	4.81	2.69		
	12	910 63 L	L63X63X5	2	910	1.82	4.81	8.75		

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Báo cáo thẩm tra

Số /BCTT-TTTV&KD
Ngày tháng năm

- GHI CHÚ:
- Nắp ga, lưới chắn rác bằng vật liệu composite.
 - Tải trọng lưới chắn rác là 250KN, nắp ga là 400KN.
 - Bê tông tấm đan M250 đá 1x2.
 - Lớp bê tông bảo vệ cốt thép các tấm đan dày tối thiểu 2cm.
 - Liên kết giữa các cốt thép bằng hàn hoặc buộc.
 - Chi tiết móc cấu sau khi đổ bê tông xong phải ấn chìm xuống.
 - Cốt thép tuân thủ theo TCVN 1651-2008.

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỘI TRẦN DỊA DỰ BỊ CỦA ĐỘI ĐỘI PPK172/E240 VÀ ĐỘI
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẢN CHUNG PHÒNG
KHÔNG - KHÔNG QUÂN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỞI BẮC SÔNG CẨM

HANG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ: SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGŨ QUYÊN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC TẬP THỂ: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN MINH CHÂU

VỀ: NGUYỄN MINH CHÂU

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐÀO VĂN ĐIỂM

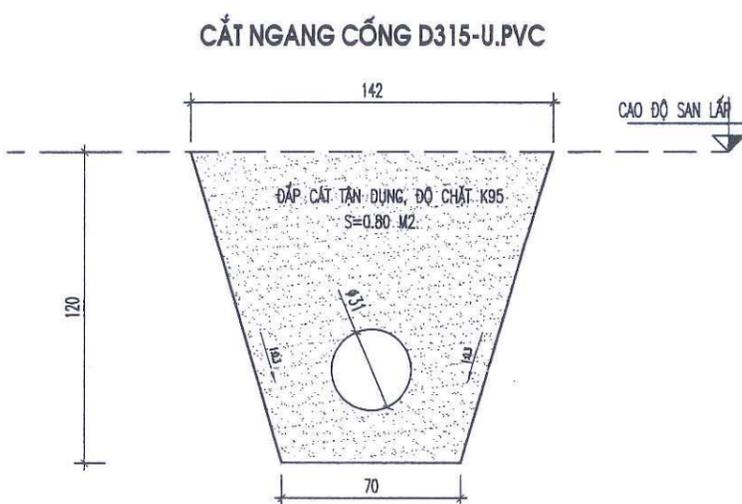
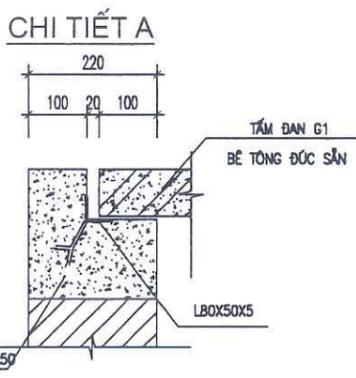
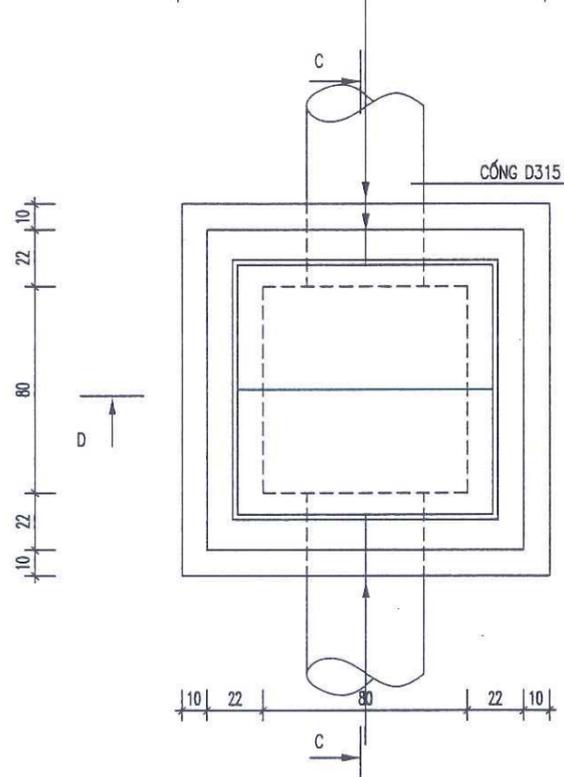
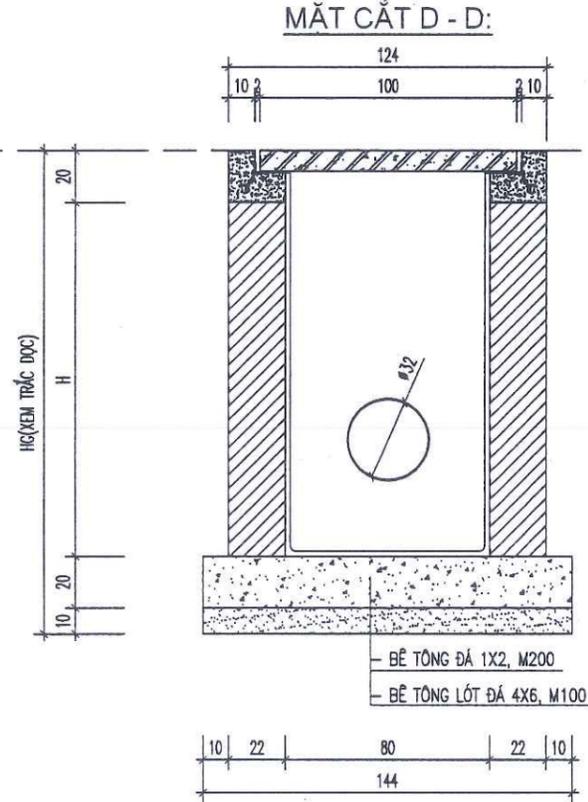
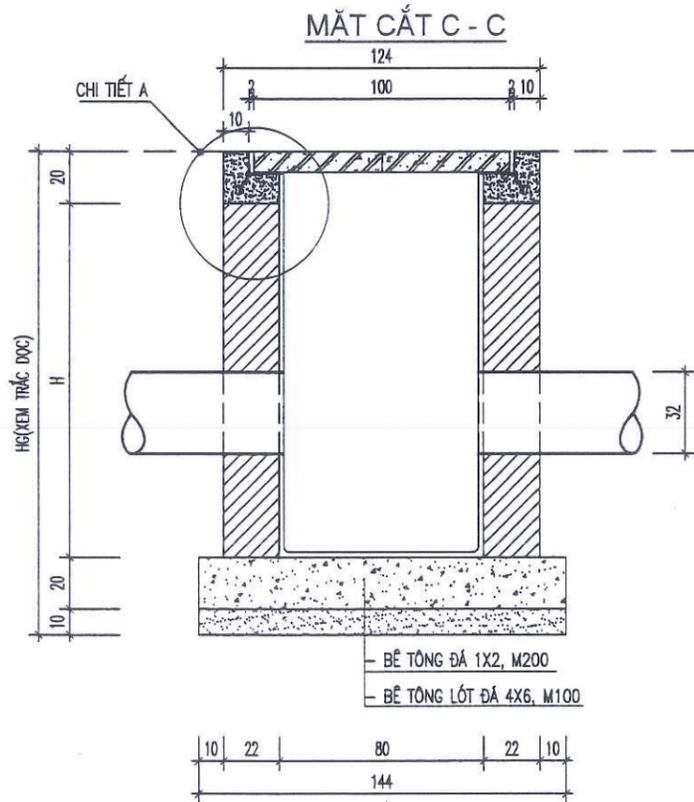
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT TẤM ĐAN

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBVCS

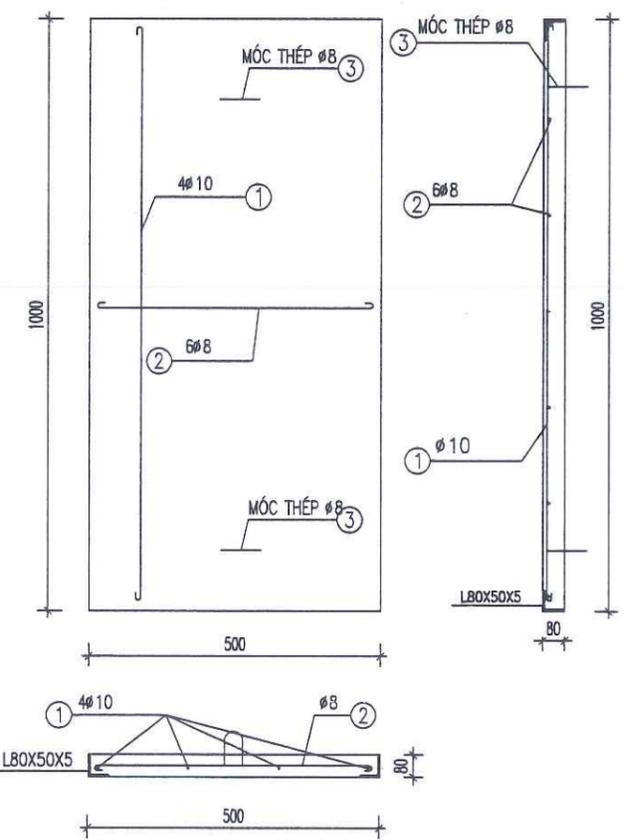
KHỐ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-08

CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC THẢI D315 (GA LOẠI 3)



CHI TIẾT TẤM ĐẠN



THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP CHO MỘT CẤU KIỆN

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	#	CHIỀU DÀI 1 THANH	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG	TỔNG T.LƯỢNG KG
TẤM ĐẠN	1	50 x 950 x 50	10	1050	4	4.20	2.59
	2	50 x 450 x 50	8	550	7	3.85	1.51
	3	60 x 150 x 50	4	180	2	0.92	0.36
CHI TIẾT A	2	LBOX50X5	4080	4080	1	4.08	20.81
	3	RẮU THÉP	250	250	1	3.50	0.777

GHI CHÚ

- LẤP CÁT HỐ MÓNG ĐAM CHẶT K=0.95
- CHIỀU CAO GA HG : XEM BẢN VẼ TRẮC DỌC
- ĐỘ SÂU CHÔN CỐNG HDC = CỐT ĐÁY CỐNG - CỐT NẮP GA (XEM BẢN VẼ TRẮC DỌC)
- NỀN ĐÁY GA BÊ TÔNG LÓT 4X6 M100#, ĐÁY BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M200, LÁNG VỮA XI MẮNG M75.
- TƯỜNG GA XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM MẮC 75, TRÁT TRONG VXM MẮC 75 DÂY 2CM
- TẤM ĐẠN GA GT1 BẰNG BTCT M250, ĐÁ 1X2.
- CỐT THÉP SỬ DỤNG THÉP AI (D<=10), AII (D>10).
- ỐNG THOÁT NƯỚC D315, D250 LÀ ỐNG U.PVC CLASS 3

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ :
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DẪN DỰNG HẢI PHÒNG

DỰ ÁN :
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT QUẢN
ĐỘI TRẦN ĐỊA DƯ BỊ CỦA ĐỘI ĐỒI PPK172/E240 VÀ ĐÀ
ĐỘI PPK171/E240 THUỘC QUẬN CHUNG PHONG
KHÔNG - KHÔNG QUẢN PHỤC VỤ GIẢI PHÒNG MẶT
BẢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KHU ĐÔ THỊ MỚI BẮC SÔNG CẢM

HẠNG MỤC :

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ



ĐỊA CHỈ : SỐ 34/66 TRẦN PHÚ, NGÕ QUÝEN, HẢI PHÒNG
EMAIL: IUCVIETNAM@GMAIL.COM
HOTLINE: 0904.535.155

GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ THỊ NGỌC DIỆP

TRƯNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CẤU TẠO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN MINH CHÂU

VE: NGUYỄN MINH CHÂU

KIỂM TRA: THS.KS. NGUYỄN VĂN MINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: ĐẠO VĂN ĐIỂM

CHI TIẾT TẤM ĐẠN

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ: TKBCVS

KHỔ GIẤY: A3 HOÀN THÀNH: /2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CT-09